

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ	1
BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2022	2
Phụ lục 1.....	23
Phụ lục 2.....	28
Phụ lục 3.....	38
THAM LUẬN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG	
1. Bộ Ngoại giao.....	41
2. Bộ Tài Chính.....	46
3. Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương).....	50
4. Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ).....	54
5. Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước).....	63
6. Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức phi chính phủ).....	72
7. Bộ Nội vụ (Học viện Hành chính Quốc gia).....	77
8. UBND Thành phố Hồ Chí Minh.....	83
9. UBND thành phố Đà Nẵng.....	88
10. UBND tỉnh Long An.....	91
11. UBND tỉnh Bình Dương.....	94
12. UBND tỉnh Bến Tre.....	98
13. UBND tỉnh Hòa Bình.....	101
14. UBND tỉnh Hà Tĩnh.....	107
15. UBND tỉnh Quảng Ninh.....	110
16. UBND thành phố Hà Nội.....	114
17. UBND tỉnh Kiên Giang.....	119
18. UBND tỉnh Đồng Tháp.....	122
19. UBND thành phố Hải Phòng.....	125
20. UBND tỉnh Thanh Hóa.....	129
21. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.....	134
22. UBND tỉnh Lâm Đồng.....	139
23. UBND tỉnh Yên Bái.....	143
NỘI DUNG TRAO ĐỔI, GIẢI ĐÁP KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	147

BỘ NỘI VỤ**CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ**

**Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác năm 2022
và triển khai nhiệm vụ năm 2023 của ngành Nội vụ**
(Ngày 29 tháng 12 năm 2022)

THỜI GIAN	NỘI DUNG
13h30-14h00	Đón tiếp đại biểu
14h00-15h45	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
	Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà phát biểu khai mạc Hội nghị
	Trình chiếu VideoClip kết quả công tác năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của ngành Nội vụ
	Các đại biểu Hội nghị phát biểu tham luận, thảo luận
15h45-16h00	Hội nghị giải lao
16h00-17h00	Các đại biểu Hội nghị phát biểu tham luận, thảo luận
	Công bố Quyết định khen thưởng
	Thủ tướng Chính phủ phát biểu chỉ đạo
	Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ
	Bế mạc Hội nghị
17h00-17h30	Khai trương cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-BNV

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2022

DỰ THẢO**BÁO CÁO****Tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ
công tác năm 2023 của ngành Nội vụ**

Năm 2022, tình hình thế giới biến động nhanh, phức tạp, chưa có tiền lệ và khác biệt, khó khăn rất nhiều so với dự báo; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột Nga - Ukraine kéo dài, hậu quả của dịch bệnh Covid-19 dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu, lạm phát thế giới tăng cao; bối cảnh thế giới đã tác động trực tiếp, toàn diện trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội cùng với những khó khăn, thách thức nội tại của nền kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh vô vàn khó khăn ấy, Việt Nam cơ bản vẫn giữ được ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát được kiểm soát. Theo đó, Bộ Nội vụ luôn bám sát mục tiêu, đường lối của Đảng, quan điểm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với phương châm hành động năm 2022 là **“Đoàn kết, kỷ cương, gương mẫu, đổi mới, hiệu quả”**, cùng cả hệ thống chính trị quyết tâm xây dựng và hoàn thiện thể chế, đề xuất sửa đổi, bổ sung nhiều chính sách quan trọng nhằm tháo gỡ khó khăn, khai thông những điểm nghẽn trong quá trình tổ chức thực thi chính sách. Đồng thời, tập trung mạnh mẽ nguồn lực để hoàn thành các nhiệm vụ cấp có thẩm quyền giao theo Chương trình công tác của Bộ Nội vụ.

PHẦN THỨ NHẤT**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022****I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC****1. Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách**

Năm 2022 là năm tập trung cao cho công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách của Bộ Nội vụ. Ngay từ đầu năm, Bộ đã xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và ưu tiên hàng đầu nhằm cụ thể hoá chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ để hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Theo đó, toàn ngành Nội vụ đã rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, làm cơ sở tham mưu, đề xuất trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung, ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm thống nhất, liên thông giữa các quy định của Đảng và Nhà nước, giữa Trung ương và địa phương, nổi bật là đã chủ trì xây dựng, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư **03** văn bản, đề án; trình Chính phủ để trình Quốc hội khóa XV thông qua **02** Luật và **04** Nghị quyết; trình Ủy

ban Thường vụ Quốc hội ban hành **06** Nghị quyết; trình Chính phủ ban hành **08** Nghị định và **02** Nghị quyết; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **09** Quyết định; Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành theo thẩm quyền **16** Thông tư, **09** văn bản hợp nhất. Bên cạnh đó, đã tập trung thẩm định **26/26** dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đến nay đã có **21** Nghị định được ban hành¹, còn **05** dự thảo Nghị định tiếp tục hoàn thiện² trình Chính phủ ban hành theo quy định; chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền về phương án, lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; kịp thời đề xuất điều chỉnh mức lương cơ sở từ **1.490.000 VNĐ** lên **1.800.000 VNĐ** (tăng **20,8%**).

Tại phiên chất vấn kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV, những nội dung về tinh giản biên chế, công vụ, công chức và thực trạng cán bộ, công chức, người lao động không chuyên trách cấp xã, vấn đề gần **40.000** công chức, viên chức nghỉ việc từ năm 2020 đến tháng 6/2022... thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ giải trình thấu đáo, có giải pháp khắc phục cụ thể và nhận được sự đồng tình của Nhân dân và các đại biểu Quốc hội.

Nhìn chung, công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nội vụ đã có nhiều đổi mới, hoàn thiện theo hướng thống nhất, chặt chẽ, hiệu quả, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi pháp luật trên các lĩnh vực công tác của Bộ, ngành Nội vụ.

(Chi tiết tại Phụ lục 1, 2 kèm theo).

2. Tổ chức bộ máy và biên chế

a) *Sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập:* Thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Bộ Nội vụ đã chủ động tham mưu cho Ban Chỉ đạo đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm đầu mối trung gian; khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót hoặc không rõ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý và đáp ứng nguyên tắc, tiêu chí thành lập tổ chức theo chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật, kiên trì mô hình tổ chức quản lý đa ngành, đa lĩnh vực đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; tiếp tục thực hiện sắp xếp tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập và thúc đẩy tự chủ, xã hội hóa đối với các dịch vụ công. Trong năm

¹ Các Bộ, ngành đã ban hành Nghị định: Thông tin và Truyền thông; Nội vụ; Xây dựng; Giao thông vận tải; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài nguyên và Môi trường; Ngoại giao; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch và Đầu tư; Y tế; Quốc phòng; Công Thương; Tư pháp; Văn phòng Chính phủ; Ủy ban Dân tộc; Đài Truyền hình Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam; BQL Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Đài Tiếng nói Việt Nam. Có 04 Bộ, ngành đề xuất trước mắt tiếp tục thực hiện theo Nghị định hiện hành gồm: Bộ Công an; Thanh tra Chính phủ; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

² 05 Nghị định đang tiếp thu, hoàn thiện, gồm: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

2022, (1) ở Bộ, ngành giảm **17** tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục³, giảm **08** cục thuộc tổng cục và thuộc Bộ, giảm **145** vụ/ban thuộc tổng cục và thuộc Bộ. Điển hình là các Bộ: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế; (2) ở địa phương, tiếp tục giảm **711** tổ chức phòng thuộc cơ quan chuyên môn UBND cấp tỉnh và cấp huyện⁴. Các tỉnh có kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính tốt nhất là: Ninh Thuận, Bình Phước, Cao Bằng, Quảng Ngãi, Vĩnh Phúc, Hậu Giang, Kiên Giang, Sơn La, Quảng Nam, Long An. Đến nay, 63 tỉnh, thành phố đã giảm được **2.159** tổ chức phòng và tương đương, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Thực hiện quy định của Chính phủ về tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập, các Bộ, ngành⁵, địa phương đã chủ động rà soát, phê duyệt Đề án và tổ chức triển khai quyết liệt nhằm bảo đảm mục tiêu giảm ít nhất **10%** đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của mình tự chủ về tài chính. Đến nay, cả nước giảm **7.469** đơn vị sự nghiệp công lập (đạt **13,5%**) so với năm 2016. Riêng năm 2022, các Bộ, ngành đã giảm **22** đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ, ngành; Ở địa phương giảm **1.020** đơn vị sự nghiệp công lập. Điển hình trong sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập là các địa phương: Sơn La, Yên Bái, Hòa Bình, Lai Châu, Quảng Trị, Cao Bằng, Vĩnh Long, Phú Yên, Quảng Ngãi, Thái Bình.

Các tổ chức bên trong của Bộ, ngành và cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh bước đầu đã được sắp xếp thu gọn, góp phần khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ quản lý nhà nước. Theo đó, các Bộ, ngành có điều kiện tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đối với ngành.

b) *Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước*: Chủ động, tích cực tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, ngành và giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành với địa phương, gắn phân cấp, phân quyền với kiểm tra, kiểm soát quyền lực. Theo đó, đề xuất tham mưu ban hành mới và sửa đổi **30** Luật, **23** Nghị định, **09** Thông tư. Năm 2022 đã ban hành **06** Luật, **07** Nghị quyết của Quốc hội, **08** Nghị định của Chính phủ, **05** Thông tư của các Bộ, ngành liên quan.

c) *Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*: Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW⁶, Bộ Nội vụ đã chủ động tham mưu Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện các quy định của

³ Hiện nay còn 13 tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục.

⁴ Hiện nay còn 7.666 tổ chức bên trong sở (phòng, chi cục); 8.265 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và tương đương (gọi chung là phòng).

⁵ Các Bộ tiêu biểu: Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Nội vụ; Y tế; Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư.

⁶ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Bộ Chính trị về quản lý biên chế⁷. Đến nay, tổng số đối tượng được giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020*) ở các Bộ, ngành, địa phương là **79.057** người (*chiếm tỷ lệ 29,96% so với số biên chế công chức, viên chức giảm giai đoạn 2016-2021*); trong đó, các Bộ, ngành là **5.510** người và địa phương là **73.547** người. Điển hình là các tỉnh: Thanh Hóa (4.615); Quảng Nam (3.148); Nghệ An (3.011); Lạng Sơn (2.898); Bình Phước (2.648).

Công tác quản lý biên chế và tinh giản biên chế luôn bám sát theo yêu cầu của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế bảo đảm thống nhất trong hệ thống chính trị. Theo đó, Bộ Nội vụ đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng biên chế công chức của cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của Bộ, ngành, biên chế của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, biên chế hội quân chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương cho cả giai đoạn 2022-2026; năm 2022, tổng biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước là **1.998.083** biên chế⁸. Bộ Nội vụ tham mưu Thủ tướng Chính phủ giao Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026 và từng năm, để bảo đảm đến hết năm 2026 giảm tối thiểu **5%** biên chế công chức, giảm **10%** số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021. Đồng thời, tham mưu Chính phủ trình cấp có thẩm quyền bổ sung **65.980** biên chế viên chức giáo dục cho cả giai đoạn 2022-2026. Trong đó, năm học 2022- 2023 giao **27.850** biên chế viên chức giáo dục.

d) *Tập trung xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*: Bộ Nội vụ đã phối hợp với các Bộ, ngành rà soát, xây dựng danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã⁹. Đến nay, Bộ Nội vụ đã phối hợp tham gia ý kiến với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng, hoàn thiện **13** Thông tư về vị trí việc làm công chức; **18** Thông tư về vị trí việc làm viên chức.

Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tích cực tham mưu cho cấp có thẩm quyền triển khai việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong, đến nay các địa phương cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Tiêu biểu là các địa phương: Ninh Thuận, Bình Phước, Cao Bằng, Quảng Ngãi, Vĩnh Phúc, Hậu Giang, Kiên Giang, Sơn La, Quảng Nam, Long An.

⁷ Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện các quy định của Bộ Chính trị về quản lý biên chế.

⁸ Trong đó: Biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 254.757 (Bộ, ngành Trung ương là 106.890 biên chế, địa phương là 147.867 biên chế); biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước (số Bộ Nội vụ đã thẩm định) là 1.743.326 (Bộ, ngành Trung ương là 108.454 biên chế, địa phương là 1.634.872 biên chế).

⁹ Tổng số vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính: 866 vị trí; tổng số vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp: 615 vị trí; tổng số vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã: 17 vị trí.

3. Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) *Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức*: Bộ Nội vụ đã tập trung rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách về tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tháo gỡ các vướng mắc về hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và thăng hạng, nâng ngạch công chức, viên chức. Trọng tâm là: (1) tham mưu Chính phủ trình Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá XV thông qua Nghị quyết sửa đổi quy định về thời hiệu xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức; (2) trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định¹⁰; (3) hoàn thiện, trình Chính phủ xem xét ban hành 04 Nghị định¹¹, Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 198-QĐ/TW ngày 18/9/2013 của Bộ Chính trị; (4) đề xuất các giải pháp đổi mới cơ chế quản lý công chức, viên chức và giải quyết những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện liên quan đến công tác tuyển dụng, đánh giá, xếp loại, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kỷ luật, thôi việc; (5) tiếp tục nghiên cứu, thể chế hoá một số chủ trương, quy định mới của Đảng liên quan đến công tác cán bộ và nghiên cứu đề xuất một số cơ chế về thu hút, trọng dụng nhân tài; bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

b) *Về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*: Bộ Nội vụ đã hướng dẫn, đôn đốc: (1) các Bộ quản lý công chức, viên chức chuyên ngành sửa đổi, bổ sung Thông tư về tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 89/2021/NĐ-CP; (2) hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2022-2025; (3) tổ chức biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc Mông, tiếng dân tộc Dao cho cán bộ, công chức, viên chức các tỉnh Yên Bái, Tuyên Quang; (4) biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã.

Giai đoạn 2020-2022, các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện tuyển dụng **18.867** công chức và **125.104** viên chức. Trong đó, tuyển dụng được **258** sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP; kết quả tuyển dụng đã cơ bản kịp thời khắc phục tình trạng gần **40.000** công chức, viên chức thôi việc, nghỉ việc. Hằng năm, cả nước có khoảng **90%** cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật; trên **85%** được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; khoảng **80%** được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng trong thực thi công vụ¹². Nổi bật trong năm 2022, Bộ Nội vụ đã tổ chức **03** đoàn đi bồi

¹⁰ Chính phủ ban hành 02 Nghị định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức, Nghị định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

¹¹ Nghị định quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính Nhà nước; Nghị định quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; Nghị định về hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

¹² Đối với cán bộ, công chức cấp xã, hằng năm có trên 72% người được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, đạo đức công vụ; đối với viên chức, hằng năm có khoảng 37% được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; gần 50% viên chức giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm; hơn 70% viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp; cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.

dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ nữ của chính quyền địa phương tại Cộng hòa Pháp và Nhật Bản.

Vụ/Ban Tổ chức cán bộ, Sở Nội vụ các Bộ, ngành, địa phương đã chủ động tham mưu tổ chức tốt các kỳ thi tuyển, thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính và tương đương; phê duyệt Đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị thẩm quyền. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng để phát triển nguồn nhân lực khu vực công; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển dụng; đồng thời phân loại theo từng nhóm đối tượng (*sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ; người cử tuyển là người dân tộc thiểu số; người cam kết làm việc ở vùng sâu, vùng xa để bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, công khai, minh bạch*). Tiêu biểu là các địa phương: Bắc Giang, Hà Nội, Hải Phòng, Hòa Bình, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Dương, Cần Thơ, Kiên Giang.

Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Bộ Nội vụ chủ động thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược, cấp cơ sở; không ngừng đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức tốt công tác tuyển sinh đại học năm 2022, tuyển sinh sau đại học theo Kế hoạch.

c) *Về đánh giá, xếp loại và xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức*: Thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật công vụ; hướng dẫn, phối hợp các Bộ, ngành, địa phương rà soát và xử lý dứt điểm các sai phạm trong công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức theo Kết luận số 71-KL/TW và Kết luận số 27-KL/TW của Ban Bí thư. Tính từ năm 2020 đến tháng 6/2022, đã rà soát xử lý gần **100.000** trường hợp, trong đó thu hồi quyết định tuyển dụng trên **1.200** trường hợp.

d) *Chính sách tiền lương*: Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW¹³, theo đó đã phân công nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng cụ thể các nội dung của chế độ tiền lương mới; đồng thời, xây dựng dự thảo Nghị định và 12 Thông tư hướng dẫn thi hành. Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2023 và giai đoạn 2023-2025, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền lộ trình triển khai thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

4. Xây dựng chính quyền địa phương, quản lý địa giới hành chính

Bộ Nội vụ đã tập trung triển khai nhiều nhiệm vụ trọng tâm liên quan đến công tác chính quyền địa phương, nổi bật là: (1) tham mưu Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá XV. Đây là đạo Luật được đánh giá có tiến độ xây dựng và thông qua nhanh (*chỉ qua 2 kỳ họp Quốc hội*) và là khung khổ pháp lý để các địa phương thực hiện bài

¹³ Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ.

bản việc quản trị cũng như thực hiện đúng tinh thần dân chủ; (2) trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 về tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Bộ Nội vụ đã thẩm định và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, ban hành **04** Nghị quyết về mở rộng, nâng cấp đô thị¹⁴, đồng thời đang tiếp tục thẩm định các đề án mở rộng, nâng cấp đô thị theo đề nghị của địa phương; (3) tích cực phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trình Bộ Chính trị; (4) trình Thủ tướng Chính phủ thống nhất hồ sơ đề nghị và khẩn trương xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định về tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh; (5) tiếp tục xây dựng Đề án mô hình tổ chức chính quyền đô thị trực thuộc cấp tỉnh và phối hợp với UBND thành phố Hà Nội xây dựng Đề án mô hình đô thị trực thuộc Thủ đô; (6) xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; (7) xây dựng Đề án đánh giá tình hình tổ chức, hoạt động của chính quyền cấp xã và các giải pháp định hướng phát triển đến năm 2030; (8) triển khai các bước xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp.

Sở Nội vụ các địa phương đã tích cực tham mưu giải quyết số lượng người dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021. Đến nay, cấp huyện dôi dư sau sắp xếp là **706** người (*đến nay, đã giải quyết được 361 người, đạt 51,1%, còn 345 người tiếp tục sắp xếp, giải quyết đến năm 2025*). Cấp xã dôi dư sau sắp xếp là **9.705** người (*đến nay đã giải quyết được 6.657 người, đạt 68,6%, còn 3.048 người tiếp tục sắp xếp, giải quyết đến năm 2025*). Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư sau sắp xếp là **8.448** người (*đã giải quyết được 7.956 người đạt 94,2%, còn 492 người*).

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thường xuyên rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; khẩn trương hoàn thiện hồ sơ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị và việc thực hiện Dự án 513 theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Tiêu biểu là các địa phương: Hậu Giang, Thái Nguyên, Yên Bái, Khánh Hòa, Bắc Ninh, Đắk Lắk, Cần Thơ, Hải Phòng, Cà Mau, Đồng Tháp.

¹⁴ Gồm các Nghị quyết: (1) thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên và thành lập thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; (2) thành lập thị trấn Phương Sơn thuộc huyện Lục Nam và thị trấn Bắc Lý thuộc huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; (3) thành lập thị trấn Bình Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; (4) thành lập thị xã Chơn Thành và các phường thuộc thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Cải cách hành chính

Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực công tác cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ Nội vụ thường xuyên đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương quyết liệt triển khai nhiều nhóm nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính trong các lĩnh vực trọng tâm là: (1) rà soát, hoàn thiện thể chế về chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; (2) tăng cường chuyên đổi số, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để đổi mới, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính; (3) tháo gỡ những điểm nghẽn về thể chế, quy trình, thủ tục hành chính đang cản trở sự phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội; (4) tham mưu Chính phủ, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP¹⁵; (5) tổ chức triển khai khoa học, công phu, chặt chẽ Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng năm 2021 (SIPAS-2021) và Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 (PAR INDEX-2021) đối với các Bộ, ngành, địa phương (*Chỉ số PAR INDEX năm 2021 bình quân đạt 86,37%, tăng 2,65 điểm phần trăm so với năm 2020 (83,72%); Chỉ số SIPAS năm 2021 bình quân đạt 87,16% tăng 1,68 điểm phần trăm so với năm 2020 (85,48%)*). Tiêu biểu là: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nội vụ cùng địa phương như: Hải Phòng, Quảng Ninh, Thừa Thiên - Huế, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên....

Năm 2022, ước tính (1) Chỉ số PAR INDEX của các Bộ, ngành đạt **86,30%** tăng **0,23** điểm phần trăm so với năm 2021 (**86,07%**), các địa phương đạt **86,57%** tăng **0,2** điểm phần trăm so với năm 2021 (**86,37%**); (2) Chỉ số SIPAS đạt **87,50%** tăng **0,34** điểm phần trăm so với năm 2021 (**87,16%**).

Công tác cải cách hành chính đã có chuyển biến rõ nét, cải cách thể chế được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt và hiệu quả, tiếp tục cắt giảm mạnh, đơn giản hóa thủ tục hành chính và thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến quốc gia. Tính đến 30/11/2022, (1) các Bộ, ngành đã cắt giảm, đơn giản hoá hơn **657** quy định kinh doanh tại **73** văn bản quy phạm pháp luật¹⁶; (2) Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện mức độ 4 đạt **98%** (chiếm 55,7% tổng số TTHC); (3) **100%** Bộ, ngành, địa phương đã kiện toàn hệ thống một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết TTHC; (4) việc triển khai kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước tại cấp tỉnh và cấp huyện đạt **100%**, cấp xã đạt **97,45%**; (5) **19/22** Bộ, cơ quan ngang Bộ và **62/63** tỉnh, thành phố hoàn thành việc xây dựng, cập nhật kiến trúc Chính phủ điện tử phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử 2.0; (6) **53/63** địa phương thực hiện hợp nhất Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

Đẩy mạnh triển khai Đề án chuyển đổi số của giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, Bộ Nội vụ đã tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về

¹⁵ Nghị quyết số 76/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

¹⁶ Các Bộ thực hiện tốt công tác cắt giảm, đơn giản hoá quy định kinh doanh tiêu biểu là: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giao thông vận tải, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; tập trung xây dựng, ban hành Quy chế quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn thông tin của Trung tâm tích hợp dữ liệu Bộ Nội vụ.

6. Công tác thi đua, khen thưởng

Hoạt động thi đua khen thưởng luôn được chú trọng, ngày càng đi vào thực chất, đã tham mưu ban hành: (1) Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và thành lập Ban Soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng 02 Nghị định¹⁷ để đảm bảo các Bộ, ngành, chính quyền các cấp thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, thủ tục, tiêu chí, tiêu chuẩn trong hoạt động thi đua khen thưởng; (2) triển khai thực hiện các nội dung về khen thưởng thành tích kháng chiến theo Kết luận của Bộ Chính trị; (3) trình Thủ tướng Chính phủ Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến” giai đoạn 2021-2025; (3) tổ chức các đoàn giám sát việc thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025; (4) đồng thời phát động phong trào thi đua mới “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” giai đoạn 2021-2025 tại một số địa phương; (5) hướng dẫn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng và đôn đốc các cụm, khối thi đua ký kết giao ước thi đua phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng tại các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền ban hành chỉ thị, kế hoạch và phát động thi đua năm 2022; hướng dẫn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng; đôn đốc các cụm, khối thi đua ký kết giao ước thi đua phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tiêu biểu là các Bộ, ngành: Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; các tỉnh, thành phố: Phú Thọ, Lào Cai, Nghệ An, Đồng Nai, Cần Thơ.

7. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo

Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn cả nước cơ bản ổn định, tuân thủ pháp luật; nhiều tổ chức tôn giáo đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ, hội nghị thường niên theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và quy định của Hiến chương, Điều lệ do tổ chức tôn giáo đề ra. Bộ Nội vụ đã tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước nhiều chủ trương, công tác lớn trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, như: (1) tiếp tục tham mưu xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo¹⁸; (2) xây dựng Báo cáo chuyên đề “Vấn đề tôn giáo trên thế giới hiện nay và đề xuất cho Việt Nam” phục vụ nghiên cứu, học tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII; (3) tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành

¹⁷ Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định quy định chi tiết việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng Huy chương Thanh niên xung phong về vàng.

¹⁸ Đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP).

Quyết định số 43/QĐ-TTg¹⁹; (4) Báo cáo Lãnh đạo Chính phủ kết quả Đề án “Thực trạng Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua 40 năm hình thành và phát triển - Chủ trương, giải pháp công tác đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong tình hình mới”; (5) tham mưu Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc gặp mặt Đoàn chức sắc Lãnh đạo Hội thánh và tổ chức Cao Đài; Thủ tướng Chính phủ gặp mặt biểu dương các tổ chức tôn giáo có đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gửi thông điệp chúc mừng Đại lễ Vesak năm 2022 bằng hình thức trực tuyến tại trụ sở Liên Hợp Quốc; (6) hướng dẫn và hỗ trợ Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức thành công Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022-2027; Đại hội của Hội đồng Giám mục Việt Nam lần thứ XV, nhiệm kỳ 2022-2025; Đại hội nhiệm kỳ của các Hội thánh Tin lành, Đại hội Hội thánh Cao Đài Tây Ninh và nhiều hoạt động đối ngoại về tín ngưỡng, tôn giáo²⁰. Qua đó, tạo khí thế sôi động, sống tốt đời, đẹp đạo và đóng góp quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tại các địa phương, công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản ổn định, tuân thủ pháp luật. Các cấp, các ngành luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng nghiệp vụ đối với đội ngũ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo; tranh thủ, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn. Tiêu biểu là các địa phương: Hà Nội, Thái Nguyên, Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng, Đồng Nai, Tiền Giang, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Công tác văn thư, lưu trữ

Công tác văn thư, lưu trữ đã có nhiều chuyển biến đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia, xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Cụ thể: (1) xây dựng hồ sơ dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi); (2) ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 07/2022/TT-BNV ngày 31/8/2022²¹; (3) thực hiện chương trình công bố tài liệu lưu trữ quốc gia, phục vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền đất nước năm 2022; (4) triển khai thực hiện Dự án lưu trữ tài liệu điện tử Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam; (5) tổ chức triển lãm “Kỷ vật thời thanh xuân”; Lễ trao trả hồ sơ, kỷ vật của cán bộ đi B; Lễ giới thiệu sách “Dấu ấn Võ Văn Kiệt thời kỳ đổi mới và tiếp nhận tài liệu”; (6) xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư, lưu trữ và chương trình, tài liệu theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Lưu trữ”.

Công tác văn thư, lưu trữ được các Bộ, ngành, địa phương quan tâm, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư, lưu trữ được đẩy mạnh nhằm

¹⁹ Quyết định số 43/QĐ-TTg, ngày 11/01/2022 phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026

²⁰ Đã tổ chức Đoàn Công tác thăm, làm việc tại Lào và ký Thỏa thuận hợp tác với Ủy ban Mặt trận Lào xây dựng đất nước giai đoạn 2022-2026; tiếp xúc giao phái đoàn Tòa thánh Vatican nhân chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam; tiếp đoàn Bộ trưởng Bộ Lễ nghi - Tôn giáo Vương quốc Campuchia...

²¹ Thông tư số 07/2022/TT-BNV ngày 31/8/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều kiện thi, xét thăng hạng và xếp lương viên chức chuyên ngành lưu trữ

bảo quản và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ phục vụ sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước; triển khai xây dựng hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử; công tác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ với nhiều hình thức phong phú, làm cơ sở thúc đẩy chuyển đổi số của Ngành; tiếp tục nâng cấp phần mềm phục vụ giao, nộp hồ sơ lưu trữ điện tử. Tiêu biểu là các Bộ, ngành, địa phương: Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Ngoại giao, Ủy ban Dân tộc, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Hải Phòng, Thái Bình, Đà Nẵng, Bình Định.

9. Công tác thanh niên, dân chủ, dân vận và công tác cán bộ nữ

Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam²²; tổ chức ký kết Chương trình phối hợp giữa Bộ Nội vụ và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về công tác thanh niên; tham mưu Chính phủ trình Bộ Chính trị kết quả triển khai thực hiện Kết luận số 86-KL/TW²³; xây dựng Đề án “Nghiên cứu thể chế hóa nội dung dân giám sát, dân thụ hưởng”; tổ chức tập huấn và phổ biến, quán triệt chính sách, pháp luật đối với thanh niên; đào tạo, bồi dưỡng nữ cán bộ nguồn, tập huấn chuyên sâu cho lãnh đạo nữ năm 2022; tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp năm 2022.

Công tác quản lý nhà nước về thanh niên, dân chủ, dân vận, cán bộ nữ đã không ngừng đổi mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, như: Tổ chức thực hiện phong trào và giới thiệu mô hình, điển hình dân vận khéo; tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ vào làm việc tại cơ quan nhà nước. Tiêu biểu là các Bộ, ban, ngành, địa phương: Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Quảng Ninh, Hà Tĩnh.

10. Công tác quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ

Tập trung xây dựng, hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ, như: (1) xây dựng dự thảo Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (*thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP*); (2) ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hội, quỹ; (3) chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương và các cơ quan liên quan để tổ chức thành công Hội nghị công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ và khai trương Trang thông tin cơ sở dữ liệu về hội, quỹ; (4) tổ chức Đoàn công tác làm việc với 08 hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; (5) Tham gia các Ban Chỉ đạo Đề án Ban Bí thư thành lập và tổ chức Đoàn khảo sát tại các Bộ, ngành, địa phương theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo Đề án 103, 134, 62...; (6) cho phép thành lập, phê duyệt điều lệ cấp phép hoạt động của hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ và phê duyệt các khoản viện trợ của các hội, quỹ, cho phép tổ chức Đại hội theo

²² Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 25/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

²³ Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

quy định của pháp luật²⁴.

Công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ đã bảo đảm hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích; phát huy tích cực vai trò các tổ chức Hội trong đoàn kết, tập hợp và tham gia đóng góp mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Tiêu biểu là các Bộ: Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an; các địa phương: Hà Nội, Thái Bình, Yên Bái, Bạc Liêu, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa...

11. Công tác thanh tra, pháp chế

a) Trong năm 2022, Bộ Nội vụ đã thực hiện **28** cuộc thanh tra theo kế hoạch, trong đó: **27** cuộc thanh tra chuyên ngành²⁵ và **01** cuộc thanh tra hành chính. Trình tự, thủ tục tiến hành các cuộc thanh tra được thực hiện theo quy định pháp luật; tiếp **324** lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (KNTC, KNPA); tiếp nhận và xử lý **1.427** đơn²⁶. Đồng thời, báo cáo Văn phòng Trung ương Đảng về kết quả giải quyết đơn KNTC theo ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư và xử lý, giải quyết đơn của một số tổ chức, cá nhân liên quan thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; công tác PCTN, tiêu cực, tội phạm và kiểm tra, xác minh tài sản thu nhập năm 2022 được thực hiện theo quy định của pháp luật. Qua thanh tra, đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu quả và kỷ cương, kỷ luật công vụ các bộ, ngành, địa phương; phát hiện những tồn tại, hạn chế trong cơ chế, chính sách, pháp luật để báo cáo Bộ trưởng xem xét, sửa đổi các quy định thuộc thẩm quyền; kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi bổ sung cho phù hợp; phát hiện và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý trách nhiệm, thu hồi các quyết định vi phạm pháp luật.

b) Công tác pháp chế luôn được chú trọng và đạt được nhiều kết quả tích cực, nhất là việc thẩm định, rà soát, kiểm tra đi sâu vào nội dung văn bản, theo dõi thi hành các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm đúng quy trình, quy định. Qua đó, đã khắc phục được tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, không thống nhất giữa các văn bản, cụ thể trong năm 2022 đã kiểm tra **409** văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành thuộc lĩnh vực Nội vụ, phát hiện **63** văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu vi phạm pháp luật (*văn bản sai về thẩm quyền ban hành, nội dung, về căn cứ pháp lý, kỹ thuật trình bày...*).

Công tác thanh tra, pháp chế tại các địa phương được tăng cường nhằm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của ngành Nội vụ.

²⁴ Cho phép thành lập 13 hội; phê duyệt Điều lệ và Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) 31 hội và có văn bản đồng ý cho 83 hội tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, bất thường; cấp giấy phép thành lập, công nhận Điều lệ 04 quỹ; phê duyệt 06 dự án tiếp nhận khoản viện trợ không hoàn lại; tham gia ý kiến cấp giấy phép của các tổ chức Phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam cho 127 tổ chức.

²⁵ Thanh tra Bộ thực hiện 15 cuộc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thực hiện 08 cuộc, Ban Tôn giáo Chính phủ thực hiện 05 cuộc.

²⁶ 158 đơn khiếu nại, 402 đơn tố cáo, 867 đơn KNPA. Trong đó, lưu 1.196 đơn, chuyển 139 đơn, hướng dẫn, trả lời 90 đơn.

12. Hoạt động đối ngoại, nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin, tuyên truyền và công tác nội bộ

a) Mặc dù tình hình dịch Covid-19 trên thế giới còn phức tạp song trong năm 2022, hoạt động đối ngoại của Bộ Nội vụ vẫn được chú trọng và đạt được nhiều kết quả nổi bật, như: (1) sau 20 năm, Việt Nam đã đăng cai tổ chức thành công Hội nghị những người đứng đầu các nền công vụ ASEAN và ASEAN+3, các nước đối thoại và Diễn đàn về Quản trị đất nước tốt được Ban Thư ký ASEAN, các đại biểu của ASEAN tham dự Hội nghị, cộng đồng quốc tế đánh giá cao, góp phần nâng cao vị thế của Bộ Nội vụ Việt Nam nói riêng và đất nước, con người Việt Nam nói chung trong khu vực và quốc tế; (2) tổ chức đàm phán, ký kết các chương trình hợp tác với các đối tác, tổ chức quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ; (3) phê duyệt Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế về xây dựng nền công vụ giai đoạn 2022-2026”; (4) tổ chức thành công nhiều chuyên công tác nước ngoài tại Cộng hòa Pháp, Nhật Bản, Canada, Cu-ba, Chi-lê, Na Uy, Australia, Singapore, Lào,... và đón tiếp nhiều đoàn khách quốc tế đến làm việc, ký kết nhiều văn kiện quan trọng. Qua đó, góp phần quan trọng trong việc hiện thực hoá mục tiêu thu hút các nguồn lực và kinh nghiệm quốc tế để đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ.

b) Hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng đi vào thực chất, đóng góp nhiều luận cứ khoa học thiết thực để nâng cao chất lượng hoạt động quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, như: (1) nghiên cứu xây dựng chương trình khoa học trọng điểm, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (*đã tổ chức nghiệm thu 15 đề tài NCKH, dự án cấp Bộ đạt kết quả tốt*); (2) nghiên cứu chuyên đề chuyên sâu về tổ chức bộ máy, phục vụ công tác sơ kết Nghị quyết số 19-NQ/TW²⁷; (3) biên soạn và xuất bản công trình lịch sử Chính phủ Việt Nam giai đoạn 1945-2015; xây dựng Chương trình lịch sử Bộ Nội vụ; (4) ban hành Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nội vụ năm 2023.

c) Công tác thông tin, truyền thông đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, định hướng các vấn đề dư luận xã hội quan tâm liên quan đến lĩnh vực Nội vụ; đẩy mạnh triển khai Đề án chuyên đổi số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; tập trung chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước bảo đảm tiến độ theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

d) Công tác nội bộ tiếp tục được quan tâm, các quy chế, quy định được sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, như: Trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ²⁸; chủ động thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy

²⁷ Chuyên đề về “Thực trạng và giải pháp thực hiện hiệu quả việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, sắp xếp, giải thể và quản lý nhân lực (biên chế, người lao động) đối với đơn vị sự nghiệp công lập” và chuyên đề “Kinh nghiệm tổ chức đơn vị hành chính của một số nước trên thế giới”.

²⁸ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ.

bên trong của Bộ Nội vụ²⁹; ban hành Quy chế làm việc của Bộ Nội vụ; thực hiện tốt công tác tổ chức cán bộ, luân chuyển, điều động công chức, viên chức; tổ chức tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm; công tác tham mưu, tổng hợp, quản trị văn phòng, văn thư, lưu trữ và kiểm soát thủ tục hành chính có nhiều chuyên biến tích cực, đạt hiệu quả³⁰.

Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ; sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng và xem xét để tiến hành giao tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nội vụ; ban hành Thông tư về hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Nội vụ và chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức công bố kết quả Tổng điều tra cơ sở hành chính năm 2021 của các cơ quan hành chính nhà nước.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, toàn ngành Nội vụ đã nêu cao tinh thần đoàn kết, tập trung nguồn lực, khắc phục khó khăn hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền giao; chú trọng đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân, tập trung rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, chính sách bảo đảm đồng bộ, thống nhất, liên thông các quy định pháp luật với các quy định của Đảng.

Đã kịp thời tham mưu Ban Chỉ đạo đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đề trình Chính phủ ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, ngành. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; nghiêm túc thực hiện chính sách tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các cấp, các ngành; thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát quyền lực đã có nhiều chuyên biến tích cực.

²⁹ Bộ Nội vụ đã chủ động thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong, theo đó giảm 02 Vụ thuộc Bộ, 02 cơ quan tương đương tổng cục xuống cấp cục và hiện nay đang sắp xếp lại tổ chức bộ máy của 02 cơ quan cấp cục này.

³⁰ Chuẩn bị nội dung phục vụ Bộ trưởng tham dự kỳ họp thứ 3, 4, Quốc hội khóa XV; tổ chức thành công các Hội nghị tổng kết, sơ kết thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ; phục vụ Hội nghị những người đứng đầu các nền công vụ ASEAN và ASEAN+3, các nước đối thoại và Diễn đàn về Quản trị đất nước tốt; các hoạt động nhân dịp kỷ niệm 77 năm ngày truyền thống ngành Tổ chức nhà nước; tổng hợp giải quyết kiến nghị, đề xuất của các bộ, ngành, địa phương, cử tri, đại biểu Quốc hội, người dân, doanh nghiệp; thẩm định hồ sơ khen thưởng, tham mưu phát động phong trào thi đua và Kế hoạch truyền thông của Bộ.

Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã có nhiều đổi mới; cải cách thủ tục hành chính trong các khâu tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá bảo đảm thống nhất với quy định của Đảng; tổ chức các khóa bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ, cán bộ nữ cho chính quyền địa phương ở nước ngoài bước đầu đạt được kết quả, tạo động lực, khí thế, đổi mới về tư duy, nhận thức của học viên sau khóa học; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cơ quan nhà nước các cấp gắn với thực hiện nghiêm văn hóa công vụ. Công tác xây dựng chính quyền địa phương được chú trọng; chuẩn bị kỹ lưỡng, công phu Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; tiếp tục thực hiện hiệu quả việc thành lập các đơn vị hành chính đô thị bảo đảm đúng quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, quy trình nhằm góp phần đẩy mạnh tốc độ đô thị hoá.

Công tác cải cách hành chính được triển khai quyết liệt từ Trung ương đến địa phương, đáp ứng tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Công tác thi đua, khen thưởng tiếp tục được đổi mới, ngày càng thực chất, bảo đảm biểu dương, khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, ưu tiên đối tượng lao động trực tiếp. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được duy trì ổn định, tuân thủ pháp luật; chủ động nắm tình hình, hướng dẫn các tôn giáo hoạt động theo đúng đường hướng, phương châm hành đạo và đồng hành cùng dân tộc. Công tác văn thư, lưu trữ ngày càng được đổi mới làm cơ sở để thúc đẩy chuyển đổi số của ngành; đẩy mạnh phát huy giá trị tài liệu lưu trữ thông qua các hoạt động triển lãm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ, công tác thanh niên, thanh tra, pháp chế... đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, toàn diện, bảo đảm kỷ cương, pháp luật. Công tác nghiên cứu khoa học, công tác đối ngoại ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả có đóng góp thiết thực vào việc nâng cao chất lượng hoạt động quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ. Các cơ sở đào tạo của Bộ Nội vụ đã thực hiện tốt chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong năm 2022, ngành Nội vụ cũng thẳng thắn nhìn nhận vào một số tồn tại, hạn chế cần tập trung nghiên cứu làm rõ nguyên nhân và đề ra giải pháp, kiên quyết khắc phục trong thời gian tới, đó là:

- Tình trạng số lượng lớn cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc, thôi việc nhất là ngành y tế, giáo dục. Đây là vấn đề tồn tại, hạn chế trong cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng, đãi ngộ nhân lực khu vực công mà Bộ Nội vụ cần quan tâm tham mưu giải quyết trước mắt và lâu dài.

- Việc xử lý những vấn đề phát sinh khi sắp xếp, tổ chức bộ máy còn có mặt hạn chế. Việc thực hiện tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa đạt

được mục tiêu đề ra.

- Công tác tinh giản biên chế tuy đạt được chỉ tiêu về số lượng, nhưng chưa gắn với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố chưa phù hợp với thực tiễn, dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Việc xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành của ngành Nội vụ triển khai còn chậm; chưa có sự đồng bộ, thống nhất trong công tác tổng hợp, phân tích dữ liệu phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước.

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện đạo đức công vụ, tinh thần, thái độ làm việc ở một số cơ quan, đơn vị và một bộ phận công chức, viên chức chưa thực sự nghiêm túc.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Khối lượng văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ cần xây dựng và sửa đổi, bổ sung lớn, nhiệm vụ có tính chất phức tạp, nhiều điểm mới, đối tượng phạm vi rộng liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực của đời sống, xã hội, do đó cần thời gian để lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, chuyên gia, nhà khoa học; đồng thời, cần sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự phối hợp, thẩm định của các cơ quan liên quan nên ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ trình cấp có thẩm quyền.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa quyết tâm, quyết liệt trong việc sắp xếp, tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế; quy định hướng dẫn về vị trí việc làm chưa được cấp có thẩm quyền ban hành dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

- Công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương còn thiếu chặt chẽ, trách nhiệm chưa cao khi được lấy ý kiến tham gia, thẩm định, quyết định những vấn đề quan trọng dẫn đến sự giao thoa, chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, ngành.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm và tinh thần, thái độ làm việc của một bộ phận công chức, viên chức chưa cao.

- Công tác xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số còn mới, nhiều nội dung khó chưa có tiền lệ, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, địa phương còn chưa tập trung, chất lượng báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu.

- Những ngày đầu năm 2022, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2023

Tiếp tục quán triệt Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị quyết số 27-NQ/TW, số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII và các Nghị quyết của Bộ Chính trị, của Quốc hội và Chính phủ; căn cứ chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu thực tiễn đặt ra, phát huy kết quả đạt được năm 2022. Năm 2023, Bộ Nội vụ đề ra phương châm hành động **“Đoàn kết, kỷ cương, gương mẫu, đổi mới, sáng tạo, hiệu quả”** nhằm tạo sự thay đổi và chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực của ngành Nội vụ, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Ưu tiên đầu tư toàn diện cho công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực Nội vụ, nhất là đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả về tổ chức bộ máy, biên chế; công vụ, công chức; xây dựng chính quyền địa phương, tập trung cho cấp xã, xây dựng chính quyền đô thị nhằm đáp ứng yêu cầu kiến tạo, phát triển và quản trị nền hành chính các cấp.

2. Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, cơ bản hoàn thiện mô hình chế độ công vụ theo vị trí việc làm; thực hiện thống nhất kiểm định chất lượng đầu vào công chức làm cơ sở cho các Bộ, ngành, địa phương lựa chọn, tuyển dụng theo yêu cầu, nhiệm vụ; hoàn thiện tiêu chuẩn, chức danh ngạch công chức và tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đổi mới và nâng cao chất lượng thi tuyển, nâng ngạch công chức; thực hiện xét tuyển thi thăng hạng viên chức tiến tới xóa bỏ việc xếp hạng viên chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; quy định các chế độ, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài và khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và các quy định liên quan cán bộ, công chức, viên chức nhằm bảo đảm đồng bộ quy định của Đảng, đồng thời thiết thực nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Trình cấp có thẩm quyền về lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và hoàn thành hệ thống cơ chế, chính sách để chủ động thực hiện cải cách chính sách tiền lương nhằm đảm bảo đời sống, nâng cao năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực.

Xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách liên thông đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh nhằm xây dựng chung một chế độ công vụ.

3. Tập trung rà soát, đôn đốc, thực hiện quyết liệt phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với Bộ, ngành và với chính quyền địa phương nhằm khơi thông điểm nghẽn phát triển, phát huy sự năng động, sáng tạo, tự chủ

của các địa phương gắn với thanh tra, kiểm tra, kiểm soát quyền lực; đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, trọng tâm là rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, ngành, địa phương; sửa đổi, bổ sung chính sách tinh giản biên chế và giải quyết đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp. Phối hợp các bộ, ngành hoàn thiện chính sách, pháp luật về tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công nhằm đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công ở các lĩnh vực có điều kiện.

4. Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; hoàn thành việc sắp xếp bảo đảm mục tiêu, nguyên tắc đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong năm 2023, 2024 để ổn định tổ chức đại hội Đảng các cấp vào năm 2025; đẩy mạnh việc thẩm định trình cấp có thẩm quyền thành lập các đơn vị hành chính đô thị gắn nâng cao chất lượng đô thị, thúc đẩy tốc độ đô thị hóa theo chủ trương của Đảng; tổ chức sơ kết mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng, trên cơ sở đó xây dựng hệ thống thể chế, chính sách mô hình chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo, đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt.

5. Tiếp tục thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ và tập trung phối hợp có trọng tâm, trọng điểm cải cách hành chính, nhất là đẩy mạnh cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, công vụ, công chức và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả về đánh giá chỉ số CCHC (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện cải cách hành chính các Bộ, ngành, địa phương.

6. củng cố, ổn định tổ chức bộ máy và phát huy vai trò, trách nhiệm của cơ quan tham mưu về thi đua khen thưởng từ Trung ương đến địa phương; xây dựng và hoàn thiện các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, khen thưởng; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ từng cơ quan, đơn vị, địa phương và hướng về cơ sở để tập hợp, vận động toàn dân tham gia các phong trào thi đua theo hướng dẫn của Trung ương và địa phương; quan tâm nhân rộng điển hình tiên tiến, kịp thời tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện các phong trào thi đua và tham gia thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng tại địa phương, cơ sở.

7. Tập trung nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trên các mặt công tác khác của ngành Nội vụ:

- Tổ chức triển khai chủ trương, chính sách của Đảng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân; phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt

đẹp và nguồn lực của tôn giáo trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; khuyến khích hoạt động tôn giáo gắn với dân tộc, nhân đạo, nhân văn, tiến bộ, tốt đời, đẹp đạo; chủ động cung cấp thông tin, phản bác luận điệu xuyên tạc của các thế lực chống phá chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Tiếp tục làm tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư lưu trữ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và chủ động, phát huy hơn nữa giá trị tài liệu lưu trữ phục vụ sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước.

- Tham mưu triển khai hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thanh niên, đặc biệt là Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam; công tác cán bộ nữ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tình hình mới; tăng cường quản lý nhà nước về hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ bảo đảm hoạt động đúng theo tôn chỉ, mục đích và quy định của pháp luật.

8. Đẩy mạnh công tác thanh tra, pháp chế nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương công vụ, công chức và khơi dậy tinh thần trách nhiệm, cống hiến vì lợi ích chung của đất nước; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác pháp chế góp phần tích cực xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách của Chính phủ và của ngành Nội vụ.

9. Tăng cường công tác đối ngoại trên mọi lĩnh vực; thực hiện có hiệu quả chương trình hành động thực hiện Đề án đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030. Đặc biệt tham gia tích cực các hoạt động hợp tác công vụ với các nước ASEAN và ASEAN+3; hợp tác hiệu quả với các tổ chức quốc tế trong vấn đề công vụ, nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đào tạo nguồn nhân lực của ngành Nội vụ, chú trọng đào tạo cán bộ trẻ tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Bộ, ngành Nội vụ.

10. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền tạo sự thống nhất, đồng thuận của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và toàn xã hội nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ. Tổ chức các hội nghị, hội thảo với các chuyên gia, nhà khoa học, đại diện các cấp, các ngành, địa phương và ý kiến, kiến nghị của cử tri, đại biểu Quốc hội để bổ sung, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực Nội vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Bộ, ngành Nội vụ nhằm góp phần xây dựng nền hành chính dân chủ, pháp quyền, hiện đại, chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phục vụ nhân dân.

11. Vụ/Ban Tổ chức cán bộ các Bộ, ngành, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục tham mưu cấp có thẩm quyền kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ. Trong đó, chú trọng công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường quản lý, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính phục vụ

người dân, doanh nghiệp; đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành Nội vụ.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Một là, tập trung rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, chính sách trên cơ sở đánh giá tác động để bảo đảm tính khả thi; phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo sự đồng bộ, thống nhất trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ.

Hai là, rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và đáp ứng tiêu chí thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ mà trọng tâm là thu gọn đầu mối hành chính và nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập để giảm số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Hoàn thiện chính sách pháp luật về tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập của các Bộ, ngành, trong đó xác định rõ số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh xã hội hóa một số dịch vụ công nhất là trong các lĩnh vực có điều kiện, đổi mới hình thức cấp ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với sản phẩm, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước; đổi mới công tác quản lý đội ngũ từ khâu tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, đề bạt, bố trí cán bộ, công chức, viên chức cho đến khâu đánh giá, nhận xét, xếp loại để xây dựng môi trường làm việc năng động, công bằng, dân chủ, thân thiện, đoàn kết, chuyên nghiệp, hiện đại và có cơ chế tạo động lực để công chức, viên chức thể hiện năng lực, trách nhiệm, tận tụy, tâm huyết, nỗ lực phấn đấu, rèn luyện và cống hiến.

Nâng cao chất lượng đội ngũ gắn với cải cách chính sách tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi, tổ chức lao động khoa học để bảo đảm sức khỏe cho người lao động (*các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế cần có các chính sách hỗ trợ phù hợp, ngoài các chính sách chế độ tiền lương chung của công chức, viên chức*).

Bốn là, đẩy mạnh phân cấp, giao quyền chủ động cho chính quyền địa phương cấp tỉnh trong việc quyết định số lượng cụ thể biên chế cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách của cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính và trên cơ sở khung quy định của Chính phủ; giao thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định số lượng, chức danh và chế độ, chính sách

đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Năm là, chú trọng công tác cải cách hành chính, tiết giảm chi phí xã hội để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số trong công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước; tăng cường ý thức kỷ luật, kỷ cương hành chính, thanh tra, kiểm tra thực thi công vụ; đề cao trách nhiệm người đứng đầu và phát huy dân chủ trong công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; đổi mới phương pháp, lề lối làm việc theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

Sáu là, tăng cường thông tin, truyền thông về quá trình xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật của Bộ, ngành Nội vụ nhằm lan tỏa thông tin tích cực, tạo khí thế, niềm tin, động lực thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2023 của ngành Nội vụ./.

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN ĐÃ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH
(Kèm theo Báo cáo số _____/BC-BNV ngày ____ / ____ /2022 của Bộ Nội vụ)

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I.	CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN ĐÃ TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ (03)	
1.	Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Ban Cán sự đảng Chính phủ	
2.	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 198-QĐ/TW ngày 18/9/2013 của Bộ Chính trị ban hành “Quy chế về quan hệ công tác giữa Ban cán sự đảng Chính phủ với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương, đảng uỷ các đơn vị sự nghiệp Trung ương, các ban đảng Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương”	
3.	Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	
II.	QUỐC HỘI BAN HÀNH (02 Luật)	
1.	Luật Thi đua, khen thưởng (thông qua tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khoá XV)	
2.	Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (thông qua tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá XV)	
III.	QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI BAN HÀNH CÁC NGHỊ QUYẾT (10)	
1.	Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10/11/2022 về triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2026; chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025	
2.	Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 về thực hiện chính sách tiền lương	
3.	Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 về hoạt động chất vấn thuộc lĩnh vực Nội vụ	
4.	Nghị quyết số 76/2022/QH15 ngày 15/11/2022 về thời hiệu xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức	
5.	Nghị quyết số 469/NQ-UBTVQH15 ngày 15/02/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên và thành lập thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	
6.	Nghị quyết số 510/NQ-UBTVQH15 ngày 12/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị trấn Phương Sơn thuộc huyện Lục Nam và thị trấn Bắc Lý thuộc huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	
7.	Nghị quyết 569/NQ-UBTVQH15 ngày 11/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị trấn Bình Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	
8.	Nghị quyết số 570/NQ-UBTVQH15 ngày 11/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập thị xã Chơn Thành và các phường thuộc thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	
9.	Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	

10.	Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính	
IV.	CHÍNH PHỦ XEM XÉT BAN HÀNH CÁC NGHỊ ĐỊNH (08)	
1.	Nghị định số 50/2022/NĐ-CP ngày 02/8/2022 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập	
2.	Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.	
3.	Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	
4.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP, Nghị định số 90/2020/NĐ-CP, Nghị định số 112/2020/NĐ-CP về cán bộ, công chức, viên chức	
5.	Nghị định hợp đồng lao động trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập	
6.	Nghị định quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính Nhà nước Chính phủ	
7.	Nghị định thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
8.	Nghị định quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức	
V.	CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CÁC NGHỊ QUYẾT (02)	
1.	Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	
2.	Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 11/3/2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”	

VI.	THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CÁC QUYẾT ĐỊNH (09)	
1.	Quyết định 43/QĐ-TTg ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022 - 2026”	
2.	Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 25/2/2022 Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Ủy ban Quốc gia về Thanh niên Việt Nam	
3.	Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 22/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương	
4.	Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025	
5.	Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025	
6.	Quyết định số 765/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ	
7.	Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị	
8.	Quyết định số 1478/QĐ-TTg ngày 28/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”	
9.	Quyết định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ	

VII.	BỘ NỘI VỤ BAN HÀNH THEO THẨM QUYỀN	
A	THÔNG TƯ (16)	
1.	Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 14/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV quy định chi tiết Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội	
2.	Thông tư số 02/2022/TT-BNV ngày 29/01/2022 hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01/01/2022 đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng	
3.	Thông tư số 03/2022/TT-BNV ngày 12/3/2022 quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tổ chức cán bộ ở địa phương.	
4.	Thông tư số 04/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	
5.	Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về hoạt động của thôn, tổ dân phố	
6.	Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức, chuyên ngạch hành chính và công chức chuyên ngành văn thư	
7.	Thông tư số 07/2022/TT-BNV ngày 31/8/2022 quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, thi hoặc xét thăng hạng, bổ nhiệm và xếp lương viên chức chuyên ngành lưu trữ	
8.	Thông tư số 08/2022/TT-BNV ngày 19/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2019/TT-BNV ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ	
9.	Thông tư số 09/2022/TT-BNV ngày 16/12/2022 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Nội vụ	
10.	Thông tư số 10/2022/TT-BNV ngày 19/12/2022 quy định thời hạn bảo quản tài liệu	
11.	Thông tư hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức	
12.	Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ	

13.	Thông tư quy định danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ và định mức biên chế trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ	
14.	Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập	
15.	Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
16.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018 quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ	
B	VĂN BẢN HỢP NHẤT (09)	
1.	Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 02/5/2022 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức	
2.	Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BNV ngày 02/5/2022 hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	
3.	Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BNV ngày 30/5/2022 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP	
4.	Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 hợp nhất Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 và Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư	
5.	Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BNV ngày 22/7/2022 hợp nhất Nghị định Quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND	
6.	Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BNV ngày 12/8/2022 hợp nhất Nghị định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
7.	Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BNV ngày 02/10/2022 hợp nhất Thông tư quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ	
8.	Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BNV ngày 27/10/2022 hợp nhất Thông tư hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố	
9.	Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BNV ngày 29/11/2022 hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	

Phụ lục 2**SỐ LIỆU BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH NỘI VỤ**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày /12/2022 của Bộ Nội vụ)

I. TỔ CHỨC BỘ MÁY – BIÊN CHẾ**1. SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH Ở TRUNG ƯƠNG****Bộ, cơ quan ngang Bộ: Từ 2016 – 2021**

Bộ, cơ quan ngang Bộ (gọi chung là Bộ)	Thời điểm 30/4/2015	Thời điểm 30/6/2021	Tăng/ Giảm	Tỷ lệ
Tổng cục và tương đương thuộc Bộ	28	30	Tăng 02 (Không tính giảm 06 tổng cục thuộc BCA)	Tăng 6,9%
Tổ chức hành chính khác thuộc Bộ (<i>Công thông tin điện tử Chính phủ</i>)	01	01	Không	0%
Cục và tương đương thuộc Bộ	120	126	Tăng 06	Tăng 5,0%
Vụ (Ban) và tương đương thuộc Bộ	257	249	Giảm 08	Giảm 3,1%
Cục thuộc tổng cục	356	423	Tăng 67	Tăng 18,2%
Vụ thuộc tổng cục	230	222	Giảm 08	Giảm 3,5%
Chi cục (Gồm cả Chi cục thuộc Bộ và Chi cục thuộc tổng cục)	3.249	2.757	Giảm 492	Giảm 15,1%
Phòng thuộc Vụ và tương đương thuộc Bộ	629	517	Giảm 112	Giảm 17,8%
Phòng thuộc Cục thuộc Bộ	831	742	Giảm 89	Giảm 10,7%
Phòng thuộc Cục thuộc Tổng cục	2.583	2.386	Giảm 197	Giảm 7,6%
Phòng thuộc Chi cục	7.756	3.904	Giảm 3.672	Giảm 48,5%

Năm 2022 kết quả sắp xếp:

Tổng cục và tổ chức tương đương	Cục (thuộc Tổng cục và thuộc Bộ).	Vụ/ban thuộc tổng cục và thuộc Bộ.	Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ	Đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương
Giảm 17	Giảm 08	Giảm 145	Giảm 22	- Ở cấp tỉnh: Thuộc sở: Giảm 1.020 ; thuộc tổ chức hành chính khác: Giảm 03 ; thuộc Chi cục: Giảm 548 . - Ở cấp huyện: Giảm 441 .

2. SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH BÊN TRONG THUỘC UBND CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

Từ 2021 – 30/6/2022 đã: Giảm 07 Sở; 01 tổ chức hành chính khác tương đương sở; Giảm 2.159 tổ chức chi cục, phòng và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Trong năm 2022: Giảm 711 tổ chức phòng thuộc cơ quan chuyên môn UBND cấp tỉnh, cấp huyện

3. BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC (Tính đến thời điểm 31/12/2021)

Biên chế công chức	Năm 2015	Năm 2021	Số lượng biên chế giảm	Tỷ lệ %
Bộ, ngành TW	118.773	106.890	Giảm 11.883	Giảm 10,01%
Địa phương	156.479	140.832	Giảm 15.647	Giảm 10%
Tổng	275.252	247.722	Giảm 27.530	Giảm 10,01%

4. BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC (Tính đến thời điểm 31/12/2021)

Biên chế Viên chức	Năm 2015	Năm 2021	Số lượng biên chế giảm	Tỷ lệ %
Bộ, ngành TW	159.696	119.475	Giảm 40.221	Giảm 25,19%
Địa phương	1.866.255	1.670.110	Giảm 196.145	Giảm 10,51%
Tổng	2.025.951	1.789.585	Giảm 236.366	Giảm 11,67%

5. BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC NĂM 2022 (28/12/2022)

(Đã bao gồm tăng 7.035 biên chế do chuyển CC phường tại các phường không tổ chức HĐND thành công chức quận ở HN, TPHCM, ĐN)

Biên chế	Số năm 2021 làm căn cứ tính giảm giai đoạn 2022 - 2026	Số Bộ Nội vụ giao/thẩm định năm 2022		
		Tổng số	Tăng/giảm so với năm 2021	Tỷ lệ
I. Công chức	247.722	254.757	7.035	2,84%
Bộ, ngành Trung ương	106.890	106.890	0	0%
Địa phương	140.832	147.867	7.035	5%
II. Viên chức	1.789.585	1.743.326	- 46.259	-2,58%
Bộ, ngành Trung ương	119.475	108.454	- 11.021	-9,22%
Địa phương	1.670.110	1.634.872	-35.238	-2,11%
Tổng		1.998.083		

6. TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ (Tính đến thời điểm 31/12/2021)

Biên chế	Năm 2015	Năm 2021 (31/12/2021)	Số biên chế tăng/giảm	Tỷ lệ giảm biên chế	Số lượng tinh giản biên chế	Tỷ lệ số tinhgiảm BC so với số tăng/giảm BC	Tỷ lệ tinh giản BC so với số BC giao năm 2015
Biên chế Công chức	275.252	247.722	- 27.530	<i>Giảm 10,01%</i>	-7.789	28,29%	2,83%
Biên chế Viên chức	2.025.951	1.789.585	-236.366	<i>Giảm 11,67%</i>	-50.172	21,23%	2,48%

**7. TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ CB,CC CẤP XÃ VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, THÔN, TỔ DP
(Tính đến thời điểm 31/12/2021)**

Biên chế	Năm 2015	Năm 2021 (31/12/2021)	Số biên chế giảm	Tỷ lệ giảm biên chế
Biên chếCB, CC cấp xã	233.489	212.606	20.883	<i>9% (so với cả Hệ thống CT)</i>
Người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, tổ dân phố	860.489	436.617	423.872	49,26%

**8. TỔNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC GIẢM BIÊN CHẾ TRÊN TỔNG SỐ CHUNG
(Tính đến thời điểm 31/12/2021)**

Biên chế	Năm 2015	Năm 2021 (31/12/2021)	Số biên chếgiảm	Tỷ lệ giảm biên chế so với 2015
Biên chế Công chức	275.252	247.722	27.530	10,01%
Biên chế Viên chức	2.025.951	1.789.585	236.366	11,67%
Biên chế CB, CC cấp xã	233.489	212.606	20.883	9%
Người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, tổ dân phố	860.489	436.617	423.872	49,26%

9. BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, Y TẾ (Tính đến thời điểm 31/12/2021)

Biên chế sự nghiệp	Năm 2015		Năm 2021		Biên chế giảm (So sánh năm 2021 với 2015)		
	Số biên chế (người)	Tỷ lệ so với tổng BC cả nước %	Số biên chế (người)	Tỷ lệ so với tổng biên chế cả nước %	Biên chế giảm (người)	Tỷ lệ giảm %	Tỷ lệ giảm so với tổng BCSN của cả nước
TS cả nước	2.025.951		1.789.585		-236.366	-11,67%	
- Giáo dục	1.475.176	72,81%	1.3783715	77,04%	-96.461	-6,54%	40,81%
- Y tế	323.786	15,98%	221.232	12,36% (Cộng GD-Y tế:89,4%)	-102.554	-31,67%	43,39%
Bộ, ngành	159.696		119.475		-40.221	-25,19%	
- Giáo dục	69.480	43,51%	50.699	42,43%	-18.718	-27,03%	46,69%
- Y tế	22.462	14,07%	11.797	9,87%	-10.665	-47,48%	26,52%
Địa phương	1.866.255		1.670.110		-196.145	-10,51%	
- Giáo dục	1.405.696	75,32	1.328.016	79,52%	-77.680	-5,53%	39,60%
- Y tế	301.324	16,15	209.435	12,54%	-91.889	-30,5%	46,85%

II. CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

1. SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC (Tính đến thời điểm 31/12/2021)

Số lượng CC	Phân loại					
	Công chức cơ quan TW	Công chức cấp huyện trở lên ở địa phương	Công chức nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo
247.722 (Tổng biên chế giao 2021)						
	106.890	140.832	107.324	200.602	18.684	3.986
	43,15%	56,85%	43,32%	80,98%	7,54%	1,61%

a) Phân loại theo ngạch

Ngạch CVCC	Ngạch CVC	Ngạch CV	Ngạch Cán sự	Ngạch nhân viên
2.174	34.576	189.844	15.657	5.471
0,88%	13,96%	76,63%	6,32%	2,21%

b) Phân loại theo trình độ đào tạo

Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
1.808	61.311	172.960	2.329	6.961	2.353
0,73%	24,75%	69,82%	0,94%	2,81%	0,95%

c) Phân loại theo độ tuổi

Từ 30 trở xuống	Từ 31- 40 tuổi	Từ 41-50 tuổi	Từ 51-60 tuổi	Trên 60
18.554	92.376	94.110	42.484	198
7,49%	37,29%	37,99%	17,15%	0,08%

2. CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ (Tính đến thời điểm 31/12/2021)

Số lượng CB, CC cấp xã	Tổng cán bộ, công chức cấp xã (có mặt). Trong đó:						
	Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp Sơ cấp
212.606	72.585	203.566	49.451	3.466	178.115	7.581	29.697
	33,5%	93,9%	22,83%	1,6%	82,3%	3,5%	13,71%

3. SỐ LƯỢNG, PHÂN LOẠI VIÊN CHỨC (Tính đến thời điểm 31/12/2021)

a) Số lượng cả nước

Số lượng viên chức	Trong đó:					
	Trung ương	Địa phương	Viên chức nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo
1.789.585	119.475	1.670.110	1.217.992	1.016.126	216.719	73.731
	6,68%	93,32%	68,06%	56,78%	12,11%	4,12%

b) Phân loại theo chức danh nghề nghiệp

Hạng I và tương đương	Hạng II và tương đương	Hạng III và tương đương	Hạng IV và tương đương
21.296	522.380	819.630	426.279
1,19%	29,19%	45,8%	23,82%

c) Phân loại theo trình độ đào tạo

Đại học trở lên	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và chưa qua ĐT
1.363.664	243.383	168.937	13.601
76,2%	13,6%	9,44%	0,76%

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ KHUNG NĂNG LỰC (Tính đến thời điểm 28/12/2022)

Tổng số vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính: 866 vị trí.		
<i>Nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, trợ lý, thư ký</i>	148	<i>148 bản mô tả CV và khung năng lực của VTVL</i>
<i>Nhóm VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành</i>	650	<i>650 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL</i>
<i>Nhóm VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung</i>	50	<i>50 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL</i>
<i>Nhóm VTVL hỗ trợ phục vụ</i>	18	<i>18 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL</i>
Tổng số vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp: 615 vị trí.		
<i>Nhóm VTVL viên chức lãnh đạo, quản lý</i>	123	<i>123 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL</i>
<i>Nhóm VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên ngành</i>	448	<i>448 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL</i>
<i>Nhóm VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung</i>	34	<i>34 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL</i>
<i>Nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ</i>	10	<i>10 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL</i>
Tổng số vị trí việc làm Cán bộ, công chức cấp xã: 17 vị trí.		
<i>Cán bộ chuyên trách</i>	11	<i>11 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL</i>
<i>Công chức cấp xã</i>	06	<i>06 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL</i>

5. THU HÚT SINH VIÊN XUẤT SẮC, NHÀ KHOA HỌC TRẺ TÀI NĂNG (Tính đến thời điểm 31/12/2021)
(Theo Báo cáo của 37/46 cơ quan Đảng, Nhà nước, các Tổ chức CT-XH ở Trung ương và 58/36 địa phương)

Hồ sơ ứng viên	Hồ sơ đáp ứng tiêu chuẩn	Kết quả thu hút 258 sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, các nhà khoa học trẻ. Trong đó:		
489	387	Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc	Cán bộ khoa học trẻ: 123. Trong đó:	
		135	Thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp I	Tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, Dược sĩ chuyên khoa cấp II
			118	05

6. THI TUYỂN CHỨC DANH LÃNH ĐẠO CẤP VỤ, CẤP SỞ, CẤP PHÒNG (Tính đến thời điểm 28/12/2022)
(Có 14 cơ quan Trung ương được lựa chọn tổ chức thi tuyển nhưng có 12 cơ quan thực hiện, 22 địa phương được lựa chọn thí điểm nhưng chỉ có 20 địa phương thực hiện)

Cả nước	12 Cơ quan trung ương tổ chức thi tuyển được 70 trường hợp. Trong đó:		20 địa phương tổ chức thi tuyển được 1.124 trường hợp. Trong đó:	
1.194 trường hợp Trúng tuyển	Cấp vụ và tương đương	Cấp phòng và tương đương	Cấp sở và tương đương	Cấp phòng và tương đương
	58	12	66	1.058

Ngoài ra có thêm 12 địa phương không thuộc diện thí điểm nhưng đã tổ chức thi tuyển theo Đề án thi tuyển chức danh lãnh đạo cấp Vụ, cấp Sở, cấp Phòng, theo đó đã tuyển được: 15 vị trí cấp Sở; 180 vị trí cấp Phòng. Lũy kế tổng tại địa phương tuyển được: 81 vị trí cấp Sở và tương đương; 1.238 vị trí cấp phòng và tương đương

7. CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THÔI VIỆC, NGHỈ VIỆC (Tính đến thời điểm 30/6/2022)

Khối cơ quan	Tổng cộng	Tỷ lệ so với số giao năm 2021	Công chức		Viên chức				
			Tổng cộng	Tỷ lệ % so với số giao năm 2021	Tổng cộng	Tỷ lệ % so với số giao năm 2021	Trong đó		
							Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp khác
Tổng cộng	39.552	1,94%	4.029	1,63%	35.523	1,98%	16.427	12.198	6.898
Bộ, ngành	7.102	3,14%	1.505	1,14%	5.597	4,68%	2.087	1.015	2.495
Địa phương	32.450	1,79%	2.524	1,79%	29.926	1,79%	14.340	11.183	4.403

III. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

1. SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Đơn vị hành chính cấp huyện sắp xếp cả nước	21	Giảm 08 đơn vị
Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp cả nước	1.056 đơn vị	Giảm 563 đơn vị (Giai đoạn 2019 – 2021:561 đơn vị)

2. SẮP XẾP THÔN, TỔ DÂN PHỐ (Tính đến thời điểm 31/12/2021)

Giai đoạn	Số lượng (thôn, tổ DP) (01/01/2016)	Giảm được số thôn, tổDP:	Thôn, tổ dân phố giảm còn: (31/12/2021)	Người HD không chuyên trách giảm:	Tỷ lệ giảm %	Ngân sách phụ cấp giảm
2016 – 2021 (Thực hiện NQ 18, 653; ND34 và TT 13)	136.824	46.316	90.508	138.948 (người)	33,85%	2.486 tỷ đồng/năm
2019 – 2021 (Thôn, tổ dân phố của 45 tỉnh, thành phố trực thuộc TW trước khi sắp xếp)	86.282	16.321	69.961		18,92%	

3. DỰ KIẾN SẮP XẾP SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TRONG THỜI GIAN TỚI (Tính đến tháng 11/2022, sắp xếp ĐVHC đến 2030)

- Từ 2022 – 2025 đề xuất sắp xếp: **45** đơn vị hành chính cấp huyện và **1.037** đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt cả 02 tiêu chí quy mô dân số và diện tích 70% theo quy định

- Từ 2026 – 2030: Tiếp tục sắp xếp **147** đơn vị hành chính cấp huyện và **1.876** đơn vị hành chính cấp xã.

4. 10 ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TỐT VIỆC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

1. Cao Bằng	3. Phú Thọ	5. Thanh Hóa	7. Bắc Kạn	9. Hải Dương
2. Hòa Bình	4. Hà Tĩnh	6. Lạng Sơn	8. Quảng Ninh	10. Bắc Giang

5. BỐ TRÍ CB, CC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ SAU KHI SẮP XẾP ĐVHC

CB, CC cấp huyện	Số người	Được bố trí đúng quy định	Số dôi dư (Tính đến tháng 12/2022, sắp xếp ĐVHC đến 2030)
Tổng số cán bộ, công chức tại đơn vị hành chính cấp huyện hình thành sau sắp xếp	2.411	1.705	706
Phương án, lộ trình sắp xếp (lộ trình 05 năm)			Đã giải quyết 282/706 người, tỷ lệ 39,94%. Tháng 4/2022 đã giải quyết được 361 người, còn lại: 345 người/706 dôi dư.
CB, CC cấp xã	Số người	Được bố trí đúng quy định	Số dôi dư
Tổng số CB, CC tại đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp	20.403	10.709	9.705
Phương án, lộ trình sắp xếp. (lộ trình 05 năm)			Đã giải quyết được 6.657/9705 Đến tháng 4/2022: 3.048 người
Người hoạt động không chuyên trách	Số người	Được bố trí đúng quy định	Số dôi dư
Tổng số người hoạt động không chuyên trách tại đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp	14.233	5.785	8.448
Phương án, lộ trình sắp xếp. (lộ trình 05 năm)			Đã giải quyết 7.956/8.448 người, tỷ lệ 94,18%. Còn lại: 492

IV. CÔNG TÁC DÂN TỘC

CBCCVVC là người dân tộc thiểu số (25/11/2020)	Số biên chế, lượng người làm việc được giao	Số lượng là người dân tộc thiểu số	Tỷ lệ	Các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ cao
CB, CC, VC ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tổng biên chế CB, CC, VC)	247.722 + 1789.585 = 2.037.307	251.005 người	12,3%	Ủy ban dân tộc: 25,4%; Bộ Tư pháp: 7,2%, Bộ QP: 6,69%, Bộ Kế hoạch và Đầu tư 5,45%, Bảo hiểm XHVN: 5,64%. Bắc Kạn: 72,26%; Cao Bằng: 87,83%; Hà Giang: 66,66%; Lạng Sơn: 75,03%

V. VỀ ĐỀ ÁN 500 TRÍ THỨC TRẺ

a) Tổng quan tình hình thực hiện Đề án

Tổng số đội viên được tuyển chọn	Tổng số tỉnh thực hiện	Dân tộc thiểu số	Nam	Nữ	Đảng viên
500	34	216 (43,2%)	211 (42,2%)	289 (57,8%)	73 (14,6%)

b) Kết quả sau 05 năm (đủ 60 tháng) thực hiện Đề án (từ tháng 3/2015 – 8/2020)

Thủ tướng Chính phủ có Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 01/11/2021 đưa ra giải pháp về bố trí đối với Đội viên Đề án. Kết quả:

Tổng số đội viên được tuyển chọn	Tổng số đội viên có nhu cầu bố trí, sử dụng công việc	Đội viên đã được bố trí, sắp xếp công việc			Chưa được bố trí, sử dụng
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	
500	445 (có 55 đội viên xin nghỉ không tham gia Đề án)	12	54	36	343
		102 người, tỷ lệ 22.9%			77%

Phụ lục 3**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH NĂM 2023***(Kèm theo Báo cáo số _____/BC-BNV ngày ____/____/2022 của Bộ Nội vụ)*

STT	Tên nhiệm vụ, đề án	
I	VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN (21)	
1.	1.	Dự thảo Luật Lưu trữ sửa đổi
2.	2.	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022
3.	3.	Nghị định quy định chi tiết việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” (khoản 3 Điều 96)
4.	4.	Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập
5.	5.	Nghị định về khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung
6.	6.	Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp phó tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020
7.	7.	Nghị định thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020
8.	8.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức
9.	9.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập
10.	10.	Nghị định quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (Thay thế Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019)
11.	11.	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

STT		Tên nhiệm vụ, đề án
12.	12.	Nghị định ban hành Bộ quy tắc đạo đức công vụ
13.	13.	Nghị định quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang
14.	14.	Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội
15.	15.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2022 – 2030 (trong đó có nội dung áp dụng các chính sách đặc thù)
16.	16.	Nghiên cứu rà soát Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các Luật có liên quan, báo cáo UBTVQH
17.	17.	Chiến lược quốc gia về cải cách hành chính của Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050
18.	18.	Đề án Chiến lược Quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
19.	19.	Đề án liên thông cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh
20.	20.	Đề án Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045
21.	21.	Khảo sát, nghiên cứu, rà soát Luật hoạt động chữ thập đỏ
II		THÔNG TƯ BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ BAN HÀNH (13)
22.	1.	Thông tư hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022
23.	2.	Thông tư hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”
24.	3.	Thông tư hướng dẫn Nghị định Kiểm định chất lượng đầu vào công chức
25.	4.	Thông tư thay thế Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (Thông tư 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010; 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012; 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 và 15/2001/TT-BTCCBCP ngày 11/4/2001)

STT		Tên nhiệm vụ, đề án
26.	5.	Thông tư của Bộ Nội vụ quy định điều kiện, tiêu chuẩn về các danh hiệu, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
27.	6.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố
28.	7.	Thông tư hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội
29.	8.	Thông tư hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng
30.	9.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ Thông tư số 03/2008/TT-BNV ngày 3/6/2008 về hướng dẫn thực hiện xét nâng ngạch không qua thi đối với cán bộ, công chức, viên chức đã có thông báo nghỉ hưu.
31.	10.	Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BNV-BXD ngày 21/8/2014 của Bộ Nội vụ và Bộ Xây dựng hướng dẫn thành phần tài liệu, dự án, công trình xây dựng nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử
32.	11.	Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 1 Thông tư số 02/2020/TT-BNV ngày 14/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ để phù hợp với Luật Cư trú
33.	12.	Thông tư thay thế Thông tư số 03/2010/TT-BNV ngày 29/4/2010 của Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật chính lý tài liệu giấy
34.	13.	Thông tư quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

THAM LUẬN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Bộ Ngoại giao

Tham luận “Bồi dưỡng công chức đang công tác nhiệm kỳ tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài”

1. Sơ lược về công tác bồi dưỡng tại Bộ Ngoại giao

Công tác bồi dưỡng cán bộ tại Bộ Ngoại giao luôn được thực hiện trên tinh thần xác định đội ngũ cán bộ là nền tảng quan trọng nhất để có thể đảm nhận và thực hiện thành công những nhiệm vụ, trọng trách mà nhà nước giao phó. Chúng tôi luôn nhất quán nguyên tắc của tư tưởng Hồ Chí Minh “cán bộ là cái gốc của mọi việc”, đồng thời thường xuyên, liên tục quán triệt, nắm vững những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về công tác xây dựng đội ngũ và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ - để làm cơ sở cho triển khai công tác này tại Bộ Ngoại giao.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XIII đã khẳng định một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc là “nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân”. Thực hiện chủ trương này, cùng những chương trình, kế hoạch, biện pháp liên quan của Chính phủ, Bộ Ngoại giao hiện đang xây dựng Chiến lược và xây dựng phát triển ngành ngoại giao tới 2030, trong đó có định hướng xây dựng đội ngũ cán bộ ngoại giao chuyên nghiệp, toàn diện, hiện đại; có phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực chuyên môn, ngoại ngữ ngày càng tiệm cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

Với tinh thần đó, Bộ Ngoại giao luôn chú trọng, nỗ lực thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bồi dưỡng, với những chương trình, lớp bồi dưỡng dành cho nhiều nhóm đối tượng, từ những cán bộ mới tuyển dụng, cán bộ trẻ mới vào ngành, tới cán bộ trung cấp, diện quy hoạch và tiếp đó là cán bộ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị - nhằm cố gắng hình thành, phát triển môi trường, điều kiện thuận lợi để cán bộ được thường xuyên học tập và “học tập suốt đời”. Nội dung, hình thức, phương thức bồi dưỡng đều có những cải tiến. Về nội dung, một mặt tiếp tục tăng cường, bổ sung các nội dung mới về trau dồi, rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực đang ngày càng phức tạp; một mặt tiếp tục thường xuyên cập nhật, bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng hiện đại để cán bộ ngoại giao phát huy, làm việc hiệu quả trong môi trường quốc tế, phù hợp với chức danh, kinh nghiệm, vị trí công tác... Về hình thức, phương thức, các khóa bồi dưỡng cố gắng tăng tương tác, trao đổi, tăng chia sẻ tri thức, kinh nghiệm từ các chuyên gia, các nhà ngoại giao cấp cao kỳ cựu... nhằm gia tăng khả năng tiếp thu, vận dụng của các học viên và tiếp nối, lan tỏa các tri thức quý. Trung bình hàng năm, Bộ Ngoại giao tổ chức khoảng 16-18 khóa bồi dưỡng và 4-5 tọa đàm, trao đổi với 1600 lượt cán bộ tham dự (so với tổng số cán bộ của Bộ là hơn 2000 người). Chất lượng bồi dưỡng cán bộ của Bộ Ngoại giao được sự ghi nhận của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các cơ quan hữu quan, và thể hiện qua đóng góp của cán bộ vào kết quả của công tác đối ngoại.

2. Bồi dưỡng cán bộ đang công tác tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

Đội ngũ cán bộ của Bộ Ngoại giao có đặc điểm riêng là luôn có một số lượng nhất định đang công tác nhiệm kỳ tại các cơ quan đại diện ở nước ngoài. Hiện nay, số lượng này có khoảng 700 công chức, viên chức và người lao động, có mặt tại 94 cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Việc triển khai công tác bồi dưỡng đối với các cán bộ đang công tác ở nước ngoài này có một số yếu tố cần phải xem xét:

- Thứ nhất, công tác tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài là nhiệm vụ có yêu cầu khá đặc thù, với việc cán bộ được cử đi nhiệm kỳ trong 3 năm với yêu cầu trước hết là tập trung thực hiện các công việc được giao tại cơ quan đại diện – vốn rất đa dạng, phức tạp, một người phải kiêm nhiệm nhiều công việc (từ nghiên cứu, phân tích tới xây dựng quan hệ và tổ chức sự kiện, lễ tân... trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ...). Do yêu cầu đó, cơ hội tham gia bồi dưỡng của cán bộ tại cơ quan đại diện cũng hạn chế hơn.

- Thứ hai, như trên đã nêu, về địa lý, các cán bộ này có mặt tại 94 cơ quan đại diện tại 94 địa bàn ở các nước khác nhau, với sự chênh lệch về múi giờ rất khác biệt. Do đó, việc thu xếp các chương trình, lớp học chung cho các cán bộ này khó có thể có một thời gian chung “thuận lợi nhất” cho tất cả. Đồng thời, việc tổ chức lớp học theo phương thức “truyền thống” với sự hiện diện của giáo viên và học viên tại một địa điểm nhất định là không khả thi.

Vì vậy, trước đây công tác bồi dưỡng cho nhóm đối tượng này chủ yếu tập trung vào thời gian trước khi lên đường đi công tác nhiệm kỳ. Theo đó, Bộ Ngoại giao tổ chức các chương trình bồi dưỡng cho các nhóm là Trưởng cơ quan đại diện, nhóm cán bộ mang chức vụ ngoại giao cấp cao, nhóm các cán bộ ngoại giao khác và cả nhóm các nhân viên ngoại giao thực hiện các nhiệm vụ thừa hành hoặc chuyên môn đặc thù như kế toán tại cơ quan đại diện. Đây là các chương trình trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho cán bộ công tác tại cơ quan đại diện, bao gồm cả lĩnh vực đối ngoại và các lĩnh vực khác như lãnh đạo, quản lý, điều hành và các yêu cầu bảo mật, bảo vệ chính trị nội bộ...

Mặt khác, trong tổng thể công tác bồi dưỡng cán bộ, Bộ Ngoại giao nhận thấy cần thiết phải có hình thức, cách thức bồi dưỡng phù hợp cho cán bộ trong thời gian công tác nhiệm kỳ tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Sự cần thiết đó xuất phát từ những lý do chính như sau:

Thứ nhất, việc bồi dưỡng để xây dựng đội ngũ cán bộ ngoại giao chuyên nghiệp, toàn diện, hiện đại không tách rời việc bồi dưỡng lực lượng cán bộ đang công tác ở nước ngoài, với quan điểm phải “học tập suốt đời”. Thời gian nhiệm kỳ 3 năm là thời gian đủ dài để cán bộ cần được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, cũng như rèn luyện thêm bản lĩnh, ý thức; vừa phục vụ tốt hơn cho nhiệm vụ tại cơ quan đại diện, vừa để không phải mất nhiều thời gian làm quen, “bắt nhịp” khi kết thúc nhiệm kỳ trở lại công tác trong nước.

Thứ hai, việc được bồi dưỡng cũng là nhu cầu tự thân của mỗi cán bộ, vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ. Điều này càng trở nên quan trọng khi có một số chương trình, khóa học là yêu cầu bắt buộc đối với chức danh, ngạch, bậc... của công chức, viên chức trong nước. Việc được tham gia các chương trình, khóa học này khi đi

công tác nhiệm kỳ sẽ khiến cho công chức, viên chức có tâm lý thoải mái hơn, không lo lắng có thể bị lỗ cơ hội (ví dụ như kỳ thi nâng ngạch công chức) khi về nước; tạo động lực để yên tâm công hiến, phục vụ công việc.

Vì vậy, trong thời gian gần đây, Bộ Ngoại giao đã tích cực đẩy mạnh, tìm tòi đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bồi dưỡng đối với cán bộ đang công tác nhiệm kỳ ở nước ngoài với hai trọng tâm chính.

Trọng tâm thứ nhất, xác định tính chất, yêu cầu nhiệm vụ đặc thù của cán bộ công tác nhiệm kỳ tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong 3 năm cần tập trung, dành thời gian, nguồn lực trước hết cho công tác của cơ quan, Bộ Ngoại giao đã cố gắng đẩy mạnh hình thức đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ - nghĩa là thông qua công việc, đề cao trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, động viên, đôn đốc của người đứng đầu và các cấp lãnh đạo, quản lý tại cơ quan đại diện. Hiện nay Bộ đang yêu cầu các cơ quan đại diện tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng quy trình công tác, lưu giữ và chia sẻ tri thức, kinh nghiệm... để các cán bộ của các nhiệm kỳ sau có thể tiếp cận, tiếp thu và áp dụng dễ dàng hơn. Những nội dung này cũng được nhấn mạnh trong Chiến lược quản lý trí thức của Bộ Ngoại giao và trong Chiến lược xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến 2030 đang trong quá trình hoàn thiện.

Trọng tâm thứ hai là tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan như Bộ Nội vụ và tranh thủ khoa học, công nghệ để tổ chức, triển khai các hoạt động, các lớp bồi dưỡng cho cán bộ đang công tác nhiệm kỳ ở nước ngoài, với nguyên tắc không để ảnh hưởng tới công việc của cơ quan đại diện, đồng thời cố gắng khắc phục những khó khăn, hạn chế do tính chất của công tác ở nước ngoài đem lại như các yếu tố về địa lý, thời gian... như đã nêu trên. Thời gian qua, sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 đã càng thúc đẩy thêm sự quyết tâm triển khai các lớp, chương trình học tập trực tuyến – một yếu tố quan trọng để thực hiện bồi dưỡng cho lực lượng cán bộ tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Trong đó, trước hết phải nhắc đến và cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ của Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức các lớp bồi dưỡng theo chức danh và theo ngạch bậc cho đối tượng này trong 2 năm qua 2021-2022. Cho tới nay, các đơn vị chức năng của Bộ Ngoại giao đã phối hợp với các đơn vị liên quan của Bộ Nội vụ và Học viện Hành chính quốc gia tổ chức 04 lớp bồi dưỡng kiến thức lãnh đạo, quản lý cấp Vụ và 01 lớp bồi dưỡng chương trình quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp cho cán bộ đang công tác nhiệm kỳ, với hơn 200 cán bộ tham dự.

Đồng thời, Bộ Ngoại giao cũng tổ chức các hoạt động tọa đàm, bồi dưỡng thông tin, kiến thức để phục vụ triển khai công tác tại cơ quan đại diện. Từ năm 2020 đến nay, Bộ Ngoại giao đã tổ chức một số tọa đàm trực tuyến với các cơ quan đại diện với nhiều chủ đề quan trọng, thiết thực và được đánh giá cao như tọa đàm về tác động và bài học kinh nghiệm với ngoại giao Việt Nam trong bối cảnh Covid-19, tọa đàm về sức khỏe tinh thần, những buổi hướng dẫn kiến thức phòng chống và điều trị bệnh...

Công tác bồi dưỡng cho cán bộ đang công tác nhiệm kỳ còn được nhấn mạnh ở phương diện thường xuyên quán triệt, bồi dưỡng về lý luận, bản lĩnh chính trị cho các thành viên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026 tới nay, Bộ Ngoại giao đã tổ chức 04 đợt quán triệt Nghị quyết Trung ương 4

và học tập Chuyên đề năm 2002 với 4 điểm cầu trong nước và gần 100 điểm cầu ngoài nước với 1650 cán bộ, đảng viên tham dự theo hình thức trực tuyến tới cán bộ trong nước và cán bộ đang công tác tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Ngoài ra, Bộ Ngoại giao tổ chức Hội nghị thông báo nhanh kết quả Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII, Hội nghị quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 khóa XIII, qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả, nhận thức của cán bộ và cơ quan đại diện so với hình thức chỉ thông tin qua văn bản.

Với sự đóng góp của các hoạt động nêu trên, các cán bộ công tác tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đã được phát triển, bồi dưỡng thêm về kiến thức, hiểu biết để thực hiện nhiệm vụ; đồng thời cố gắng khắc phục, vượt qua những khó khăn của đại dịch, nhất là khi tình hình dịch Covid-19 ở địa bàn nước ngoài căng thẳng và không được chính phủ sở tại chi trả nếu mắc bệnh, có những địa bàn địa bàn xa xôi, khó khăn về kinh tế, y tế...; tiếp tục yên tâm, nỗ lực công tác, đóng góp vào kết quả chung của công tác ngoại giao vắc-xin của Chính phủ.

3. Phương hướng, đề xuất

Có thể nói, thời gian qua Bộ Ngoại giao, với sự hỗ trợ, phối hợp của Bộ Nội vụ và các cơ quan hữu quan đã có những nỗ lực đổi mới, nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng cán bộ nói chung và bồi dưỡng cho cán bộ đang công tác nhiệm kỳ tại cơ quan đại diện ở nước ngoài nói riêng, và đạt được những kết quả nhất định. Về phương hướng cho thời gian tới, Bộ Ngoại giao đang có một số nghiên cứu, suy nghĩ, xin được phép chia sẻ:

Thứ nhất, thực tiễn thời gian qua cho thấy việc thu xếp, tổ chức các lớp bồi dưỡng phù hợp cho cán bộ đang công tác nhiệm kỳ ở nước ngoài là cần thiết và phù hợp, tạo được thêm động lực làm việc cũng như quá trình rèn luyện, phấn đấu. Chúng tôi mong muốn tiếp tục được sự đồng hành, giúp đỡ của Bộ Nội vụ và các Bộ, cơ quan liên quan khác để có thể tổ chức tiếp những khóa học tương tự một cách thường xuyên, đều đặn cho các cơ quan đại diện. Đồng thời, Bộ Ngoại giao cũng tiếp tục nghiên cứu, mở rộng hình thức bồi dưỡng trực tuyến về kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ tại cơ quan đại diện.

Thứ hai, trong Chiến lược xây dựng và phát triển ngành ngoại giao tới 2030, Bộ Ngoại giao đang định hướng sẽ phấn đấu hình thành môi trường tạo điều kiện cho cán bộ có thể học tập, rèn luyện suốt đời. Với mục tiêu này, Bộ đang nghiên cứu việc xây dựng một hệ thống dữ liệu trực tuyến, ở đó có thể cung cấp các giáo trình, bài giảng hoặc các sách tham khảo cho cán bộ, qua đó có thể tự học một phần và giảm thời gian lên lớp trực tiếp, và tiến tới có thể cung cấp một số khóa học thông qua hệ thống này.

Thứ ba, tiếp tục chú trọng và phát huy hơn nữa việc bồi dưỡng, rèn luyện qua thực tế, qua công việc. Cùng với việc nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của các thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cần tiếp tục quan tâm, tranh thủ trí thức, kinh nghiệm của các cán bộ ngoại giao, các chuyên gia lão thành, kể cả những người đã ở tuổi nghỉ hưu – vì trong triển khai hoạt động đối ngoại, các mối quan hệ hợp tác và kinh nghiệm luôn là nguồn vốn quan trọng hàng đầu.

Thứ tư, Bộ Ngoại giao sẽ tiếp tục tích cực phối hợp, đóng góp cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các cơ quan, địa phương theo sự chỉ đạo của Chính

phủ, đặc biệt là về công tác hội nhập quốc tế và năng lực làm việc trong môi trường quốc tế. Hiện nay, thực hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Ngoại giao đang xây dựng Đề án về đào tạo, bồi dưỡng năng lực làm việc trong môi trường quốc tế đối với công chức, viên chức. Bộ Ngoại giao rất mong tiếp tục được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự phối hợp, hỗ trợ chặt chẽ của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các cơ quan, địa phương để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ, góp phần vào công tác xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới./.

2. Bộ Tài Chính

Tham luận về “Việc thực hiện triển khai chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ của Bộ Tài Chính”

Nguyễn Trãi - anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã khẳng định trong tác phẩm thiên cổ hùng văn - Bình Ngô đại cáo, rằng: *“Như nước Đại Việt ta từ trước/Vốn xưng nền văn hiến đã lâu/... Dẫu cường nhược từng lúc khác nhau/ Song hào kiệt đời nào cũng có.”*

Quả vậy, trong suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của ông cha ta, tại bất cứ thời kỳ, triều đại nào cũng xuất hiện những nhân tài, hào kiệt làm rạng rỡ dân tộc, non sông, đất nước ta. Từ lẽ đó, việc phát hiện và trọng dụng nhân tài đã trở thành một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Bởi vì, từ buổi đầu dựng nước, tổ tiên của chúng ta là các vua Hùng cho đến các triều đại vua phong kiến Đinh, Lê, Lý, Trần, Nguyễn, càng về sau, việc tìm kiếm, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài ngày càng được chú trọng hơn. Lịch sử đã cho thấy, ở một thời kỳ lịch sử nào mà nhân tài được trọng dụng để phát huy tài năng thì triều đại đó thường có những thành tựu, phát triển rực rỡ.

Sau này, lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo Cách mạng Việt Nam cũng là một tấm gương mẫu mực về trọng dụng nhân tài. Có thể thấy, từ buổi nước nhà vừa giành được độc lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trong lúc còn bộn bề khó khăn, thù trong, giặc ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm tìm người tài để xây dựng đất nước. Trên cương vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh có một văn bản với tiêu đề “Tìm người tài đức”. Văn bản này đăng trên Báo Cứu quốc số ra ngày 20-11-1946, nêu rõ: *“Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận. Nay muốn sửa điều đó và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết. Báo cáo phải nói rõ tên tuổi, nghề nghiệp, tài năng, nguyện vọng và chỗ ở của người đó. Hạn trong một tháng, các cơ quan địa phương phải báo cáo cho đủ”*.

Xuất phát từ truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách thu hút và tập hợp trí thức trẻ, tạo môi trường rèn luyện, trưởng thành trong thực tiễn; đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trẻ bổ sung, kế thừa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vinh quang mà ông cha ta gây dựng.

Sau khi Bộ Chính trị ban hành Kết Luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, được thể chế hóa tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 5/12/2017 của Chính phủ, Bộ Tài chính là đơn vị đầu tiên trên cả nước tổ chức thực hiện thu hút và tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học

trẻ theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP để nâng cao chất lượng nguồn lực của Bộ Tài chính, đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa ngành và hội nhập kinh tế quốc tế.

Theo đó, Bộ Tài chính đã ban hành các Quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng, trong đó nêu rõ đối tượng tuyển dụng, chỉ tiêu tuyển dụng, hình thức tuyển dụng và trình tự, thủ tục triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật, cụ thể như sau:

- Năm 2018, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1108/QĐ-BTC ngày 10/7/2018 về việc phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức Bộ Tài chính theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP;

- Năm 2019, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 2356/QĐ-BTC ngày 13/11/2019 về việc phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức Kho bạc Nhà nước theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP;

- Năm 2022, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 708/QĐ-BTC ngày 11/5/2022 về việc phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức Bộ Tài chính theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP.

Trên cơ sở nội dung các kế hoạch, Bộ Tài chính đã tổ chức tuyển dụng công khai, minh bạch và theo đúng quy định của Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ và các văn bản liên quan. Tổng số chỉ tiêu dự kiến tuyển dụng theo các Đề án là 88 chỉ tiêu. Kết quả, Bộ Tài chính đã thực hiện tuyển dụng được 51 sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ vào công tác, trong đó 49 trường hợp công tác tại Cơ quan Bộ Tài chính và 02 trường hợp công tác tại Cơ quan Kho bạc Nhà nước.

Qua kết quả theo dõi, đánh giá thực hiện nhiệm vụ hàng năm đến cho thấy, nhìn chung sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ được đánh giá hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong đó, có người được đánh giá cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng áp dụng kiến thức vào lĩnh vực phụ trách, có triển vọng phát triển; có tư duy, năng lực chuyên môn tốt, có khả năng làm việc nhóm cũng như làm việc độc lập tốt, có tinh thần học hỏi, phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Những kết quả đã đạt được qua các kỳ tuyển dụng công chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP đã thật sự tạo ra những chuyển biến rõ rệt trong công tác tuyển chọn, thu hút trí thức trẻ vào làm việc tại khu vực hành chính công, bước đầu đưa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn trong công tác phát hiện, bồi dưỡng nhân tài, tạo nguồn cán bộ, chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực phục vụ lâu dài cho sự nghiệp phát triển đất nước. Cho thấy Đảng và Nhà nước luôn dành sự quan tâm, chăm lo giáo dục, rèn luyện, tạo điều kiện để các tri thức trẻ phấn đấu và trưởng thành, đồng thời cũng góp phần xây dựng và củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng, cổ vũ tinh thần năng động, sáng tạo, phát huy vai trò xung kích của thế hệ trẻ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, Nghị định số 140/2017/NĐ-CP thực chất mới chỉ quy định chủ yếu về công tác tuyển dụng đầu vào, là một trong ba vấn đề then chốt liên quan về công tác cán bộ (gồm tuyển dụng, sử dụng, quản lý), do đó quy định pháp luật đang còn tồn tại một số hạn chế, khiêm khuyết cần được Bộ Nội vụ nghiên cứu, báo cáo Chính phủ xem xét bổ sung, hoàn thiện như sau:

Một là, về chế độ lương, phụ cấp: hiện nay theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, trong trường hợp không trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch hoặc hết thời gian 05 năm được hưởng phụ cấp tăng thêm thì công chức được tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP cơ bản không còn được hưởng chế độ đãi ngộ tăng thêm về lương, thậm chí thời gian tính nâng bậc lương lần sau của một số trường hợp có thể còn bị chậm hơn so với các trường hợp công chức được tuyển dụng theo phương thức thông thường. Do đó, đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, quy định về chính sách tiền lương, phụ cấp đối với công chức được tuyển dụng theo chính sách thu hút nguồn sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đảm bảo mức đãi ngộ phù hợp, cạnh tranh, tạo động lực lao động cống hiến.

Hai là, về đào tạo, bồi dưỡng: nhìn chung công chức được tuyển dụng theo chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đều được quan tâm tạo điều kiện cử đi học các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu của lĩnh vực công tác. Tuy nhiên, đối với một số chương trình đào tạo, bồi dưỡng mà quy định yêu cầu có các điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể để được tham gia (như bồi dưỡng lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức lãnh đạo, quản lý...) thì trong các văn bản hiện hành chưa đề cập đến đối tượng được tuyển dụng theo chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Do đó, đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách cụ thể để khuyến khích, tạo thuận lợi cho công chức được tuyển dụng theo chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ được tiếp cận và tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu nhiệm vụ.

Ba là, về quy hoạch, bổ nhiệm: Tại Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có nêu về một số nhiệm vụ, giải pháp trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm như sau:

“Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý và sử dụng có trách nhiệm xem xét, lựa chọn và đặc cách vào diện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên gia đầu ngành của các lĩnh vực công tác ở Trung ương và địa phương.

- Xuất phát từ nhu cầu, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và căn cứ kết quả công tác, sau tuyển dụng từ 1 đến 2 năm, nếu hoàn thành tốt nhiệm vụ thì được xem xét, bổ nhiệm làm lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng và tương đương ở cấp huyện trở lên (theo phân cấp), kể cả cán bộ chưa là đảng viên (trừ các cơ quan tham mưu của cấp uỷ, tổ chức đảng và lực lượng vũ trang).”

Do đó, bên cạnh việc hoàn thiện các chính sách về tuyển dụng đối với sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ thì Bộ Nội vụ cần quan tâm, nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét về cơ chế, chính sách đặc thù liên quan đến công tác quy hoạch, bổ nhiệm dành cho đối tượng được tuyển dụng theo chính sách thu hút tạo nguồn cán bộ từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

Bốn là, về trách nhiệm, nghĩa vụ của công chức được tuyển dụng theo chính sách thu hút: Quy định hiện nay chưa gắn trách nhiệm, yêu cầu đối với công việc cần thực hiện với mức lương cũng như các chế độ đãi ngộ đối với công chức được tuyển dụng theo chính sách thu hút từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Do đó, đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu để bổ sung quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của đối tượng được tuyển dụng theo chính sách thu hút từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

Trước lúc đi xa, trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: *“Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”*. Quan điểm, tư tưởng và nghệ thuật trọng dụng nhân tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến nay vẫn còn nguyên giá trị và là bài học kinh nghiệm quý báu cho công tác cán bộ của Đảng ta. Đảng và Nhà nước không chỉ coi thu hút và sử dụng nhân tài là một nội dung quan trọng trong công tác cán bộ, bởi nhân tài - cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với sự nghiệp của Đảng, của đất nước; là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng và phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đồng thời nhân loại cũng đang chứng kiến những thay đổi vượt bậc của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 với sự kết hợp của công nghệ trong các lĩnh vực vật lý, công nghệ số và sinh học, tạo ra những khả năng sản xuất hoàn toàn mới và có tác động sâu sắc đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới. Nếu không muốn đất nước ta trở nên tụt hậu, kém phát triển thì yêu cầu bắt buộc dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng phải tiếp tục tiến hành cải cách, đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đảng, Nhà nước cần tiếp tục quan tâm xây dựng và triển khai chiến lược phát triển nhân tài, lấy việc “cầu hiền tài” là một chiến lược phát triển, thực hiện chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ chuyên môn, năng lực, trình độ và đạo đức chính trị phù hợp, đáp ứng với yêu cầu của thời đại mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./

3. Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương)

Tham luận về “Giải pháp trọng tâm trong công tác thi đua - khen thưởng năm 2023”

Đối với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, có thể nói, năm 2022 là một năm với rất nhiều khó khăn và biến động. Thực hiện Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ, cũng như Ban Tôn giáo Chính phủ, tổ chức Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương sắp xếp tinh gọn hơn, quy mô nhỏ hơn. Điều này ảnh hưởng rất nhiều đến tâm tư của đội ngũ công chức, viên chức của Ban. Tuy nhiên, với tinh thần thi đua, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Càng khó khăn càng phải thi đua”, tập thể lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã đoàn kết, đồng lòng vượt khó hoàn thành tốt và toàn diện nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất được Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ Nội vụ tin tưởng, giao nhiệm vụ, lập thành tích thiết thực kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Viện Huân chương (nay là Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương). Cụ thể như sau:

Một là, Tập trung xây dựng xây dựng, hoàn thiện dự án Luật Thi đua, khen thưởng để tham mưu Bộ trưởng Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 3 Quốc hội Khóa XV vào ngày 15/6/2022. Có thể nói, đây là nhiệm vụ quan trọng nhất của Ban trong năm 2022 nhằm hoàn thiện thể chế, tăng cường quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng và xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất. Ngay khi Luật được thông qua, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã thực hiện triển khai những điểm mới của Luật cho đội ngũ công chức làm công tác thi đua, khen thưởng các tỉnh, thành phố và một số bộ, ngành, gắn với Hội nghị tập huấn, Hội nghị triển khai công tác.

Hai là, Đề công tác thi đua đảm bảo thiết thực, góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã tham mưu trình Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ phát động Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại đồng bộ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” vào ngày 18/11/2022 tại tỉnh Ninh Bình. Và kịp thời tham mưu để Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1478/QĐ-TTg ngày 28/11/2022 về Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua.

Như các đồng chí đã biết, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng coi phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng là “một trong 03 đột phá chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội đất nước nhanh và bền vững”; đồng thời xác định nhiệm vụ trọng tâm là “tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội”. Việc Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tham mưu phong trào thi đua trên sẽ góp phần tạo khí thế thi đua sôi nổi, đẩy mạnh xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và thực hiện các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đời sống xã hội.

Có thể nói, cùng với 3 phong trào thi đua lớn do Thủ tướng Chính phủ phát động là “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” và “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”, phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại đồng bộ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” cũng sẽ kỳ vọng là một trong những phong trào thi đua mang lại những kết quả thiết thực, nhận được sự tham gia, hưởng ứng tích cực của các bộ, ngành, địa phương và nhân dân cả nước, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và những nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng kết cấu hạ tầng mà Thủ tướng Chính phủ đang tập trung, chỉ đạo.

Ba là, Nhằm thực hiện tốt công tác tuyên truyền gương điển hình tiên tiến, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã tham mưu trình Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 08/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2022 – 2025”. Có thể nói, Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2022 – 2025” với rất nhiều những điểm mới về công tác tuyên truyền điển hình tiên tiến nhằm đẩy mạnh tuyên truyền gương điển hình tiên tiến, góp phần đề cao những giá trị tốt đẹp trong xã hội.

Bốn là, Thực hiện Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã thực hiện sắp xếp bộ máy đảm bảo hoạt động tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo đúng sự chỉ đạo của Trung ương và Lãnh đạo Bộ. Đây có thể nói là một nhiệm vụ rất quan trọng, trọng tâm trong năm 2022 nhằm ổn định tổ chức, ổn định tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ công chức, viên chức Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Bên cạnh những nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã thực hiện tốt nhiệm vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương; thực hiện tốt nhiệm vụ thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng theo đúng Luật và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo đúng người, đúng việc, đúng thành tích, kịp thời tôn vinh những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước, gương “Người tốt, việc tốt” kịp thời phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước, các bộ, ban, ngành, địa phương và các nhiệm vụ thường xuyên khác.

Kính thưa các đồng chí!

Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xác định năm 2023 sẽ tiếp tục là một năm với nhiều thách thức và khó khăn hơn do Quy mô tổ chức nhỏ hơn. Thêm vào đó, tình hình kinh tế, xã hội càng nhiều thay đổi, đòi hỏi đội ngũ lãnh đạo, công chức Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương phải luôn chủ động, sáng tạo để tham mưu kịp thời về công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình mới. Tập thể Lãnh đạo Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xác định: càng khó khăn bao nhiêu,

càng phải đoàn kết, thống nhất. Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2022, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương tập trung thực hiện **05** nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 như sau:

Thứ nhất, Tiếp tục tập trung công tác tham mưu xây dựng thể chế, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng, xây dựng hệ thống pháp luật thi đua khen thưởng hoàn thiện, đồng bộ, phù hợp với tiến trình đổi mới của đất nước và hội nhập quốc tế. Để chính sách thi đua, khen thưởng của Nhà nước được áp dụng toàn diện, bao quát trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, đồng bộ với thời điểm Luật thi đua, khen thưởng đi vào cuộc sống vào ngày 01/01/2024, Ban sẽ chủ trì, tham mưu cho Bộ trưởng 02/10 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thi đua, khen thưởng và 02 Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định; đồng thời, phối hợp xây dựng 08 Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật thi đua, khen thưởng. Tích cực triển khai, tập huấn những điểm mới của Luật thi đua, khen thưởng. Đây được coi là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt năm 2023.

Thứ hai, Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai các Phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động, trọng tâm là phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại đồng bộ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”. Trong đó, phối hợp với một số bộ, ngành trung ương xây dựng bộ tiêu chí trong từng lĩnh vực để phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả. Với vai trò là cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tiếp tục có nhiều sáng tạo, tham mưu cho Hội đồng thực hiện tốt công tác tham mưu, tư vấn cho Đảng, nhà nước đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; gắn với việc tổ chức giám sát, kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của các bộ, ngành, địa phương.

Thứ ba, Triển khai thực hiện Đề án Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2022 - 2025 của Thủ tướng Chính phủ. Và trọng tâm công tác tuyên truyền năm 2023 là tham mưu trình Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức kỷ niệm 75 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948-11/6/2023) với nhiều hoạt động thiết thực, tôn vinh những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Thứ tư, Phát hiện, tham mưu khen thưởng kịp thời, đúng người, đúng việc, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo khen thưởng, đặc biệt quan tâm phát hiện nhân tố mới, tăng cường khen đột xuất, cho tập thể, cá nhân để tạo động lực phát triển và lan tỏa sâu rộng trong từng cơ quan, đơn vị cơ sở.

Thứ năm, Tiếp tục xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức viên chức chuyên nghiệp, trình độ chuyên môn cao, say mê, yêu nghề, tâm huyết, trách nhiệm, gắn bó, tận tâm, tận tụy với công việc. Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương, rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ hiệu quả, đề cao vai trò người đứng đầu.

Để thực hiện được những nhiệm vụ trọng tâm trên, Lãnh đạo Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xác định: lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương phải tăng cường đoàn kết, phát huy tinh thần dân chủ, sức mạnh và trí tuệ tập thể. Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công

tác có trọng tâm, trọng điểm, luôn chủ động tham mưu có hiệu quả cho Bộ trưởng, Ban Cán sự Đảng trong thực hiện nhiệm vụ.

Trong thời gian tới, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo và tạo điều kiện của Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ và sự phối hợp của các đơn vị thuộc Bộ.

Nhân dịp Xuân Quý Mão sắp đến, thay mặt toàn thể đội ngũ lãnh đạo, công chức, viên chức Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, kính chúc Bộ trưởng, các đồng chí Lãnh đạo Bộ và toàn thể các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và nhiều thắng lợi mới!

Xin trân trọng cảm ơn!

4. Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ)

Tham luận về “Kết quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2023 - Kiến nghị, đề xuất”

Ban Tôn giáo Chính phủ đồng tình và nhất trí cao với nội dung báo cáo Tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2023 của ngành Nội vụ. Ban Tôn giáo Chính phủ xin báo cáo và làm rõ thêm một số tình hình, kết quả công tác năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2023 của Ban Tôn giáo Chính phủ và ngành Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, cụ thể như sau:

1. Về tình hình tín ngưỡng, tôn giáo năm 2022

Năm 2022, các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn cả nước diễn ra sôi động, ổn định và tuân thủ pháp luật, đảm bảo theo đúng Hiến chương, Điều lệ, tôn chỉ mục đích và phương châm hành đạo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc của các tổ chức tôn giáo. Nhiều tổ chức tôn giáo đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ, hội nghị thường niên; phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, thuyên chuyển chức sắc, chức việc; xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở thờ tự tôn giáo... theo đúng quy định của pháp luật. Một số cơ sở tín ngưỡng của tứ trấn Thăng Long tổ chức đón Bằng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt “Thăng Long tứ trấn”. Trên địa bàn cả nước không xảy ra các vụ việc phức tạp lớn, các “điểm nóng” liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

Các tổ chức tôn giáo tiếp tục vận động chức sắc, tín đồ tham gia các hoạt động an sinh xã hội vì cộng đồng; tích cực chung tay với các cấp chính quyền trong công tác phòng, chống dịch Covid-19. Nhiều hoạt động từ thiện nhân đạo, ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19 cũng như các chính sách phục hồi phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện “trạng thái mới” tiếp tục nhận được sự quan tâm, tham gia tích cực của các tổ chức, cán nhân tôn giáo. Quan hệ giữa các cấp chính quyền với các tổ chức tôn giáo ngày càng cởi mở hơn, gắn bó hơn trên tinh thần đối thoại thẳng thắn, tôn trọng lẫn nhau. Các nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo được cấp ủy, chính quyền các địa phương quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi.

Các tổ chức tôn giáo tiếp tục tích cực hưởng ứng, thực hiện cuộc vận động của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Tôn giáo Chính phủ về việc treo cờ Tổ quốc tại các cơ sở tôn giáo. Cho đến nay, nhiều cơ sở tôn giáo đã thực hiện việc treo cờ Tổ quốc trong các dịp lễ Quốc khánh (2/9), Tết cổ truyền của dân tộc và các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng của đất nước, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ, hiệu ứng tích cực trong Nhân dân.

Tính đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2022, Nhà nước đã công nhận và cấp đăng ký hoạt động cho **43** tổ chức thuộc 16 tôn giáo; với **27.217.718** tín đồ, chiếm trên **27,4%** dân số cả nước, trong đó có **53.755** chức sắc, **148.341** chức việc; có **29.718** cơ sở thờ tự. So với năm 2021, số lượng tín đồ tăng **623.094** người; chức sắc giảm **370** người; chức việc tăng **2.780** người; cơ sở thờ tự tăng **60** cơ sở.

Bên cạnh những mặt tích cực, tình hình tín ngưỡng, tôn giáo vẫn nổi lên một số vấn đề đáng chú ý, như: (1) Các thế lực thù địch, phần tử phản động và số chức sắc cực đoan trong các tôn giáo tiếp tục có những hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn

giáo chống Đảng, Nhà nước; lợi dụng các vấn đề tiêu cực trong xã hội, các vụ việc phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo để kích động chức sắc, tín đồ gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; (2) Vẫn còn một số cơ sở tôn giáo, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung chưa thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định của chính quyền địa phương; (3) Tình trạng tranh chấp, khiếu kiện nhà, đất liên quan đến tôn giáo; hoạt động lấn chiếm, chuyển nhượng, hiến tặng trái phép đất đai liên quan đến tôn giáo tiếp tục xảy ra nhưng chưa được giải quyết dứt điểm; một số tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc vẫn tiếp tục có đơn thư khiếu kiện “đòi lại” một số cơ sở vật chất có nguồn gốc liên quan tôn giáo, gây phức tạp về an ninh, trật tự; (4) Tình hình mâu thuẫn nội bộ, tranh giành quyền lợi, quyền lực trong lãnh đạo của một số tổ chức tôn giáo vẫn diễn ra ảnh hưởng tới hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tác động tiêu cực đến đời sống tôn giáo của chức sắc, tín đồ; (5) Các nhóm, phái tôn giáo chưa được công nhận, các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới, “đạo lạ”, “tà đạo” lợi dụng diễn biến tình hình dịch Covid-19 để đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, lôi kéo người tham gia, tuyên truyền mê tín dị đoan, gây hoang mang trong nhân dân; (7) Hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo tại các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ tiềm ẩn phức tạp về an ninh, trật tự,...

2. Kết quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2022

Năm 2022, Ban Tôn giáo Chính phủ đã bám sát chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và quy định của pháp luật, hoàn thành tốt các nhiệm vụ công tác được giao.

Một là, chủ động, tích cực tham mưu Lãnh đạo Bộ trong xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

Ngay từ đầu năm 2022, Ban Tôn giáo Chính phủ đã xác định công tác tham mưu Lãnh đạo Bộ trong xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu. Trên cơ sở Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ về kết quả sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu Lãnh đạo Bộ xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (*thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP*) và Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

Bên cạnh đó, Ban Tôn giáo Chính phủ cũng đã chủ động tham mưu với Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Lãnh đạo Bộ triển khai thực hiện nhiều chủ trương, công tác thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo góp phần ổn định tình hình tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn cả nước. Một số kết quả nổi bật là:

- Tham mưu Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ: (1) Báo cáo Ban Bí thư về kết quả Hội thảo khoa học “*Chủ trương, giải pháp công tác đối với đạo Cao Đài sau 30 năm thực hiện Thông báo 34/TB-TW, ngày 14/11/1992 của Ban Bí thư*” tổ chức tại Tây Ninh; (2) Xây dựng chuyên đề “*Vấn đề tôn giáo trên thế giới hiện nay và đề xuất cho Việt Nam*” phục vụ nghiên cứu, học tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII; (3) Chuyên đề: “*Công tác quản lý nhà nước, những vấn đề đặt ra và đề xuất kiến nghị*

trong công tác đối với đạo Cao Đài sau 30 năm thực hiện Thông báo số 34-TB/TW, ngày 14/11/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới”; (4) Chuyên đề “*Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc*” phục vụ tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; (5) Báo cáo đánh giá 05 năm thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25- NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới; (6) Xây dựng các báo cáo chuyên đề phục vụ tổng kết các Nghị quyết số 10-NQ/TW, số 26-NQ/TW, số 39-NQ/TW, số 53-NQ/TW, số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị,...

- Tham mưu Lãnh đạo Bộ báo cáo, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: (1) về việc Tòa thánh Vatican bổ nhiệm Giám mục các giáo phận Công giáo; (2) đề xuất công tác đối với sự phục hồi hoạt động của “Hội thánh Đức Chúa Trời Mẹ” và một số giáo phái Tin Lành hoạt động có yếu tố “tà giáo”; (3) đề xuất chủ trương về vấn đề tên tôn giáo của cộng đồng Chăm Hồi giáo Bani; (4) đề xuất Thủ tướng Chính phủ gửi thông điệp chúc mừng Đại lễ Vesak Liên Hợp quốc năm 2022; (5) báo cáo về tình hình khiếu kiện liên quan đến đất đai trong tôn giáo theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; (6) tham mưu tổ chức đón tiếp Đoàn đại biểu chức sắc các Hội thánh và tổ chức Cao Đài chào thăm Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc và các cơ quan Trung ương; tham mưu tổ chức thành công Hội nghị Thủ tướng Chính phủ biểu dương các tổ chức tôn giáo có đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc,...

- Xây dựng, trình lãnh đạo Bộ Nội vụ **45** báo cáo về tình hình, kết quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có một số nội dung công tác lớn, như: (1) Tham mưu xây dựng, triển khai các kế hoạch công tác và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả công tác hướng dẫn các tổ chức tôn giáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, như: Kế hoạch công tác đối với Đại hội Hội đồng Giám mục Việt Nam lần thứ XV, nhiệm kỳ 2022-2025; Kế hoạch hướng dẫn, giúp đỡ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022-2027; Kế hoạch hướng dẫn, giúp đỡ các tổ chức Tin lành, các Hội thánh Cao đài, Hồi giáo,... tổ chức Đại hội nhiệm kỳ... theo quy định của pháp luật; (2) Kế hoạch triển khai chủ trương phát huy nguồn lực của tôn giáo trong lĩnh vực cai nghiện ma túy; (3) Đề xuất chủ trương, công tác quản lý nhà nước đối với Nhất quán đạo ở Việt Nam,...

Hai là, công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được tăng cường và đổi mới với nhiều hình thức phong phú

Tập trung thông tin, tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ, Trang thông tin điện tử của Ban Tôn giáo Chính phủ, Tạp chí Công tác tôn giáo và Tạp chí Tổ chức nhà nước; phối hợp hiệu quả với các cơ quan báo chí, truyền hình (như Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam,...) xây dựng các phóng sự, các chương trình tuyên truyền, phổ biến chính

sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Đặc biệt, trong năm 2022, Ban Tôn giáo Chính phủ đã phối hợp với Truyền hình Quốc hội Việt Nam tổ chức sản xuất và phát sóng 08 tập Phim tài liệu về tôn giáo thuộc nhiệm vụ của Đề án hỗ trợ thông tin tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trong năm 2022, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức 16 hội nghị/lớp tập huấn, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tổ chức tôn giáo, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng với 3.145 lượt người tham dự; cấp phát 3,145 tài liệu tập huấn, phổ biến pháp luật cho các đối tượng tham dự.

Ba là, công tác tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đã được các cấp chính quyền quan tâm thực hiện và đạt được nhiều kết quả tích cực

Ban Tôn giáo Chính phủ và cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các cấp đã chủ động hướng dẫn các tổ chức tôn giáo tổ chức các hoạt động, sinh hoạt tôn giáo; phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, chuyển chức sắc, chức việc; thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; xây dựng, sửa đổi Hiến chương, Điều lệ; hướng dẫn đăng ký chương trình hoạt động hàng năm,... theo đúng Hiến chương, Điều lệ và quy định của pháp luật (trong năm 2022, đã có 19 tổ chức tôn giáo tổ chức xong Đại hội nhiệm kỳ; nhiều tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức các Hội nghị thường niên); chủ động, kịp thời hướng dẫn các tổ chức tôn giáo thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các cơ quan chức năng và quy định của chính quyền các địa phương. Ban Tôn giáo Chính phủ tham mưu lãnh đạo Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Chỉ đạo 68 Trung ương và chủ động làm việc với Tỉnh ủy, UBND các tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước...) về một số tình hình và công tác giải quyết, xử lý đối với các vụ việc phức tạp liên quan đến tôn giáo tại các địa phương.

Bốn là, công tác tiếp xúc, vận động chức sắc, chức việc và người có uy tín trong các tôn giáo được thực hiện thường xuyên góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa các tổ chức tôn giáo với các cấp chính quyền trên tinh thần đối thoại thẳng thắn, cởi mở

Ban Tôn giáo Chính phủ và cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các cấp đã thường xuyên tổ chức các cuộc trao đổi, đối thoại và các hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc với các tổ chức tôn giáo và lãnh đạo các tổ chức tôn giáo để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và những kiến nghị, đề xuất chính đáng của chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo để kịp thời tham mưu các cấp có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định của pháp luật; đã tham mưu với Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và cấp ủy, chính quyền các địa phương đã tổ chức hàng trăm đoàn công tác thăm, chúc mừng các lễ trọng của các tôn giáo (lễ Giáng sinh và Phục sinh trong Công giáo và Tin lành; lễ Phật đản của Phật giáo và Tịnh độ Cư sĩ Phật hội; Tết Chôl Chnăm Thmây của người Khmer; Tết Ramadan của người Hồi giáo...), qua đó thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với các tôn giáo. Quan hệ giữa chính quyền với các tổ chức tôn giáo ngày càng sâu sắc, cởi mở hơn trên tinh thần đối thoại và hợp tác.

Đặc biệt, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu lãnh đạo Bộ Nội vụ, phối hợp với các Bộ, ngành chức năng tổ chức thành công Hội nghị Thủ tướng Chính phủ biểu dương các tổ chức tôn giáo có đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với sự tham gia của 108 đại biểu đại diện lãnh đạo của các tổ chức thuộc 16 tôn giáo, đại diện lãnh đạo 12 bộ, ngành Trung ương và lãnh đạo Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hội nghị đã diễn ra trong không khí hân hoan, cởi mở, trên tinh thần đoàn kết và trách nhiệm, tạo dư luận tích cực trong các tôn giáo và cả xã hội, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp trong chức sắc, chức việc, tín đồ các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam. Chức sắc, chức việc và tín đồ các tổ chức tôn giáo đánh giá cao kết quả Hội nghị và cho rằng, đây là sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với các tổ chức tôn giáo; đồng thời, mong muốn được tiếp tục đóng góp nguồn lực của tôn giáo cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm là, công tác phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan trong quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện đồng bộ, hiệu quả trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan

Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu Lãnh đạo Bộ trao đổi thông tin với các bộ, ban, ngành trung ương và các địa phương liên quan để thống nhất tổ chức triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Chính phủ đối với công tác tín ngưỡng, tôn giáo và thống nhất thực hiện; chủ động nắm chắc tình hình, triển khai các mặt công tác, chuẩn bị các nội dung và tham gia cuộc họp Vòng IX Nhóm Công tác hỗn hợp Việt Nam - Vatican; chuẩn bị nội dung và tháp tùng Lãnh đạo Bộ tham gia Đoàn công tác của Ban Chỉ đạo 68 Trung ương làm việc với Thường trực Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế, Bình Phước, Nghệ An, Hà Tĩnh về một số vấn đề liên quan đến tôn giáo; tham mưu tổ chức Hội nghị với các bộ, ngành và địa phương liên quan để thống nhất đánh giá tình hình và đề xuất chủ trương công tác đối với Đại hội đồng của các Hội thánh Tin lành... Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu Lãnh đạo Bộ trong việc hướng dẫn, phối hợp với các tỉnh, thành phố liên quan triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về xử lý, giải quyết các vụ việc khiếu kiện đất đai liên quan đến tôn giáo; đánh giá tình hình hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài,...

Sáu là, công tác đối ngoại tôn giáo và đấu tranh nhân quyền tiếp tục được triển khai thực hiện hiệu quả

Ban Tôn giáo Chính phủ đã chủ động phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an triển khai các mặt công tác đối với việc Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế Mỹ (USCIRF) kiến nghị đưa Việt Nam trở lại “Danh sách các nước cần đặc biệt quan tâm về tự do tôn giáo - CPC”; xây dựng lập luận về bảo đảm thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ công tác thông tin đối ngoại; biên soạn sách trắng về “Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam”; thường xuyên *duy trì các cuộc tiếp xúc và làm việc với các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam* để cung cấp các thông tin chính thống phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền và đấu tranh với các thế lực thù địch vu cáo Việt Nam về vấn đề dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo. Trong năm 2022, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức ký Thỏa thuận hợp tác giữa Ban Tôn giáo Chính phủ với Ủy ban Mặt trận Lào xây dựng đất nước giai đoạn 2022-2026; Thỏa thuận hợp tác giữa Ban Tôn giáo Chính phủ với Bộ Lễ nghi và Tôn giáo Campuchia giai đoạn 2022-2026; đã thành lập 03 Đoàn công tác đi Lào, Cuba - Chi lê, Thái Lan - Indonesia để nghiên cứu, tìm hiểu về tình hình tôn giáo,

làm cơ sở để tham mưu, đề xuất chủ trương về công tác đối ngoại tôn giáo và hoạt động quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở Việt Nam.

Bảy là, công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện đúng trọng tâm, trọng điểm

Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã kịp thời phát hiện những hạn chế, sai phạm và kiến nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm giải quyết góp phần quan trọng giúp cho công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng chặt chẽ, đúng quy định. Trong năm 2022, Ban Tôn giáo Chính phủ đã thực hiện 05 cuộc thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo tại UBND các tỉnh Bắc Kạn, Lâm Đồng, Hà Nam, Gia Lai, Điện Biên; ban hành Kết luận thanh tra và hoàn thành công bố Kết luận thanh tra tại UBND các tỉnh Ninh Bình, Bắc Kạn, Lâm Đồng, Hà Nam, Gia Lai, Điện Biên; tiến hành kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại tỉnh Nam Định, Hải Dương, Tuyên Quang; đã tổ chức tiếp 06 lượt công dân; tiếp nhận và xử lý đúng quy định pháp luật 272 đơn thư khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

Tám là, công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn tiếp tục được đổi mới, đi vào thực chất đã góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo

Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu Bộ trưởng xây dựng Chuyên đề “Vấn đề tôn giáo trên thế giới hiện nay và đề xuất cho Việt Nam” phục vụ nghiên cứu, học tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả Đề án “Thực trạng Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua 40 năm hình thành và phát triển - Chủ trương, giải pháp công tác đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong tình hình mới”; tổ chức Hội thảo khoa học “Công tác quản lý nhà nước, những vấn đề đặt ra và đề xuất kiến nghị trong công tác đối với đạo Cao Đài sau 30 năm thực hiện Thông báo số 34-TB/TW, ngày 14/11/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới”; tham gia tổng kết các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo,...

Chín là, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo dần đi vào nền nếp

Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 43/QĐ-TTg, ngày 11/01/2022 phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026” nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng và hiệu quả xử lý các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 43/QĐ-TTg, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu Lãnh đạo Bộ ban hành Kế hoạch số 1023/KH-BNV ngày 17/3/2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án. Trên cơ sở đó, Ban Tôn giáo Chính phủ đã xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo. Trong năm 2022, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức được 06 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác

tín ngưỡng, tôn giáo tại Trung ương và địa phương; đồng thời đã tham mưu Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 572/QĐ-BNV về việc ban hành Khung chương trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng về tín ngưỡng, tôn giáo.

Mặc dù Ban Tôn giáo Chính phủ và ngành Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo đã có nhiều cố gắng, nỗ lực nhưng công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: (1) Công tác tham mưu xử lý, giải quyết một số vụ việc phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo còn chậm; (2) Hoạt động lấn chiếm, chuyển nhượng, hiến tặng trái phép đất đai liên quan đến tôn giáo vẫn xảy ra ở các địa phương nhưng chưa được quan tâm giải quyết dứt điểm; (3) Việc xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại một số địa phương còn hạn chế; (3) Hoạt động truyền giáo trên không gian mạng đang đặt ra nhiều vấn đề mới trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo,...

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên là: (1) Chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo còn một số bất cập, thiếu đồng bộ; (2) Việc triển khai thực hiện mô hình tổ chức, bộ máy mới của Ban Tôn giáo Chính phủ cũng như Ban/Phòng Tôn giáo các tỉnh, thành phố tác động đến tâm tư của công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở một số địa phương thiếu ổn định, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, dẫn đến tình trạng một bộ phận công chức không yên tâm công tác, thiếu tâm huyết với nghề; năng lực nghiệp vụ quản lý nhà nước và khả năng dự báo tình hình về tín ngưỡng, tôn giáo của một bộ phận công chức làm công tác tôn giáo còn hạn chế,...

3. Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2023

Năm 2023 đánh dấu sự thay đổi lớn về tổ chức bộ máy của Ban Tôn giáo Chính phủ theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương. Nhận thức được tầm quan trọng của việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; với bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng và nhận thức sâu sắc về nhiệm vụ công tác tín ngưỡng, tôn giáo trong tình hình mới, Ban Tôn giáo Chính phủ sẽ nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy để phát huy tối đa năng lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó tập trung thực hiện tốt phương hướng, nhiệm vụ công tác trọng tâm sau:

Một là, tập trung nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; tiếp tục rà soát, nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới thể chế, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với tình hình tín ngưỡng, tôn giáo, đảm bảo sự tương thích với luật pháp quốc tế về quyền con người và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Trọng tâm là: (1) Tham mưu Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo XHCN trước ngày 01/7/1991; (2) Tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số

1940/CT-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về nhà đất liên quan đến tôn giáo; (3) Tổng kết 20 năm thực hiện Thông báo số 119-TB/TW ngày 30/9/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chủ trương công tác đối với Hồi giáo; (4) Tổng kết 25 năm thực hiện Thông báo số 165-TB/TW ngày 04/9/1998 của Thường trực Bộ Chính trị về công tác đối với Phật giáo Hòa Hảo,... (5) Tham mưu xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo (sau khi Nghị định thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo được ban hành); (6) Xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 04/2016/TT-BNV ngày 10/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nội dung về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực tôn giáo (sau khi Luật Thanh tra và Nghị định số 90/2012/NĐ-CP ngày 05/11/2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành nội vụ được sửa đổi),...

Hai là, tăng cường thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tạo sự thống nhất trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và sự đồng thuận trong Nhân dân, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo đối với các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội; đồng thời, đấu tranh phản bác thông tin, quan điểm sai trái của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiếp tục thực hiện *Quyết định số 219/QĐ-TTg* ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt *Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo*.

Ba là, đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tiếp tục hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo hoạt động theo Hiến chương, Điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận; quan tâm giải quyết các nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân tôn giáo theo quy định của pháp luật; vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành và đồng bào có đạo tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng ở địa phương; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách để phát huy nguồn lực của các tổ chức tôn giáo trong việc tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa về y tế, giáo dục, giáo dục dạy nghề, từ thiện xã hội, bảo trợ xã hội,...

Bốn là, thực hiện tốt công tác đối ngoại tôn giáo, đấu tranh nhân quyền; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tôn giáo tham gia hoạt động quốc tế phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước; tham mưu, đề xuất nội dung về tiếp tục hỗ trợ các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài, tạo điều kiện để kiều bào tham gia các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng ở trong nước; tăng cường công tác thông tin về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam để cộng đồng quốc tế hiểu và ủng hộ Việt Nam trong các hoạt động đối ngoại; đồng thời góp phần đấu tranh với các phần tử cực đoan, thiếu thiện chí xuyên tạc chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Duy trì các hoạt động đối ngoại với Lào, Campuchia theo nội dung thỏa thuận đã ký kết. Xây dựng và triển khai Kế hoạch đấu tranh với việc Bộ Ngoại giao Mỹ đưa Việt Nam vào “Danh sách theo dõi đặc biệt - Special Watch List, SWL” và đẩy

manh công tác đấu tranh không để Bộ Ngoại giao Mỹ đưa Việt Nam vào “Danh sách các nước cần đặc biệt quan tâm về tự do tôn giáo - CPC”; chủ động xây dựng lập luận phản bác các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc về tình hình tự do tôn giáo tại Việt Nam và các hoạt động chống phá Việt Nam về lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo.

Năm là, tập trung giải quyết dứt điểm các tranh chấp, khiếu nại về đất đai, cơ sở thờ tự có liên quan đến tôn giáo, nhất là những vụ việc tồn đọng kéo dài, tạo sự đồng thuận trong chức sắc, tín đồ tôn giáo. Tiếp tục rà soát, thống kê tổng thể về tình hình quản lý, sử dụng nhà đất có liên quan đến tôn giáo. Tăng cường tuyên truyền để cơ sở tôn giáo sử dụng đất thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố sớm hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo.

Sáu là, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính và việc ứng dụng công nghệ thông tin theo tinh thần xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số để nâng cao hiệu quả công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong các tổ chức tôn giáo, giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên cổng dịch vụ công trực tuyến Quốc gia đáp ứng xu thế hiện đại hóa.

Bảy là, tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, tập trung giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, tập trung tháo gỡ những “điểm nóng” ngay từ cơ sở, không để phát sinh khiếu kiện đông người, vượt cấp. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra thi hành pháp luật và thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo kết hợp công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Chủ động triển khai công tác *tiếp công dân*, xử lý thư đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân tôn giáo.

Tám là, tăng cường công tác tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận tạo cơ sở cho việc tham mưu ban hành, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Tiếp tục triển khai thực hiện các đề án, dự án, đề tài theo chương trình, kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tiếp tục tổ chức thực hiện Quyết định số 43/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026*” nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng và hiệu quả xử lý các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới.

Chín là, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, văn hóa công vụ; quyết liệt, sát sao trong công tác chỉ đạo, điều hành; đổi mới phương pháp, lề lối làm việc theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động và chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc./.

5. Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước)

Tham luận về “Chuyển đổi số công tác văn thư, lưu trữ và quản lý tài liệu lưu trữ điện tử trong cơ quan nhà nước”

Cách mạng công nghiệp 4.0 và Chuyển đổi số đã và đang mở ra nhiều cơ hội cho tất cả các quốc gia trên thế giới trên con đường hội nhập và phát triển. Với phạm vi tác động sâu, rộng với mọi góc ngách đời sống xã hội của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam đi cùng thế giới trong công cuộc Chuyển đổi số. Lãnh đạo Đảng và Chính phủ Việt Nam nhiều lần khẳng định: Chuyển đổi số là bước phát triển khách quan, tất yếu, là con đường duy nhất để một quốc gia, một ngành, một lĩnh vực, một cơ quan, tổ chức... thậm chí một cá nhân cụ thể không bị bỏ lại phía sau.

Công tác văn thư, lưu trữ cũng không ngoại lệ, chúng ta muốn phát triển đi lên, muốn không bị bỏ lại phía sau so với Lưu trữ các nước trên thế giới và so với các ngành nghề khác ở Việt Nam thì Chuyển đổi số là một lựa chọn tất yếu. Chuyển đổi số tạo ra cơ hội, nhưng cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới, thách thức mới đối với các ngành các cấp nói chung và lĩnh vực văn thư, lưu trữ nói riêng.

Chuyển đổi số là bước phát triển tiếp theo của tin học hóa, có được nhờ sự tiến bộ vượt bậc của những công nghệ mới mang tính đột phá, nhất là công nghệ số trong Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức và cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Chuyển đổi số không chỉ là cuộc cách mạng của công nghệ mà là cuộc cách mạng về thể chế. Thể chế cần đi trước một bước và được điều chỉnh linh hoạt để chấp nhận những cái mới.

Chuyển đổi số quốc gia bao gồm 3 phần chính: một là chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm phát triển chính phủ số; hai là chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp nhằm phát triển kinh tế số; ba là chuyển đổi số trong hoạt động của người dân nhằm phát triển xã hội số.

Ảnh hưởng tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cũng như của chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về Chính phủ điện tử, Chính phủ số: công tác văn thư, lưu trữ có những thay đổi rõ nét. Nội bật của quá trình này là sự hình thành của loại hình tài liệu mới có xu hướng ngày càng phổ biến là tài liệu điện tử. Hiện nay, tài liệu điện tử tồn tại song song với tài liệu giấy truyền thống. Để đáp ứng được yêu cầu của Chính phủ số công tác văn thư, lưu trữ cũng đang có những thay đổi mạnh mẽ.

Tham luận này tập trung làm rõ quan điểm chỉ đạo của Đảng và nhà nước về Chuyển đổi số lĩnh vực văn thư, lưu trữ, nội dung cơ bản của chuyển đổi số công tác văn thư, lưu trữ, nhận xét đánh giá và một số giải pháp.

1. Quan điểm chỉ đạo của Đảng và nhà nước về Chuyển đổi số lĩnh vực văn thư, lưu trữ

Trong những năm gần đây, hàng loạt văn bản của Đảng và Chính phủ chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong cơ quan hành chính nói

chung và liên quan đến công tác văn thư, lưu trữ nói riêng. Tiêu biểu có thể kể đến những văn bản sau:

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Một số chỉ tiêu cơ bản đến năm 2025:

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4;

- 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thoả thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ;

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần;

- 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần.

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất;

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia;

- 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

- 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

2. Nội dung cơ bản của chuyển đổi số công tác văn thư, lưu trữ

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Trong cơ quan hành chính nhà nước, mọi nhiệm vụ và công việc chủ yếu được giải quyết và thể hiện kết quả bằng văn bản, tài liệu. Nói cách khác, việc thay đổi cách thức tạo lập, chuyển giao, xử lý, quản lý, sử dụng và lưu trữ văn bản, tài liệu sẽ dẫn đến sự thay đổi cách thức làm việc và phương thức sản xuất trong cơ quan hành chính nhà nước.

Chuyển đổi số tại Việt Nam diễn ra trong bối cảnh thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước nói riêng và trong xã hội nói chung đang được tạo lập, chuyển giao, xử lý, quản lý, sử dụng và lưu trữ bằng giấy. Cốt lõi của chuyển đổi số trong mọi hoạt động quản lý, điều hành và hành chính là Chuyển đổi cách thức tạo lập, chuyển giao, xử lý, quản lý, sử dụng và lưu trữ thông tin bằng giấy sang thông tin số dựa trên công nghệ số.

Chuyển đổi số công tác văn thư, lưu trữ là quá trình lần lượt thực hiện các nội dung sau:

- Chuyển đổi quan niệm về văn bản, tài liệu: văn bản, tài liệu được định nghĩa là thông tin có giá trị bằng chứng về hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc được hình thành trong các giao dịch pháp lý. Quan niệm này hoàn toàn phù hợp với tài liệu điện tử với đặc tính không phụ thuộc vào vật mang tin.

- Từ việc chuyển đổi quan niệm văn bản, tài liệu từ giấy sang số, việc tạo lập, chuyển giao và sử dụng thông tin trên văn bản số sẽ thuận lợi hơn. Thay bằng việc tạo lập và in văn bản, tài liệu ra giấy, việc tạo lập thông tin số được thực hiện bằng việc số hóa hoặc tạo lập trực tiếp văn bản, tài liệu định dạng số. Theo đó, cá nhân lãnh đạo cần xác định sẵn sàng ký số trên văn bản, tài liệu thay thế ký trên văn bản, tài liệu giấy. Việc chuyển giao thông tin trên văn bản, tài liệu số cũng được triển khai trên hệ thống thay thế các hoạt động chuyển giao thông tin trong môi trường vật lý. Trục liên thông văn bản quốc gia là một giải pháp cho việc trao đổi thông tin tài liệu số trong các cơ quan nhà nước tại Việt Nam.

- Chuyển đổi cách thức xử lý thông tin, công việc từ trực tiếp sang trực tuyến

Xử lý công việc trong cơ quan hành chính nhà nước bản chất là quá trình tiếp nhận và xử lý thông tin để cho ra kết quả. Thay bằng việc đọc, nghiên cứu, ghi chép

trên văn bản giấy, cán bộ, công chức, viên chức dần tạo thói quen đối với việc đọc, nghiên cứu, ghi chép trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành, nhập ý kiến chỉ đạo vào các ô đã được thiết kế trên hệ thống, tạo thành luồng dữ liệu gắn kết chặt chẽ với một văn bản cụ thể. Việc xử lý thông tin và công việc trên hệ thống sẽ không bị hạn chế về thời gian chờ nhận và chuyển phát thông tin, giúp công việc được giải quyết nhanh chóng, kịp thời. Nói cách khác, chuyển đổi cách thức, quy trình giải quyết công việc từ trực tiếp sang trực tuyến là một bước chuyển đổi số quan trọng trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Chuyển đổi cách thức phân tích và sử dụng thông tin

Chuyển đổi cách thức phân tích thông tin từ việc sử dụng nguồn lực con người với khả năng tổng hợp, phân tích hữu hạn sang sử dụng công nghệ AI để tổng hợp lượng dữ liệu khổng lồ và cho ra kết quả thông tin tối ưu. Nói cách khác, các quyết định của lãnh đạo được đưa ra trên cơ sở phân tích dữ liệu sẽ bảo đảm tính khách quan, minh bạch hơn so với các quyết định được đưa ra trên cơ sở tham mưu chủ quan của con người mà thiếu sự phân tích dữ liệu.

Cách thức sử dụng tài liệu số cũng hoàn toàn khác cách thức sử dụng tài liệu giấy. Với tài liệu số, việc sử dụng trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm thời gian, chi phí cho người sử dụng. Một bản gốc tài liệu số có thể cung cấp cho nhiều người cùng sử dụng trong một thời điểm nhất định, trong khi tài liệu giấy không thể đáp ứng được yêu cầu đó.

- Chuyển đổi cách thức quản lý và lưu trữ thông tin

Với tài liệu giấy, việc quản lý chủ yếu dựa trên hệ thống sổ sách. Khi công nghệ thông tin phát triển, mọi sổ sách được chuyển sang dạng tin học hóa, tức là có thể được nhập trong các phần mềm đơn giản như word, excel hoặc hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu độc lập. Với tài liệu số, việc quản lý trở nên tiện lợi hơn nhờ các tính năng tích hợp, bóc tách dữ liệu của các phần mềm hiện đại và hệ thống quản trị dữ liệu thông minh. Chỉ lưu trữ và phân tích tài liệu là không đủ trong bối cảnh chuyển đổi số, hệ thống dữ liệu đóng vai trò đặc biệt quan trọng, hỗ trợ và làm sáng tỏ thông tin trong tài liệu. Tài liệu thường mang tính chính thống theo một chỉnh thể và khuôn mẫu nhất định, trong khi đó, dữ liệu có thể bổ sung từ nhiều chiều, nhiều góc nhìn khác nhau, đính kèm cùng tài liệu. Chẳng hạn, trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành, các ý kiến chỉ đạo giải quyết công việc kèm theo các văn bản chính là dữ liệu.

Chuyển đổi từ lưu trữ tài liệu sang lưu trữ dữ liệu là xu hướng chung của nền hành chính trên thế giới. Các trung tâm dữ liệu đã và đang phát huy mạnh mẽ vai trò cung cấp thông tin phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của các cấp lãnh đạo trong các cơ quan, tổ chức và đang hướng tới việc phục vụ nhu cầu khai thác thông tin quá khứ của toàn xã hội. Với tốc độ hình thành tài liệu số trong các cơ quan, tổ chức hiện nay, việc chuyển đổi từ lưu trữ tài liệu sang lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam là tất yếu.

3. Nhận xét, đánh giá

3.1. Kết quả đạt được

Cùng với sự chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ Nội vụ, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước đã thực hiện và chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản sau:

- Tham mưu Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ về văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu điện tử và Chuyển đổi số. Các văn bản đã được ban hành gồm: Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của cơ quan, tổ chức; Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 quy định chuẩn thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử; Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về Công tác văn thư. Thông tư số 01/2019/TT-BNV và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP là những văn bản đặt nền móng cho công tác văn thư, lưu trữ điện tử trong bối cảnh xây dựng Chính phủ điện tử thời kỳ mới; khẳng định giá trị pháp lý của văn bản điện tử; làm rõ thể thức, kỹ thuật trình bày, cách thức quản lý văn bản điện tử trong môi trường mạng; các chức năng cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức. Thông tư số 02/2019/TT-BNV là văn bản tiếp nối Luật Lưu trữ năm 2011, Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ đã làm rõ dữ liệu đặc tả để quản lý phong, hồ sơ, tài liệu lưu trữ điện tử và các yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử.

- Chỉ đạo các Trung tâm Lưu trữ quốc gia thực hiện nhiệm vụ số hóa 3.898 mét, đạt 11% trên tổng số tài liệu giấy hiện đang được bảo quản tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia; xây dựng phần mềm hỗ trợ tra tìm tài liệu nhanh chóng, thuận tiện tại Phòng đọc; trang bị hạ tầng công nghệ thông tin để quản lý an toàn dữ liệu đặc tả của tài liệu số hóa; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin đẩy mạnh hoạt động phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong môi trường số.

- Xây dựng và trình Bộ Nội vụ đề trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2020 phê duyệt Đề án Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 458/QĐ-TTg). Quyết định số 458/QĐ-TTg đã chỉ rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình và các giải pháp xây dựng hệ thống lưu trữ điện tử trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025, tạo tiền đề để các Lưu trữ lịch sử và Lưu trữ cơ quan bước đầu tiên hành các nhiệm vụ tạo lập tài liệu lưu trữ định dạng số; số hóa tài liệu lưu trữ định dạng giấy; xây dựng hạ tầng, trang thiết bị, phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lý tài liệu lưu trữ điện tử.

- Xây dựng và trình Bộ Nội vụ phê duyệt Dự án Lưu trữ tài liệu điện tử Phòng Lưu trữ nhà nước Việt Nam. Dự án giai đoạn 1 tập trung đầu tư trang thiết bị hạ tầng công nghệ, đường truyền, xây dựng Nền tảng Lưu trữ số quốc gia nhằm thu thập tài liệu lưu trữ điện tử của các cơ quan nhà nước thuộc nguồn nộp lưu vào các Trung tâm Lưu trữ quốc gia và chuẩn hóa, quản lý hiệu quả dữ liệu đã số hóa. Dự án giai đoạn 2 tập trung số hóa tài liệu lưu trữ có tần suất sử dụng cao tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, nâng cấp hạ tầng công nghệ để bảo quản an toàn và phục vụ khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ điện tử tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia trên môi trường mạng, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu Chuyển đổi số lĩnh vực văn thư, lưu trữ.

- Việc tạo lập và sử dụng tài liệu điện tử, tài liệu số đã và đang trở nên phổ biến và chiếm ưu thế trong các cơ quan, tổ chức nhà nước (92% cơ quan, tổ chức đã sử dụng văn bản điện tử trong quá trình giải quyết công việc). Điều này chứng tỏ, những quy định pháp lý đầu tiên về văn thư, lưu trữ điện tử nói chung và giá trị pháp lý của văn bản, tài liệu điện tử nói riêng đã nhận được sự đồng thuận của đội ngũ công chức, viên chức, bước đầu được triển khai thực hiện trong thực tiễn. Đây là điều kiện cơ bản góp phần quan trọng trong việc thực hiện Chính phủ điện tử, thông qua việc sử dụng và trao đổi tài liệu điện tử giữa các cơ quan, tổ chức, đồng thời đặt nền móng xây dựng hệ thống lưu trữ số của cơ quan, tổ chức nhà nước tại Việt Nam.

- Các cơ quan, tổ chức đặc biệt quan tâm đến việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử. Bước đầu bộ phận Lưu trữ cơ quan đã nhận thấy trách nhiệm trong việc bảo quản tài liệu lưu trữ số với 40% cơ quan, tổ chức đang lưu trữ dữ liệu tài liệu lưu trữ số tại bộ phận lưu trữ với sự hỗ trợ đặc lực của bộ phận công nghệ thông tin. Điều này cũng phản ánh sự hợp tác giữa bộ phận công nghệ thông tin và bộ phận lưu trữ đã có những bước tiến đáng kể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ lưu trữ số.

3.2. Hạn chế

- Hệ thống pháp luật về văn thư, lưu trữ điện tử chưa được hoàn thiện kịp thời để đáp ứng yêu cầu Chuyển đổi số. Luật Lưu trữ năm 2011 đã quy định chung về quản lý tài liệu lưu trữ điện tử (Điều 13), tiếp đó, Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 đã quy định nguyên tắc, phương pháp, cách thức thực hiện nghiệp vụ quản lý tài liệu lưu trữ điện tử và giao Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các chức năng cơ bản; quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình xử lý công việc trong hệ thống quản lý tài liệu điện tử (khoản 3 Điều 4) và Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào của tài liệu lưu trữ điện tử (khoản 2, Điều 6). Tuy nhiên, đến năm 2019, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước mới hoàn thành việc tham mưu và trình Bộ Nội vụ ban hành hai thông tư quy định và hướng dẫn những nội dung nêu trên.

- Việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chính sách quản lý và hướng dẫn nghiệp vụ văn thư, lưu trữ điện tử còn chậm. Quyết định số 458/QĐ-TTg đã đặt ra những nhiệm vụ cần hoàn thiện cấp bách như: sửa đổi, bổ sung Luật Lưu trữ năm 2011 đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ điện tử (hoàn thành năm 2021); sửa đổi Nghị định số 01/2013/NĐ-CP (hoàn thành năm 2022); xây dựng và ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn Kho lưu trữ số (hoàn thành năm 2021). Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, đến nay, các nhiệm vụ này vẫn chưa hoàn thành dẫn đến những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý tài liệu lưu trữ điện tử nói chung và Quyết định số 458/QĐ-TTg nói riêng của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương.

- Tài liệu lưu trữ số đã hình thành ở hầu hết các cơ quan, tổ chức nhà nước (92,5%) nhưng chưa có phương án, giải pháp quản lý an toàn và sử dụng khai thác một cách hiệu quả. Các cơ quan, tổ chức lúng túng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo quản tài liệu lưu trữ số. Bên cạnh đó, việc khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ số tại các cơ quan, tổ chức cũng đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, cơ bản là chưa phục vụ được nhu cầu khai thác, sử dụng của người dân một cách trực tuyến, số ít phục vụ tra tìm trong nội bộ của cơ quan, tổ chức. Nhiều tài liệu số hóa mới được

lưu trữ như những cục dữ liệu đóng, chưa có phần mềm quản lý và khai thác đồng bộ, chưa có nền tảng để chia sẻ thông tin trực tuyến.

- Trong số các cơ quan, tổ chức đã sử dụng tài liệu số để giải quyết công việc chỉ có 51% lập hồ sơ công việc, số còn lại, tài liệu số được lưu trữ một cách rời lẻ trên Hệ thống, chưa lập hồ sơ. Điều này sẽ tạo nên một lượng dữ liệu số khổng lồ, rời lẻ trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức nhà nước. Nếu không được xử lý kịp thời, khối dữ liệu này ngày càng lớn, gây khó khăn cho việc khai thác, sử dụng tài liệu về sau.

- Nhiều cơ quan, tổ chức vẫn sử dụng và lưu trữ song song cả tài liệu giấy và tài liệu số. Một trong số những nguyên nhân của tình trạng này là Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của nhiều cơ quan, tổ chức chưa đáp ứng yêu cầu của pháp luật về tính năng, chức năng giải quyết các khâu nghiệp vụ văn thư, lưu trữ cũng như mức độ an toàn thông tin. Bên cạnh đó, quy định về việc bản gốc văn bản điện tử được lưu trong Hệ thống trong khi bản chính văn bản giấy của bản gốc văn bản điện tử được lưu một bản tại bộ phận văn thư và một bản tại hồ sơ công việc cũng đã dẫn đến tình trạng cơ quan, tổ chức còn in văn bản ra giấy để lưu, trong khi đó hồ sơ tài liệu giấy không đầy đủ do cơ quan, tổ chức không nhận được bản giấy văn bản đến và cũng không in văn bản đến điện tử ra giấy để lưu hồ sơ³¹.

- Tài liệu lưu trữ số đang được bảo quản tại Lưu trữ cơ quan (40%) và bộ phận Công nghệ thông tin (23%). Trong số đó, rất ít Lưu trữ cơ quan và bộ phận Công nghệ thông tin của cơ quan, tổ chức được thiết lập hệ thống thông tin và Kho Lưu trữ số đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thông tin và bảo quản lâu dài dữ liệu tài liệu lưu trữ số. Điều đó phản ánh tình trạng lưu trữ tài liệu số của các cơ quan, tổ chức nhà nước đang tiềm ẩn nguy cơ cao về an toàn an ninh thông tin và lưu trữ tài liệu theo thời hạn bảo quản lâu dài, vĩnh viễn.

3.3. Nguyên nhân

- Quá trình xây dựng Chính phủ điện tử và Chuyển đổi số diễn ra nhanh chóng, sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng, Chính phủ đã tạo sức ép lớn đối với việc Chuyển đổi số lĩnh vực văn thư, lưu trữ. Đặc biệt, nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ là cơ sở cho việc Chuyển đổi số lĩnh vực lưu trữ giao tại Quyết định số 458/QĐ-TTg yêu cầu hoàn thành trong thời gian ngắn, trong khi đó các thủ tục hành chính quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác chưa được cập nhật, sửa đổi kịp thời.

- Nhận thức về Chuyển đổi số của lãnh đạo cơ quan, đơn vị và đội ngũ công chức, viên chức còn hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn đặt ra đối với Chuyển đổi số lĩnh vực văn thư, lưu trữ.

4. Một số giải pháp

4.1. Hoàn thiện và cụ thể hóa các quy định pháp lý

Luật Lưu trữ năm 2011 và Nghị định số 01/2013/NĐ-CP³² đã làm rõ những vấn đề cơ bản mang tính nguyên tắc về quản lý tài liệu lưu trữ điện tử. Tuy nhiên, suốt hơn một thập kỷ qua, các quy định này vẫn chưa được triển khai áp dụng hiệu

³¹ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Công tác văn thư.

³² Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ.

quả trong thực tiễn. Chẳng hạn, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 01/2013/NĐ-CP quy định “Tài liệu lưu trữ điện tử hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức phải được lập hồ sơ, lựa chọn và bảo quản theo nghiệp vụ lưu trữ và kỹ thuật công nghệ thông tin trong hệ thống quản lý tài liệu điện tử”. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, quy định này cơ bản vẫn chưa được triển khai đồng bộ trong các cơ quan nhà nước. Một ví dụ khác điển hình là Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 01/2013/NĐ-CP quy định “Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm sử dụng chữ ký số đối với tài liệu số hóa”. Tuy nhiên, trước khi Thông tư số 02/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ được ban hành, hầu hết các cơ quan không ký số đối với tài liệu lưu trữ số hóa. Điều đó dẫn đến, khối tài liệu lưu trữ số hóa không hề tại các cơ quan nhà nước chỉ có giá trị thông tin tham khảo, không có giá trị pháp lý.

Thêm vào đó, những năm gần đây, sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ cũng kéo theo sự ra đời và ngày càng chiếm ưu thế của tài liệu lưu trữ số với những đặc tính khác biệt với tài liệu lưu trữ điện tử. Việc bổ sung các quy định pháp lý liên quan đến Lưu trữ số như: Kho Lưu trữ số, Hệ thống Lưu trữ số, Nền tảng Lưu trữ số, xác thực tài liệu lưu trữ số, các quy trình nghiệp vụ lưu trữ số... là cần thiết và cấp bách. Theo tinh thần triển khai Nghị định số 30/2020/NĐ-CP, bản gốc tài liệu lưu trữ số, hồ sơ lưu trữ số ngày càng được hình thành nhiều trong quá trình giải quyết công việc của các cơ quan, tổ chức trong các hệ thống. Việc thiếu các quy định pháp lý và hướng dẫn cụ thể về Lưu trữ số sẽ dẫn đến nguy cơ mất mát và bị xâm phạm tính toàn vẹn, xác thực của tài liệu và hồ sơ lưu trữ số, nguồn bằng chứng lịch sử quan trọng trong thời đại công nghệ số.

Để giải quyết vấn đề này, Luật Lưu trữ sửa đổi trong thời gian tới cần đầu tư nhiều hơn đối với các quy định về quản lý tài liệu lưu trữ điện tử và Lưu trữ số. Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước cần có những hướng dẫn và giải pháp cụ thể để giải quyết những tồn đọng từ việc triển khai Luật Lưu trữ năm 2011 và Nghị định số 01/2013/NĐ-CP, đồng thời lưu ý sự cần thiết của những quy định mang tính chuyển tiếp từ Luật Lưu trữ năm 2011 sang Luật Lưu trữ sửa đổi.

4.2. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Chính phủ điện tử và bối cảnh chuyển đổi số đã đặt ra những yêu cầu mới đối với đội ngũ công chức, viên chức đang làm công tác văn thư, lưu trữ tại các cơ quan nhà nước như: kiến thức về chính phủ điện tử và chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin, kỹ năng sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội, kỹ năng phân tích và xử lý thông tin trên môi trường mạng... Trong khi đó, phần lớn đội ngũ công chức, viên chức văn thư, lưu trữ đang làm việc tại các cơ quan nhà nước hiện nay đều được đào tạo từ các cơ sở đào tạo trong nước, kiến thức và kỹ năng họ thu nhận được từ các cơ sở đào tạo chủ yếu phục vụ công tác văn thư, lưu trữ truyền thống nói riêng và xử lý nghiệp vụ trên nền hành chính giấy tờ nói chung. Chính vì vậy, để đáp ứng yêu cầu hiện nay, cơ quan có thẩm quyền cần tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ công chức đang làm công tác văn thư, lưu trữ tại các cơ quan nhà nước. Cụ thể như sau:

- Bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin và chuyển đổi số đối với công chức, viên chức văn thư, lưu trữ.

- Bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin chuyên ngành và lưu trữ số đối với công chức, viên chức công nghệ thông tin đang làm công tác văn thư, lưu trữ.
- Đào tạo chuyên gia lưu trữ số và lãnh đạo quản lý cơ quan lưu trữ trong bối cảnh chuyển đổi số.

4.3. Đầu tư kinh phí xây dựng hạ tầng công nghệ và giải pháp phần mềm quản lý tài liệu lưu trữ số

Một trong những yếu tố đóng vai trò quyết định thành công của nhiệm vụ quản lý tài liệu lưu trữ số là hạ tầng công nghệ và giải pháp phần mềm. Hạ tầng công nghệ bao gồm nhà trạm, trang thiết bị, đường truyền, hệ thống điện, điều hòa... bảo đảm lưu trữ và an toàn an ninh thông tin tài liệu lưu trữ điện tử. Giải pháp phần mềm là hệ thống thông tin, phần mềm nghiệp vụ, phần mềm bảo đảm an toàn an ninh thông tin, giải pháp bảo quản và xác thực lâu dài tài liệu lưu trữ điện tử.

Kết quả khảo sát do Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước thực hiện đã chỉ ra 40% cơ quan nhà nước đang thuê hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác văn thư, lưu trữ. Số cơ quan nhà nước còn lại đang sử dụng hạ tầng công nghệ chung của cơ quan cho việc lưu trữ dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử. Do chưa có quy định và hướng dẫn cụ thể về Kho Lưu trữ số, hạ tầng công nghệ của hầu hết các cơ quan nhà nước hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu về lưu trữ tài liệu điện tử có thời hạn bảo quản lâu dài. Bên cạnh đó, các cơ quan nhà nước đều chưa có phần mềm nghiệp vụ lưu trữ số và giải pháp xác thực tài liệu lưu trữ số trong tương lai. Chính vì vậy, việc đầu tư kinh phí xây dựng hạ tầng công nghệ và giải pháp phần mềm quản lý tài liệu lưu trữ số trong các cơ quan nhà nước trong giai đoạn hiện nay là cần thiết và cấp bách nhằm thực hiện thành công Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025./.

6. Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức phi chính phủ)

Tham luận về “Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện trong thời gian tới”

I. KHÁI QUÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỘI, QUỸ

1. Tổ chức, hoạt động của hội, quỹ

a) Về tình tổ chức, hoạt động của hội

- Về số lượng: tính đến tháng 12/2022 cả nước có 93.438 hội gồm 584 hội (trong đó có 28 hội có tính chất đặc thù) hoạt động phạm vi cả nước hoặc liên tỉnh và 92.854 hội hoạt động phạm vi địa phương (trong đó có 28.940 hội có tính chất đặc thù). Các hội hoạt động phạm vi cả nước hoặc liên tỉnh do Bộ Nội vụ quản lý; các hội hoạt động địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh.

- Về hoạt động: về cơ bản, mô hình tổ chức, hoạt động của các hội phù hợp với quy mô, tính chất, vai trò của từng hội; một số hội đã được xác định là tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp và được thành lập đảng đoàn. Nhiều hội đã phát huy tốt vai trò tập hợp, đoàn kết hội viên, có đóng góp tích cực vào việc bảo vệ, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên. Các hội từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thu hút, tập hợp được đông đảo hội viên tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; các hội đã thể hiện vai trò là cầu nối giữa hội viên với cơ quan nhà nước, phản ánh các nhu cầu, nguyện vọng của hội viên, đồng thời kiến nghị với cơ quan nhà nước về nội dung liên quan đến hoạt động của hội. Các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đã phát huy tốt vai trò, có nhiều đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhiều hội đã phát huy vai trò vận động đông đảo hội viên tham gia và triển khai nhiều hoạt động có hiệu quả trong công tác phòng, chống đại dịch covid -19.

- Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, về tổ chức, hoạt động của các hội còn hạn chế sau: còn có hội chưa thực hiện được vai trò là cầu nối giữa hội viên với cơ quan nhà nước, chưa thực sự đại diện cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên, chưa gắn hoạt động của hội với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Một số hội hoạt động còn mang nặng tính hình thức; chưa phát huy tính tự chủ, hoạt động kém hiệu quả, chưa quản lý tốt các pháp nhân trực thuộc, đặc biệt là các viện nghiên cứu, tạp chí thuộc hội; có xu hướng hành chính hóa hoạt động hội, còn tình trạng mâu thuẫn trong nội bộ hội, đặc biệt là mâu thuẫn cá nhân, dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện kéo dài, không tự giải quyết được. Một số hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ không đúng quy định của điều lệ, cá biệt có hội không xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Về tình hình tổ chức, hoạt động của quỹ

- Về số lượng: tính đến tháng 12/2022 cả nước có tổng số 2.954 quỹ bao gồm 89 quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh và 2.865 quỹ hoạt động trong phạm vi địa phương.

- Về hoạt động: cơ bản các quỹ đã tổ chức, hoạt động tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ quỹ; tích cực hoạt động nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của quỹ

theo quy định; thực hiện nghiêm chỉnh chế độ tài chính, kế toán, công khai mọi khoản thu, chi, đóng góp của quỹ; thực hiện các quy định về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật. Tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, khoa học và phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; triển khai các hoạt động từ thiện nhằm hỗ trợ, giúp đỡ cho các đối tượng yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn, nạn nhân chất độc màu da cam, đồng bào bị thiên tai, bão lụt, góp phần động viên, khuyến khích họ vươn lên trong cuộc sống, hòa nhập cộng đồng. Nhiều quỹ đã tích cực tham gia vận động các nguồn lực ủng hộ cho công tác phòng chống đại dịch Covid -19.

- Tuy nhiên hoạt động của một số quỹ còn hạn chế, tồn tại như: việc tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực tham gia ủng hộ, hỗ trợ xây dựng nguồn tài chính của các tổ chức quỹ còn nhiều hạn chế do điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, hiệu quả chưa cao. Các quỹ còn chưa ban hành đầy đủ các quy chế, quy định trong nội bộ quỹ, còn có quỹ chưa thực hiện nghiêm việc báo cáo định kỳ về tổ chức, hoạt động, tài chính với cơ quan quản lý nhà nước; hoạt động còn vi phạm điều lệ; chưa đăng ký mã số thuế, kê khai thuế theo quy định pháp luật; có quỹ hoạt động chưa đảm bảo sự công khai, minh bạch về tài chính trong quá trình vận động, tiếp nhận tài trợ; có quỹ mâu thuẫn trong nội bộ, cá biệt còn lợi dụng tổ chức, hoạt động của quỹ nhằm mục đích có tính chất tư lợi.

2. Khái quát công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ

a) Kết quả đạt được

- Trong thời gian vừa qua, Đảng và Nhà nước đã kịp thời đề ra các chủ trương và ban hành các văn bản nhằm đảm bảo công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ, tạo điều kiện cho các hội, quỹ hoạt động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, pháp luật cho hội, quỹ và tầng lớp Nhân dân, hội viên, quần chúng biết và thực hiện; đã quan tâm, hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ về cơ sở vật chất, tài chính cho các hội tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; tạo điều kiện cho các hội, quỹ phát huy tinh thần chủ động, hoạt động có hiệu quả, đáp ứng được nguyện vọng ngày càng đa dạng, phong phú của Nhân dân.

- Về bảo đảm, hỗ trợ kinh phí cho các hội có tính chất đặc thù tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Quyết định số 71/2011/QĐ-TTg ngày 20/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các hội có tính chất đặc thù. Các hội quần chúng còn lại hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự quản, tự trang trải kinh phí hoạt động và được Nhà nước hỗ trợ kinh phí, điều kiện hoạt động khi thực hiện nhiệm vụ được giao (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BTC ngày 06/01/2011 của Bộ Tài chính. Theo quy định pháp luật, việc bảo đảm, hỗ trợ kinh phí các hội ở địa phương thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Công tác quản lý nhà nước đối với hội, quỹ được tăng cường nhằm bảo đảm các hội, quỹ thành lập đúng quy định, hoạt động theo điều lệ phải được phê duyệt, chủ động hướng dẫn hoạt động hội, quỹ đi vào nề nếp, đúng hướng. Các cơ quan nhà nước đã phối hợp và hướng dẫn các hội, quỹ hoạt động đúng pháp luật,

điều lệ được phê duyệt. Bộ Nội vụ, UBND cấp tỉnh đã tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ. Công tác thanh tra, kiểm tra đã có tác dụng nhắc nhở hội, quỹ hoạt động đúng Điều lệ, đúng hướng và theo quy định của pháp luật.

Một số Bộ, ngành đã tích cực định hướng, tạo điều kiện hỗ trợ hội, quỹ hoạt động, tham gia cung ứng dịch vụ công; thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về hội, quỹ; tiếp thu ý kiến đóng góp của các hội, quỹ về lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

b) Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ còn một số hạn chế sau:

- Việc thể chế hóa chủ trương của Đảng về hội quần chúng còn chưa kịp thời; Sau 12 năm thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội đến nay đã phát sinh nhiều bất cập về cơ chế, chính sách đối với các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; còn thiếu các chế tài xử lý khi các hội vi phạm pháp luật và điều lệ trong quá trình hoạt động; chưa có quy định đình chỉ hoạt động của hội và thu hồi con dấu khi hội có mâu thuẫn nội bộ và vi phạm pháp luật; thẩm quyền, trách nhiệm của các bộ, ngành đối với tổ chức, hoạt động của các hội còn chưa rõ ràng, hiệu quả phối hợp chưa cao.

- Qua hơn 03 năm thực hiện Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện đã thấy một số quy định còn chưa đồng bộ: khoản 3 Điều 29 của Luật kế toán năm 2015 quy định thời hạn nộp báo cáo tài chính của năm trước là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, đảm bảo số liệu tài chính được ghi nhận đến thời điểm kết thúc năm tài chính (31/3); trong khi đó điểm i khoản 2 Điều 8 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP quy định hàng năm, quỹ phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và tài chính trước ngày 31/12. Hiện nay, có xu hướng gia tăng đề nghị thành lập các quỹ lấy tên là tên riêng của cá nhân, tổ chức nhằm mục đích vụ lợi, tuy nhiên Nghị định số 93/2019/NĐ-CP chưa quy định về vấn đề này. Chưa có quy định cụ thể việc quỹ thực hiện kiểm toán độc lập về tài chính, tài sản của quỹ khi hội đồng quản lý quỹ hết nhiệm kỳ để đảm bảo hoạt động công khai, minh bạch. Do đó, cần sơ kết đánh giá thực hiện Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để có cơ sở đề xuất sửa đổi quy định pháp luật cho phù hợp.

- Còn có địa phương còn chưa thực hiện thường xuyên và định kỳ công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật và điều lệ của hội, quỹ.

II. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI, QUỸ TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

1. Về bối cảnh nước ta hiện nay: tình hình chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường, quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, ổn định và phát triển. Dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố. Tuy nhiên, nước ta đứng trước nhiều vấn đề mới, có cả những thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Đại dịch covid-19 đã gây tác động đến kinh tế - xã hội của nước ta, cần tiếp tục đoàn kết, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị. Quyền

dân chủ ngày càng được phát huy, quyền con người và quyền công dân được Hiến pháp 2013 ghi nhận và bảo đảm thực hiện, nhu cầu thành lập hội, quỹ trong thời gian vừa qua và sắp tới ngày càng gia tăng. Mặt khác, hoạt động của một số hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện đã bộc lộ không ít yếu tố phức tạp, nhạy cảm liên quan đến an ninh chính trị, rửa tiền, tài trợ khủng bố, còn có thể lực thù địch thông qua việc tài trợ cho hội, quỹ để có hoạt động nhằm mục đích ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn xã hội của nước ta. Do đó cần thiết tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của hội, quỹ trong giai đoạn hiện nay.

2. Để tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của hội, quỹ trong tình hình hiện nay cần triển khai nhiệm vụ và giải pháp sau:

a) Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với hội và quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Nghiêm túc quán triệt thực hiện chủ trương của Đảng về hội, quỹ ngăn ngừa dấu hiệu “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, thoát ly sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trong tổ chức, hoạt động của hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Kịp thời thể chế hóa chủ trương về hội quản chúng, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về hội giải quyết các vướng mắc và đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

b) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hội và quỹ xã hội, quỹ từ thiện:

- Tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân về vị trí, vai trò, bản chất, đặc điểm, tính chất của các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện: khẩn trương tham mưu ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; rà soát việc thực hiện Nghị định số 93/2019/NĐ-CP tham mưu sửa đổi một số quy định pháp luật phát sinh khó khăn, vướng mắc.

- Thường xuyên, định kỳ tổng kết công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, qua đó kịp thời phát hiện những mặt đã làm được và những hạn chế, khó khăn để có giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước cũng như tổ chức, hoạt động của các hội, quỹ;

- Tăng cường quản lý hoạt động sau cấp phép đối với các hội, quỹ; chú trọng quản lý, giám sát chặt chẽ tài chính hội, quỹ theo đúng quy định của pháp luật nhằm ngăn chặn các hoạt động rửa tiền, trốn thuế, nắm bắt được tình hình hoạt động, quan hệ với các nguồn tài trợ, ngăn chặn sự lợi dụng, can thiệp, chi phối của các thế lực thù địch, khủng bố, lợi dụng tài trợ để tác động, nhằm mục đích xâm hại an ninh quốc gia, trật tự an toàn của xã hội của nước ta;

- Tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của hội, quỹ; xử lý vi phạm (nếu có);

- Đẩy mạnh việc phân cấp thực hiện các thủ tục về hội, quỹ trong phạm vi địa phương thuộc thẩm quyền theo quy định. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về hội và quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

- Xem xét, khen thưởng các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện có những đóng góp tích cực góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước nhằm động viên, khích lệ, biểu dương những hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện có những đóng góp tích cực.

c) Đối với hội và quỹ xã hội, quỹ từ thiện

- Tiếp tục tổ chức, hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ đã được công nhận. Đổi mới phương thức hoạt động, kiện toàn bộ máy hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả; rà soát, bổ sung các quy chế hoạt động trong nội bộ hội, quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ, đảm bảo công khai, minh bạch. Đối với các quỹ chưa thực hiện kiện toàn, đề nghị rà soát, kiện toàn theo quy định. Đối với các hội đến thời gian tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đề nghị gửi hồ sơ về cơ quan quản lý nhà nước để xem xét, giải quyết theo quy định.

- Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo, quản lý các pháp nhân trực thuộc (trong đó có viện, tạp chí), không để mâu thuẫn trong nội bộ phức tạp, kéo dài.

- Thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống rửa tiền và tài trợ chống khủng bố theo quy định; nghiêm cấm lợi dụng việc thành lập và tổ chức, hoạt động của hội, quỹ gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, khối đại đoàn kết dân tộc và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Tham gia các lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của hội, quỹ do cơ quan quản lý tổ chức. Thường xuyên cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo quy định trên website của Bộ Nội vụ tại đường link: <http://csdlhoiquy.moha.gov.vn> để nắm bắt thông tin và có phối hợp, hướng dẫn kịp thời./.

7. Bộ Nội vụ (Học viện Hành chính Quốc gia)

Tham luận về “nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của tình hình mới”

Học viện Hành chính Quốc gia là trung tâm quốc gia có sứ mệnh đào tạo, bồi dưỡng năng lực hành chính, lãnh đạo, quản lý, quản trị quốc gia, đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp ngang tầm nhiệm vụ, tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng, với sự nghiệp cách mạng, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về quản lý công, chính sách công và quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; nghiên cứu khoa học, tổng kết các vấn đề lý luận và thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học phục vụ xây dựng nền hành chính kiến tạo, pháp quyền, liêm chính, phục vụ.

Từ những giá trị cốt lõi gắn với truyền thống, khoa học, hiện đại, hội nhập, kiến tạo, phục vụ, tâm huyết và trách nhiệm, Học viện Hành chính Quốc gia hướng đến mục tiêu phát triển thành trung tâm quốc gia có uy tín, vị thế vững chắc ngang tầm khu vực trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu về hành chính, lãnh đạo, quản lý, quản trị, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, góp phần vào sự nghiệp tiếp tục đổi mới toàn diện đất nước, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Để đạt được mục tiêu nêu trên, việc tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của tình hình mới trở thành nhân tố quyết định thành bại trong tiến trình phát triển của Học viện Hành chính Quốc gia.

1. Bối cảnh thực hiện công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Năm 2022, các cấp, các ngành triển khai thực hiện nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, phần đầu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm. Trước yêu cầu thực hiện thắng lợi Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030, với phương châm hành động của ngành Nội vụ “**Đoàn kết, kỷ cương, gương mẫu, đổi mới, hiệu quả**”, trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Học viện Hành chính Quốc gia tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo Bộ Nội vụ và sự phối hợp, hỗ trợ, giúp đỡ của các ban, bộ, ngành, địa phương, bảo đảm thực hiện hiệu quả Nghị định 101/2017/NĐ-CP và Nghị định 89/2021/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Năm 2022, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp và có chiều hướng dần ổn định từ Quý 3. Dịch bệnh đã có ảnh hưởng rất lớn khi triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Học viện và kế hoạch của các bộ, ngành, địa phương, điều này đặt ra yêu cầu Học viện phải tích cực đổi mới và thích ứng với phương thức tổ chức, quản lý bồi dưỡng phù hợp trong trạng thái bình thường mới.

Năm 2022, Học viện Hành chính Quốc gia thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ nghiên cứu, tham mưu, chuẩn bị các điều kiện tốt

nhất phục vụ sáp nhập Trường Đại học Nội vụ Hà Nội vào Học viện Hành chính Quốc gia, tạo động lực mới, nâng cao vị thế chính trị, pháp lý của Học viện. Cũng tại thời điểm này, Học viện không tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức, nhân sự trong thời gian chờ sáp nhập theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ.

Năm 2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, căn cứ quy định mới, Học viện Hành chính Quốc gia được Bộ Nội vụ giao tập trung xây dựng, biên soạn và hoàn thành nghiệm thu với 09 bộ chương trình, tài liệu nhằm khẩn trương đưa vào phục vụ học tập, giảng dạy chính thức trong các cơ sở, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên phạm vi cả nước. Đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách bởi khối lượng rất lớn, thời gian triển khai không nhiều nhưng phải bảo đảm đảm tinh thần nâng cao chất lượng và đổi mới.

Với mục tiêu góp phần cải cách chế độ công vụ, hướng tới xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài, xác định rõ vai trò, vị trí trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Học viện Hành chính Quốc gia nỗ lực tận dụng cơ hội để đổi mới, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ được giao trên nhiều lĩnh vực, trong đó nổi bật là công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của Bộ Nội vụ và toàn ngành Nội vụ.

2. Kết quả công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022

Đến 31 tháng 10 năm 2022, Học viện đã tổ chức 481 lớp bồi dưỡng với 31.164 học viên. Trong đó, có 30 lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp vụ và tương đương với 1.616 học viên; 44 lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương với 2.250 học viên; 14 lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp huyện và tương đương với 646 học viên; 36 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp với 2.063 học viên; 46 lớp bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên chính với 2.628 học viên; 74 lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương với 9.758; 77 lớp bồi dưỡng đối với ngạch chuyên viên với 4.763 học viên; 158 lớp bồi dưỡng theo nhu cầu với 7.132 học viên. Quy mô bồi dưỡng tăng xấp xỉ 30% so với năm 2021, vượt dự báo kế hoạch xấp xỉ 50%.

Để tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng trong bối cảnh và tình hình mới, năm 2022, Học viện Hành chính Quốc gia đã có nhiều đổi mới thể hiện ở một số điểm chính, cơ bản sau:

Một là, hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy chế về quản lý bồi dưỡng, học tập, xây dựng, thẩm định đề kiểm tra, quy chế chấm bài, quy chế điểm danh, giám sát học tập... Hệ thống quy chế là cơ sở đặc biệt quan trọng trong phân công, phối hợp, bảo đảm mọi vận hành trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được diễn ra khoa học, hiệu quả, thông suốt, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là công tác quản lý học viên được kiểm soát chặt chẽ.

Hai là, năm 2022, Học viện tập trung nghiên cứu, biên soạn và nghiệm thu hệ thống 9 bộ chương trình, tài liệu bồi dưỡng, gồm: bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức (*chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp*), bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý (*cấp phòng và tương đương*,

cấp huyện và tương đương, cấp sở và tương đương, cấp vụ và tương đương), bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm (*bồi dưỡng thi đua, khen thưởng; bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, ngành trung ương*). Các chương trình, tài liệu được tổ chức biên soạn công phu, kỹ lưỡng trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm từ thực tiễn triển khai thực hiện chương trình, tài liệu của giai đoạn trước, các khảo sát xã hội học và hội thảo chuyên gia. Việc ban hành chương trình, tài liệu kịp thời, đúng tiến độ đã giúp Học viện và hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhanh chóng đưa vào sử dụng, đến nay được học viên đánh giá cao, phù hợp với mục tiêu đặt ra, có tính hiệu quả, thiết thực.

Ba là, Học viện chủ động nghiên cứu, phối hợp với ban, bộ, ngành, địa phương tổng hợp, dự báo nhu cầu bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, theo đó, xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng bảo đảm tính khoa học với đa dạng các loại hình lớp, phương thức bồi dưỡng, tạo mọi điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức có thể tham gia học tập với nhiều lựa chọn linh hoạt. Bên cạnh kế hoạch bồi dưỡng tập trung tại trụ sở và các phân viện, Học viện đáp ứng đủ 100% nhu cầu bồi dưỡng ngoài kế hoạch của các ban, bộ, ngành, địa phương, trong đó địa điểm tổ chức lớp bảo đảm thuận tiện, tiết kiệm cả về thời gian và chi phí đối với người học, mặt khác bảo đảm việc kiểm soát chất lượng khóa bồi dưỡng.

Bốn là, Học viện triển khai hiệu quả công tác tổ chức lớp bồi dưỡng theo hình thức tập trung, từ xa (online), trực tuyến và kết hợp giữa các hình thức này. Cán bộ, công chức, viên chức thích ứng học tập trên thiết bị công nghệ, được kiểm soát học tập bởi camera và cán bộ giám sát, kiểm tra trắc nghiệm trên máy tính từ xa. Ngoài ra, cán bộ, công chức, viên chức theo học được sử dụng học liệu điện tử là các video clip, tài liệu số... Việc tổ chức các khóa bồi dưỡng cho công chức đang công tác nhiệm kỳ tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài của Bộ Ngoại giao là minh chứng rõ nét cho chất lượng, hiệu quả khi áp dụng phương thức này, bảo đảm công chức đang công tác nhiệm kỳ ở nước ngoài vẫn có thể tham gia khóa học và các múi giờ phù hợp.

Tổ chức bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin ở nhiều mức độ khác nhau là xu hướng hiện đại, tất yếu, hướng tới chuyển đổi số, đặc biệt thích ứng linh hoạt, hiệu quả trong điều kiện dịch Covid-19, qua đó, kế hoạch bồi dưỡng bảo đảm đúng kế hoạch, không bị gián đoạn, giúp cán bộ, công chức, viên chức từng bước nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, làm việc trong môi trường số. Học viện Hành chính Quốc gia hiện đang tiếp tục nghiên cứu, phát triển những mô hình này.

Năm là, Học viện nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế để nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng. Năm 2022, Học viện tổ chức triển khai nghiên cứu 02 đề tài cấp quốc gia, tổ chức nghiên cứu 10 đề tài khoa học cấp Bộ, cấp tỉnh; triển khai các nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở và đề xuất các nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia khác; tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm khoa học, trong đó có các hội thảo quốc tế thu hút được sự tham gia của nhiều học giả, nhà khoa học có uy tín.

Học viện tham gia tích cực vào các tổ chức, diễn đàn quốc tế về hành chính, phát huy hiệu quả vị trí Phó Chủ tịch Hiệp hội Hành chính Miền Đông thế giới,

nhiệm kỳ 2021-2023; Chủ tịch mạng lưới các cơ sở đào tạo công vụ ASEAN; duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác quốc tế có uy tín nhằm trao đổi, bồi dưỡng giảng viên, học viên, phối hợp nghiên cứu khoa học, xây dựng chương trình bồi dưỡng...

Hoạt động hợp tác quốc tế giúp nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, tiếp cận có chọn lọc tri thức khoa học của chuyên gia nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt trong công tác xây dựng chương trình, tài liệu và công tác giảng dạy.

Sáu là, Học viện đề cao và thực hiện quy định riêng về tiêu chuẩn, quy trình đánh giá giảng viên. Giảng viên được bồi dưỡng để đáp ứng tiêu chuẩn ở trình độ cao và nhất thiết phải được thông qua quy trình gồm hướng dẫn, dự giờ, hội đồng đánh giá đối với từng chuyên đề giảng dạy. Học viện tăng cường mời các chuyên gia, các nhà khoa học tham gia giảng dạy, báo cáo thực tế, theo đó, đội ngũ thỉnh giảng cũng cần bảo đảm đạt tiêu chuẩn theo quy định.

3. Một số thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị

3.1. Thuận lợi

- Lãnh đạo Bộ Nội vụ quan tâm chỉ đạo, các đơn vị chức năng của Bộ Nội vụ, các ban, bộ, ngành địa phương quan tâm phối hợp, giúp đỡ để Học viện Hành chính Quốc gia triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, kịp thời tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ.

- Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện là tập thể lãnh đạo thống nhất thường xuyên quan tâm chỉ đạo sát sao, toàn diện đối với công tác bồi dưỡng và xác định đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả bồi dưỡng là nhiệm vụ trọng tâm, quyết định sự tồn tại và phát triển của Học viện. Đội ngũ viên chức Học viện đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm thực hiện thành công Chiến lược phát triển Học viện.

- Nghị định 101/2017/NĐ-CP và Nghị định 89/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Chỉ thị 28/CT-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức là căn cứ quan trọng để các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương tiếp tục tăng cường việc triển khai kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo ngạch và theo vị trí việc làm.

- Học viện Hành chính Quốc gia tiếp tục khẳng định được uy tín, bề dày hơn 63 năm trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các ban, bộ, ngành, địa phương, do đó, công tác phối hợp triển khai giữa Học viện và các đơn vị hữu quan cơ bản đồng bộ, linh hoạt, kịp thời và có hiệu quả.

- Chương trình bồi dưỡng được biên soạn mới khoa học, hiện đại, phù hợp với vị trí việc làm, theo đó thu hút được học viên và sự ủng hộ tích cực của các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương.

- Đội ngũ giảng viên, báo cáo viên tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng đáp ứng đúng điều kiện, tiêu chuẩn, có kiến thức rộng, hầu hết trải qua thực tiễn lãnh đạo, quản lý, luôn trách nhiệm, nhiệt tình, có phương pháp giảng dạy khoa học, đáp ứng hiệu quả mục tiêu, yêu cầu giảng dạy của chương trình. Viên chức được phân

công theo dõi, quản lý lớp học hầu hết có kinh nghiệm quản lý, trách nhiệm và tâm huyết trong tổ chức và quản lý các lớp bồi dưỡng.

- Đối tượng học viên tham gia các khóa bồi dưỡng theo chức vụ lãnh đạo, quản lý là các nhà lãnh đạo, quản lý do vậy chất lượng học viên rất cao cả về kiến thức, kỹ năng, thực tiễn và thái độ học tập, điều này góp phần quan trọng vào thành công của các khóa bồi dưỡng.

3.2. Khó khăn

- Hệ thống quy định pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức còn chưa đầy đủ, cần tiếp tục hoàn thiện.

- Một số bộ, ngành, địa phương chưa đăng ký kế hoạch bồi dưỡng từ đầu năm, do vậy, Học viện còn gặp khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch mở lớp.

- Cơ chế tài chính phục vụ đào tạo, bồi dưỡng còn bất cập, cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa hiện đại, chậm được nâng cấp.

- Công tác tổ chức lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực và phương pháp giảng dạy cho giảng viên quản lý nhà nước theo Quyết định 3542/QĐ-BNV ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ còn gặp nhiều khó khăn khi chưa có quy định tiêu chuẩn cụ thể của giảng viên gắn với việc hoàn thành chương trình này.

- Trước yêu cầu phát triển, một số giảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn, theo đó, số lượng, chất lượng giảng viên cần tiếp tục tăng lên. Một số lớp bồi dưỡng đòi hỏi giảng viên có trình độ cao, các chuyên gia giỏi, giàu kinh nghiệm thực tiễn, tuy nhiên việc mời giảng viên thỉnh giảng là hết sức khó khăn.

3.3. Đề xuất, kiến nghị

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Ban hành Thông tư hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ, đồng thời kiến nghị Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Ban hành quy định về trách nhiệm tham gia giảng dạy, báo cáo thực tế đối với cán bộ, công chức, viên chức đương chức trong các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Tạo điều kiện thực hiện cơ chế biệt phái, luân chuyển đối với giảng viên Học viện để nâng cao giá trị thực tiễn trong hoạt động giảng dạy.

- Tạo điều kiện về cơ chế, kinh phí để Học viện triển khai việc chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng chuyên biệt, xây dựng thư viện và học liệu số,

- Giao nhiệm vụ và cấp kinh phí để Học viện triển khai xây dựng hệ thống các chương trình, tài liệu bồi dưỡng, đặc biệt là các chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm gắn với phạm vi quản lý nhà nước của ngành Nội vụ, đặc biệt quan tâm xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng về khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, bám sát yêu cầu cải cách chế độ công vụ trong tình hình hiện nay.

Với mục tiêu đến năm 2030, Học viện phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu về hành chính, lãnh đạo, quản lý, quản trị, chính sách khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; phát triển thành Học viện điện tử để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đóng góp quan trọng vào xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu nền hành chính kiến tạo, pháp quyền, liêm chính, phục vụ. Sau năm 2030, Học viện tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm quốc gia hàng đầu về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị; trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, trung tâm nghiên cứu, chuyển giao tri thức, công nghệ, tư vấn về lãnh đạo, quản lý, chính sách có uy tín hàng đầu ở châu Á và trên thế giới.

Xin trân trọng cảm ơn và kính chúc sức khỏe các đồng chí!

8. UBND Thành phố Hồ Chí Minh

Tham luận về “Giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”

Năm 2022, Thành phố Hồ Chí Minh xác định chủ đề “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng chính quyền đô thị, cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành cùng doanh nghiệp*”. Trong đó, chính quyền Thành phố tập trung cải cách hành chính (CCHC), tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm tháo gỡ những điểm nghẽn, khó khăn của doanh nghiệp và người dân, cũng như khơi thông và phát huy nguồn lực xã hội để phát triển Thành phố.

Trong bối cảnh phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau đại dịch COVID-19, TP. HCM đã rất quyết tâm đẩy mạnh công tác Chuyển đổi số. Thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh do Chủ tịch UBND TP làm Trưởng ban. Đặc biệt, Thành ủy đã ban hành Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/8/2022 về đẩy mạnh công tác chuyển đổi số và xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh

Để thực hiện hiệu quả công tác CCHC gắn với chuyển đổi số, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, Ủy ban nhân dân Thành phố xác định rõ, chuyển đổi số đang có một sứ mệnh mới, sáng tạo và ứng dụng các giải pháp công nghệ số để góp phần phòng chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể, Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện 6 nhóm giải pháp chuyển đổi số trọng tâm nhằm thúc đẩy CCHC trong các cơ quan nhà nước tại Thành phố:

Thứ nhất là nâng cao nhận thức và năng lực về chuyển đổi số. Yếu tố quyết định đầu tiên trong chuyển đổi số chính là nhận thức. Cần có đổi mới tư duy và thống nhất nhận thức ở từng cá nhân, từng tổ chức. Việc này chỉ có được qua quá trình đào tạo và tự học. Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp tục tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, các khóa đào tạo, tập huấn giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức Thành phố; trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyển đổi số.

Ủy ban nhân dân Thành phố cũng triển khai Công thông tin chuyển đổi số của Thành phố, xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của Thành phố trên báo chí và phương tiện truyền thông. Đặc biệt, cần phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo của người đứng đầu trong chuyển đổi số. Có thể bắt đầu từ việc khai thác dữ liệu, thay đổi mô hình hoạt động, đảm bảo tính đồng bộ, liên thông, kết nối giữa các cơ quan nhà nước để cung cấp các tiện ích, dịch vụ công trực tuyến tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp.

Thứ hai là phát triển Kho dữ liệu dùng chung Thành phố. Thành phố tiếp tục triển khai cơ sở dữ liệu (CSDL) liên quan đến người dân, tập trung vào CSDL hộ tịch, y tế, giáo dục, doanh nghiệp, người nộp thuế và CSDL quản lý đất đai Thành phố. Riêng về cơ sở dữ liệu Hộ tịch, Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đầu tiên trong cả nước hoàn thành vấn đề số hóa 4 loại sổ hộ tịch: sổ đăng ký kết hôn, sổ đăng ký khai sinh, sổ đăng ký khai tử và sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, với tổng số trên 12,8 triệu hồ sơ. Tất cả dữ liệu số hóa Sổ hộ tịch của thành phố đã được đồng bộ với cơ sở dữ liệu hộ tịch của Bộ Tư pháp. Từ ngày 15/6/2022, Thành phố Hồ Chí Minh

thực hiện cấp bản sao trích lục kết hôn, khai sinh, khai tử, đăng ký nhận cha, mẹ, con từ Dữ liệu số hóa sổ hộ tịch tại Kho dữ liệu dùng chung thành phố cho người dân mà không phụ thuộc vào nơi đã đăng ký, nơi lưu trữ sổ hộ tịch và nơi cư trú. Người dân sẽ không phải mất thời gian về nơi cư trú trước đây hoặc nơi đăng ký hộ tịch để trích lục mà có thể đến bất cứ phường xã nào tại thành phố để được trích lục...

Phát triển dữ liệu mở (open data) để người dân, doanh nghiệp, và chính quyền có thể đẩy mạnh hợp tác cùng xây dựng một số hệ sinh thái sản phẩm tiện ích có giá trị cao, kiến tạo môi trường khuyến khích sáng tạo và khởi nghiệp trên nền tảng công nghệ theo định hướng mở, tập trung vào các nhóm dữ liệu mở về: Y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, quy hoạch.

Thứ ba là triển khai nền tảng số, hạ tầng số. Thành phố tiếp tục mở rộng, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của thành phố (LGSP) để chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan tại Thành phố và kết nối liên thông thành công với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP).

Thứ tư là phát triển các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước. Cụ thể là tập trung triển khai các ứng dụng phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19, phục vụ thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trên địa bàn Thành phố.

Hoàn thiện, kết nối liên thông các phần mềm quản lý văn bản và điều hành nội bộ để bảo đảm thông suốt trong việc thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và các nội dung khác theo quy định; triển khai hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố; triển khai hệ thống thông tin (dashboard) trên cơ sở tích hợp dữ liệu kinh tế - xã hội về Trung tâm điều hành của Thành phố.

Thứ năm là tập trung ưu tiên chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực. Cụ thể, trong ngành Y tế sẽ tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử của từng người dân; triển khai Kho dữ liệu của ngành y tế - giai đoạn 1, tập trung vào các nền tảng liên thông dữ liệu ngành y tế Thành phố; phát triển kho dữ liệu ngành y tế Thành phố; hướng đến mục tiêu mỗi người dân Thành phố khi đi khám chữa bệnh chỉ cần một mã QR có thể có đầy đủ thông tin về hồ sơ sức khỏe, bệnh án điện tử của mình khi đã thực hiện khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh, kể cả dân lập và công lập.

Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, triển khai Kho dữ liệu ngành giáo dục đào tạo Thành phố; xây dựng CSDL về giáo dục, đào tạo tập trung và CSDL của giáo viên, học sinh, CSDL về các cơ sở đào tạo, văn bằng, chứng chỉ.

Trong lĩnh vực đất đai, chia sẻ dữ liệu và liên thông giải quyết hồ sơ nhà đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện các giao dịch đảm bảo; chia sẻ dữ liệu đất đai phục vụ cho công tác công chứng.

Thứ sáu là phát triển ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Thành phố phát triển một ứng dụng di động thống nhất nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân và ngược lại, giữa người dân với chính quyền; xây dựng, triển khai, vận hành Hệ thống Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử gắn với đánh giá hài lòng giải quyết thủ tục hành chính của

cơ quan hành chính Thành phố; kết nối với Công dịch vụ công quốc gia; nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống 1022; thực hiện áp dụng rộng rãi thanh toán điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua công tác triển khai, thực hiện Thành phố Hồ Chí Minh tự đánh giá những mặt đạt được cụ thể:

- Thành phố đã triển khai đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, chủ động triển khai các nhiệm vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: Triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Triển khai và liên thông kết nối hệ thống tài liệu điện tử theo mô hình liên thông 4 cấp theo Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; sử dụng có hiệu quả Hệ thống hội nghị trực tuyến, đẩy mạnh việc ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị và đơn vị trực thuộc để thực hiện ký số văn bản điện tử, thực hiện các giao dịch đăng ký hồ sơ dịch vụ công trực tuyến; sử dụng thư điện tử trong công việc tại đơn vị và các phòng ban, đơn vị trực thuộc...

- Thông qua việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Thành phố Hồ Chí Minh mong muốn tạo bước tiến trong cải cách hành chính, nhất là giải quyết thủ tục hành chính liên quan tới người dân và doanh nghiệp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền và địa phương, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn; cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp Thành phố; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao chất lượng và sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Hệ thống cũng được nâng cấp để kết nối, tích hợp, chia sẻ với Công dịch vụ công quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ từ đó tạo tiện ích định danh, xác thực điện tử cho người dân, tái sử dụng thông tin, chuẩn hóa, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Kết quả triển khai Chuyển đổi số Thành phố Hồ Chí Minh đã có những chuyển biến tích cực như:

- Kết quả đánh giá chỉ số chuyển đổi số - DTI năm 2021 cấp tỉnh năm 2021, TP. Hồ Chí Minh xếp hạng 3/63 tỉnh thành, tăng 2 hạng so với năm 2020 (trong đó, Chính quyền số xếp hạng 3, Kinh tế số xếp hạng 3, và Xã hội số xếp hạng 4).

- Nhiều ngành đã tăng tốc trong việc xây dựng nguồn dữ liệu phục vụ hiệu quả quản trị điều hành và cung cấp dịch vụ công, điển hình như dữ liệu hộ tịch, dữ liệu giáo dục, dữ liệu nền thông tin địa lý,...

- Thành phố đã đưa vào vận hành một số Nền tảng quản trị thực thi công việc của Ủy Ban nhân dân Thành phố bằng dữ liệu như Hệ thống giám sát việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Cổng thông tin 1022, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về kinh tế số, Thành phố đã lần đầu tiên đánh giá được đóng góp của kinh tế số trong GRDP trên địa bàn Thành phố ở góc độ nghiên cứu khoa học; Theo đó, tỷ lệ đóng góp của kinh tế số cho GRDP năm 2022 của thành phố ước đạt 15,38%. Chỉ tiêu của năm 2022 là 15%.

Mặc dù Thành phố đã đạt được một số kết quả quan trọng, Thành phố vẫn còn đang rất nhiều việc cần phải làm so với yêu cầu đặt ra, nhất là so với thực tiễn của đời sống người dân và khối lượng công việc của các cơ quan Thành phố.

Năm 2023, Thành phố tập trung vào các hoạt động phát triển, kết nối, chia sẻ, khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ xây dựng đô thị thông minh và thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số với các định hướng trọng tâm là:

- Người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến;

- Doanh nghiệp được khai thác dữ liệu, dữ liệu mở do cơ quan nhà nước cung cấp để phục vụ sản xuất, kinh doanh;

- Cơ quan nhà nước sử dụng dữ liệu từ các hệ thống thông tin theo thời gian thực để hỗ trợ ra quyết định, giảm thiểu hoạt động báo cáo thủ công giữa các cấp.

Do đó, trong thời gian tiếp theo, Thành phố Hồ Chí Minh xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung như sau:

1. Tiếp tục đưa vào vận hành thống nhất, hoàn thiện theo kế hoạch Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố Hồ Chí Minh, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia; hệ thống xác thực định danh, cơ sở dữ liệu dân cư của Bộ Công an cũng như các CSDL Quốc gia các Bộ ngành; Chữ ký số từ xa sẽ được tích hợp trên hệ thống để người dân và doanh nghiệp có thể ký trực tiếp vào các biểu mẫu điện tử, có giá trị pháp lý như chữ ký tay và con dấu, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; triển khai ứng dụng di động thống nhất phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Triển khai số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; triển khai kết nối, khai thác dữ liệu từ Kho dữ liệu của thành phố đảm bảo nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

3. Tiếp tục hoàn thiện và vận hành nhóm 05 nền tảng phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của thành phố: (1) Hệ thống theo dõi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo thời gian thực; (2) Hệ thống giám sát việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Cổng thông tin 1022; (3) Hệ thống theo dõi chỉ số năng lực cạnh tranh của các sở, ngành, địa phương - DCCI; (4) Hệ thống theo dõi mức độ Chuyển đổi số của các sở, ngành, địa phương; (5) Ứng dụng công dân thống nhất của TP. Năm hệ thống này cùng với hệ thống giám sát việc xử lý TTHC sẽ cung cấp bộ công cụ cơ bản cho lãnh đạo thành phố, các cấp chính quyền thành phố chỉ đạo, điều hành (hệ thống được chia sẻ cho toàn thành phố), các cơ quan dân cử giám sát bằng hệ thống công nghệ và dữ liệu khách quan. Đây cũng là những công cụ quan trọng để điều hành đô thị thông minh theo Đề án của TP; theo đúng yêu cầu của lãnh đạo thành phố là quản trị TP trên các nền tảng số.

4. Tổ chức thực thi các chiến lược quan trọng của Thành phố là Chiến lược quản trị dữ liệu (phối hợp với Ngân hàng Thế giới), Kế hoạch đảm bảo an toàn thông tin. Đặc biệt là triển khai chiến lược quản trị dữ liệu của thành phố, tập trung vào 3 nhóm dữ liệu: (1) Nhóm dữ liệu phục vụ quản lý đất đai - đô thị (2) Nhóm dữ liệu

liên quan đến thông tin của người dân (3) Nhóm dữ liệu về phát triển tài chính – doanh nghiệp.

5. Tiếp tục thực hiện các nội dung triển khai Kho dữ liệu dùng chung, Trung tâm điều hành đô thị thông minh, Trung tâm mô phỏng và dự báo kinh tế - xã hội, Trung tâm an toàn thông tin thành phố. Tập trung phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại phục vụ phát triển đô thị thông minh và chuyển đổi số.

6. Tập trung phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại phục vụ phát triển đô thị thông minh và chuyển đổi số.

7. Nghiên cứu giải pháp, cơ chế hình thành một Trung tâm nghiên cứu và triển khai Chính quyền số của Thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm nghiên cứu và triển khai Chính quyền số TPHCM sẽ thực hiện nhiệm vụ tổ chức tư vấn các quận huyện, sở ngành thực thi Chiến lược dữ liệu, nền tảng số phục vụ xây dựng Chính quyền số nhằm thúc đẩy phát triển Kinh tế số, Xã hội số theo Chương trình Chuyển đổi số Thành phố và Đề án xây dựng TP.HCM trở thành đô thị thông minh.

8. Tổ chức lại hệ thống đánh giá chỉ số Kinh tế số bài bản, khoa học, duy trì hoạt động thường xuyên. Thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, góp phần hiệu quả phát triển kinh tế số của Thành phố.

9. Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, trước hết, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; thanh toán không dùng tiền mặt.

10. Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số để thực hiện các nhiệm vụ được giao; kỹ năng ứng dụng công nghệ số và an toàn thông tin; trong đó đặc biệt chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định./.

9. UBND thành phố Đà Nẵng

Tham luận về “Giải pháp nâng cao chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”

Công tác cải cách hành chính trong hoạt động các cơ quan Nhà nước vừa là yêu cầu, vừa là nền tảng để các địa phương nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trong nội bộ của cơ quan nhà nước, giữa các cơ quan nhà nước, trong giao dịch với tổ chức và công dân. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, trong những năm vừa qua, Thành ủy, HĐND và UBND thành phố quan tâm chỉ đạo, nỗ lực để duy trì là một trong những tỉnh, thành thuộc nhóm các địa phương có chỉ số tốt về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; chỉ số chuyển đổi số; chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (Par-index), đặc biệt là triển khai công tác khảo sát mức độ hài lòng (Sipas), lấy kết quả hài lòng của tổ chức, người dân làm thước đo chất lượng phục vụ của chính quyền thành phố trong cung ứng dịch vụ hành chính công.

Thứ nhất, về Chỉ số cải cách hành chính PAR INDEX được Bộ Nội vụ triển khai từ năm 2012 là công cụ để theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính tại các bộ, tỉnh hàng năm. Ngày 06/5/2022, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 362/QĐ-BNV về việc phê duyệt và công bố Chỉ số CCHC năm 2021 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 (PAR INDEX 2021), thành phố Đà Nẵng đã có sự trở lại trong top 5 địa phương dẫn đầu, xếp vị trí thứ 3 trong bảng xếp hạng PAR INDEX 2021 (thuộc nhóm A).

Xác định rõ kết quả đánh giá của Bộ Nội vụ hàng năm là kim chỉ nam trong thực hiện công tác cải cách hành chính. Hằng năm, căn cứ kết quả đánh giá của Bộ Nội vụ, thành phố Đà Nẵng đều tập trung phân tích kết quả, ưu điểm, hạn chế. Riêng trong năm 2022, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND thành phố ban hành báo cáo phân tích kết quả 10 năm (giai đoạn 2012-2021) triển khai đánh giá xếp hạng của Bộ Nội vụ, trong đó giao trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện các nội dung tiêu chí theo Bộ Chỉ số, nhất là khắc phục những điểm yếu qua các năm, đặc biệt đề ra các nhóm giải pháp chỉ đạo một cách quyết liệt, từng bước đi vào chiều sâu và hiệu quả thực chất, lâu dài, hướng đến nâng cao chất lượng, điều hành và chất lượng phục vụ của bộ máy hành chính nhà nước tại địa phương.

Bên cạnh đó, thành phố Đà Nẵng cũng đã tham khảo, rà soát, bổ sung các nội dung tiêu chí Bộ Chỉ số PAR INDEX vào Bộ Chỉ số đánh giá xếp hạng CCHC của thành phố để làm cơ sở thẩm định đánh giá đối với các cơ quan đơn vị; theo đó trong năm 2022, đã chỉ đạo triển khai đánh giá xếp hạng và công bố kết quả sớm để sử

dụng đánh giá người đứng đầu. Đồng thời đưa các nội dung cần lưu ý triển khai thực hiện vào Kế hoạch CCHC để các đơn vị chủ động triển khai các nội dung.

Với phương châm “*Cải cách thủ tục hành chính theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp là TRUNG TÂM*”, thành phố đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo căn cứ theo lộ trình Kế hoạch tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 của thành phố. Nhiều nhiệm vụ trong giai đoạn mới được thành phố đặt chỉ tiêu cao hơn so với chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho thấy quyết tâm cải cách của thành phố. Trong năm 2022, nhiều giải pháp đã được đưa vào áp dụng, triển khai trên thực tế, đặc biệt trên 02 trục lĩnh vực: Cải cách thủ tục hành chính và xây dựng Chính quyền số hướng đến xây dựng Thành phố thông minh như: tăng cường dịch vụ công trực tuyến; số hóa hồ sơ công việc và TTHC; sử dụng CSDL dùng chung và chia sẻ; thí điểm bỏ thành phần hồ sơ là bản sao giấy chứng nhận đối với các hồ sơ đã thực hiện tra cứu trên cơ sở dữ liệu doanh nghiệp; xây dựng Đề án đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công tại Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng, theo đó sẽ triển khai tiếp nhận phi địa giới hành chính đối với một số thủ tục trên lĩnh vực đất đai...

Thứ hai, đối với Chỉ số SIPAS là kết quả đo lường phản ánh ý kiến của tổ chức, công dân đối với chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công. Kết quả Sipas là một trong những thông tin quan trọng, độc lập để từ đó, thành phố có giải pháp điều chỉnh, khắc phục những vấn đề còn bất cập. Căn cứ kết quả Chỉ số Sipas hàng năm, Sở Nội vụ đều tham mưu UBND thành phố ban hành phân tích các Chỉ số đánh giá, có sự so sánh kết quả các năm, những chỉ số khảo sát thấp đều được UBND thành phố chỉ đạo cụ thể để có giải pháp khắc phục.

Thành phố đã ban hành Khung khảo sát mức độ hài lòng gồm tổ hợp 03 Phương pháp triển khai từ năm 2014 như sau: Khảo sát bằng phiếu điều tra; Khảo sát bằng phiếu điều tra, phỏng vấn sâu thông qua điện thoại ghi âm; Khảo sát trực tuyến.

Đối với các nội dung khảo sát độc lập từ kênh thông tin đánh giá trực tuyến, các lĩnh vực đang gây bức xúc trong dư luận, các phản ánh kiến nghị của tổ chức, công dân, thành phố đã giao Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội thành phố, Tổng đài dịch vụ công 1022 trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông lựa chọn để tổ chức khảo sát. Việc lựa chọn, tiến hành khảo sát tập trung vào một số lĩnh vực nóng và tuân thủ theo quy trình chặt chẽ được quy định tại Quy định khung khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, công dân trên địa bàn thành phố. Kết quả khảo sát được phân tích, chuyển đến cơ quan quản lý để có giải pháp chấn chỉnh, khắc phục những bất cập được tổ chức, người dân phản ánh.

Để người dân, doanh nghiệp tích cực phản hồi ý kiến với chính quyền, nhiều giải pháp trong công tác tuyên truyền khảo sát cũng được thành phố quan tâm chú trọng thực hiện như: In ấn Cẩm nang tuyên truyền công tác khảo sát mức độ hài lòng, xây dựng video clip, in ấn hơn 5000 tờ rơi và poster tuyên truyền. Trong năm 2022, thành phố tiếp tục triển khai thí điểm tính năng gọi tự động khảo sát mức độ hài lòng (ứng dụng trí tuệ nhân tạo - AI); theo đó căn cứ kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho công dân tại phần mềm “Một cửa”, hệ thống phần mềm tự động thực hiện việc gọi điện thoại đến công dân và ghi nhận thông tin phản hồi.

Điểm mấu chốt đó là, Cải cách hành chính cần sự chung sức, đồng lòng của các cấp chính quyền, cả hệ thống chính trị và sự chung tay góp ý xây dựng của người dân, doanh nghiệp. Vì vậy, kết quả cải cách hành chính của thành phố được ghi nhận qua kết quả Chỉ số cải cách hành chính Trung ương đánh giá thời gian qua và chỉ số hài lòng của người dân được cải thiện qua từng năm cũng phản ánh được sự quyết tâm của thành phố trong quá trình cải cách hành chính hướng đến mục tiêu xây dựng nền hành chính phục vụ; cải cách hành chính để tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Trên đây là tham luận của thành phố Đà Nẵng về “Giải pháp nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”. Kính báo cáo Hội nghị và mong được chia sẻ, trao đổi để thành phố tiếp tục thực hiện tốt hơn công tác CCHC trong thời gian đến./.

10. UBND tỉnh Long An

Tham luận “Kinh nghiệm trong việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đến năm 2022”

Long An là tỉnh nằm ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có đường biên giới tiếp giáp với Vương quốc Campuchia dài khoảng 132,77 km. Toàn tỉnh có 15 đơn vị hành chính cấp huyện (13 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố).

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), Tỉnh ủy Long An đã ban hành Đề án số 02-ĐA/TU và Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 29/12/2017 về “Sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Long An theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch cụ thể để thực hiện rà soát, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu đã kịp thời triển khai, quán triệt, làm tốt công tác giáo dục tư tưởng; tạo sự thống nhất trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực chủ động xây dựng Đề án để triển khai thực hiện cụ thể; kịp thời giải quyết các chế độ chính sách đối viên chức, người lao động dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức. Qua sắp xếp đã được những kết quả quan trọng, toàn tỉnh đã giảm 124/813 đơn vị, đạt tỷ lệ 15,25%; giảm 3.225 biên chế hưởng lương từ ngân sách, đạt tỷ lệ 10.91% so với năm 2015 (chủ yếu do có đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên), qua đó góp phần tinh gọn bộ máy, giảm chi hoạt động thường xuyên, sử dụng hiệu quả trụ sở, trang thiết bị.

Đặc biệt, là tỉnh đã thực hiện giải thể 14 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên của 15 huyện thị xã, thành phố (huyện Mộc Hóa không có Trung tâm); hợp nhất Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường và Văn phòng Đăng ký đất đai thành Văn phòng Đăng ký đất đai; hợp nhất 04 đơn vị gồm: Trung tâm Dịch vụ tư vấn nhà đất, Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Dịch vụ tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; sắp xếp hợp nhất các Trạm ngành nông nghiệp như Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Trạm Khuyến nông; Trạm Quản lý khai thác công trình thủy lợi để thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp trực cấp huyện; sáp nhập Đài Truyền thanh, Nhà thiếu nhi vào Trung tâm Văn hóa của 15 huyện, thị xã, thành phố để thành lập Trung tâm Văn hóa thông tin và Truyền thanh cấp huyện; thực hiện xã hội hóa 02 đơn vị (Trung tâm Đấu giá tài sản và Phòng công chứng số 3), chuyển đổi 03 đơn vị (Phòng công chứng số 1,2,4) thuộc Sở Tư pháp thành Văn phòng công chứng...

Ngoài ra, hiện tại các đơn vị sự nghiệp trong tỉnh đang tiếp tục thực hiện sắp xếp như: Trường Trung cấp Y tế Long An nâng cấp thành Trường Cao đẳng Y tế Long An; Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tiếp tục kêu gọi liên doanh, liên kết để thực hiện xã hội hóa theo chủ trương của tỉnh; thực hiện các thủ tục thành lập Phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Long An trên

cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Long An.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh còn một số hạn chế nhất định như:

- Tổ chức, hoạt động của một số đơn vị sự nghiệp công lập sau sắp xếp còn gặp khó khăn, vướng mắc phát sinh do chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

- Việc triển khai thực hiện lộ trình tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm, gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến việc giảm biên chế hưởng lương từ ngân sách để giao bổ sung biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp; một số đơn vị sự nghiệp công lập đã chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên đang gặp khó khăn về nguồn thu, khả năng không thể tiếp tục tự bảo đảm chi thường xuyên (đặc biệt là ngành y tế).

Nguyên nhân: Ngoài nguyên nhân chủ quan từ phía cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác triển khai; còn có nguyên nhân rất quan trọng xuất phát từ các quy định của pháp luật như: Việc thực hiện xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình thực hiện, đồng thời việc thực hiện kêu gọi xã hội hóa còn phụ thuộc vào các nhà đầu tư và đối tác thực hiện.

Một số quy định của pháp luật để cụ thể hóa và triển khai thực hiện một số nội dung của Nghị quyết chưa được ban hành kịp thời, đồng bộ. Một số quy định về tổ chức bộ máy giữa các bộ, ngành ở Trung ương và địa phương thiếu đồng bộ, nhất quán trong thực hiện Nghị quyết.

Qua thực tiễn triển khai sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Long An; UBND tỉnh Long An rút ra một số kinh nghiệm để thực hiện tốt, hiệu quả công tác này như sau:

Một là, Làm tốt công tác tư tưởng đối với viên chức, người lao động; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của các cấp, các ngành và toàn xã hội về chủ trương đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập.

Hai là, có sự lãnh đạo sâu sát của các cấp ủy đảng trong việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập; sự quyết tâm, quyết liệt của người đứng đầu UBND, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, huyện. Có kế hoạch thời gian thực hiện, giao nhiệm vụ cụ thể đối với cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

Ba là, việc xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập phải xuất phát từ thực tiễn tổ chức, hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo phù hợp với quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo quy định về tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập và hướng dẫn của các bộ chuyên ngành.

Bốn là, việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập phải gắn với thực hiện có hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 160/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

Năm là, đảm bảo có đầy đủ quy định pháp luật hướng dẫn, điều chỉnh, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập; đặc biệt là quy định liên quan đến xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập.

Sáu là, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, nắm bắt tình hình, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh sau sắp xếp, tổ chức lại.

Kiến nghị đề xuất:

- Chính phủ: Về việc sắp xếp tổ chức quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, Chính phủ cần có chỉ đạo thống nhất giữa các bộ, ngành thực hiện quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực quản lý chung trên phạm vi cả nước một cách khoa học, phù hợp với thực tiễn địa phương triển khai thực hiện đồng bộ.

- Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sớm ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Trên đây là phân báo cáo tham luận về kinh nghiệm trong việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Long An. Thay mặt lãnh đạo UBND tỉnh Long An, xin kính chúc đồng chí chủ trì Hội nghị cùng toàn thể quý đại biểu tham dự Hội nghị dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

11. UBND tỉnh Bình Dương

Tham luận về “Giải pháp sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Nghị quyết 19-NQ/TW giai đoạn 2022-2026”

Tỉnh Bình Dương có diện tích 2.695 km², với 9 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 3 thành phố, 2 thị xã và 4 huyện. Dân số tỉnh hiện có khoảng 3 triệu người, trong đó khoảng 53% là người lao động từ các địa phương khác trên cả nước đến làm việc, sinh sống tại Bình Dương. Năm 2022, GRDP của tỉnh tăng 8,29% so với cùng kỳ, bình quân đầu người đạt 170 triệu đồng/năm, thu ngân sách nhà nước đạt 61.940 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ điều tiết về Trung ương là 64%.

1. Kết quả sắp xếp ĐVSNCL giai đoạn 2018-2021

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Kế hoạch số 4651/KH-UBND, ngày 02/10/2018 về sắp xếp, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018-2021. Kết quả thực hiện đến nay cụ thể như sau:

Về sáp nhập, hợp nhất, giải thể

Lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp: sáp nhập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học và Bồi dưỡng nghiệp vụ vào Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh; Sáp nhập 01 trường trung học cơ sở vào trường trung học phổ thông; Hợp nhất Trường trung cấp nghề Việt - Hàn với Trường Trung cấp nghề Bình Dương và nâng cấp thành Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc; giải thể 2 trường trung cấp hoạt động không hiệu quả (Trường Trung cấp nghề KCN và Trường Trung cấp Kỹ thuật Phú Giáo; sáp nhập 2 trường trung cấp ở cấp huyện vào 2 trường cao đẳng; Hợp nhất các Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Kỹ thuật hướng nghiệp với Trung tâm Day nghề cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc UBND cấp huyện.

Lĩnh vực y tế: giải thể Trung tâm Tư vấn Dịch vụ Dân số và KHHGD; Hợp nhất 4 trung tâm: Y tế dự phòng, Phòng chống HIV-AIDS, Phòng chống bệnh xã hội, Truyền thông giáo dục sức khỏe thành 1 đơn vị là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch: sáp nhập các đơn vị: Đoàn Ca múa nhạc dân tộc vào Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật; Ban Quản lý Di tích và danh thắng vào Bảo tàng; Trường Năng khiếu TDTT vào Trung tâm TDTT.

Lĩnh vực thông tin và truyền thông: 6/9 địa phương cấp huyện đã thực hiện hợp nhất Đài Truyền thanh với Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh cấp huyện.

Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: hợp nhất Trung tâm Xúc tiến thương mại với Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp thành Trung tâm Tư vấn Đầu tư, Thương mại và Phát triển công nghiệp; giải thể Trung tâm Giới thiệu việc làm thanh niên tỉnh; sáp nhập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp

Người khuyết tật vào Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội; giải thể Trung tâm Khuyến nông tỉnh; ở cấp huyện hợp nhất Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật với Trạm Khuyến nông thành Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND cấp huyện; chuyển các Trung tâm Phát triển quỹ đất về trực thuộc UBND cấp huyện quản lý.

Về nâng cao mức độ tự chủ tài chính

Trong giai đoạn 2018-2021 tỉnh đã chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập sau từ đơn vị bảo đảm một phần chi thường xuyên sang đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, gồm: Đài Phát thanh và Truyền hình, Viện Quy hoạch phát triển đô thị, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Cao đẳng Y tế, Bệnh viện Đa khoa, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Sức khỏe lao động và môi trường, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, 2 Phòng Công chứng, 4 đơn vị thuộc Sở Giao thông vận tải và 3 đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Đến nay tỉnh có 57 đơn vị tự chủ từ chi thường xuyên trở lên (chiếm 10,8% trong tổng số 530 đơn vị sự nghiệp công lập hiện có của tỉnh).

Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác sắp xếp đơn vị sự nghiệp ở tỉnh thời gian qua cũng có những nhiệm vụ sau chưa hoàn thành:

- Mục tiêu thu gọn đầu mỗi các điểm trường để mỗi địa bàn cấp xã có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học công lập không thực hiện được, do vượt quy mô số lớp/trường, số học sinh/lớp so với tiêu chí, định mức quy định của ngành; việc thực hiện thí điểm chuyển 02 trường mầm non và 02 trường THPT từ công lập sang loại hình trường tư thục cũng không thực hiện được do vướng mắc về cơ chế, quy định thực hiện.

- Chưa thực hiện hợp nhất 3 Trường trung cấp (Kinh tế, Nông lâm, Mỹ thuật - Văn hóa).

- Chưa thực hiện một đầu mỗi cơ sở y tế công lập trên địa bàn cấp xã, những địa bàn cấp xã đã có TTYT cấp huyện hoặc phòng khám đa khoa khu vực trú đóng và hoạt động thì không thành lập trạm y tế; tổ chức trạm y tế liên phường ở những địa bàn có điều kiện phù hợp. Nguyên nhân là trạm y tế vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ về y tế dự phòng và khám chữa bệnh ban đầu ở cơ sở.

- Việc chuyển 2 Phòng Công chứng thành Văn phòng công chứng (tư thục) nhưng đến nay chưa thực hiện được do vướng mắc về cơ chế, chính sách.

- Một số đơn vị đã đưa vào kế hoạch để thực hiện tự chủ trong giai đoạn này nhưng không thực hiện được do khó khăn về nguồn thu gồm: Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore, Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc, Bệnh viện Y học cổ truyền, Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông.

2. Nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022-2026

Để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ sắp xếp, tổ chức lại ĐVSNCL theo yêu cầu của Nghị quyết số 19, giai đoạn 2022-2026 tỉnh Bình Dương dự kiến tiếp tục rà soát, thực hiện các nhiệm vụ sắp xếp chưa hoàn thành theo Kế hoạch của tỉnh giai đoạn 2018-2021 và thực hiện một số nhiệm vụ sắp xếp mới theo yêu cầu của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương, gồm các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Sáp nhập Trung tâm Công báo vào Trung tâm Thông tin điện tử.
- Sáp nhập Quỹ Bảo trợ trẻ em vào Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội.
- Sáp nhập Trung tâm CNTT- Lưu trữ TNMT vào Văn phòng Đăng ký đất đai.
- Sáp nhập 3 trường trung cấp chuyên nghiệp: Trường trung cấp Kinh tế, Trường trung cấp Nông lâm nghiệp, Trường trung cấp Mỹ thuật – Văn hóa vào đầu mối trường cao đẳng của tỉnh.
- Sáp nhập Trung tâm Sức khỏe lao động và môi trường vào Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.
- Sáp nhập Bệnh viện Y học cổ truyền vào Bệnh viện Phục hồi chức năng; sáp nhập Trung tâm Sức khỏe lao động và môi trường vào Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.
- Sáp nhập các Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Thủy nông vào Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện.
- Sáp nhập các Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện vào Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện.
- Sáp nhập Đài Truyền thanh, Thư viện cấp huyện (nếu có) vào Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở 3 địa phương còn lại chưa thực hiện.
- Tiếp tục rà soát các đơn vị có nguồn thu để tăng mức độ tự chủ tài chính.

3. Đề xuất, kiến nghị

- Sau quá trình thực hiện sắp xếp giai đoạn 2018-2021, đến nay nhìn chung “dư địa” để tiếp tục sắp xếp, giảm đầu mối đơn vị sự nghiệp ở tỉnh không còn nhiều. Các đơn vị đang duy trì hiện nay là ở mức tối thiểu cần thiết nhằm tiếp tục đảm bảo vai trò định hướng của nhà nước trong hoạt động cung ứng dịch vụ công đồng thời phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của các sở ngành theo chức năng nhiệm vụ được quy định. Vì vậy việc đặt ra tỷ lệ phải giảm bằng với giai đoạn trước là rất khó thực hiện. Tỉnh kiến nghị không nên áp dụng tỷ lệ giảm như nhau giữa các địa phương, mà phải xem xét đến tổng số đơn vị hiện có, khối lượng nhiệm vụ dịch vụ công phải cung ứng dựa trên các tiêu chí: dân số, diện tích, đặc điểm về tự nhiên, kinh tế và xã hội của mỗi địa phương... để từ đó xác định số lượng, quy mô ĐVSNCL cần thiết của từng ngành, lĩnh vực.

- Thực tế ĐVSNCL ở địa phương rất đa dạng về quy mô tổ chức cũng như số người làm việc. Do đó nếu chỉ đặt ra chỉ tiêu giảm số lượng đầu mỗi đơn vị thì cũng chưa phản ánh đầy đủ và thực chất kết quả thực hiện.

- Nên khuyến khích, tiếp tục duy trì hoạt động độc lập đối với đơn vị đã tự chủ tài chính, vì việc sáp nhập hay hợp nhất với đơn vị khác sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và mức độ tự chủ của các bên.

- Là địa phương có đến 53% dân số là người từ các địa phương trên cả nước đến làm việc và sinh sống, số lượng học sinh tăng thêm hàng năm khoảng 30.000 học sinh. Do đó số lượng trường học không thể giảm đi mà thực tế mỗi năm đều phải tăng thêm. Tỉnh Bình Dương kiến nghị Trung ương xem xét không đặt chỉ tiêu giảm đầu mỗi các trường học, đồng thời xem xét bổ sung biên chế theo định mức quy định của ngành đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo của tỉnh Bình Dương.

Trên đây là tham luận về giải pháp sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW giai đoạn 2022-2026, tỉnh Bình Dương xin báo cáo với Hội nghị./.

12. UBND tỉnh Bến Tre

Tham luận về “Giải pháp sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022-2025 tại tỉnh Bến Tre”

Công tác sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước với mục tiêu là *“nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội”*.

Để thực hiện có hiệu quả chủ trương, định hướng nêu trên, cũng như thực hiện tốt các quy định liên quan đến tiêu chuẩn đơn vị hành chính và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, từ năm 2018, tỉnh Bến Tre đã tổ chức rà soát và chủ động xây dựng Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2030 (Trong đó, đề ra lộ trình sắp xếp các đơn vị hành chính chưa đạt chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số (chủ yếu là các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện chưa đạt 50% về diện tích tự nhiên và có quy mô dân số tương đối ít), theo 3 giai đoạn: 2019-2021, 2022-2024 và 2025-2030).

Trong giai đoạn 2019-2021, tỉnh Bến Tre đã sắp xếp giảm 07 đơn vị hành chính cấp xã (02 phường và 05 xã). Qua sắp xếp, tỉnh đã bố trí lại số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã từng bước đảm bảo đúng theo quy định; đồng thời, đã sắp xếp giảm 150 cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã (gồm 75 cán bộ, công chức và 75 người hoạt động không chuyên trách cấp xã). Các cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương; đồng thời, theo chính sách của tỉnh Bến Tre, đối tượng này sẽ được hỗ trợ thêm mỗi năm công tác bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng khi thôi việc ngay; người hoạt động không chuyên trách cấp xã được hỗ trợ thêm mỗi năm công tác bằng 01 tháng sinh hoạt phí hiện hưởng. Do đó, phần lớn cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc đối tượng sắp xếp đồng thuận cao khi thực hiện chủ trương chung về sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, các đơn vị hành chính được sắp xếp đã hoạt động ổn định, nhân sự được đảm bảo, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương.

Tỉnh Bến Tre có diện tích tự nhiên là 2.379,7 km², dân số khoảng 1,3 triệu người, với 09 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm thành phố Bến Tre và 8 huyện: Châu Thành, Bình Đại, Giồng Trôm, Ba Tri, Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam và Thạnh Phú) và 157 đơn vị hành chính cấp xã, có mật độ dân số khá cao, đạt 544 người/km², cao hơn mức bình quân của khu vực đồng bằng Sông Cửu Long (426 người/km²). Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Bến Tre đa phần có diện tích nhỏ, nhưng có quy mô dân số lớn, với 4/9 đơn vị hành chính cấp huyện và 92/157 đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, nhưng có 6/9 đơn vị hành chính cấp huyện và 144/157 đơn vị hành chính cấp xã đạt trên 100% tiêu chuẩn về quy mô dân số, thậm chí có xã đạt trên 300% tiêu chuẩn về quy mô dân số. Từ đó, đặt ra rất nhiều khó khăn cho tỉnh Bến Tre trong nghiên cứu,

sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong thời gian tới để đảm bảo đạt cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số.

Tuy nhiên, với quyết tâm chính trị trong việc thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị hành chính với mục tiêu “*hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội*”, Tỉnh uỷ Bến Tre ban hành Đề án số 01-ĐA/TU ngày 29/12/2020 về cải cách hành chính giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030, trong đó đề ra mục tiêu sắp xếp để giảm 38 đơn vị hành chính cấp xã đến năm 2030 và tổ chức triển khai rộng rãi, nhằm tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và trong Nhân dân. Đây được xem là tiền đề quan trọng để tỉnh Bến Tre tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính trong thời gian tới.

Tiếp nối kết quả đạt được trong sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019-2021, trong giai đoạn tới, tỉnh Bến Tre sẽ tiếp tục rà soát các quy định hiện hành liên quan đến tiêu chuẩn đơn vị hành chính và những nội dung, định hướng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 về tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã cũng như Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 để triển khai thực hiện, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tập trung nghiên cứu, xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 và tinh thần Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó, tỉnh sẽ gắn kết chặt chẽ giữa sắp xếp các đơn vị hành chính các cấp với định hướng phát triển đô thị và thành lập các đơn vị hành chính đô thị trong tương lai của tỉnh Bến Tre trong thời gian tới, đảm bảo khi sắp xếp đơn vị hành chính sẽ tạo thuận lợi để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng không gian phát triển, nâng cao năng lực quản lý của chính quyền địa phương các cấp.

- Hai là, tiếp tục thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sắp xếp đơn vị hành chính, nhằm xây dựng nền hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, cũng như tạo không gian phát triển hợp lý tại các địa phương và phục vụ người dân được tốt hơn, để tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và trong Nhân dân. Kinh nghiệm trong thời gian qua cho thấy, khi hệ thống chính trị (nhất là ở cơ sở) và người dân hiểu rõ về mục đích, ý nghĩa của sắp xếp các đơn vị hành chính không phải là giảm bớt đơn vị hành chính, mà là tinh gọn bộ máy để phục vụ nhân dân, phục vụ xã hội tốt hơn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của nền công vụ, tiết kiệm ngân sách nhà nước, thì người dân sẽ đồng tình, ủng hộ cao trong thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính tại địa phương.

- **Ba là**, tiếp tục rà soát, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cũng như hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và không thu phí đối với người dân, tổ chức khi thực hiện thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ có liên quan khi thay đổi địa giới hành chính như: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, các vấn đề liên quan đến sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ để vay vốn tại ngân hàng,...

- **Bốn là**, tập trung thực hiện tốt việc sắp xếp, ổn định bộ máy, nhân sự tại các đơn vị hành chính được sắp xếp, nhất là thực hiện tốt công tác tư tưởng, xử lý tốt vấn đề dôi dư cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, nhằm ổn định tư tưởng, tâm tư, tình cảm của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã khi sắp xếp đơn vị hành chính; đồng thời, lựa chọn cán bộ có phẩm chất, năng lực tốt để bố trí lại, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, góp phần phục vụ người dân tốt hơn. Trong thời gian qua, UBND tỉnh Bến Tre đã kịp thời tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố dôi dư do thực hiện nhập xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố. Qua thực hiện, đã tạo được sự đồng thuận, ủng hộ cao trong đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, nhất là các đối tượng dôi dư phải giải quyết thôi việc ngay.

- **Năm là**, quan tâm thực hiện tốt công tác rà soát, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập (y tế, giáo dục,...) tại các địa phương trong diện thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, đảm bảo hoạt động tốt hơn, thuận lợi hơn trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu cho người dân.

- **Sáu là**, tập trung xử lý nhanh chóng, kịp thời, có hiệu quả đối với trụ sở các cơ quan, đơn vị dôi dư khi thực hiện sắp xếp. Đồng thời, quan tâm, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội, tạo môi trường và điều kiện sống tốt hơn cho người dân tại các địa phương thực hiện sắp xếp, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, trong thực hiện phải tuyên truyền, phổ biến sâu rộng để tạo sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị và Nhân dân. Với kết quả đạt được trong giai đoạn 2019-2021, trong giai đoạn tiếp theo, với sự quan tâm, hỗ trợ của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương, nhất là quy định cụ thể các vấn đề liên quan đến xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến sắp xếp các đơn vị hành chính, cũng như kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện, tỉnh Bến Tre và các địa phương trong cả nước sẽ thực hiện thành công việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022-2025 và những năm tiếp theo./.

13. UBND tỉnh Hòa Bình

Tham luận “Kinh nghiệm thực tiễn trong việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021 và đề xuất giải pháp thực hiện tốt hơn trong thời gian tới”

Tỉnh Hòa Bình được thành lập ngày 22/6/1886 theo Nghị định của Kinh lược Bắc Kỳ với tên gọi là Tỉnh Mường; trên cơ sở tách các phần đất đai có người Mường cư trú thuộc các tỉnh Hưng Hóa, Sơn Tây, Hà Nội và Ninh Bình (có 04 phủ), đến năm 1896 chính thức gọi là tỉnh Hòa Bình. Qua các thời kỳ lịch sử phát triển của đất nước, trên địa bàn tỉnh đã có nhiều lần sáp nhập, chia tách đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp; giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2019, toàn tỉnh Hòa Bình có 11 ĐVHC cấp huyện (gồm 10 huyện, 01 thành phố), 210 ĐVHC cấp xã (gồm: 191 xã, 08 phường, 11 thị trấn); diện tích tự nhiên gần 4.600 km², dân số trên 87 vạn người.

Ngày 24/12/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 37-NQ/TW về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021; Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021. Trong đó xác định sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã chưa đạt 50 % tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số, khuyến khích việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã khác theo yêu cầu của địa phương, khi đảm bảo yếu tố thuận lợi và được đa số Nhân dân đồng thuận để giảm số lượng ĐVHC hành chính cấp huyện, cấp xã.

Đây là một chủ trương lớn, quan trọng và hết sức đúng đắn của Đảng, Nhà nước; phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của nước ta trong thời kỳ đổi mới. Tuy nhiên, việc lãnh đạo và tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm thành công ở địa phương là hết sức quan trọng, bởi vì sắp xếp ĐVHC cấp huyện cấp xã liên quan và tác động đến toàn bộ lịch sử, văn hoá, kinh tế - xã hội ở mỗi địa phương; liên quan đến việc sắp xếp tổ chức lại bộ máy và hoạt động của cả hệ thống chính trị và trực tiếp liên quan, ảnh hưởng đến mọi tổ chức và Nhân dân.

Quán triệt chủ trương lớn đó, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hòa Bình đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TU về thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã, trong đó: Ngoài các ĐVHC cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên; thì tỉnh Hòa Bình quy định sắp xếp đối với các ĐVHC cấp xã chưa đạt 20% tiêu chuẩn về diện tích hoặc chưa đạt 30% tiêu chuẩn về quy mô dân số; khuyến khích nhập các ĐVHC cấp xã với thị trấn để mở rộng quy hoạch đô thị và thuận lợi trong quy hoạch khu cụm công nghiệp, vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, của các huyện, thành phố. Với chủ trương này, từ tháng 02/2018 đến tháng 5/2019 các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đã thống nhất triển khai phương án: Hợp nhất huyện Kỳ Sơn vào thành phố Hòa Bình (*giảm 01 đơn vị cấp huyện*); sắp xếp 106 ĐVHC cấp xã (*liên quan trên 50% tổng số đơn vị cấp xã hiện có*) để hình thành 47 đơn vị, giảm 31 đơn vị chưa đạt 50 % tiêu chuẩn theo quy định, giảm 28 đơn vị thuộc diện khuyến khích của Trung ương và chủ trương của tỉnh.

Phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm của công dân, tạo sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân, sau khi nắm vững chủ trương và phương án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh. Đến ngày 30/6/2019 đã có 100 % các xã, phường, thị trấn tổ chức xong việc lấy ý kiến của cử tri về phương án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã; trong đó: 08 đơn vị có tỷ lệ 100 % cử tri nhất trí, 82 đơn vị có tỷ lệ trên 90 % cử tri nhất trí, không có đơn vị có tỷ lệ dưới 60% cử tri nhất trí.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, kịp thời của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là sự đồng thuận của Nhân dân; tỉnh Hòa Bình đã trình Chính phủ để trình Quốc hội về phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; ngày 17/12/2019 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 830/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hòa Bình; theo đó các ĐVHC cấp huyện giảm 01 huyện, giảm 59 ĐVHC cấp xã. Hiện nay tỉnh Hòa Bình còn 10 huyện, thành phố (*gồm: 09 huyện và 01 thành phố*), 151 xã, phường, thị trấn (*gồm: 129 xã, 12 phường, 10 thị trấn*), tỷ lệ giảm số lượng ĐVHC cấp xã của tỉnh đạt 28 % trên tổng số ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, cao nhất cả nước. Giảm chi thường xuyên toàn tỉnh là 170,41 tỷ đồng, trong đó: Cấp huyện giảm 34 tỷ đồng, cấp xã giảm 136,41 tỷ đồng (*trung bình mỗi xã giảm 2,312 tỷ đồng*).

Trên cơ sở Nghị quyết số 830/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đến ngày 20/02/2020 (*chưa đầy 02 tháng*) thành phố Hòa Bình và các xã, phường, thị trấn hợp nhất đã hoàn thành việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; trụ sở, trang thiết bị và đi vào hoạt động theo ĐVHC mới. Trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị đều thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội; đặc biệt là tiếp tục duy trì phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025; đảm bảo giữ vững quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội; giải quyết tốt các nhu cầu của các tổ chức và Nhân dân; tiếp tục chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và những quyền lợi chính đáng, hợp pháp của Nhân dân.

Đội ngũ cán bộ, công chức đã được kiện toàn, sắp xếp phù hợp với trình độ, năng lực và vị trí việc làm. Đến nay, toàn tỉnh Hòa Bình còn dôi dư 147 công chức cấp xã so với quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ (*đã thực hiện tinh giản, giải quyết chế độ, công chức cho 906 cán bộ, công chức dôi dư từ đầu năm 2020 đến nay*).

Việc quản lý, quy hoạch, trụ sở, công trình, giao thông, thủy lợi, điện, giáo dục, y tế, cơ sở vật chất văn hoá - thể thao, cơ sở hạ tầng thương mại, thông tin và truyền thông, đất đai, nhà ở, dân cư, tổ chức sản xuất; quản lý, sử dụng các loại giấy tờ liên quan đến công dân, tổ chức; các nguồn vốn vay, các dự án đang đầu tư, xây dựng và các lĩnh vực khác có liên quan đã được các Sở, ban, ngành của tỉnh hướng dẫn thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật; phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, đáp ứng cơ bản với yêu cầu hoạt động của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và Nhân dân.

Kính thưa các vị đại biểu, thưa Hội nghị !

Để tiếp tục sắp xếp các ĐVHC trong giai đoạn tiếp theo, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đề xuất nhóm giải pháp để các địa phương, đơn vị thực hiện như sau:

1. Nhóm giải pháp nhằm tháo gỡ, khắc phục các vướng mắc, bất cập trong công tác sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) giai đoạn 2019 - 2021

1.1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện rà soát, giải quyết dứt điểm các vấn đề còn tồn tại từ việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 trên địa bàn theo thẩm quyền, phân cấp được giao; kịp thời báo cáo, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (qua các sở, ban, ngành tỉnh phối hợp) giải quyết theo lĩnh vực ngành (nếu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh).

1.2. Trong việc bố trí, sắp xếp tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức.

- Tiếp tục sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện một cách hợp lý, khoa học, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương trên cơ sở khung do Chính phủ quy định.

- Thực hiện kiện toàn, chuyển đổi bộ máy phù hợp với quy mô, tính chất của ĐVHC mới thành lập; đổi mới, hiện đại hóa hoạt động quản lý hành chính nhà nước, tăng cường ứng dụng các công nghệ quản lý tiên tiến, chú trọng bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức ở các ĐVHC đô thị mới được hình thành sau sắp xếp để đủ khả năng quản lý, xử lý tốt các vấn đề phát sinh, đặc biệt là trong giai đoạn chuyển đổi, đô thị hóa.

- Tăng cường đầu tư về hạ tầng kỹ thuật thông tin để nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến; bảo đảm thuận lợi trong việc thực hiện thủ tục hành chính cho người dân ở địa phương.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm việc rà soát, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan, đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc cao hơn số lượng biên chế được xác định theo mức quy định để bố trí, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với tiêu chuẩn, chức danh, yêu cầu công việc; khoanh vùng, xác định đối tượng thuộc diện dôi dư, cần tinh giản để xây dựng phương án, lộ trình bố trí, sắp xếp đến công tác ở cơ quan, đơn vị, địa bàn khác hoặc thực hiện tinh giản hợp lý, khả thi.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và ban hành phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động dôi dư đảm bảo chậm nhất là 05 năm kể từ ngày 01/01/2020 (ngày Nghị quyết số 830/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hòa Bình, có hiệu lực) thì số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư ở ĐVHC mới hình thành bảo đảm đúng theo quy định.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xem xét, tính toán giải pháp để xử lý vấn đề cơ cấu về độ tuổi của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan, đơn vị có nhiều lao động dôi dư cần thực hiện tinh giản biên chế. Do cả thời gian dài không có tuyển dụng mới nên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức không được trẻ hóa thường xuyên, dẫn đến tình trạng trong cơ quan, đơn vị sẽ thiếu hụt người làm việc ở một dải độ tuổi nhất định, nếu không có kế hoạch, lộ trình bù đắp, khắc phục từ sớm thì sau này có thể sẽ tạo ra sự thiếu hụt về đội ngũ kế cận có chuyên môn tốt, có quá trình rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm phù hợp.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cần có kế hoạch bố trí nguồn lực, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông kết nối để các ĐVHC sau khi thực hiện sắp xếp có điều kiện thuận lợi về liên thông, liên kết, phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

1.3. Trong việc nâng cao chất lượng đô thị khi nhập đơn vị hành chính nông thôn vào đô thị.

- Các ĐVHC đô thị mới hình thành tiến hành rà soát các quy hoạch đã có; có kế hoạch, dự kiến phân bổ nguồn lực, kinh phí hợp lý cho công tác lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị và việc đầu tư, phát triển hạ tầng đô thị; thực hiện đồng thời việc lập hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị với lập hoặc điều chỉnh chương trình phát triển đô thị. Việc lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị cần có sự kết nối và bảo đảm phù hợp với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch chung của địa phương.

- Tập trung ưu tiên phát triển những vùng, khu vực có mức độ đô thị hóa cao, tăng cường mức độ tập trung kinh tế, tránh phát triển dàn đều theo chiều rộng, gây lãng phí nguồn lực về đất đai, khó khăn trong việc bảo đảm phát triển hạ tầng, cung ứng dịch vụ thiết yếu và bảo đảm chất lượng đô thị trong khi nguồn lực đầu tư còn hạn chế.

- Quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng các đô thị sau khi sắp xếp ĐVHC; có lộ trình và kế hoạch ưu tiên đầu tư hoàn thiện các tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị trong các tiêu chí về phân loại đô thị còn chưa đạt hoặc mới đạt ở mức thấp để bảo đảm từng bước nâng cao chất lượng đô thị. Tập trung hoàn thiện trước hạ tầng về y tế, giáo dục, công trình văn hóa cấp đô thị.

- Kịp thời xử lý, giải quyết có hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình chuyển đổi, đô thị hóa trên địa bàn như trong công tác quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý xây dựng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trong cung ứng dịch vụ thiết yếu theo chuẩn đô thị, tạo việc làm, sinh kế cho người dân khi bị thu hồi đất sản xuất do thay đổi quy hoạch, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; ...

1.4. Trong việc xử lý trụ sở làm việc chưa sử dụng đến khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang trực tiếp quản lý, sử dụng trụ sở công ở các ĐVHC đã thực hiện sắp xếp mà cho đến nay vẫn chưa được bố trí sắp xếp, sử dụng hoặc thanh lý khẩn trương kê khai, báo cáo đề xuất phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất gửi cơ quan quản lý cấp trên để kiểm tra hiện trạng, lập phương án sắp xếp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền; định kỳ báo cáo về việc thực hiện phương án sắp xếp, xử lý đã được phê duyệt theo hướng sau đây:

- Đối với các trụ sở có khả năng chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng thì khẩn trương làm thủ tục bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu; lập kế

hoạch, dự toán, cấp bổ sung kinh phí phục vụ việc cải tạo, chuyển đổi công năng, nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng mục đích sử dụng mới;

- Đối với các trụ sở vượt quá tiêu chuẩn, định mức sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương được giao quản lý, sử dụng nhưng không thể bán đấu giá (*do không tổ chức đấu giá được hoặc do địa phương còn có nhu cầu sử dụng sau này*) thì phải báo cáo và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh; được xem xét cấp bổ sung kinh phí duy trì trụ sở theo khả năng cân đối của địa phương;

- Tổ chức bán đấu giá các trụ sở dôi dư, không sử dụng để bổ sung kinh phí cho địa phương. Nghiên cứu, triển khai thực hiện kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về thực hiện thủ tục thanh lý, bán đấu giá tài sản, quyền sử dụng đất tại các trụ sở công thuộc diện này, bảo đảm đơn giản thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, tránh gây lãng phí, giảm giá trị do hư hỏng, thất thoát tài sản;

- Cân đối, bố trí nguồn ngân sách để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục giao sử dụng đáp ứng yêu cầu hoạt động của ĐVHC hình thành sau sắp xếp, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của địa phương, hạn chế đầu tư xây dựng trụ sở mới để ưu tiên nguồn lực cho việc ổn định, kiện toàn tổ chức bộ máy, đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục, bảo đảm an sinh xã hội tạo điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn các ĐVHC vừa thực hiện sắp xếp, nhất là ở những nơi chưa bảo đảm tự cân đối được ngân sách nhà nước.

1.5. Về việc bảo đảm nguồn lực cho đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước tại các ĐVHC hình thành sau sắp xếp và việc thực hiện một số nội dung khác liên quan đến sắp xếp ĐVHC.

- Thực hiện tốt công tác lập quy hoạch, bố trí, sắp xếp không gian phát triển phù hợp với đặc điểm, thế mạnh của vùng, miền, địa phương, trên cơ sở đó tập trung ưu tiên các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội một cách có trọng tâm, trọng điểm, tạo điểm khác biệt; khẩn trương đầu tư làm mới, nâng cấp, cải tạo các tuyến giao thông nhằm tăng tính kết nối, liên thông trong nội bộ ĐVHC, giữa các ĐVHC và từ ĐVHC đến trung tâm cấp huyện; đặc biệt quan tâm tổ chức lại đời sống dân cư và phát triển kinh tế trong quá trình sáp nhập, tái thiết, phát triển đô thị, bảo đảm các vấn đề an sinh xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính, làm tăng mức độ hài lòng của người dân, làm người dân an tâm và cảm nhận được chất lượng và điều kiện sống có sự cải thiện nhiều so với trước khi sắp xếp.

- Cần chú trọng nâng cao năng lực của bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý nhà nước, thực hiện chuyển đổi số, tăng cường thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, cấp độ 4. Triển khai thực hiện kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh về đẩy mạnh việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là ở các địa phương có điều kiện giao thông, đi lại còn nhiều khó khăn.

- Khẩn trương hoàn thành việc lập mới, chỉnh lý bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp có liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC theo Quyết định số

513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”.

2. Nhóm giải pháp về sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2022 - 2030

2.1. Tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt 05 quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã. Kế thừa những kết quả đã đạt được, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, khắc phục các tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra qua kết quả giám sát tại Báo cáo số 312/BC-ĐGS ngày 09/9/2022 của Đoàn Giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội; căn cứ các quy định pháp luật, chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền để làm tốt hơn nữa việc sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2022 - 2030.

2.2. Thực hiện tốt mục tiêu, lộ trình sắp xếp ĐVHC; nguyên tắc thực hiện sắp xếp ĐVHC tại điểm 2, điểm 3 Mục III Phần II Báo cáo số 312/BC-ĐGS ngày 09/9/2022 của Đoàn Giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Việc thực hiện các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021”.

2.3. Thực hiện việc lồng ghép yếu tố về sắp xếp, tổ chức ĐVHC lãnh thổ trong quá trình xây dựng, phê duyệt các quy hoạch chung. Căn cứ vào tiêu chuẩn của ĐVHC theo quy định, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, các chương trình phát triển đô thị và các quy hoạch đã có khác có liên quan, chủ động tiến hành rà soát toàn bộ, tổng thể các ĐVHC trên địa bàn để xây dựng phương án, lộ trình sắp xếp theo quy định. Khẩn trương tổ chức việc lập đề án sắp xếp ĐVHC ngay sau khi có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.4. Các ĐVHC thuộc diện sắp xếp và các cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương chủ động phối hợp xây dựng phương án, kế hoạch chuẩn bị cụ thể từng loại, từng nhóm công việc liên quan đến việc thực hiện sắp xếp ĐVHC; đặc biệt chú trọng phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức dôi dư, phương án bố trí, xử lý trụ sở làm việc và tài sản công, phương án bảo đảm an ninh, quốc phòng và bảo đảm ổn định đời sống của Nhân dân ở những ĐVHC thực hiện sắp xếp.

2.5. Chủ động có kế hoạch cân đối, chuẩn bị ngân sách, nguồn lực từ sớm, huy động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ, tạo điều kiện cho các ĐVHC thực hiện sắp xếp trên địa bàn sớm ổn định về tổ chức và hoạt động, đầu tư phát triển kinh tế, tạo lập môi trường và điều kiện sống tốt hơn cho Nhân dân.

2.6. Tập trung làm tốt công tác vận động, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận, ủng hộ cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân ở địa phương trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính.

Trên đây là nội dung tham luận “Kinh nghiệm thực tiễn trong việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021 và đề xuất giải pháp thực hiện tốt trong thời gian tới”./.

14. UBND tỉnh Hà Tĩnh

Tham luận về “Thu hút sinh viên xuất sắc và nhà khoa học trẻ theo quy định của Chính phủ và chính sách của tỉnh và đề xuất giải pháp trong thời gian tới”

Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ đã xác định xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính 10 năm tới. Do đó, tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một trong những nội dung được tỉnh Hà Tĩnh tập trung triển khai thực hiện.

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức, địa phương trên địa bàn tỉnh, thời gian qua, tỉnh Hà Tĩnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện, quán triệt tinh thần của Nghị định và triển khai rộng rãi đến các đơn vị, địa phương; giao các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ vị trí việc làm, tính chất công việc, số lượng, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức hiện có để đề xuất chỉ tiêu thu hút theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP hàng năm. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, địa phương, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định và tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh thực hiện thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

Việc thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ tại Hà Tĩnh được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo đúng quy trình, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP. Từ năm 2019 đến năm 2022, tỉnh Hà Tĩnh đã thực hiện 04 kỳ xét tuyển công chức, viên chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP (Tỉnh ủy tổ chức 01 kỳ, UBND tỉnh tổ chức 03 kỳ). Cụ thể: trong 04 năm, tỉnh Hà Tĩnh đã phê duyệt 213 chỉ tiêu tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP; có 60 thí sinh tham gia nộp hồ sơ ứng tuyển (trong đó, có 48 thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định); kết quả: đã tuyển dụng được 32 thí sinh/48 thí sinh đủ điều kiện (gồm 30 công chức và 02 viên chức), trong đó, có 13 sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, 19 cán bộ khoa học trẻ.

Sau khi tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP: được hưởng phụ cấp tăng thêm bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng; được ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quản lý nhà nước và kiến thức chuyên ngành; được ưu tiên giao thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ, chương trình, đề án, dự án từ cấp huyện và tương đương trở lên... Kết quả đánh giá công chức, viên chức thu hút theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP thời gian qua cho thấy, sau khi được bố trí công tác, các công chức, viên chức đều tiếp nhận công việc nhanh, có tư duy, có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, ý thức kỷ luật tốt, có tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp và cơ bản

hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; một số đã có những đóng góp tích cực, nổi trội trong công tác, có công hiến bằng sản phẩm cụ thể. Hiện nay, trong số 32 công chức, viên chức tuyển dụng, có 01 công chức đã nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân.

Bên cạnh tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ, thời gian qua, tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh như: Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025 (thay thế Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND).

Các chính sách này góp phần nâng cao chất lượng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên sâu, tập trung vào phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao về công tác lâu dài tại tỉnh. Tuy nhiên, thời gian qua, nguồn nhân lực thu hút được chủ yếu tập trung trong ngành y, chưa thu hút được đội ngũ Giáo sư, Phó Giáo sư hay những người có tài năng, năng khiếu đặc biệt trong một số lĩnh vực như văn hóa, thể dục thể thao, nghệ thuật, công nghệ thông tin... Hiện nay, UBND tỉnh đang xây dựng danh mục ngành, nghề cần đào tạo, thu hút và hỗ trợ sau tuyển dụng của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025 để làm cơ sở cho công tác tuyển dụng, tiếp nhận, thu hút, đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh Hà Tĩnh. Như vậy, đối với sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ thuộc đối tượng thu hút theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP nếu thuộc danh mục ngành nghề tỉnh cần thu hút, tuyển dụng, tham gia tuyển dụng và trúng tuyển, tùy theo đối tượng cụ thể sẽ được hưởng thêm chính sách hỗ trợ của tỉnh (từ 40 triệu đến 500 triệu đồng).

Tuy nhiên, bên cạnh một số kết quả đạt được về công tác thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, công tác triển khai thực hiện thời gian qua còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- *Thứ nhất*, một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động phát hiện, đề xuất tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, dẫn tới việc xây dựng dữ liệu để làm cơ sở tổ chức tuyển dụng các đối tượng này còn hạn chế.

- *Thứ hai*, hiện tại, công chức, viên chức thu hút chỉ thực hiện việc đánh giá hàng năm như những cán bộ, công chức, viên chức khác, dẫn tới việc đánh giá hiệu quả công tác, đóng góp của đối tượng thu hút chưa sát.

- *Thứ ba*, điều kiện và môi trường làm việc đối với một số ngành, đơn vị còn khó khăn; chưa đáp ứng được yêu cầu, nên một số sinh viên chưa phát huy được kiến thức chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ đã được đào tạo; tình trạng không giữ chân được các công chức, viên chức sau tuyển dụng đã và đang diễn ra. Một số trường hợp sau khi tiếp nhận, bố trí công tác lại ngại khó, chưa thật sự gắn bó với công việc, có tâm lý thăm dò, thử việc, đôi lúc còn so sánh mức lương và chưa thực sự an tâm công tác nên xin thôi việc hoặc chuyển công tác đến cơ quan khác.

- *Thứ tư*, lĩnh vực tư nhân với môi trường làm việc năng động, linh hoạt và chế độ tiền lương hấp dẫn,... đang thu hút ngày càng nhiều nhân lực chất lượng cao từ khu vực công; trong đó, có cả những trường hợp là đối tượng thu hút. Một số sinh viên tốt nghiệp xuất sắc biết thông tin tuyển dụng, đã tham gia nộp hồ sơ nhưng

không tham gia tuyển dụng do các chế độ đãi ngộ, chính sách còn bất cập, mức lương và phụ cấp áp dụng cho nhóm đối tượng này thấp hơn nhiều so với mức lương của các doanh nghiệp, dẫn tới giảm hiệu quả cạnh tranh.

- *Thứ năm*, trong số những thí sinh tốt nghiệp xuất sắc, có những thí sinh có kết quả học tập xuất sắc nhưng kết quả rèn luyện chỉ đạt loại tốt hoặc có những thí sinh có chuyên ngành đào tạo sau đại học không cùng ngành đào tạo ở bậc đại học nhưng lại cùng chuyên ngành vẫn không đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển. Với điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP đã phân nào hạn chế số lượng thí sinh tham gia xét tuyển.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Đứng trước thực trạng và những hạn chế trên, tỉnh Hà Tĩnh đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả việc thực hiện chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ trong thời gian tới:

- *Thứ nhất*, cần phải có cơ chế, chính sách hỗ trợ công tác truyền thông nhằm thông tin đến các ứng viên đáp ứng đủ yêu cầu dự tuyển (đặc biệt là các du học sinh, sinh viên có hộ khẩu tại địa phương nhưng đang sinh sống, làm việc tại các địa phương trong nước và nước ngoài). Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, ngày càng có nhiều du học sinh Việt Nam học tập, lao động tại các nước phát triển. Vì vậy, cần đẩy mạnh chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ là Việt kiều, du học sinh trở về phục vụ đất nước, quê hương. Từ đó, gia tăng số lượng hồ sơ tham gia và nâng cao chất lượng thu hút, hạn chế, khắc phục tình trạng chảy máu chất xám.

- *Thứ hai*, cần quy định về việc định kỳ đánh giá hiệu quả công tác, đóng góp của đối tượng thu hút, đi sâu về các cam kết công việc mà đối tượng thu hút đăng ký theo vị trí việc làm để từ đó có những chính sách đãi ngộ, động viên kịp thời và cũng sẽ có phương án xử lý đối với những trường hợp có kết quả công tác chưa đạt yêu cầu.

- *Thứ ba*, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở đào tạo thiết lập cơ sở phần mềm, lập danh sách theo dõi các trường hợp sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, tốt nghiệp thủ khoa; đề nghị Bộ Nội vụ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ nhằm tạo thuận lợi cho địa phương, đơn vị trong quá trình tuyển thu hút.

- *Thứ tư*, đề nghị Bộ Nội vụ xem xét đề xuất Chính phủ sửa đổi tiêu chuẩn, điều kiện tuyển thu hút theo hướng mở hơn như: đối với sinh viên xuất sắc "*xếp loại học tập xuất sắc, xếp loại rèn luyện từ loại tốt trở lên*"; đối với thí sinh là nhà khoa học trẻ "*có chuyên ngành đào tạo sau đại học trùng với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo ở bậc đại học*" để tăng thêm số lượng thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển.

- Cuối cùng, đề nghị Chính phủ sớm ban hành chính sách tiền lương mới theo tinh thần của Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 Hội nghị Trung ương 7 khóa XII của Đảng về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, nhằm nâng cao đời sống vật chất của đội ngũ công chức, viên chức nói chung và đối tượng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ nói riêng, để đội ngũ này yên tâm công tác, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

15. UBND tỉnh Quảng Ninh

Tham luận về “Công tác tuyển dụng gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

Trong những năm vừa qua, tỉnh Quảng Ninh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, sự phối hợp, giúp đỡ, tháo gỡ khó khăn kịp thời của các Bộ, ngành Trung ương. Đồng thời, với sự chủ động, quyết tâm, quyết liệt, sớm đổi mới phương thức lãnh đạo, thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế với nhiều giải pháp đồng bộ về đổi mới công tác cán bộ, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là cơ sở thuận lợi để các cấp trong tỉnh triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW gắn với Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương.

Tỉnh Quảng Ninh đã chỉ đạo sâu sát, định kỳ tổ chức sơ, tổng kết để đánh giá tiến độ, thường xuyên kiểm điểm kết quả triển khai thực hiện, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho đơn vị, địa phương. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đã ban hành Chương trình hành động, Đề án, Kế hoạch xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình, phân công trách nhiệm cụ thể; đẩy mạnh công tác tuyên truyền; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kết hợp học tập kinh nghiệm các nơi làm tốt, hiệu quả; chủ động phối hợp các cơ quan chức năng phê duyệt, hướng dẫn các nội dung liên quan... Qua đó, tạo được sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong cả hệ thống chính trị để phát huy sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác tuyển dụng

Xác định công tác tuyển dụng là khâu quan trọng để góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, nhất là trong bối cảnh số lượng biên chế giảm, khối lượng công việc ngày càng nhiều và yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tỉnh Quảng Ninh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương trong tỉnh khi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức phải gắn chặt chẽ với việc cơ cấu lại đội ngũ hiện có.

Thứ nhất, về việc xác định nhu cầu tuyển dụng: Ngay từ khâu đăng ký nhu cầu tuyển dụng các đơn vị, địa phương đã triển khai việc rà soát tổng thể đội ngũ hiện có, xác định vị trí việc làm cần tuyển dụng, tập trung ưu tiên các ngành, lĩnh vực tỉnh cần, các nhóm vị trí chuyên môn, nghiệp vụ. Riêng đối với việc tuyển dụng giáo viên, các địa phương nghiêm túc thực hiện rà soát thực trạng cơ cấu đội ngũ giáo viên, có phương án khắc phục tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ và dành chỉ tiêu để tuyển giáo viên theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Trong đó, tỉnh chỉ đạo các đơn vị, địa phương ưu tiên tuyển dụng các trường hợp là sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ. Kết quả từ năm 2019 đến nay tỉnh đã tuyển được 17 trường hợp (02 công chức, 15 viên chức) theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP.

Thứ hai, về việc thông báo nhu cầu tuyển dụng: Thông báo nhu cầu tuyển dụng của các kỳ tuyển dụng công chức, viên chức đều được đăng tải công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng (Kênh Truyền hình tỉnh, Báo viết, Báo điện tử), Cổng thông tin của tỉnh, Trang thông tin điện tử thành phần của Sở Nội vụ, của cơ quan, đơn vị có nhu cầu tuyển dụng. Ngoài ra, đối với việc tuyển dụng bác sĩ, nhân viên y tế, tỉnh có văn bản gửi đến các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo về ngành y để thông báo về nhu cầu tuyển dụng nhằm thu hút rộng rãi thí sinh của các tỉnh lân cận đăng ký dự tuyển.

Thứ ba, về việc xây dựng đề thi: Công tác xây dựng đề thi hướng tới việc đánh giá sát năng lực của thí sinh thông qua hệ thống câu hỏi là các tình huống phát sinh trong quá trình giải quyết công việc gắn với từng lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm, đòi hỏi thí sinh phải có sự nhận định, suy luận, tổng hợp, phân tích để tìm ra hướng giải quyết vấn đề; việc áp dụng hình thức phỏng vấn môn Nghiệp vụ chuyên ngành qua các kỳ tuyển dụng công chức giúp đánh giá toàn diện hơn về năng lực tư duy, phản biện và kỹ năng xử lý tình huống, ứng xử, giao tiếp.

Nhìn chung, việc tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức của tỉnh luôn bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và đúng pháp luật, đồng thời đã thu hút được rộng rãi các thí sinh trong và ngoài tỉnh (Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định...) đăng ký tham gia dự tuyển, từ đó đảm bảo tính cạnh tranh và tăng cơ hội để lựa chọn những thí sinh có trình độ, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

*** Kết quả:** (1) Tuyển dụng công chức: **Năm 2019: 22/25** chỉ tiêu, trong đó: Thạc sĩ: 10 người, chiếm 45,45%; Đại học: 12 người, chiếm 54,55%. **Năm 2021: 49/55** chỉ tiêu, trong đó: Thạc sĩ: 09 người, chiếm 18,4%; Đại học: 40 người, chiếm 81,6%. (2) Tuyển dụng viên chức: **Năm 2019: 3.780/4.570** chỉ tiêu, trong đó: Thạc sĩ: 147 người, chiếm 3,89%; Đại học: 1.902 người, chiếm 50,31%; Cao đẳng: 1.045 người, chiếm 27,65%; Trung cấp: 686 người, chiếm 18,15%; **Năm 2020: 664/1.291** chỉ tiêu, trong đó Thạc sĩ: 35 người, chiếm 5,30%; Đại học: 511 người, chiếm 76,90%; Cao đẳng: 83 người, chiếm 12,5%; Trung cấp: 35 người, chiếm 5,30%; **Năm 2022: 362/873** chỉ tiêu, trong đó: Thạc sĩ: 15 người, chiếm 4,14%; Đại học: 221 người, chiếm 61,05%; Cao đẳng: 64 người, chiếm 17,68%; Trung cấp: 62 người, chiếm 17,13%.

Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành và thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút giảng viên có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài, thuộc lĩnh vực tỉnh cần, có kinh nghiệm giảng dạy về làm việc tại Trường Đại học Hạ Long giai đoạn 2015 - 2020. Kết quả, đã thu hút được **21** trường hợp (Trong đó: Tiến sĩ: 10 người; Thạc sĩ: 11 người) với tổng số kinh phí hỗ trợ khoảng 61 tỷ đồng.

2. Công tác cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Song song với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, tỉnh Quảng Ninh đã sớm có chỉ đạo về việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa

phương đã chủ động thực hiện đồng bộ một số giải pháp bố trí, sắp xếp cơ cấu lại đội ngũ bảo đảm tinh gọn, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: (1) Tăng cường quán triệt, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị; (2) Triển khai việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm đối với 100% các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó xác định cơ cấu ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp, trình độ chuyên môn cho từng nhóm vị trí việc làm (lãnh đạo, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ phục vụ); (3) rà soát trình độ đào tạo, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức để có kế hoạch sắp xếp, bố trí, sử dụng phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ, tăng cường thực hiện kiêm nhiệm, bảo đảm cơ cấu nhóm vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ tối thiểu 80% số lượng công chức, viên chức hiện có, chuyển một số vị trí hỗ trợ, phục vụ (bảo vệ, tạp vụ, dinh dưỡng, vệ sinh...) sang hình thức thuê mướn dịch vụ (4) Có biện pháp đồng bộ để tinh giản biên chế đối với những đối tượng không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn quy định (như phẩm chất, năng lực, sức khỏe...); ban hành các chính sách tinh giản biên chế riêng của nhằm khuyến khích, mở rộng đối tượng có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ việc do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; (5) Xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020" (Đề án 293), dành nguồn lực thỏa đáng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, lãnh đạo quản lý, gắn kết song song giữa nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng trong nước với tăng cường thực hiện đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

Công tác sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ được thực hiện đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, qua đó đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng cao, có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị³³ và kinh nghiệm công tác, có thái độ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

³³ **Công chức:** Số lượng công chức tại thời điểm tháng 12/2022 (2.170 người) giảm 801 người so với thời điểm tháng 4/2015 (2.971 người). Trong đó: Về trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 18 người, đạt 0,83%, Thạc sĩ: 1.032 người, đạt 47,56% cao hơn so với thời điểm tháng 4/2015 là Tiến sĩ: 14 người, đạt 0,47%, Thạc sĩ: 625 người, đạt 21,04%. Về lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 759 người, đạt 34,98%; trung cấp 970 người, đạt 44,70% cao hơn so với thời điểm tháng 4/2015 là Cử nhân, cao cấp: 711 người, đạt 23,93%; trung cấp 820 người, đạt 27,6%.

Viên chức: Số lượng viên chức tại thời điểm tháng 12/2022 là 27.127 người (trong đó 23.338 người hưởng lương từ ngân sách, 3.789 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp). Trong đó: Về trình độ chuyên môn: Tiến sĩ và tương đương: 110 người, đạt 0,4%, Thạc sĩ và tương đương: 2.522 người, đạt 9,3% cao hơn so với thời điểm tháng 4/2015 là Tiến sĩ và tương đương: 41 người, đạt 0,17%, Thạc sĩ và tương đương: 977 người, đạt 4,03%. Về lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 254 người đạt 0,94%; trung cấp 4.255 người đạt 15,69% cao hơn so với thời điểm tháng 4/2015 là Cử nhân, cao cấp: 245 người đạt 0,93%; trung cấp 2.563 người đạt 10,57%.

Đội ngũ lãnh đạo, quản lý ở các cấp có phẩm chất, uy tín, có tư duy đổi mới, có năng lực hoạch định đường lối, chính sách và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Để công tác tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện thống nhất, hiệu quả; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh có một số đề nghị như sau:

(1) Đề nghị Bộ Nội vụ quan tâm phối hợp với các Bộ, ngành liên quan sớm ban hành hướng dẫn cụ thể về danh mục vị trí việc làm được quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập để các đơn vị, địa phương hoàn thiện Đề án vị trí việc làm là cơ sở thực hiện tuyển dụng và cơ cấu lại đội ngũ của từng cơ quan, đơn vị theo vị trí việc làm.

(2) Đề nghị một số Bộ quản lý ngành, lĩnh vực nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các quy định mã số, tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với các chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để các đơn vị, địa phương có cơ sở triển khai việc tổ chức tuyển dụng viên chức bảo đảm thống nhất giữa các ngành, lĩnh vực.

(3) Đề nghị Bộ Tài chính sớm ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 quy định mức thu, chế độ thu nộp quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức, theo đó có quy định định mức chi cụ thể đối với từng nội dung chi để các cơ quan, đơn vị, địa phương có cơ sở áp dụng./.

16. UBND thành phố Hà Nội

Tham luận về “Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và giải pháp tổ chức thực hiện mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội”

Thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội và Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội. Từ ngày 01/7/2021, thành phố Hà Nội thí điểm tổ chức thực hiện mô hình chính quyền đô thị, không tổ chức HĐND tại 175 phường thuộc 12 quận và thị xã Sơn Tây, UBND phường là chính quyền địa phương ở phường, là cơ quan hành chính thuộc UBND quận, thị xã.

Để triển khai thí điểm mô hình chính quyền đô thị, thành phố có những thuận lợi cơ bản, đồng thời cũng gặp phải những khó khăn, cụ thể như sau:

1. THUẬN LỢI

Khi xây dựng Đề án thí điểm mô hình chính quyền đô thị, trong hai năm 2018-2019, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực HĐND, UBND thành phố đã chỉ đạo tiến hành khảo sát, đánh giá; tổ chức nhiều cuộc hội thảo xin ý kiến các nhà khoa học, các nhà quản lý, các đồng chí lãnh đạo, quản lý cấp huyện, cấp xã; xây dựng Đề án thí điểm hết sức bài bản, kỹ càng; tổ chức hội nghị xin ý kiến chỉ đạo của tập thể Đảng đoàn Quốc hội, tập thể Ban Cán sự Đảng Chính phủ, xin ý kiến của các Ban, Bộ, Ngành Trung ương, đồng thời thực hiện thông tin, tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân. Do đó, Đề án thí điểm của thành phố được sự ủng hộ, đánh giá cao của các cơ quan Trung ương, sự đồng thuận của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đông đảo nhân dân thành phố.

2. KHÓ KHĂN

Thứ nhất: Trong một thời gian rất dài (40 năm) cũng như các tỉnh, thành phố khác, Thủ đô Hà Nội thực hiện mô hình chính quyền địa phương tại đô thị cũng như tại nông thôn; chức năng, nhiệm vụ, phương pháp quản lý tại quận, tại phường về cơ bản cũng giống như tại huyện, tại xã. Khi thay đổi mô hình tổ chức và phương pháp quản lý, bước đầu sẽ gặp nhiều trở ngại. Một số thiết chế phải được điều chỉnh để đảm bảo hiệu quả hoạt động, cũng như đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân.

Thứ hai: Khi không tổ chức HĐND phường, đội ngũ cán bộ có sự thay đổi nhất định về vị trí công tác, một số đồng chí phải nghỉ công tác, ít nhiều có tâm tư nhất định.

Để triển khai kịp thời Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị, thành phố đã có những giải pháp đồng bộ:

Một là, Thành phố đã chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện

Sau khi Quốc hội có Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 171-KH/TU ngày 31/12/2019, phân công nhiệm vụ các cấp, các ngành của Thành phố nghiên cứu, chuẩn bị các công việc đảm bảo cho việc thực hiện thí điểm, đồng thời phối hợp

với các bộ, ngành Trung ương báo cáo, xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021, quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 12/4/2021, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành của Thành phố, trong đó tập trung ban hành các văn bản hướng dẫn việc sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế tại UBND các phường; việc quản lý tài chính, ngân sách đối với phường khi chuyển từ một cấp ngân sách độc lập sang là một đơn vị dự toán; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ an ninh quốc phòng, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Ban Thường vụ Thành ủy, UBND Thành phố; Ủy ban MTTQ Thành phố đã chỉ đạo ban hành đồng bộ các văn bản của hệ thống chính trị, gồm: Quy chế làm việc mẫu của Đảng ủy phường; Quy chế làm việc mẫu của UBND và Quy chế hoạt động mẫu của Ủy ban MTTQ Việt Nam phường khi thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị.

Do sớm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và có đầy đủ các văn bản hướng dẫn nên các quận và thị xã Sơn Tây đã triển khai kịp thời, đồng bộ, đáp ứng các yêu cầu khi thực hiện mô hình chính quyền đô thị.

Hai là, tập trung sắp xếp tổ chức bộ máy, đảm bảo bộ máy vận hành thông suốt

Làm tốt việc sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức là yếu tố cơ bản, quyết định thành công, ngay từ năm 2020, Ban Thường vụ Thành ủy đã chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các quận và thị xã Sơn Tây rà soát đội ngũ cán bộ, xây dựng các phương án bố trí đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, đặc biệt là việc sắp xếp, bố trí và chế độ, chính sách đối với các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND phường khi không tổ chức HĐND phường. Khi thực hiện mô hình chính quyền đô thị, các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND của 175 phường đã được phân công, bố trí vào các vị trí phù hợp của cơ quan Đảng, UBND, UBMT Tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội tại phường, một số đồng chí được xem xét, tiếp nhận vào công chức tại các cơ quan chuyên môn của quận, thị xã, một số đồng chí được nghỉ công tác theo chế độ quy định.

Sau khi xin ý kiến của Bộ Nội vụ, UBND thành phố đã xây dựng, ban hành quy định tạm thời về vị trí việc làm của đội ngũ công chức thuộc UBND phường, đây là cơ sở quan trọng để các quận và thị xã Sơn Tây thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chức phường, đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ.

Sau sắp xếp, biên chế giao đối với các chức danh Chủ tịch UBND phường, Phó Chủ tịch UBND phường và các chức danh công chức khác ở phường giảm 125 biên chế so với khi chưa thực hiện thí điểm.

UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết, quy định chế độ hỗ trợ đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và công chức phường nghỉ công tác do thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị.

Ba là, tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức phường khi thực hiện mô hình chính quyền đô thị

Để đáp ứng yêu cầu quản lý khi thực hiện mô hình chính quyền đô thị, thành phố đã tập trung, xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng chuyên sâu về mô hình chính quyền đô thị cho từng chức danh công chức phường, trong đó trọng tâm là bồi dưỡng về quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, công nghệ thông tin, chuyên đổi số; tổ chức 27 lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đô thị cho các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch và công chức UBND phường, 11 lớp chuyên đề bồi dưỡng riêng các chức danh Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng, Văn hóa - Xã hội và Tư pháp - Hộ tịch cho 644 công chức UBND phường. Qua bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử, tinh thần trách nhiệm phục vụ tổ chức và công dân của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ công chức phường được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Bốn là, đẩy mạnh việc phân cấp, ủy quyền

HĐND, UBND thành phố đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định, đẩy mạnh phân cấp về kinh tế xã hội, đảm bảo các nguồn lực thực hiện, tạo điều kiện phát huy hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền quận, huyện, phường xã, thị trấn.

UBND Thành phố đã chỉ đạo việc Chủ tịch UBND phường ủy quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực và đóng dấu UBND phường đối với các giấy tờ, văn bản theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 Nghị định số 32/2021/NĐ-CP khi có đủ điều kiện.

Đến nay đã có 155/175 phường thực hiện việc ủy quyền việc ký chứng thực cho công chức Tư pháp - Hộ tịch đủ điều kiện theo quy định. Còn 20/175 phường chưa thực hiện việc ủy quyền do công chức chưa đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định. Việc ủy quyền công chức Tư pháp - Hộ tịch được ký chứng thực đã tạo điều kiện thuận lợi giải quyết nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, công sức cho tổ chức, công dân đến làm thủ tục hành chính; tạo điều kiện cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường tập trung giải quyết các nhiệm vụ khác của UBND phường. Trên cơ sở việc ủy quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch được chứng thực, đến nay 150 phường, thuộc 11 quận, thị xã đã thực hiện “Các thủ tục hành chính không chờ” (Thủ tục hành chính không giấy hẹn, thực hiện ngay), trả ngay kết quả khi công dân đến thực hiện 05 thủ tục hành chính: *Chứng thực bản sao; chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản; đăng ký kết hôn; đăng ký khai tử; trích lục bản sao đối với giấy khai sinh, khai tử, kết hôn*, đem lại sự hài lòng cho người dân. Thành phố sẽ tiếp tục đánh giá để áp dụng đối với một số thủ tục khác.

Năm là, đổi mới công tác quản lý tài chính, ngân sách

HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết về việc điều chỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách quận, thị xã, phường; UBND Thành phố có văn bản hướng dẫn triển khai một số nội dung về tài chính - ngân sách, hướng dẫn UBND quận, thị xã bố trí kinh phí của Đảng ủy phường, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội phường, kinh phí dự phòng trong dự toán ngân sách giao UBND phường, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, kể các các nhiệm vụ đột xuất phát sinh mới.

Việc triển khai công tác quản lý tài chính, ngân sách của phường khi chuyển sang thực hiện mô hình chính quyền đô thị được thực hiện theo đúng quy định, thời hạn, không làm gián đoạn hoạt động của phường.

Sáu là, tăng cường công tác giám sát của HĐND quận, Ủy ban MTTQ và các Tổ chức chính trị - xã hội đối với hoạt động của UBND phường

Trong điều kiện không tổ chức HĐND phường, Ban Thường vụ Thành ủy đã chỉ đạo cấp ủy các quận, thị xã chỉ đạo đổi mới nội dung hoạt động của HĐND quận, thị xã, tổ đại biểu HĐND quận, thị xã ứng cử tại các đơn vị bầu cử phường; đổi mới hoạt động của Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội ở quận, ở phường, trong đó tăng cường giám sát hoạt động của UBND phường theo các quy định của Trung ương. Nội dung giám sát bám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, tập trung vào những vấn đề mà người dân quan tâm như: công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng, việc thực hiện Quy chế dân chủ trên địa bàn; việc công khai danh mục thủ tục hành chính, việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân, việc thực hiện công tác an sinh xã hội.

Mặc dù không tổ chức HĐND ở phường nhưng quyền dân chủ và giám sát của nhân dân vẫn được đảm bảo.

Bảy là, tổ chức thực hiện tốt việc đối thoại với nhân dân

UBND các phường đã tổ chức thực hiện nghiêm túc hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch UBND phường với Nhân dân theo đúng quy định tại Điều 12 Nghị định 32/2021/NĐ-CP, (được tổ chức mỗi năm ít nhất 02 lần trước các kỳ họp thường kỳ của HĐND các quận và thị xã).

Các kiến nghị của công dân, tổ chức tại các hội nghị đối thoại đã được Chủ tịch UBND các phường trao đổi trực tiếp giải đáp, công khai, dân chủ tại Hội nghị (2.038/2.122 kiến nghị, đạt 96%), với những kiến nghị chưa thể giải đáp ngay tại Hội nghị được Chủ tịch UBND các phường trả lời bằng văn bản sau Hội nghị.

Tổ chức tốt các cuộc đối thoại đã giúp cho người đứng đầu chính quyền kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, quan tâm giải quyết kiến nghị, đề nghị chính đáng của nhân dân. Đồng thời cung cấp thông tin tuyên truyền, vận động, giải thích để nhân dân hiểu rõ hơn những việc chính quyền các cấp đã làm được, cũng như những vướng mắc đang gặp phải để cùng tháo gỡ, giải quyết trên tinh thần xây dựng, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tám là, Thành phố đã định kỳ tiến hành khảo sát, tổ chức giao ban đánh giá tình hình, sơ kết rút kinh nghiệm

Ban thường vụ Thành ủy, Thường trực HĐND, UBND thành phố đã chỉ đạo các Ban Đảng Thành ủy, các cơ quan chuyên môn thường xuyên khảo sát, nắm bắt tình hình, tổ chức giao ban với các quận và thị xã Sơn Tây để đánh giá kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ của UBND các phường, phát hiện và tham mưu xử lý kịp thời các vướng mắc xảy ra. UBND thành phố đã tổ chức hội nghị chuyên đề với các sở, ngành, quận, thị xã để đánh giá và có báo cáo sơ kết một năm thực hiện mô hình chính quyền đô thị với Ban Thường vụ Thành ủy.

Do thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên, đến nay việc thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại Thủ đô Hà Nội đã đạt được những kết quả tích cực:

1. Tổ chức bộ máy chính quyền tại phường được tinh gọn, hoạt động nhanh nhạy, thông suốt hơn, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của quận, thị xã và các phường đều đạt kết quả theo kế hoạch đã đặt ra, đáp ứng các nhiệm vụ thường xuyên cũng như đột xuất.

2. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng ở phường với UBND phường được đảm bảo, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội tại phường với UBND phường có sự phối hợp đồng bộ, thống nhất cao trong thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương.

3. Quyền dân chủ và giám sát của Nhân dân vẫn được đảm bảo, được tăng cường hơn bằng hình thức giám sát trực tiếp của Nhân dân hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, qua các hội nghị đối thoại định kỳ.

4. Các thủ tục hành chính tại quận, thị xã, tại các phường được thực hiện nhanh chóng, kịp thời hơn.

3. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trong quá trình thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị bộc lộ một số khó khăn, thành phố đề nghị Bộ Nội vụ báo các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xem xét, hướng dẫn tháo gỡ, cụ thể là:

1. Đề nghị Chính phủ sửa đổi Nghị định số 32/2021/NĐ-CP, trong đó quy định số lượng công chức phường theo quy mô dân số của phường thay vì quy định số công chức bình quân 15 công chức/phường như hiện nay. Giao thành phố có thẩm quyền điều chỉnh số lượng công chức phường của các quận, thị xã.

2. Đề nghị Quốc hội xem xét sửa đổi bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương theo hướng tăng số lượng đại biểu chuyên trách của HĐND quận, thị xã vì khi không tổ chức HĐND phường, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND quận, thị xã tăng trong khi số lượng đại biểu chuyên trách của HĐND quận, thị xã còn ít, nên việc tổ chức các hoạt động giám sát có nơi còn khó khăn. Đề nghị Ủy ban Thường vụ quốc hội có hướng dẫn thống nhất về nội dung, hình thức giám sát của HĐND quận, thị xã đối với hoạt động của UBND phường.

3. Đề nghị Bộ Chính trị, Quốc hội tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu, xem xét, sửa đổi bổ sung các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về vị trí của đội ngũ cán bộ Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội tại phường, vị trí pháp lý của đội ngũ công chức thuộc UBND phường khi thí điểm mô hình chính quyền đô thị./.

17. UBND tỉnh Kiên Giang

Tham luận về “Sắp xếp, kiện toàn tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết 18-NQ/TW”

Căn cứ Nghị quyết số Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực; Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 29/12/2017 của Tỉnh ủy Kiên Giang về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa bằng Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 09/5/2018 về việc thực hiện Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 29/12/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Chương trình, Kế hoạch này được tổ chức triển khai đến các sở, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh. Trên cơ sở đó, các sở, ngành, địa phương, tập trung rà soát, sắp xếp lại tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý, xây dựng kế hoạch, đề án tổ chức thực hiện rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo quy định.

Trong đó, tỉnh Kiên Giang đã mạnh dạn sắp xếp các phòng chuyên môn có số lượng biên chế ít (dưới 5 biên chế) thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh và phòng chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành phố. Qua rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện Kiên Giang đã giảm được 67 phòng chuyên môn, cụ thể:

- Cấp tỉnh: Giảm được 43 phòng chuyên môn.

- Cấp huyện: Các huyện, thành phố đã giải thể 11 phòng Dân tộc và 13 phòng Y tế, giảm 24 phòng chuyên môn. Đồng thời chuyển chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước ở hai lĩnh vực này về Văn phòng HĐND và UBND đảm nhiệm.

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*viết tắt là Nghị định số 107/2020/NĐ-CP*); Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*viết tắt là Nghị định số 108/2020/NĐ-CP*), UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2021 về triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, trong đó, tiếp tục rà soát số lượng cấp phó, số lượng biên chế công chức các chi cục và tương đương, kết quả:

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh về quy định số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp (bố trí 58/60 số lượng cấp phó);

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp giảm 01 phòng chuyên môn, giải thể 01 chi cục (Chi cục Văn thư – Lưu trữ trực thuộc Sở Nội vụ); tổ chức lại 01 chi cục thành

phòng chuyên môn (Chi cục Biển và Hải đảo trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường). Nâng lũy kể đến thời điểm hiện nay giảm được 67 phòng chuyên môn và 02 chi cục.

- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy đối với 18/20 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo thông tư hướng dẫn mới của Bộ, ngành Trung ương (*còn lại Sở Nông nghiệp và PTNT, Thanh Tra tỉnh chưa có thông tư hướng dẫn mới của Bộ*);

- Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn 17 lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành đối với các phòng chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành phố (*còn lại lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông, thanh tra chưa hướng dẫn do chưa có thông tư hướng dẫn mới*).

Bên cạnh việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, UBND tỉnh cũng quan tâm cải cách chế độ công vụ, cụ thể: UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của 38/38 cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND 15 huyện, thành phố, đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập của 32/40 đơn vị có đơn vị sự nghiệp trực thuộc (trong đó: 10/10 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, 12/15 sở, ban ngành tỉnh, 10/15 UBND các huyện thành phố). Phê duyệt, điều chỉnh đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập sau khi cơ quan, đơn vị sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy, tạo tiền đề cho các cơ quan, đơn vị, xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bố trí, sử dụng phù hợp biên chế theo quy định. Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức, bố trí sử dụng gắn với vị trí việc làm, tinh giản biên chế theo quy định, nâng cao chất lượng công chức, viên chức.

Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong đó 100% cán bộ, công chức, viên chức trước khi xem bổ nhiệm điều được bồi dưỡng đạt tiêu chuẩn chức danh theo quy định, hàng năm kế hoạch đào tạo của tỉnh đều đạt và vượt kế hoạch đề ra (năm 2022 vượt 10,5% so với kế hoạch).

*** Ưu điểm**

Đạt được kết quả trên là do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo UBND tỉnh nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, từ đó tập trung, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thể hiện tinh thần trách nhiệm và quyết tâm trong sắp xếp tổ chức bộ máy bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân được nâng lên và thống nhất với chủ trương chung sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế. UBND tỉnh kịp thời cụ thể hóa và ban hành các quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với công chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức giữa UBND tỉnh với các cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện, gắn thẩm quyền, trách nhiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền các cấp.

UBND tỉnh đã tích cực tổ chức triển khai quán triệt, kiên trì thực hiện tinh giản biên chế, tinh gọn tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công

chức, viên chức, tạo hiệu lực hiệu quả trong hoạt động công vụ; dần tạo được sự đồng thuận, thông suốt thực hiện trong hệ thống chính trị của tỉnh nên việc cụ thể hóa chủ trương của Trung ương thực hiện hiệu quả hơn; xây dựng Đề án tỉnh giảm biên chế giai đoạn năm 2015-2021 theo tinh thần chủ trương Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương. Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện được các cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp trong tỉnh quan tâm thực hiện, xác định đây là vấn đề quan trọng nhằm nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh; thu hút những người có đức, có tài vào bộ máy các cấp, đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

*** Bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế, bất cập, như:** Một số đơn vị, tổ chức triển khai, quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện còn thiếu quyết liệt; còn chưa mạnh dạn, kiên quyết xây dựng kế hoạch, đề án sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy.

Nguyên nhân của hạn chế:

Đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, do việc sắp xếp tổ chức bộ máy là vấn đề đa ngành, đa lĩnh vực, phức tạp, nhạy cảm, liên quan đến quyền lợi của nhiều tổ chức, cá nhân; một số văn bản của Trung ương chậm sửa đổi, bổ sung quy định, hướng dẫn thực hiện. Tinh thần trách nhiệm của một số cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu từng lúc chưa cao, có lúc thiếu quyết liệt.

Trên đây là báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp, kiện toàn tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII./.

18. UBND tỉnh Đồng Tháp

Tham luận về “Công tác quản lý địa giới hành chính và thực hiện Dự án 513 về hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính của tỉnh Đồng Tháp”

Tỉnh Đồng Tháp có diện tích tự nhiên 3.382,28 km², với dân số khoảng 1.601.300 người, có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 03 thành phố và 09 huyện); có 143 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 09 thị trấn, 19 phường và 115 xã); có đường biên giới giáp tỉnh Prâyveng - Campuchia với chiều dài hơn 50km với 04 cửa khẩu (trong đó có 02 cửa khẩu quốc tế là Thường Phước và Dinh Bà).

1. Về công tác quản lý địa giới hành chính

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 2709/QĐ-BNV về việc công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Đồng Tháp đã được hoàn thiện, hiện đại hóa theo quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

- Tổng mốc địa giới hành chính (ĐGHC) các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là 245 mốc, trong đó: Cấp tỉnh 01 mốc; cấp huyện 12 mốc; cấp xã 232 mốc.

- Ngoài ra trên đường ĐGHC của Tỉnh còn có 75 mốc ĐGHC thuộc các tỉnh, thành phố lân cận liên quan đến tỉnh Đồng Tháp, trong đó: 51 mốc cấp tỉnh; 03 mốc cấp huyện; 21 mốc cấp xã.

- Bản đồ ĐGHC các cấp của tỉnh Đồng Tháp được thành lập bằng công nghệ số trên cơ sở Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 gồm có các tỷ lệ 1/2000; 1/5000 và 1/25.000, cụ thể:

+ Toàn tỉnh đã lập 6.528 tờ bản đồ ĐGHC các cấp, trong đó: Cấp xã 6.120 tờ bản đồ; cấp huyện 276 tờ bản đồ và cấp tỉnh là 132 tờ bản đồ.

+ Toàn tỉnh đã lập 772 bộ hồ sơ ĐGHC các cấp, trong đó: Cấp xã 720 bộ; cấp huyện 48 bộ và cấp tỉnh là 04 bộ.

Nhìn chung, công tác quản lý địa giới hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và thực hiện đúng theo quy định và làm cơ sở pháp lý sử dụng trong công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp góp phần phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh trên địa bàn.

Thực hiện Nghị quyết số 625/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc thành lập thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Nghị quyết số 838/NQ-UBTVQH14 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Tháp (sáp nhập xã Thường Thới Hậu B vào xã Thường Lạc); Nghị quyết số 1003/NQ-UBTVQH14 ngày 18 tháng 9 năm

2020 của ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường An Bình A, phường An Bình B thuộc thị xã Hồng Ngự và thành phố Hồng Ngự thuộc tỉnh Đồng Tháp.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tiếp tục lập thủ tục, hồ sơ điều chỉnh hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp có liên quan đến thành lập, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp theo các Nghị quyết nêu trên và gửi Bộ, Ngành Trung ương góp ý thẩm định. Đến nay, đã hoàn thiện việc cập nhật, bổ sung theo ý kiến góp ý và đã trình Bộ Nội vụ, Bộ tài nguyên và Môi trường thẩm định công nhận đúng theo quy định.

2. Kết quả thực hiện Dự án 513 về hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính của tỉnh Đồng Tháp

Trên cơ sở Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 513 của các Bộ, ngành Trung ương.

- Ủy ban nhân dân Tỉnh đã ban hành: Kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Dự án 513 trên địa bàn tỉnh; ban hành Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán Dự án 513; Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc và các văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan nhằm tập trung thực hiện đạt hiệu quả Dự án 513 tại địa phương. Theo đó, đã thực hiện đúng các quy trình về đấu thầu và lựa chọn đơn vị thi công, đơn vị kiểm tra, tư vấn, giám sát... và triển khai thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Cụ thể:

- Về công tác hiệp thương xác định đường địa giới hành chính cấp tỉnh, huyện, xã: UBND Tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các tỉnh giáp ranh như: Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, An Giang và thành phố Cần Thơ tổ chức hiệp thương thống nhất xác định đường địa giới hành chính giữa 2 tỉnh, xác định vị trí cắm mốc địa giới từng cấp theo đúng tuyến quy định. Đối với các tuyến địa giới bị phá vỡ, biến dạng do sạt lở, bồi lắng bờ sông hoặc tuyến địa giới cắt cơ học ngang qua các thửa đất của người dân và những tuyến còn mâu thuẫn, bất hợp lý thì giải quyết theo nguyên tắc phân định đường địa giới hành chính là phải tôn trọng sự thuận lợi cho sinh hoạt và đi lại của người dân, thuận lợi trong quản lý nhà nước, tôn trọng hiện trạng quản lý, bảo đảm người dân trong khu vực không có tranh chấp và các bên đã thống nhất phương án hiệp thương địa giới hành chính.

- Đối với tuyến đường địa giới hành chính giữa tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Preyveng - Vương quốc Campuchia dài khoảng 50,06 km, thuộc địa bàn các huyện Tân Hồng, Hồng Ngự, thị xã Hồng Ngự. Tuyến địa giới này do trùng với tuyến biên giới quốc gia nên được thể hiện theo các tài liệu về việc thống nhất phân định đường biên giới giữa hai quốc gia (theo Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia ký ngày 27/12/1985 và Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước ký ngày 10/10/2005 và Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất

liên giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia, ký tại Hà Nội ngày 05 tháng 10 năm 2019, có hiệu lực ngày 22 tháng 12 năm 2020).

Nhìn chung, công tác cắm mốc địa giới hành chính từng cấp trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/08/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Công tác xác định vị trí trên thực địa, cắm mốc, tu bổ mốc, vẽ sơ đồ mốc, đo tọa độ, độ cao,... đều được thực hiện theo đúng quy trình và quy định kỹ thuật hiện hành.

Bản đồ địa giới hành chính từng cấp được thành lập bằng công nghệ số trong Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000; hồ sơ địa giới hành chính được xác lập theo đúng các quy định thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt. Công tác kiểm tra, nghiệm thu hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính từng cấp được thực hiện theo đúng hướng dẫn và quy định hiện hành.

Tổng kinh phí thực hiện Dự án 513 là 9.241 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương đã bố trí cho địa phương: 4.750 triệu đồng; ngân sách địa phương tạm ứng: 4.491 triệu đồng (đã quyết toán hoàn thành).

Kính thưa Hội nghị!

Được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, sự hỗ trợ tích cực của các Bộ, ngành Trung ương nên việc triển khai thực hiện Dự án 513 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đạt được kết quả rất tốt, bảo đảm đúng quy trình, chất lượng và tiến độ thời gian quy định.

Kết quả thực hiện Dự án 513 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được liên ngành Trung ương thẩm định và Bộ Nội vụ đã phê duyệt công nhận tại Quyết định số 2709/QĐ-BNV ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; theo đó, UBND Tỉnh đã chỉ đạo ngành chuyên môn tổ chức bàn giao hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp của tỉnh Đồng Tháp cho các Bộ, ngành Trung ương và UBND cấp huyện, cấp xã quản lý, khai thác và sử dụng đúng theo quy định (đã bàn giao xong tháng 02 năm 2019)/.

19. UBND thành phố Hải Phòng

Tham luận về “Công tác tuyển dụng công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Hải Phòng”

1. Tổng quan về đội ngũ công chức, viên chức thành phố Hải Phòng

Thành phố Hải Phòng được Chính phủ công nhận là đô thị loại I trung tâm cấp Quốc gia, có vị trí quan trọng về kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng của vùng Bắc Bộ và cả nước; có diện tích tự nhiên 1.562km², dân số 2.053.493 người (khu vực thành thị là 932.547 người, chiếm 45,4%; khu vực nông thôn là 1.120.946 người, chiếm 54,6%).

Năm 2022, thành phố Hải Phòng được giao 2.865 biên chế công chức/21 sở, ngành và 15 quận, huyện; 33.774 người làm việc /902 đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Về tuyển dụng công chức

a) Quá trình triển khai

Xác định việc tuyển dụng công chức là khâu quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ công chức viên chức đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng. Do đó, trong nhiều năm qua, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo việc tuyển dụng công chức trên địa bàn thành phố đảm bảo công khai, chặt chẽ, công bằng, khách quan, chính xác.

Năm 2013, Hải Phòng là địa phương đi đầu cả nước trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào thi tuyển công chức trên máy vi tính đối với 03 môn thi: Trắc nghiệm trên máy tính môn nghiệp vụ chuyên ngành, tin học và ngoại ngữ (thi 30 phút).

Năm 2016, được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, thành phố tiếp tục thực hiện thí điểm một số nội dung trong tuyển dụng công chức trước khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tuyển dụng công chức với nội dung thí điểm tuyển dụng công chức qua 02 vòng thi (*vòng 1 thi trắc nghiệm trên máy tính 02 môn thi Kiến thức chung, ngoại ngữ, vòng 2 thi phỏng vấn môn nghiệp vụ chuyên ngành*).

Việc thí điểm thành công của Hải Phòng đã góp phần vào việc hình thành cơ sở thực tiễn để Chính phủ ban hành Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về tuyển dụng công chức với những nội dung, cách thức, quy trình mà Hải Phòng đã thực hiện.

Tại thời điểm hiện nay, căn cứ quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý công chức tại các cơ quan hành chính nhà nước của thành phố Hải Phòng; theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp thực hiện việc tuyển dụng công chức. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức luôn là Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố.

Việc tuyển dụng công chức tại thành phố được thực hiện mỗi năm một lần. Quá trình tuyển dụng có sự tham gia của nhiều cơ quan cùng phối hợp cùng Sở Nội vụ như Thanh tra thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tư pháp, Sở

Giáo dục và Đào tạo.... ở tất cả các khâu từ tiếp nhận, kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển đến các bộ phận giúp việc Hội đồng, đảm bảo tính khách quan, minh bạch.

- Nhu cầu tuyển dụng: Hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Thông báo tuyển dụng công chức, trong đó chỉ tiêu tuyển dụng được xác định trên cơ sở số biên chế chưa sử dụng và đúng yêu cầu của vị trí việc làm, theo đó mỗi vị trí tuyển dụng có từ 3 - 7 chuyên ngành cần tuyển.

Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thành lập Bộ phận tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của thí sinh tại một địa điểm chung. Qua tuyển dụng cho thấy môi trường nhà nước vẫn có sức hút với các ứng viên, tỉ lệ cạnh tranh năm sau cao hơn năm trước: Năm 2020: 2,47; năm 2021: 2,74; năm 2022: 3,02; trong đó có những vị trí 8 - 10 thí sinh cạnh tranh lấy 1 chỉ tiêu.

- Về việc xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi: Từ năm 2018, UBND thành phố đã thực hiện việc đặt hàng ngân hàng câu hỏi tại các cơ sở đào tạo có uy tín, được chia ra các phần, mỗi phần tại một cơ sở khác nhau. Số lượng câu hỏi đặt hàng nhiều hơn gấp 3 lần số lượng câu hỏi tối thiểu theo quy định của Trung ương (Năm 2022: Số lượng câu hỏi của môn Kiến thức chung và môn Ngoại ngữ là 600 câu, số lượng câu hỏi của môn chuyên ngành gấp 3 lần số thí sinh dự thi).

Quá trình xây dựng đề thi được đảm bảo bảo mật tuyệt đối theo quy định. Ủy ban nhân dân thành phố giao Công an thành phố thực hiện giám sát quá trình xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi ngay từ khi bắt đầu hợp đồng đặt hàng với cơ sở đào tạo. Đồng thời, cách ly các thành viên Ban đề thi và bộ phận nhập dữ liệu đề thi vào máy tính cho đến khi kết thúc thời gian thi. Toàn bộ các khâu: bàn giao và vận chuyển ngân hàng câu hỏi, quá trình xây dựng đề thi đều có sự giám sát chặt chẽ của Công an thành phố và Ban Giám sát.

- Về việc tổ chức vòng 1: Quy định của Trung ương cho phép các địa phương được lựa chọn thi trắc nghiệm trên máy hoặc trắc nghiệm trên giấy. Trường hợp thi trên giấy chỉ có hai đề: đề chẵn và đề lẻ; việc chấm thi do Ban chấm thi thực hiện, sau khi thi xong phải tổ chức chấm thi, tốn kém thời gian và đôi khi, có thể không chính xác. Do đó, Hải Phòng lựa chọn thi trên máy với phần mềm thi tuyển công chức trên máy vi tính được thành phố xây dựng từ năm 2015 và giao Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra, hoàn thiện hàng năm. Khi thí sinh tham gia dự thi, phần mềm thi tuyển sẽ trộn dữ liệu ngẫu nhiên thành các đề thi riêng biệt cho từng thí sinh, không bị trùng đề, không phụ thuộc vào người ra đề và chấm thi, không bị mất thời gian thi và chấm thi. Thí sinh dự thi biết ngay được kết quả sau khi hoàn thành phần thi.

- Về việc tổ chức vòng 2: Hình thức phỏng vấn giúp đánh giá được thí sinh một cách toàn diện hơn, cả trình độ chuyên môn và khả năng ứng xử, giao tiếp. UBND thành phố phân công các Phó chủ tịch UBND thành phố làm Trưởng ban cùng với Giám đốc các Sở chuyên ngành liên quan tham gia thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch trực tiếp phỏng vấn thí sinh.

Nhìn chung, việc tổ chức 02 vòng thi đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và ngày càng được người dân tin tưởng vào công tác tuyển dụng. Qua đó đã đánh giá khách quan, thực chất để lựa chọn công chức có trình độ, năng lực, kiến thức, phẩm chất đạo đức vào làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đảm bảo

trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng.

b) Kết quả

Chất lượng thí sinh trúng tuyển tăng dần qua các năm:

- Năm 2020: Trong tổng số 361 thí sinh đủ điều kiện dự thi lấy 117 chỉ tiêu, có **94** thí sinh trúng tuyển: Thạc sĩ: 18 người. Đại học: 76 người, gồm: Hệ chính quy: 67 người (loại xuất sắc và giỏi 10 người, loại khá 46 người, loại trung bình khá và trung bình 11 người); Hệ không chính quy: 09 người (loại khá 06 người, loại trung bình khá và trung bình 03 người). Có 23 chỉ tiêu không có người trúng tuyển.

- Năm 2021: Trong tổng số 255 thí sinh đủ điều kiện dự thi lấy 95 chỉ tiêu, có **73** thí sinh trúng tuyển: Thạc sĩ 09 người (trong đó có 03 người do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng). Đại học 64 người, gồm: Hệ chính quy: 61 người (loại xuất sắc và giỏi 12 người; loại khá 38 người, loại trung bình khá và trung bình 11 người); Hệ không chính quy: 03 người (loại khá 02 người, loại trung bình khá 01 người). Có 22 chỉ tiêu không có người trúng tuyển.

- Năm 2022: Trong tổng số 254 thí sinh đủ điều kiện dự thi lấy 89 chỉ tiêu, có **69** thí sinh trúng tuyển: Thạc sĩ: 08 người (trong đó có 01 người do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng). Đại học: 61 người (trong đó có 01 người do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng); gồm: Hệ chính quy: 59 người (loại xuất sắc và giỏi 11 người; loại khá 40 người, loại trung bình khá và trung bình 08 người). Hệ không chính quy: 02 người (tốt nghiệp loại khá). Có 20 chỉ tiêu không có người trúng tuyển.

3. Về tuyển dụng viên chức

a) Quá trình triển khai

Căn cứ Luật Viên chức năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 và các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn thi hành của Bộ Nội vụ, Ủy ban dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng; theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền tuyển dụng viên chức như sau:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ: Do người đứng đầu đơn vị tổ chức thực hiện theo quy định (sau khi được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp phê duyệt kế hoạch).

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ: Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố do người đứng đầu đơn vị công lập tổ chức thực hiện. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ngành, quận, huyện do Giám đốc sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện.

Đến nay, việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã được các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị sự nghiệp công lập triển khai thực hiện bằng hình thức xét tuyển theo đúng quy định.

Việc phân cấp tuyển dụng viên chức như hiện nay đã góp phần phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thành phố, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giao Sở Nội vụ tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, việc tuyển dụng viên chức, đảm bảo các cơ quan, đơn vị được phân cấp thẩm quyền thực hiện đúng quy định.

b) Kết quả

Hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thành phố đã tuyển dụng được khoảng **1.000** viên chức để bổ sung nguồn nhân lực cho các cơ quan, đơn vị.

4. Kiến nghị đề xuất

Thời gian vừa qua, nhiều nội dung quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ đã được phân cấp mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho các địa phương. Đồng thời, Bộ Nội vụ vẫn thường xuyên hỗ trợ, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Thực tế, năm 2022, thành phố Hải Phòng đã được Bộ Nội vụ hỗ trợ, cung cấp đề thi các môn kiến thức chung, ngoại ngữ, tin học và nghiệp vụ chuyên ngành cho các kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức. Nhờ đó thành phố đã tiết kiệm được nguồn lực, chất lượng đề thi và công tác bảo mật được đảm bảo tốt hơn. Tuy nhiên, đối với kỳ thi công chức, để đảm bảo mật bằng chung, thành phố Hải Phòng đề nghị Bộ Nội vụ tiếp tục quan tâm, xem xét hỗ trợ ngân hàng câu hỏi, đề thi.

Trên đây là một số nội dung Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng trao đổi về công tác tuyển dụng công chức, viên chức trên địa bàn thành phố. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nội vụ cũng như sự phối hợp, chia sẻ kinh nghiệm của các tỉnh, thành phố để tiếp tục hoàn thiện công tác tuyển dụng, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thành phố Hải Phòng./.

20. UBND tỉnh Thanh Hóa

Tham luận về “Kinh nghiệm thực tiễn trong việc giải quyết cán bộ, công chức dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021 và đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện trong thời gian tới”

Kính thưa Hội nghị!

Thực hiện Nghị quyết của BCH Trung ương, Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ trong việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; giai đoạn 2019 - 2021, tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng đề án, thực hiện quy trình, thủ tục, báo cáo Bộ Nội vụ, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Trên cơ sở triển khai, thực hiện và kết quả đạt được, tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của ngành Nội vụ; hôm nay, UBND tỉnh Thanh Hóa tham gia trao đổi, tham luận về kinh nghiệm thực tiễn trong việc giải quyết cán bộ, công chức dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019 - 2021, đồng thời đề xuất một số giải pháp tiếp tục thực hiện trong giai đoạn tiếp theo, cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 653/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ về việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021; ngay sau khi các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 15/3/2019 lãnh đạo công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 13/3/2019 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; theo đó, yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, các ngành liên quan trong hệ thống chính trị của tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Như các đồng chí đã biết, giai đoạn 2019 - 2021, Thanh Hóa là một trong những tỉnh đi đầu trong việc thực hiện sắp xếp và là tỉnh có số đơn vị hành chính cấp xã giảm lớn nhất của cả nước (76 đơn vị). Trước khi thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Thanh Hóa có 635 xã, phường, thị trấn, trong đó có 69 đơn vị, gồm 62 xã và 07 thị trấn thuộc diện bắt buộc phải sắp xếp (không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện bắt buộc phải sắp xếp). Sau khi hoàn thành trình tự các bước sắp xếp đơn vị hành chính, Thanh Hóa đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết nghị sắp xếp 143 đơn vị hành chính cấp xã thành 67 đơn vị, giảm 76 đơn vị (Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019). Các đơn vị hành chính

trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp tiếp tục được quan tâm toàn về tổ chức bộ máy, việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo vị trí việc làm, số lượng người làm việc đúng với quy định; trong đó, công tác bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư được Thanh Hóa xác định là một trong những nhiệm vụ lớn, hết sức quan trọng và phải làm sớm nhằm ổn định tình hình sau sắp xếp.

Tại thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Thanh Hóa có số đơn vị hành chính giảm lớn, điều này đồng nghĩa với việc số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư cần phải giải quyết là rất lớn; cũng tại thời điểm nêu trên, ngày 24/04/2019, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, theo đó ở mỗi đơn vị hành chính cấp xã đều giảm thêm 02 người (trung bình toàn tỉnh Thanh Hóa giảm 1.118 người); ngoài ra, việc thực hiện Đề án bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã, thị trấn, tỉnh Thanh Hóa tiếp tục giải quyết bố trí, sắp xếp gần 500 đồng chí Trưởng công an xã, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh, vì vậy, đây là nhiệm vụ chính trị hết sức khó khăn và dài hơi.

Trước tình hình đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương tổ chức thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để giải quyết vấn đề trên như: Tạm dừng ngay việc tuyển dụng đối với công chức cấp xã; rà soát, lựa chọn công chức bầu đảm nhận chức danh cán bộ cấp xã; đẩy mạnh và khuyến khích thực hiện tinh giản; điều chuyển, bố trí từ các xã sắp xếp sang những xã còn thiếu trong cùng huyện; tuyển dụng cán bộ, công chức cấp xã vào làm việc tại các cơ quan cấp huyện, cấp tỉnh; bố trí công chức kiêm nhiệm thêm chức danh người hoạt động không chuyên trách; đặc biệt là tỉnh đã nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ đủ mạnh để thu hút những cán bộ, công chức còn ít thời gian công tác, sức khỏe hoặc năng lực công tác hạn chế tự nguyện xin về nghỉ..., vì vậy, số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư cơ bản đã được giải quyết, số lượng công chức xã dôi dư còn thấp.

Từ những giải pháp hiệu quả, phù hợp, cách làm hay, sáng tạo cùng với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, đến nay, cán bộ và người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã được bố trí đúng quy định (kể cả số lượng cấp phó), số công chức cấp xã còn dôi dư do sáp nhập tiếp tục được giải quyết theo lộ trình kế hoạch đề ra, cụ thể:

a) Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở các đơn vị hành chính cấp xã trước khi thực hiện sắp xếp:

- + Số lượng cán bộ, công chức cấp xã: **2.842** người³⁴.
- + Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 2.137 người.
- + Viên chức giáo dục (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở): 8.618 người.
- + Viên chức trạm y tế xã, thị trấn: 651 người.

³⁴ Cán bộ 1.366 người, công chức 1.476 người.

b) Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã được bố trí, sắp xếp tại đơn vị hành chính mới:

+ Số lượng cán bộ, công chức cấp xã: **1.423** người³⁵.

+ Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 614 người.

+ Ổn định số lượng viên chức giáo dục (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở): 8.618 người và viên chức trạm y tế xã, thị trấn: 651 người.

c) Số cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư:

+ Số lượng cán bộ, công chức cấp xã dôi dư **1.419** người³⁶.

+ Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư 1.523 người.

d) Kết quả giải quyết đối với đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách dôi dư ở cấp xã:

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã:

+ Tổng số dôi dư đã giải quyết: **963 người**, gồm: Nghỉ hưu 210 người; nghỉ tinh giản biên chế 312 người; bố trí sang cơ quan, đơn vị khác 441 người.

+ Tổng số công chức dôi dư tiếp tục phải giải quyết (đến hết năm 2025): **456** người.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư: Thực hiện thôi việc, chấm dứt hợp đồng 1.523 người, hiện nay đã bố trí đúng số lượng 614 người theo Nghị quyết số 232/2019/NĐ-CP của HĐND tỉnh.

Có thể nói đến thời điểm hiện tại, Thanh Hóa là địa phương hoàn thành xuất sắc vượt mục tiêu đề ra trong việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và nhập thôn, tổ dân phố; toàn tỉnh đã thực hiện giảm 12% số đơn vị hành chính cấp xã, 26% số thôn, tổ dân phố; quy mô đơn vị hành chính cấp xã tăng (diện tích tự nhiên bình quân mỗi đơn vị đạt 20 km², dân số bình quân đạt 6.600 người); đã thực hiện tinh giản 3.107 cán bộ, công chức cấp xã (gồm do sắp xếp đơn vị hành chính, giảm theo Nghị định 34 và thực hiện bố trí công an chính quy về xã) và 25.000 người hoạt động không chuyên trách (bao gồm cả do nhập thôn, tổ dân phố), góp phần tiết kiệm ngân sách hàng trăm tỷ đồng/năm. Đạt được những kết quả quan trọng nêu trên, ngoài sự nỗ lực, cố gắng của hệ thống chính trị của cả tỉnh, đó còn là nhờ có sự quan tâm của Trung ương và đặc biệt là của Bộ Nội vụ giành cho Thanh Hóa.

2. Những bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn thực hiện, UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo một số kinh nghiệm để việc sắp xếp đơn vị hành chính trong giai đoạn tiếp theo được thực hiện thuận lợi hơn như sau:

³⁵ Cán bộ 804 người, công chức 619 người.

³⁶ Cán bộ 562 người, công chức 857 người.

Thứ nhất: Công tác sắp xếp đơn vị hành chính phải bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, hạn chế gây xáo trộn đến đời sống của người dân, sản xuất kinh doanh; quá trình thực hiện, tỉnh đã chỉ đạo đảm bảo an sinh xã hội, chính sách với hộ nghèo, hộ khó khăn tại các địa phương thực hiện sắp xếp, nhất là trong việc thực hiện chính sách đặc thù ở khu vực miền núi, vùng cao, biên giới.

Thứ hai: Phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của cấp ủy đảng; nỗ lực, quyết tâm của chính quyền các cấp; sự tham gia tích cực của mặt trận và đoàn thể chính trị xã hội; phải phân công trách nhiệm gắn với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cho từng cá nhân, tổ chức liên quan; cách làm bài bản, chặt chẽ, hiệu quả, phải đề ra thời gian, lộ trình cụ thể để thực hiện.

Thứ ba: Cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, chịu trách nhiệm về quyết định của mình; xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng; coi trọng và làm tốt công tác tuyên truyền; kiên trì vận động, thuyết phục nhân dân trong quá trình thực hiện. Kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc, không để thành điểm nóng, gây chia rẽ trong nhân dân; các đơn thư, khiếu nại, kiến nghị về tên gọi, vị trí công sở... đều được giải quyết, qua đó tạo sự thống nhất cao trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận ủng hộ của cán bộ, đảng viên và cử tri.

Thứ tư: Sắp xếp đơn vị hành chính phải phù hợp với quy hoạch tổng thể, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

Thứ năm: Phương án sắp xếp phải căn cứ theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số; đồng thời phải chú trọng cân nhắc kỹ các yếu tố đặc thù về lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý - tự nhiên, cộng đồng dân cư và yêu cầu bảo đảm quốc phòng an ninh, chính trị, trật tự xã hội.

Thứ sáu: Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, giải quyết dôi dư phải thận trọng, chặt chẽ, đúng quy trình, khách quan, công khai; lựa chọn những người có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn để tham gia công tác ở đơn vị hành chính mới; đồng thời phải có chế độ chính sách hợp lý cho cán bộ, công chức, viên chức dôi dư và có lộ trình bố trí, sắp xếp đúng số lượng quy định, nhưng cũng phải đảm bảo tính nhân văn để góp phần động viên đội ngũ khi thôi công tác (địa phương cần ban hành chính sách hỗ trợ để cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách nghỉ việc do dôi dư sau khi sắp xếp đơn vị hành chính).

3. Đề xuất một số giải pháp thực hiện trong việc giải quyết cán bộ, công chức dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính trong giai đoạn tiếp theo

i) Tiếp tục thực hiện tạm dừng việc bầu, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý và tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên những đơn vị hành chính thuộc diện sắp xếp, sáp nhập. (hoặc chỉ bổ nhiệm người đứng đầu, tiếp nhận, tuyển dụng chuyên ngành, chức danh thực sự cần thiết đối với cơ quan, đơn vị sau khi có ý kiến đồng ý của cấp có thẩm quyền);

ii) Lựa chọn công chức dôi dư phù hợp để giới thiệu bầu giữ các chức vụ cán bộ tùy theo tình hình thực tế của địa phương;

iii) Điều chuyển, bố trí công chức, viên chức từ các đơn vị hành chính sắp xếp, các cơ quan đơn vị thừa sang các đơn vị hành chính, cơ quan, đơn vị còn thiếu khác;

iv) Tuyển dụng cán bộ, công chức cấp xã có trình độ, năng lực, kinh nghiệm vào làm việc tại các cơ quan, đoàn thể cấp huyện, cấp tỉnh;

v) Tiếp tục nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ đủ mạnh để thu hút cán bộ, công chức, viên chức dôi dư, những người còn ít thời gian công tác, sức khỏe, năng lực hạn chế tự nguyện xin nghỉ công tác.

Ngoài chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, cần có cơ chế cho phép địa phương cấp huyện được chủ động ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức dôi dư thuộc thẩm quyền quản lý để tăng thêm tính hấp dẫn tự nguyện xin nghỉ hưởng chế độ cho các đối tượng dôi dư (HĐND cấp huyện không có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ).

Trên đây là báo cáo tham luận kết quả và những kinh nghiệm thực tiễn trong việc giải quyết cán bộ, công chức dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 và một số giải pháp thực hiện trong giai đoạn tiếp theo, tỉnh Thanh Hóa trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ./.

21. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế

Tham luận về “Công tác triển khai tổ chức thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”

Kính thưa Hội nghị!

Thừa Thiên Huế được Trung ương xác định là một cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước, là vùng đất tích tụ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc cùng với bề dày lịch sử, truyền thống cách mạng vẻ vang. Bên cạnh đó, do yếu tố lịch sử và tính đặc thù văn hóa của vùng đất kinh thành, Thừa Thiên Huế cũng là một trong những trung tâm tín ngưỡng, tôn giáo của cả nước. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 60% dân số theo 04 tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Tin lành, với hơn 1.677 chức sắc, 2.389 chức việc và 568 cơ sở thờ tự. Ngoài ra, có khoảng 1.411 cơ sở tín ngưỡng, với các loại hình tín ngưỡng phong phú, đa dạng như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ cúng thành Hoàng, thờ Mẫu tam phủ, tứ phủ, thờ các anh hùng dân tộc, thờ tổ nghề... Tín ngưỡng, tôn giáo ở Thừa Thiên Huế đã và đang giữ một vai trò quan trọng, chi phối sâu sắc đến đời sống tinh thần của đa số nhân dân.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh diễn ra cơ bản tuân thủ pháp luật, theo đúng Hiến chương, Điều lệ, đường hướng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”, nhiều hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo lớn đã được tổ chức, thu hút đông đảo chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo và quần chúng nhân dân tham gia. Các cơ sở tín ngưỡng, chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo đã thực hiện nghiêm túc công tác phòng, chống dịch Covid-19; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động của Trung ương, của tỉnh như: “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, cuộc vận động toàn dân xây dựng Thừa Thiên Huế “Sáng - Xanh - Sạch, không rác thải”, phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”; thực hiện việc treo cờ Tổ quốc tại cơ sở tôn giáo... không khí dân chủ trong đời sống xã hội được mở rộng, đoàn kết lương - giáo được phát huy, khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng gắn bó. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã quan tâm, hướng dẫn, giải quyết các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của tổ chức, cá nhân tôn giáo, góp phần củng cố niềm tin của chức sắc, nhà tu hành, tín đồ đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; mối quan hệ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo ngày càng cởi mở, thân thiện, gắn bó hơn.

Sau khi Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018, Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện để đưa các quy định của Luật và Nghị định số 162 vào thực tiễn đời sống xã hội. UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo các sở, ban, ngành có liên quan, chính quyền địa phương tiến hành sơ kết 03 năm triển khai thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo nhằm đánh giá những kết quả đạt được

cũng như những khó khăn, vướng mắc đề kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Về công tác tuyên truyền, phổ biến Luật và Nghị định số 162: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch và bố trí kinh phí để tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về tôn giáo cho trên 3.700 lượt cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo các cấp; Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, các tổ chức chính trị, xã hội, chính quyền các địa phương... thông qua các lớp bồi dưỡng, hội nghị tập huấn đã phối hợp triển khai Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162 cho hàng ngàn lượt cán bộ, công chức, viên chức, hội viên cơ sở nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp đối với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, cấp phát trên 4.150 bộ tài liệu liên quan đến Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 162 cho chức sắc, chức việc các tổ chức tôn giáo và người đại diện các cơ sở tín ngưỡng (riêng năm 2022 đã cấp phát hơn 550 bộ tài liệu); tăng cường tuyên truyền, phổ biến Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162 trên các phương tiện thông tin đại chúng, thực hiện các tin bài, chuyên mục có nội dung liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, tín đồ và nhân dân biết, thực hiện.

Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể các cấp thường xuyên tiếp xúc, thăm hỏi, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các tổ chức, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú; hướng dẫn, vận động chức sắc các tổ chức tôn giáo tuyên truyền với bà con tín đồ tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động từ thiện nhân đạo; nâng cao cảnh giác, cùng với chính quyền, nhân dân phát hiện đấu tranh, lên án với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật; những hành vi sai trái, vi phạm đạo đức xã hội của các “đạo lạ”, “tà đạo” nhằm góp phần giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Về việc thực hiện các quy định của Luật và Nghị định số 162:

UBND tỉnh chỉ đạo Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ) tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản nhằm cụ thể hóa các nội dung để triển khai thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương liên quan đến công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác quản lý Nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh; Quy định trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo tỉnh; Quy chế phối hợp thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tôn giáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, các hoạt động lễ hội, sự kiện tôn giáo, việc phong chức, phong

phẩm, chuyên chức sắc, chức việc, việc tuyển sinh, đào tạo của các cơ sở đào tạo tôn giáo, các hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài, hoạt động xuất bản, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện nhân đạo... theo quy định của pháp luật, Hiến chương, Điều lệ các tôn giáo, đảm bảo công tác phòng, chống dịch Covid-19; thực hiện các thủ tục xin cấp phép xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo hàng chục cơ sở thờ tự, xin giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định. Qua đó, đã củng cố thêm niềm tin của chức sắc, tín đồ đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của chính quyền các cấp.

Về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo: Hàng năm, thực hiện kế hoạch kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Bộ Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ), UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế xây dựng kế hoạch, tiến hành kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn. Thông qua công tác kiểm tra đã nắm bắt được tình hình và kịp thời ghi nhận những kết quả đạt được, hướng dẫn thực hiện những vấn đề còn hạn chế, thiếu sót.

Công tác giải quyết các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến tôn giáo được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời, hợp tình, hợp lý theo quy định của pháp luật. Không để các thế lực thù địch lợi dụng các hoạt động khiếu kiện để kích động, tạo thành điểm nóng về tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

Kính thưa Hội nghị!

Qua công tác triển khai thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 162 và thực tiễn công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn, tỉnh Thừa Thiên Huế đã rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Thứ nhất, Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp cần thường xuyên coi trọng và tập trung lãnh, chỉ đạo thực hiện tốt công tác tín ngưỡng, tôn giáo và quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, coi đây là trách nhiệm, nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị; làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo đối với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về tôn giáo để từ đó tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện.

Thứ hai, thường xuyên quan tâm xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các chức sắc, chức việc, tín đồ và các tổ chức tôn giáo; kết hợp làm tốt công tác vận động quần chúng tín đồ tôn giáo chấp hành pháp luật, “sống tốt đời, đẹp đạo”, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện nhân đạo, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận, ủng hộ các chủ trương, chính sách của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh.

Thứ ba, tăng cường công tác kiểm tra, phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành và các địa phương trong công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, thường xuyên nắm

chắc tình hình, làm tốt công tác dự báo, kịp thời phát hiện, tổ chức phương án phối hợp đấu tranh làm thất bại các âm mưu lợi dụng tôn giáo chống phá; giải quyết kịp thời các vụ việc phức tạp liên quan đến tôn giáo, các vấn đề bất cập, tồn tại ngay từ cơ sở, không để diễn biến kéo dài, tạo thành điểm nóng tôn giáo.

Thứ tư, làm tốt công tác quy hoạch, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo, kết hợp tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp.

Kính thưa Hội nghị!

Tại hội nghị tổng kết lần này, để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162 nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, tôi xin kiến nghị, đề xuất một số nội dung như sau:

Thứ nhất, qua thực tiễn công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, một số vấn đề nổi lên như: việc dựng tượng, biểu tượng tôn giáo ngoài khuôn viên cơ sở thờ tự, trong nghĩa trang, tổ chức xã hội, hộ gia đình; trình tự, thủ tục thành lập mới cơ sở tín ngưỡng; hội thảo có yếu tố liên quan đến tôn giáo (hiện nay chỉ có quy định tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế); các khái niệm về hiện tượng tôn giáo mới, “đạo lạ”, “tà đạo”... chưa được quy định trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162 dẫn đến những khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Kính đề nghị Bộ Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để hoàn thiện về chính sách, pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo như đất đai, xây dựng, văn hóa, giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo... đảm bảo đồng bộ với pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ hai, theo quy định tại Thông tư 05/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ; theo đó, Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ) thêm nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng không phải là di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc đã được đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương. Số lượng cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo tại Thừa Thiên Huế khá lớn nên việc thực hiện công tác quản lý gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các cấp. Vì vậy, đề nghị Bộ Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; quan tâm đến chính sách đãi ngộ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ ba, kính đề nghị Bộ Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ tiếp tục quan tâm chia sẻ thông tin, hướng dẫn nghiệp vụ, phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề tôn giáo phức tạp, nhạy cảm; đấu tranh, ngăn chặn các hoạt

động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá, hoạt động của hiện tượng tôn giáo mới, các “đạo lạ”, “tà đạo” có ảnh hưởng đến an ninh chính trị ở địa phương.

Kính thưa Hội nghị!

Với sự chỉ đạo sâu sát của Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, nỗ lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, sự đồng thuận và phối hợp từ phía các tổ chức, cá nhân và tín đồ các tôn giáo, tôi tin tưởng trong thời gian tới, công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo sẽ tiếp tục đạt được nhiều kết quả tốt đẹp góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của ngành Nội vụ./.

22. UBND tỉnh Lâm Đồng

Tham luận về “Những thuận lợi, khó khăn và kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước đối với đạo Tin lành trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”

1. Khái quát tình hình hoạt động của đạo Tin Lành ở Lâm Đồng

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có 32 hệ phái Tin Lành (06 hệ phái được công nhận tư cách pháp nhân, gồm: Hội thánh Tin Lành Việt Nam (MN), Tổng hội Báp Tít Việt Nam, Giáo hội Báp-Tít Việt Nam, Hội thánh Liên Hữu Cơ Đốc Việt Nam, Hội thánh Tin Lành Trưởng Lão Việt Nam, Giáo hội Phúc Âm Ngũ Tuần Việt Nam; 02 hệ phái Tin Lành được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo: Hội thánh Phúc Âm Toàn Vẹn, Hội thánh Liên Hiệp Truyền giáo Việt Nam) với khoảng 94.000 tín đồ (trong đó, có 84.000 tín đồ người dân tộc thiểu số, chiếm hơn 89% tổng số tín đồ), 104 chi hội, hội thánh, hội nhánh, 238/334 điểm nhóm đã được cấp đăng ký sinh hoạt; 63 chi hội đã được giao đất (hiện nay, 57/63 chi hội đã xây dựng cơ sở thờ tự; 04 chi hội đang xây dựng cơ sở thờ tự; 02 cơ sở đang làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép xây dựng); 207 chức sắc (66 mục sư, 30 mục sư nhiệm chức, 109 truyền đạo, 02 nữ truyền đạo được Nhà nước công nhận).

Thời gian qua, các hệ phái Tin Lành trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hoạt động tôn giáo thuần túy, chủ yếu tập trung việc đề nghị thành lập chi hội, xin giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự; truyền chuyển, phong phẩm chức sắc, bổ nhiệm chức việc; tổ chức các lớp bồi linh, hiệp nguyện giáo phẩm,...

Mặc dù dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp, nhưng chức sắc, chức việc tín hữu đạo Tin Lành trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hoạt động ổn định, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước. Tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước do địa phương phát động, tổ chức nhiều hoạt động tôn giáo thuần túy, chưa có vấn đề phức tạp phát sinh.

2. Những thuận lợi

Sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của Chính phủ, Bộ Nội vụ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác đối với đạo Tin Lành trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng kịp thời, phù hợp với thực tế địa phương, giải quyết đúng pháp luật; không để xảy ra điểm nóng; tích cực chăm lo phát triển về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội cho bà con có đạo, nhất là vùng dân tộc thiểu số.

- Sự cố gắng, nỗ lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo từ tỉnh đến cơ sở. Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo thường xuyên được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về tôn giáo. Công tác vận động, tranh thủ chức sắc, chức việc được quan tâm đúng mức.

- Qua thực tiễn quản lý nhà nước đã giúp nâng cao nhận thức, trình độ nghiệp vụ và kinh nghiệm quản lý Nhà nước cho cán bộ làm công tác tôn giáo nói chung, nhất là cán bộ cấp cơ sở.

- Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước đối với tôn giáo nói chung và đạo Tin Lành nói riêng ngày càng hoàn thiện, tạo sự đồng thuận trong chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo và là công cụ quản lý đối với tôn giáo đạt hiệu quả.

- Các cấp, ngành đã chủ động trong công tác nghiệp vụ, nắm chắc hoạt động của các hệ phái, chức sắc, cốt cán, số cực đoan, chống đối trong Tin Lành; kịp thời phát hiện, đấu tranh với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, phần tử xấu lợi dụng đạo Tin Lành để tập hợp lực lượng, móc nối, lôi kéo, kích động người địa phương hoạt động chống phá chính quyền và các hoạt động tôn giáo trái pháp luật.

- Việc giải quyết các nhu cầu của chức sắc, chức việc tín đồ đảm bảo đúng quy định pháp luật, thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của bà con tín hữu.

- Môi quan hệ giữa cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội với các tôn giáo nói chung, đồng bào theo đạo Tin Lành nói riêng trên địa bàn tỉnh ngày càng hiểu biết, gắn bó, tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần cùng tuân thủ pháp luật.

- Hoạt động đạo Tin Lành đi vào ổn định, tuân thủ pháp luật. Đa số chức sắc, tín đồ yên tâm sinh hoạt tôn giáo, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, đường hướng hành đạo tuân thủ các quy định của Nhà nước; gắn bó, đồng hành cùng dân tộc; tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội và các phong trào thi đua yêu nước do địa phương phát động, góp phần vào việc giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

3. Khó khăn

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến tôn giáo nói chung và Tin Lành nói riêng chưa thực sự sâu rộng trong chức sắc, chức việc, tín hữu và hiệu quả chưa cao.

- Việc xây dựng lực lượng cốt cán ở cơ sở còn mang tính hình thức, nhất là đối với cốt cán ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số có đạo Tin Lành.

- Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp vẫn còn hạn chế, chưa thực sự thường xuyên, đồng bộ. Cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo ở cơ sở thiếu tính ổn định, nhận thức về đạo Tin Lành chưa cao, còn có biểu hiện né tránh, buông lỏng quản lý. Một số cán bộ ở cơ sở hiểu chưa đúng và đầy đủ về chủ trương, chính sách của Đảng về công tác đối với đạo Tin Lành.

- Một số điểm nhóm thuộc tổ chức, hệ phái chưa được Nhà nước công nhận vẫn tổ chức sinh hoạt tôn giáo trái phép. Một số điểm nhóm sau khi được cấp đăng ký sinh hoạt, xuyên thay đổi hệ phái, địa điểm, mâu thuẫn nội bộ, mượn nhà riêng của tín đồ để làm nơi nhóm họp, sau đó, biến tướng hoặc xây dựng, coi nơi nhà riêng thành nơi thờ tự.

- Việc du nhập của nhiều tổ chức Tin Lành đã tác động nhất định đến việc sinh hoạt tôn giáo thuần túy, tín ngưỡng truyền thống của bà con dân tộc thiểu số, những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tộc người bị giảm sút. Tín đồ dần từ bỏ các hình thức sinh hoạt lễ hội truyền thống, sinh hoạt cộng đồng.

- Một số đối tượng lợi dụng du lịch, giao lưu, thăm hỏi, đời sống kinh tế của bà con tín đồ theo đạo Tin Lành còn nhiều khó khăn để mua chuộc, truyền đạo trái phép dẫn tới việc tranh giành tín đồ của các hệ phái.

4. Bài học kinh nghiệm

- Các cấp ủy, chính quyền cần làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt và thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo cho cán bộ, công chức và chức sắc, tín đồ các tôn giáo. Thường xuyên nắm bắt, theo dõi tình hình hoạt động của các hệ phái Tin Lành, nhất là đối với các hệ phái chưa được công nhận hoặc mới du nhập.

- Các Bộ, Ngành tiếp tục duy trì thông tin kịp thời về các tổ chức phản động ở nước ngoài móc nối với số phần tử cực đoan trong nước để chống phá chính quyền, gây mất ổn định tình hình an ninh chính trị, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc; việc hoạt động của các tổ chức, nhóm, hệ phái Tin Lành cực đoan, liên quan đến chính trị phản động. Chỉ đạo các cấp, ngành tiếp tục phối hợp đồng bộ, chặt chẽ trong việc trao đổi thông tin, giải quyết các vấn đề liên quan đến đạo Tin Lành; nhất là những vụ việc có tính chất phức tạp, ảnh hưởng tới an ninh, trật tự của địa phương; nhận diện rõ các tổ chức, hệ phái Tin Lành sinh hoạt tôn giáo thuần túy với các nhóm, tổ chức, hệ phái Tin Lành liên quan đến chính trị phản động và mang tính chất cực đoan, qua đó có biện pháp giải quyết phù hợp, đúng đối tượng.

- Trong quá trình xử lý các hoạt động tôn giáo trái phép, cần chú trọng đến công tác vận động, giáo dục, thuyết phục kết hợp với xử lý hành chính đối với các trường hợp không chấp hành, vi phạm nhiều lần... Trong việc xử lý phải tạo sự đồng thuận của chức sắc và tín đồ; giải quyết nhanh gọn theo phương châm “lấy việc đạo để giải quyết việc đạo”; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để đề ra biện pháp xử lý phù hợp, dứt điểm. Việc giải quyết các vấn đề phức tạp phải bảo đảm đồng bộ, đúng pháp luật và thực tiễn đặt ra. Kiểm soát chặt chẽ thông tin, tuyên truyền, Internet...

- Kiện toàn tổ chức bộ máy và đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo ở các cấp có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu công tác tôn giáo trong tình hình hiện nay.

- Thường xuyên quan tâm hướng dẫn, giúp đỡ Ban Đại diện Tin Lành Việt Nam (MN) tỉnh và một số chức sắc đứng đầu các hệ phái Tin Lành đã được công nhận đi vào hoạt động ổn định, nề nếp theo đúng quy định pháp luật và đường hướng hành đạo.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức Tin Lành, nhất là quản lý Nhà nước đối với các chi hội sau khi đã được tổ chức hội đồng và các điểm nhóm sau đăng ký. Tiếp tục xem xét cho thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc (chi hội), giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở thờ tự; cấp đăng ký sinh hoạt điểm nhóm cho các hệ phái Tin Lành ở những nơi tín đồ sinh sống ổn định, không bị tác động bởi yếu tố nước ngoài, hoặc đối tượng chính trị phản động... để đưa vào quản lý theo quy định của pháp luật.

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động từ thiện xã hội liên quan đến tôn giáo nói chung và đạo Tin Lành nói riêng, nhất là hoạt động của tổ chức phi chính phủ, không để xảy ra tình trạng lợi dụng từ thiện để hoạt động trái pháp luật.

- Quan tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào có đạo Tin Lành hiệu quả, thiết thực nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho bà con, nhất là đồng bào DTTS. Chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của chức sắc, tín đồ, giải quyết những nhu cầu chính đáng của bà con có đạo, gắn với việc xây dựng thực lực chính trị, đảm bảo giữ vững thế trận quốc phòng an ninh, an toàn trật tự, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu, phát huy giá trị bản sắc văn hóa trong cộng đồng các dân tộc thiểu số.

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các đoàn thể chính trị xã hội ở cơ sở. Đảm bảo công tác phát triển đoàn viên, hội viên ổn định, có chất lượng, xây dựng lực lượng chính trị nòng cốt trong vùng giáo một cách thực chất, hiệu quả./.

23. UBND tỉnh Yên Bái

Tham luận về “Kinh nghiệm trong việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2022”

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Yên Bái có diện tích tự nhiên gần 6.900 km², dân số trên 90 vạn người (số liệu thống kê theo Đề án 06 của Chính phủ) với 30 dân tộc cùng sinh sống; toàn tỉnh có 09 đơn vị hành chính với 81/157 xã đặc biệt khó khăn và 814 thôn, bản đặc biệt khó khăn, trong đó có 02 huyện vùng cao thuộc 74 huyện nghèo của cả nước, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, hạn chế. Tuy nhiên, cùng với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Yên Bái luôn quan tâm, xác định nhiệm vụ đẩy mạnh cải cách TTHC, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của các cơ quan trong hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là một trong 3 khâu đột phá chiến lược trong chương trình hành động lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng năm của tỉnh, trong đó việc sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNCL là một trong những nhiệm vụ chính trị hàng đầu. Theo đó:

Trước khi thực hiện sắp xếp (năm 2015), tỉnh Yên Bái có 951 ĐVSNCL, trong đó: trực thuộc UBND tỉnh có 06 đơn vị; trực thuộc sở, ngành có 333 đơn vị; trực thuộc UBND cấp huyện: có 612 đơn vị. Trước số lượng, tình hình tổ chức và hoạt động của các ĐVSNCL vẫn còn lớn, tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém; hệ thống tổ chức các ĐVSNCL còn chồng chéo, manh mún, phân tán, chồng chéo, đầu tư dàn trải, chi tiêu ngân sách nhà nước dành cho các ĐVSNCL còn quá lớn, do đó, để thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNCL một cách hiệu quả theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Yên Bái đã xác định đây là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu, phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cần phải tập trung rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả với nhiều giải pháp bài bản, đồng bộ nhưng hết sức thiết thực, cụ thể như:

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 95-CTr/TU ngày 02/01/2018 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW; giao Sở Nội vụ là cơ quan Thường trực, tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo của tỉnh. Chỉ đạo các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy xây dựng kế hoạch học tập, quán triệt ở cấp mình và chỉ đạo các cấp ủy cơ sở phổ biến, quán triệt nội dung các nghị quyết tới toàn thể cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ. Cùng với đó, tỉnh Yên Bái đặc biệt quan tâm chỉ đạo làm tốt công tác quán triệt, định hướng tư tưởng và phương pháp triển khai thực hiện cho các cấp, các ngành, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị. Đưa một số vấn đề triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW vào nội dung Hội nghị BCHĐB tỉnh mở rộng để phổ biến, quán triệt, thống nhất trong đội ngũ cán bộ chủ chốt; lấy ý kiến vào một số đề án, phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) để quán triệt, thống nhất về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, phương pháp, cách thức triển khai thực hiện các đề án đã ban hành, đảm bảo đúng quy trình, nguyên tắc, tạo đồng thuận và thống nhất cao trong quá trình triển khai thực hiện.

Với việc tập trung đi trước một bước về sắp xếp các ĐVSNCL, đến thời điểm hiện nay, tỉnh Yên Bái đạt được kết quả như sau:

(1) Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy:

- *Giai đoạn 2015-2021:* tổng số đã giảm được 243/951 ĐVSN (94 đơn vị cấp tỉnh 159 ĐVSN cấp huyện), đạt tỷ lệ 25,55% so với năm 2015 (**vượt tỷ lệ rất cao 15,55% theo yêu cầu của Nghị quyết 19-NQ/TW là 10%**).

- *Giai đoạn 2022-2026:* Năm 2022 là năm đầu của giai đoạn 2022-2026, tỉnh Yên Bái đã thực hiện giảm 19 ĐVSNCL cấp huyện, đạt tỷ lệ 2,68%. Sau khi sắp xếp lại, ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện chỉ còn 04 đơn vị thuộc các lĩnh vực: Văn hóa, giáo dục nghề nghiệp, nông nghiệp và sự nghiệp khác: 01 đơn vị. Cùng với đó, đã giảm theo cơ cấu 786 lãnh đạo quản lý, gồm: 262 cấp trưởng, 524 cấp phó.

(2) Thứ hai: Về biên chế:

- *Giai đoạn 2015-2021:* tỉnh Yên Bái đã giảm được 2.271 biên chế sự nghiệp so với năm 2015, hoàn thành tỷ lệ tinh giảm biên chế sự nghiệp, đạt 10,21% (**vượt 0,21% tỷ lệ theo yêu cầu của Nghị quyết 19-NQ/TW là 10%**).

- *Giai đoạn 2022-2026:* Năm 2022, tỉnh Yên Bái đã thực hiện giảm 817 biên chế sự nghiệp so với năm 2021, đạt tỷ lệ 4,1 %.

(3) Thứ ba: Về tự chủ: Chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp (cổ phần hóa doanh nghiệp) đối với 01 đơn vị; đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 25 đơn vị, rà soát tăng tự chủ một phần chi thường xuyên đối với các ĐVSN có thu trên địa bàn tỉnh.

Với những bước triển khai chủ động, bài bản và kết quả quan trọng đạt được trong thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Yên Bái đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và nhiều kinh nghiệm quý báu để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW của BCHTW; được Trung ương ghi nhận, đánh giá là **một trong những tỉnh đi đầu** trong cả nước. Đến nay về cơ bản, việc sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNCL đã từng bước khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; các đơn vị có sự tương đồng hoặc liên thông về chức năng, nhiệm vụ, hay chồng chéo về địa bàn hoạt động đã được tính toán hợp nhất, sáp nhập cho phù hợp; thực hiện sắp xếp, chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước của một số tổ chức về cơ quan có thẩm quyền để thống nhất hoạt động của các ĐVSN; các đơn vị sau sắp xếp đã kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành quy chế làm việc phù hợp với chức năng nhiệm vụ mới để triển khai thực hiện, không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung. Với việc đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, thu gọn đầu mối các ĐVSNCL kết hợp với quyết liệt thực hiện tinh giảm biên chế trong các ĐVSNCL đã góp phần tích cực tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên, để đầu tư nguồn chi cho đầu tư phát triển, góp phần xây dựng nền hành chính thống nhất, trong sạch, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, thúc đẩy phát triển KT-XH, đảm bảo QPAN.

II. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Với những kết quả tích cực trong việc sắp xếp lại các ĐVSNCL trong thời gian qua, tỉnh Yên Bái rút ra được một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, cần tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, đồng bộ với quyết tâm cao và hành động quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền; đặc biệt là phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; lấy kết quả thực hiện sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế là một trong những nội dung đánh giá, xếp loại hàng năm đối với cán bộ, đảng viên có liên quan.

Hai là, quan tâm chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục, coi đây là giải pháp trọng tâm, then chốt nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận cao đối với toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và cả hệ thống chính trị trong quá trình tổ chức thực hiện.

Ba là, quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế phải đồng bộ, công khai, dân chủ, minh bạch, thận trọng, nhân văn, không cầu toàn, nóng vội; "dễ làm trước, khó làm sau", vừa làm vừa rút kinh nghiệm, đảm bảo "hợp tình, hợp lý", quan tâm đến quyền và lợi ích của CBCCVV; vừa sắp xếp tinh gọn bộ máy nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động chung của các cơ quan, đơn vị.

Bốn là, thường xuyên nắm bắt tình hình, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh. Trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị phải nghiên cứu kỹ thời điểm khi có đủ điều kiện hợp nhất, trong đó, có tính đến điều kiện của địa phương (về địa lý, quy mô dân số, trụ sở làm việc khi bố trí sắp xếp, tổ chức lại); ý chí người đứng đầu; năng lực đội ngũ; nên làm thí điểm trước, sau đó rút kinh nghiệm rồi mới triển khai ra diện rộng.

Năm là, rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy đi đôi với bố trí cán bộ phù hợp, nhằm phát huy được năng lực của từng người, từng vị trí; sau sắp xếp đơn vị đó phải hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn.

Sáu là, quan tâm công tác sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế, vướng mắc, phát huy những sáng kiến kinh nghiệm hiệu quả; kịp thời biểu dương, nhân rộng những mô hình hay, những cách làm tốt.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để thực hiện tốt hơn nữa việc sắp xếp tổ chức bộ máy các ĐVSNCL trong thời gian tới, tại Hội nghị hôm nay, tỉnh Yên Bái có một số kiến nghị, đề xuất với các bộ, ngành Trung ương, cụ thể như sau:

1. Đề nghị Bộ Tài chính

(1) Xem xét sửa đổi, bổ sung thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN để đồng nhất với quy định tại Điều 5 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (giao cho UBND tỉnh quyết định ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN từ nguồn chi thường xuyên).

(2) Điều chỉnh lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo phù hợp với giá do Nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị.

(3) Bổ sung công thức xác định mức độ tự chủ đối với trường hợp đơn vị chỉ có nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng được một

trong các điều kiện giao nhiệm vụ là đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính như vướng mắc nêu tại nội dung (3) mục II nêu trên.

(4) Hướng dẫn cụ thể cách xác định mức độ tự chủ của Trung tâm y tế đa chức năng nhất là đối với đơn vị nhóm 1, nhóm 2 nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và có căn cứ để địa phương phân và giao dự toán cho hoạt động y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm, hoạt động của các trạm y tế xã, phường, thị trấn của Trung tâm y tế đa chức năng.

(5) Xem xét, đề xuất cho phép các ĐVSN đã được giao quyền tự chủ tài chính được tiếp tục thực hiện theo phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến hết năm 2022.

2. Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét về việc giao số lượng người làm việc đối với các ĐVSNCL bảo đảm chi thường xuyên mà nguồn tài chính của đơn vị là từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công để tháo gỡ khó khăn cho địa phương.

3. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc chuyển một số chức năng, nhiệm vụ về QLNN sau khi thực hiện hợp nhất Trạm Chăn nuôi và thú y, Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông,... cấp huyện thành Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện về Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế) cấp huyện; hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ các cơ quan thực hiện quản lý nhà nước và các ĐVSNCL thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

4. Đề nghị các bộ, ngành Trung ương sớm trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực. Ban hành tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền; ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực.

5. Đề nghị các bộ, ngành quản lý ngành lĩnh vực và Bộ Nội vụ sớm hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong ĐVSNCL thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ trong ĐVSNCL theo đề xuất của bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong ĐVSNCL để làm căn cứ xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của các ĐVSN./.

NỘI DUNG TRAO ĐỔI, GIẢI ĐÁP KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG THUỘC LĨNH VỰC NỘI VỤ

I. LĨNH VỰC TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ

1. Nhóm kiến nghị về giải pháp để đến năm 2025 cả nước tiếp tục giảm tối thiểu bình quân 10% đơn vị sự nghiệp công lập và giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN, phần đầu có tối thiểu 20% đơn vị tự chủ về tài chính mà mục tiêu Nghị quyết 19 BCHTW đã xác định (*Đài Tiếng nói Việt Nam; các tỉnh Kon Tum, Quảng Bình, Tiền Giang, Sóc Trăng, Quảng Ngãi, Đà Nẵng*)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Đề phát huy hiệu quả cơ chế tự chủ đối với các ĐVSNCL (nhất là lĩnh vực giáo dục và y tế đang chiếm **89,4%** số lượng người hưởng lương ngân sách nhà nước tại thời điểm 31/12/2021) và đạt được mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW: Đến năm 2025 tiếp tục giảm tối thiểu bình quân 10% đơn vị sự nghiệp công lập và giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước, phần đầu có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, các Bộ, ngành, địa phương cần thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách liên quan, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sớm tham mưu sửa đổi một số luật liên quan: (1) Luật Khám chữa bệnh, luật Giáo dục đại học và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, danh mục dịch vụ công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực; (2) các thông tư hướng dẫn định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có); tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng làm cơ sở cho các Bộ, ngành, địa phương ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý; (3) Ban hành khung giá, phí dịch vụ, từng bước tính đủ các chi phí đối với các loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu (đặc biệt là giá dịch vụ khám, chữa bệnh và giá, phí dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo) gắn với chuyển đổi cơ chế tài chính từ cấp phát theo dự toán sang giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu để các ĐVSNCL xây dựng phương án tự chủ theo quy định; (4) Hướng dẫn mô hình tổ chức quản lý đối với các ĐVSNCL thực hiện cơ chế tự chủ theo ngành, lĩnh vực, bảo đảm xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu của ĐVSNCL khi thành lập Hội đồng quản lý, Hội đồng trường theo quy định của pháp luật.

Hai là, các Bộ, ngành, địa phương: theo thẩm quyền triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ để bảo đảm giảm đầu mối ĐVSN (quy hoạch mạng lưới trường lớp, nhất là hệ thống liên cấp, liên xã ở những nơi có điều kiện xây dựng đề án quốc gia về phát triển hệ thống bán trú, nội trú vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập; phê duyệt Đề án tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trong đó xác định rõ mức độ tự chủ về tài chính và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương

ứng trong các đơn vị sự nghiệp công lập (đặc biệt là giáo dục, y tế)

Ba là, Bộ Tài chính hướng dẫn việc giao vốn, tài sản cho ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư để quản lý như đối với doanh nghiệp; hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương chuyển mạnh phương thức cấp phát ngân sách nhà nước theo dự toán sang thanh toán theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với sản phẩm, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

Bốn là, các Bộ, ngành, địa phương triển khai Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 về Kế hoạch triển khai thực hiện các Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022, Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 và quy định 70-QĐ/TW này 18/7/2022 của Bộ Chính trị để tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp ĐVSN công lập đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Nhóm kiến nghị về kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy bên trong của các cấp, các ngành (*Bảo hiểm xã hội Việt Nam; các tỉnh Quảng Ngãi, Hà Tĩnh*)

Ý Kiến của Bộ Nội vụ:

Thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và Quốc hội, ngay từ đầu năm 2022 Chính phủ đã chỉ đạo rất quyết liệt để tập trung rà soát hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương. Kết quả đến nay:

1. Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

- Mục tiêu: sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm cấp trung gian gắn với việc xây dựng Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, ngành xong trong năm 2022 theo Nghị quyết Quốc hội.

Tính đến nay, **26/30** Bộ, ngành (04 bộ, ngành tiếp tục thực hiện như Nghị định hiện hành do mới ban hành) đã trình Chính phủ hồ sơ dự thảo Nghị định (trong đó **21** Nghị định đã được ban hành).

- Về nhiệm vụ, quyền hạn: rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện nhiệm vụ, quyền hạn, bảo đảm không chồng chéo và phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành, phân công của Chính phủ

Vấn đề mới nổi lên trong xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, ngành lần này là:

Một là, không bỏ sót phạm vi, đối tượng quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

Hai là, tập trung sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bên trong bảo đảm giảm tầng nấc, giảm khâu trung gian, giảm đầu mối.

Theo đó kết quả sắp xếp: (1) Giảm **17** tổng cục và tổ chức tương đương tổng cục chưa đáp ứng đủ tiêu chí thành lập; (2) Giảm **08** cục (thuộc tổng cục và thuộc Bộ); (3) Giảm **145** Vụ/Ban (thuộc tổng cục và thuộc Bộ); (4) Giảm **22** đơn vị sự

ng nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ, ngành; giảm gần **90%** Phòng trong Vụ. Những tháng cuối năm, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành sẽ tiếp tục rà soát **768** đơn vị sự nghiệp thuộc bộ, ngành để sắp xếp theo hướng thu gọn đầu mối và nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với địa phương

Tính đến thời điểm này, các địa phương đã hoàn thành việc rà soát, hoàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn, bảo đảm tinh gọn và đáp ứng tiêu chí thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ. Kết quả sắp xếp như sau: (1) Sắp xếp tổ chức hành chính: (i) Giảm **07** cơ quan chuyên môn và **06** tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh; (ii) Giảm **2.159** tổ chức bên trong cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; (2) Sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập: Giảm **7.469** đơn vị sự nghiệp công lập (tương ứng tỷ lệ **13,5%**).

3. Nhóm kiến nghị về giải pháp thực hiện tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Đại học Quốc gia Hà Nội)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Để đạt mục tiêu đề ra về tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học, thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện động bộ một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện tự chủ đại học (nhất là việc xây dựng, hoàn thiện thể chế) theo tinh thần các Nghị quyết của Trung ương (Nghị quyết số 29-NQ/TW và số 19-NQ/TW), trong đó về góc độ quản lý nhà nước cần tập trung làm rõ quyền hạn và trách nhiệm của cơ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo; cơ quan chủ quản (Bộ, ngành, địa phương) đối với cơ sở giáo dục đại học tự chủ theo hướng tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, gắn quyền với trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục đại học;

Hai là, hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích xã hội hóa giáo dục đại học (nhất là việc hoàn thiện quy định về hợp tác công tư);

Ba là, tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật để làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực giáo dục và đào tạo và xác định rõ lộ trình tính đủ giá để đẩy mạnh tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học;

Bốn là, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý của cơ sở giáo dục đại học (rà soát, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 99/2019/NĐ-CP theo hướng làm rõ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ giữa Hội đồng trường với Đảng ủy và người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học);

Năm là, hướng dẫn và phê duyệt Đề án tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học được tự chủ đồng bộ trên 04 phương diện (nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính) phù hợp với mức độ tự chủ về tài chính.

4. Nhóm kiến nghị về giải pháp đối với một số tổ chức, đơn vị có quy mô lớn (biên chế), phạm vi hoạt động rộng (theo khu vực), quản lý đa cấp (nhiều bậc học), giải quyết thủ tục hành chính 24/7 cần được bổ sung cấp phó, bảo đảm thực hiện các quy định về số lượng cấp phó tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP (*Bảo hiểm xã hội Việt Nam; các tỉnh Lào Cai, An Giang*)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

1. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII và Kế hoạch số 07-KH/TW của Bộ Chính trị, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, xây dựng các tiêu chí xác định số lượng cấp phó trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập từ Trung ương đến địa phương, báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ để báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi trình Chính phủ ban hành để thống nhất thực hiện.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo yêu cầu của các Nghị quyết Trung ương, các Bộ, ngành, địa phương có nhiều kiến nghị, đề xuất liên quan đến những khó khăn, vướng mắc, bất cập về việc thực hiện số lượng cấp phó tại các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập có quy mô lớn (biên chế), phạm vi hoạt động rộng (theo khu vực), quản lý nhiều cấp (nhiều bậc học), giải quyết thủ tục hành chính 24/7...

2. Tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Nội vụ đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chí xác định số lượng cấp phó tại các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng không quy định cứng nhắc, không cào bằng số lượng cấp phó giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đồng thời trao quyền chủ động cho các Bộ, ngành, địa phương trong việc bố trí, sử dụng cấp phó trong tổng số lượng cấp phó được xác định theo tiêu chí của Chính phủ, bảo đảm phù hợp với tính chất và tình hình thực tế thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đơn vị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đã gửi dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương trước khi hoàn thiện trình Chính phủ.

5. Nhóm kiến nghị về giải pháp để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên hiện nay (*các tỉnh Đồng Nai, Đồng Tháp, Tây Ninh, Thái Nguyên, Hà Giang, Bắc Giang, Khánh Hòa*)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Giải pháp chủ yếu để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên:

Một là, trước mắt các địa phương tập trung tuyển dụng số biên chế được giao trong năm học này; đồng thời rà soát, đánh giá cụ thể nhu cầu năm học 2023 - 2024 gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ban Tổ chức

Trung ương bổ sung tiếp **38.130** giáo viên đã được Bộ Chính trị giao bảo đảm chặt chẽ, đúng đối tượng và chất lượng.

Hai là, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Khẩn trương hoàn thiện Chiến lược phát triển giáo dục 2022 – 2030, định hướng đến 2040, trong đó xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục 1 cách căn cơ, lâu dài.

- Xây dựng lại định mức học sinh/lớp phù hợp thực tiễn từng vùng và xây dựng đề án phát triển hệ thống trường Dân tộc bán trú tại các địa bàn vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với thu gọn các điểm trường lẻ tiểu học và THCS (giảm đầu mối), nâng cao chất lượng – hiệu quả giáo dục vùng cao.

- Hướng dẫn các địa phương sắp xếp trường liên cấp, liên xã cho phù hợp điều kiện thực tế, vừa đảm bảo điều kiện con em đi học vừa tinh gọn đầu mối trường lớp.

- Xem xét đề xuất cấp có thẩm quyền về chuẩn giáo viên và phương án khắc phục khó khăn nguồn tuyển giáo viên: (nhất là giáo viên mầm non), giáo viên các môn tiếng Anh, CNTT, mỹ thuật, âm nhạc cho phù hợp để các địa phương đào tạo và tuyển dụng.

- Phối hợp với Bộ Nội vụ thống nhất bổ sung quy định về quản lý viên chức, nhất là việc không tổ chức kỳ thi thăng hạng viên chức; trước mắt tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh phụ cấp cho giáo viên mầm non để thực hiện từ 01/7/2023.

Ba là, tiếp tục rà soát hoàn thiện thể chế chính sách về tự chủ, xã hội hóa đơn vị sự nghiệp công lập nói chung. Bộ sẽ sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định về hợp đồng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Bốn là, đề nghị các địa phương quyết liệt thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII; tiếp tục thực hiện cơ cấu lại hệ thống trường lớp cho phù hợp; đẩy mạnh tự chủ và xã hội hóa ở những nơi có điều kiện.

6. Nhóm kiến nghị về thực trạng hiện nay nhiều cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước nhưng chưa được giao biên chế công chức nên trong quá trình triển khai nhiệm vụ có sự vướng mắc, khó khăn về thẩm quyền (thực hiện chức năng xử phạt vi phạm hành chính) như: đội ngũ thanh tra giao thông, thanh tra xây dựng tại một số địa phương hoặc tại khối cảng vụ hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa... (Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Thanh tra Chính phủ...)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Bộ Nội vụ ghi nhận có tình trạng như vậy do lịch sử hình thành và phát triển của các tổ chức này và quá trình thực hiện Luật cán bộ, công chức, cơ quan chủ quản chưa kịp thời điều chỉnh và báo cáo cấp có thẩm quyền giao biên chế công chức. Theo báo cáo của Bộ, ngành, địa phương, thì số biên chế sự nghiệp Bộ, ngành, địa phương giao của năm 2021 cho các cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ

quản lý nhà nước thực tế có mặt là **7.191** viên chức (trong đó: Bộ, ngành: **2.125** viên chức; địa phương: **5.066** người).

Về vấn đề này, Bộ Nội vụ đã tham mưu cho Ban cán sự đảng Chính phủ báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế để báo cáo Bộ Chính trị cho phép điều chuyển **7.191** biên chế viên chức thành biên chế công chức để chuyển số viên chức (số có mặt thực tế) đang đảm nhiệm vị trí việc làm công chức trong các tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước thành công chức. Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương rà soát lại số viên chức thực tế thực hiện vị trí việc làm công chức trong các tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết vấn đề này.

Đồng thời, đồng bộ với giải pháp về biên chế, Bộ Nội vụ đang phối hợp, đôn đốc các Bộ, ngành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm cấp trung gian, bảo đảm tinh gọn tổ chức bộ máy biên chế của các tổ chức này.

7. Nhóm kiến nghị về việc xác định vị trí việc làm công chức, định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập (các tỉnh Thanh Hóa, Đắk Lắk, Tiền Giang, Long An, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Ủy ban Dân tộc, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

1. Căn cứ các Nghị quyết (Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và nhất là Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII), Ban Tổ chức Trung ương đã chủ trì phối hợp Bộ Nội vụ triển khai một số nhiệm vụ cơ bản:

- Về hoàn thiện thể chế: Đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2020/NĐ-CP quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó:

Các vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp được xác định theo 4 nhóm: (1) Công chức, viên chức Lãnh đạo, quản lý; (2) Công chức, viên chức Nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực; (3) Công chức, viên chức Nghiệp vụ chuyên môn (4) Hỗ trợ, phục vụ.

- Về xây dựng vị trí việc làm của hệ thống chính trị: Phối hợp với các Bộ, ngành rà soát và xây dựng danh mục vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, gửi Ban Tổ chức Trung ương để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế, trong đó: (1) Vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính: **866** vị trí, (2) Vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp: **615** vị trí, (3) Vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã: **17** vị trí.

Cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng vị trí việc làm trong hệ thống chính trị giai đoạn này có sự thay đổi cách tiếp cận là “từ trên xuống - thống nhất - liên thông giữa các cấp quản lý và phù hợp với các quy định của Đảng và của pháp luật”, bảo đảm tính thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, vị trí việc làm được xác định phù hợp với chức danh, chức vụ và chức năng, nhiệm vụ do cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm và chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, tính chất, đặc điểm, yêu cầu, quản lý dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực (không căn cứ vào biên chế hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Nhiệm vụ tiếp tục thực hiện trong thời gian tới:

- Theo chỉ đạo của BCĐTW về quản lý biên chế, thực hiện Kết luận số 40-KL/TW của BCT và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị: Ban Tổ chức Trung ương sẽ tiếp tục chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ để triển khai các công việc tiếp theo trong việc xác định VTVL, bản mô tả, khung năng lực VTVL cả hệ thống chính trị; trong đó Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hoàn thiện đối với hành chính, đơn vị sự nghiệp và cấp xã.

- Hiện nay, Bộ Nội vụ đang phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực khẩn trương hoàn thành việc hướng dẫn các nội dung về VTVL và hướng dẫn định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực (Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoàn thiện **13** dự thảo Thông tư về VTVL công chức, **18** dự thảo Thông tư về VTVL viên chức) để làm cơ sở cho Bộ, ngành, địa phương triển khai việc xây dựng VTVL của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

8. Nhóm kiến nghị liên quan đến việc thực hiện tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập nhằm đổi mới tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập (các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; các tỉnh Tây Ninh, Tiền Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Tự chủ đơn vị sự nghiệp là xu thế tất yếu, khách quan nhằm đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng - hiệu quả dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công phục vụ người dân, là chủ trương lớn được Đảng, Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các bộ, ngành chủ trì tham mưu Chính phủ ban hành hệ thống thể chế để thực hiện: (1) Bộ Tài chính tham mưu Chính phủ đã ban hành Nghị định 16/2015/NĐ-CP và Nghị định 60/2021/NĐ-CP về tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp; (2) Bộ Nội vụ đã tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tổ chức bộ máy, biên chế; (3) Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu thực hiện các Nghị quyết của Trung ương liên quan để triển khai thí điểm. Rà soát, tổng hợp tình hình thực hiện thời gian qua, Bộ Nội vụ có ý kiến về vấn đề này như sau:

1. Kết quả thực hiện tự chủ:

- Tính đến 31/12/2021: số đơn vị tự chủ chi thường xuyên; đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư có **3.135** đơn vị/**47.744** ĐVSN = **6,6%**; đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên: **8.922** đơn vị/tổng số ĐVSN = **18,7%**.

- Tiêu biểu giáo dục đại học đã có nhiều chuyển biến tích cực: **108/232 = 46,55%** trường ĐH tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư đồng thời chi thường xuyên; chỉ còn **8/232 trường = 3,45%** là do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Nhìn chung, kết quả thực hiện tự chủ ĐVSN công còn thấp và chưa đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW.

2. Nguyên nhân chưa đạt mục tiêu đề ra:

a) Hệ thống thể chế chưa đồng bộ:

- Các Luật liên quan còn vướng cho triển khai thực hiện từ Luật Đấu thầu, Luật Đất đai, Luật Khám chữa bệnh, Luật Giáo dục Đại học

- Các văn bản pháp lý quan trọng chưa được ban hành như: định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công, quy hoạch ĐVSN công, giá, phí dịch vụ công theo lộ trình bảo đảm tính đúng, tính đủ còn chậm hoặc chưa kịp thời sửa đổi...

- Việc chuyển đổi phương thức cấp phát, phân bổ, bố trí NSNN theo tinh thần NQ 19 còn chậm, nhất là cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ.

b) Trong 2 năm qua do dịch Covid-19 càng khó khăn cho các ĐVSN công thực hiện tự chủ, nhất là sự nghiệp y tế.

c) Sự hướng dẫn của các cơ quan chức năng và cơ quan chủ quản chưa cụ thể, hiệu quả; trách nhiệm người đứng đầu một số ĐVSN có khả năng thực hiện tự chủ nhưng thiếu quan tâm, quyết liệt (kể cả đối với sự nghiệp có khả năng tự chủ cao cũng ngại khó)

3. Giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

a) Cần đánh giá lại vấn đề tự chủ ĐVSN một cách căn cơ, khoa học và thực tiễn; xác định cụ thể nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khả thi để triển khai thực hiện

Bộ Nội vụ làm đầu mối tổng hợp, hoàn thiện Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện tự chủ ĐVSN (2016-2021) trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chủ trì Hội nghị toàn quốc về nội dung này nhằm tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy tự chủ ĐVSN công lập.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống thể chế đồng bộ, thống nhất, liên thông, nhất quán để tổ chức thực hiện hiệu quả; trước mắt tháo gỡ những vướng mắc liên quan đến tự chủ sự nghiệp y tế, tự chủ giáo dục nghề nghiệp và sự nghiệp kinh tế khác.

c) Các Bộ, ngành, địa phương phối hợp triển khai tích cực, hiệu quả tự chủ lĩnh vực ngành, địa phương quản lý bảo đảm mục tiêu, yêu cầu đề ra tại Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII.

9. Nhóm kiến nghị về việc căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành các quyết định giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2022 cho từng địa phương bằng số biên chế tại thời điểm 30/6/2021. Số biên chế sự nghiệp này có sự

chênh lệch với số Bộ Nội vụ đã giao, thẩm định năm 2022 (các tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Nghệ An, Kiên Giang, Đắk Lắk, Lâm Đồng)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Năm 2022, căn cứ thẩm quyền được giao theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 2 Điều 15 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Nội vụ đã thẩm định biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các địa phương, theo đó Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã phê duyệt biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước **giảm 2,11%** so với năm 2021 (tương ứng giảm **35.238** biên chế) theo số Bộ Nội vụ thẩm định.

Tuy nhiên, ngày 18/7/2022, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 70-QĐ/TW³⁷ và Quyết định số 72-QĐ/TW³⁸, trong đó giao Ban Tổ chức Trung ương trực tiếp quản lý biên chế của địa phương và quyết định giao biên chế hằng năm cho địa phương trong giai đoạn, trong đó có biên chế của chính quyền địa phương (gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân). Theo đó, ngày 28/9/2022, Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành quyết định giao biên chế năm 2022 cho từng địa phương (trong đó có biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước). Do đó, đề nghị địa phương thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Chính trị và quyết định của Ban Tổ chức Trung ương nêu trên.

10. Nhóm kiến nghị phản ánh việc tinh giản biên chế ở một số nơi vẫn còn mang tính cơ học, cào bằng, chưa thực sự gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm (Đài Tiếng nói Việt Nam; các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bắc Giang)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đến năm 2021 biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước đã giảm **10,01%**, biên chế viên chức đã giảm **11,67%** so với năm 2015, đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị. Trong đó, tổng số đối tượng được giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP) ở các Bộ, ngành, địa phương là **78.234** người (chiếm tỷ lệ **22,6%** so với số biên chế công chức, viên chức giảm giai đoạn 2015-2021).

Từ số liệu trên, có thể thấy việc tinh giản biên chế tuy đạt được chỉ tiêu về số lượng giảm nhưng còn mang tính cơ học, chưa thực sự gắn với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, có thể chỉ ra một số nguyên nhân nhưng nguyên nhân chủ yếu là việc triển khai xác

³⁷ Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

³⁸ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026.

định vị trí việc làm trong các cơ quan tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thời gian qua chưa đồng bộ, do thiếu các quy định hướng dẫn về cơ cấu công chức theo ngạch và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp phù hợp với vị trí việc làm.

Giải pháp trong thời gian tới

Một là, tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống thể chế liên quan đến quản lý biên chế, tinh giản biên chế: Thực hiện Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW; Kết luận số 40-KL/TW và Quy định số 70-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Bộ Nội vụ đang phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực khẩn trương hoàn thành việc hướng dẫn các nội dung về vị trí việc làm và hướng dẫn định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực (Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoàn thiện **13** dự thảo Thông tư về vị trí việc làm công chức; **18** dự thảo Thông tư về vị trí việc làm viên chức).

Hai là, trên cơ sở Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành: Các địa phương, đơn vị trực thuộc bộ, ngành tập trung hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần các Nghị quyết Trung ương 6, Trung ương 7 khóa XII để làm cơ sở thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm bảo đảm tính thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, vị trí việc làm được xác định phù hợp với chức danh, chức vụ và chức năng, nhiệm vụ do cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm, chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, tính chất, đặc điểm, yêu cầu, quản lý dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực.

Ba là, Đồng thời, tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; đổi mới việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức (đổi mới về các tiêu chí đánh giá, trình tự, thủ tục đánh giá,...); triển khai đồng bộ ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, chính quyền số, cải cách thủ tục hành chính, lề lối làm việc,.. qua đó nâng cao năng suất lao động ở khu vực công (đây là những giải pháp trọng tâm để thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức).

11. Nhóm kiến nghị về việc Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành các quyết định giao biên chế cho các địa phương giai đoạn 2022-2026 và năm 2022, trong đó biên chế công chức và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN khỏi chính quyền địa phương, nhưng biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN năm 2022 không thống nhất với số Bộ Nội vụ đã thẩm định và Hội đồng nhân dân đã phê duyệt (các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Dương, Khánh Hòa, Nam Định)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

1. Về biên chế năm 2022

Trước khi có Quy định số 70-QĐ/TW của Bộ Chính trị về quản lý biên chế hệ thống chính trị, hàng năm, theo thẩm quyền quy định của Luật Tổ chức chính

phủ, Luật Cán bộ, công chức, Thủ tướng Chính phủ quyết định giao biên chế công chức hàng năm. Bộ Nội vụ thẩm định biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước thời điểm tháng 10 năm trước liền kề để các địa phương chủ động thông qua HĐND giao biên chế năm sau. Theo đó, năm 2022 Bộ Nội vụ đã thẩm định, giao biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2022 giảm 2,11% so với năm 2021, biên chế công chức Thủ tướng giao giữ nguyên như năm 2021.

Khi thực hiện Quy định số 70-QĐ/TW, Ban Tổ chức Trung ương được giao cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương quản lý biên chế và trực tiếp quản lý biên chế cơ quan Đảng, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc; theo đó ngày 28/9/2022 Ban Tổ chức Trung ương đã có quyết định giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp đối với từng địa phương năm 2022: Bằng số biên chế tại thời điểm 30/6/2021 (số biên chế làm căn cứ tính giảm đến năm 2026). Riêng đối với biên chế công chức của 03 thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đã bổ sung biên chế công chức phường để thực hiện chính quyền đô thị.

Như vậy, biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN năm 2022 của các địa phương theo quyết định của Ban Tổ chức Trung ương có sự chênh lệch với số Bộ Nội vụ thẩm định và Hội đồng nhân dân các tỉnh đã phê duyệt. Bộ Nội vụ sẽ báo cáo Ban Tổ chức Trung ương và cấp có thẩm quyền; riêng năm 2022 đã giao từ 2021 thì giữ nguyên như Bộ Nội vụ đã thẩm định. Tuy nhiên, để bảo đảm thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng tại Quy định số 70-QĐ/TW và Quyết định số 72-QĐ/TW của Bộ Chính trị, đề nghị các địa phương trình Hội đồng nhân dân phê duyệt biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN năm 2022 theo quyết định của Ban Tổ chức Trung ương.

2. Về biên chế năm 2023 và các năm tiếp theo

Khi chưa sửa đổi, bổ sung các Luật có liên quan; căn cứ quyết định của Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương đã quyết định giao biên chế CCVC cho cả giai đoạn 2022- 2026 để các địa phương chủ động giảm 5% biên chế công chức; 10% biên chế hưởng lương từ NSNN; cùng quyết định của Ban Tổ chức TW, Bộ Nội vụ vẫn tiếp tục tham mưu Chính phủ quyết định giao biên chế CC và biên chế VC thống nhất với số lượng mà Ban TCTW giao để làm cơ sở cho UBND các tỉnh trình HĐND thông qua giao biên chế hàng năm.

II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1. Nhóm kiến nghị về chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bằng đến công tác tại vùng khó khăn để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số (các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Hà Giang, Lai Châu)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Theo phân công của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành nhiều chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bằng đến công tác tại vùng khó khăn để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số, cụ thể:

- Về chính sách tuyển dụng: Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức đã quy định các nội dung mang tính đặc thù, ưu tiên về tuyển dụng người DTTS, vùng DTTS (Công chức, viên chức được tuyển dụng làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trong thời gian tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của ngạch tuyển dụng tương ứng với trình độ đào tạo; Người DTTS được ưu tiên cộng 5 điểm vào kết quả thi tại vòng 2 tại kỳ thi tuyển dụng công chức, viên chức; Viên chức được tuyển dụng làm viên chức làm việc tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn)

- Về chính sách tiền lương: Ngoài chế độ tiền lương chung theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức còn được hưởng phụ cấp đặc biệt, phụ cấp thu hút và phụ cấp khu vực và chính sách công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (quy định tại: Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc).

Thời gian tới, khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục rà soát để hoàn chỉnh chính sách về tiền lương, phụ cấp để khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đến công tác ở vùng dân tộc thiểu số cho phù hợp.

2. Nhóm kiến nghị về giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian tới (các Bộ: Ngoại giao, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; các thành phố: Hà Nội, Cần Thơ; các tỉnh Khánh Hòa, Thanh Hóa, Quảng Ngãi)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Cải cách công vụ, công chức là chủ trương lớn của Đảng được thực hiện xuyên suốt trong các nhiệm kỳ từ Trung ương đến địa phương. Để xây dựng một nền công vụ chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ người dân, doanh nghiệp thì nâng cao chất lượng đội ngũ thực thi công vụ là vấn đề then chốt. Tính đến hết tháng 12/2021, tổng số công chức, viên chức của các bộ, ngành và địa phương từ cấp huyện trở lên là **247.722** công chức và **1.789.585** viên chức (chưa kể Bộ Công an và Bộ Quốc phòng); tổng số cán bộ, công chức cấp xã là **216.606** người. Trình độ, kiến thức và năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ các cấp, cơ bản bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Chất lượng đội ngũ ngày càng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thời gian qua, với chức năng, nhiệm vụ của mình, Bộ Nội vụ đã tham mưu nhiều văn bản quy phạm pháp luật về tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bổ nhiệm bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị.

Tuy nhiên, cần nhìn nhận một cách thẳng thắn thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức ở nước ta là đông nhưng chưa mạnh; năng lực chưa đồng đều, có mặt

còn hạn chế, chưa ngang tầm với nhiệm vụ được giao và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.

Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục triển khai một số giải pháp sau:

Một là, tập trung hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút nhân tài vào phục vụ trong nền công vụ. Đối với công tác tuyển dụng cần chú trọng khâu kiểm định chất lượng đầu vào công chức, bảo đảm chất lượng đội ngũ ngay từ khi tuyển dụng.

Hai là, hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm; đổi mới công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đội ngũ thông qua sản phẩm cụ thể; tạo cơ chế cạnh tranh theo vị trí việc làm theo hướng có vào có ra để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tiến tới bỏ chế độ biên chế suốt đời.

Ba là, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng theo hướng cải cách hành chính, rút ngắn tối đa chương trình, bảo đảm không trùng lặp về nội dung, gắn với yêu cầu của vị trí việc làm và xuất phát từ nhu cầu của đội ngũ cán bộ, công chức.

Bốn là, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền để tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho Bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền.

Năm là, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính và kiểm soát quyền lực, xử lý nghiêm minh, kịp thời và kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy nhà nước cán bộ, công chức, viên chức có sai phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ.

3. Nhóm kiến nghị về định hướng đổi mới công tác quản lý đội ngũ để bảo đảm chủ trương liên thông trong công tác cán bộ (không phân biệt giữa cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ, công chức cấp huyện trở lên) (các tỉnh Tiền Giang, Long An, Cao Bằng, Thái Nguyên)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

1. Hiện nay, Việt Nam đang áp dụng 2 chế độ công vụ: chế độ công vụ từ cấp huyện trở lên và chế độ công vụ cấp xã.

- Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được điều chỉnh tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; cán bộ, công chức cấp huyện trở lên được điều chỉnh tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP. Mặc dù được điều chỉnh ở các Nghị định riêng nhưng về cơ bản, các quy định về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức cấp xã tương tự như đối với công chức cấp huyện trở lên.

- Đối với đội ngũ cán bộ cấp xã, tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ đào tạo được thực hiện theo Quyết định 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ, quy định cụ thể của các tổ chức chính trị - xã hội và theo quy định của cấp có thẩm quyền ban hành vào trước khi bầu cử nhiệm kỳ phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn. Nhìn chung, các quy định hiện hành cơ bản bảo đảm thuận lợi trong việc điều động, luân chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công

chức cấp huyện trở lên mà không phải thực hiện thi tuyển, đáp ứng yêu cầu sắp xếp, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống.

- Sự khác biệt cơ bản giữa công chức cấp xã và công chức cấp huyện trở lên hiện nay là: Công chức cấp huyện trở lên được bổ nhiệm vào ngạch; cán bộ, công chức cấp xã được bổ nhiệm vào các chức vụ, chức danh theo vị trí việc làm.

2. Thể chế hóa Nghị quyết số 26-NQ/TW BCH Trung ương XII, Bộ Nội vụ đang tập trung xây dựng Đề án liên thông cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh theo hướng:

Một là, cần rà soát tổng thể các quy định để bảo đảm tính thống nhất về chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, điều kiện, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức trong toàn hệ thống chính trị.

Hai là, với số lượng đội ngũ tương đối lớn (**216.606** cán bộ, công chức cấp xã so với **247.722 công chức** cấp huyện trở lên) cần đánh giá tác động cụ thể, toàn diện, đồng bộ nhất là tiêu chuẩn, trình độ đào tạo và chính trị để bảo đảm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới.

Ba là, trong thời gian chưa sửa đổi các quy định của Luật cần rà soát các quy định để bảo đảm việc liên thông trong công tác cán bộ giữa các cấp chính quyền, bảo đảm đơn giản hóa trình tự, thủ tục tiếp nhận đối với công chức cấp xã.

Bốn là, căn cứ vào kết quả của Đề án liên thông cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh và quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Nội vụ sẽ báo cáo Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi nội dung có liên quan tại Luật Cán bộ, công chức trong năm 2025.

4. Nhóm kiến nghị đề nghị cấp có thẩm quyền sớm ban hành Văn bản quy phạm pháp luật để thể chế hóa Kết luận số 14-KL/TW của Bộ Chính trị về chủ trương “khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung” (các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Lào Cai, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Bình Định, Bình Dương, Bến Tre, Đồng Tháp)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Việc thể chế hóa chủ trương của Bộ Chính trị về “Khuyến khích bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung” là rất cần thiết và phù hợp với thực tiễn hiện nay.

Để triển khai chủ trương này, Bộ Nội vụ đang tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những việc chủ yếu sau:

Một là, sớm ban hành Nghị định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung;

Hai là, rà soát hệ thống thể chế chính sách, báo cáo Quốc hội sửa đổi, bổ sung các bộ Luật liên quan để phát triển kinh tế - xã hội; Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định bảo đảm tháo gỡ nút thắt, chông chéo, mâu thuẫn, không đồng bộ để tạo hành lang pháp lý và phân cấp phân quyền cho cán bộ thực hiện. Theo đó Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương

bổ sung, hoàn thiện các quy chế làm việc, quy chế dân chủ, quy chế thi đua, khen thưởng... tạo cơ sở, công cụ để khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung;

Ba là, người đứng đầu mỗi cơ quan, đơn vị phải thực sự tiêu biểu về tính năng động, sáng tạo vì lợi ích chung. Xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, chuyên nghiệp, tin tưởng lẫn nhau và khơi dậy mạnh mẽ ý thức trách nhiệm, khát vọng cống hiến, tinh thần đổi mới, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân;

Bốn là, đổi mới công tác thi đua khen thưởng: nhân rộng điển hình tiên tiến về tập thể, cá nhân trong đổi mới, sáng tạo

5. Nhóm kiến nghị về vấn đề thu hút, trọng dụng nhân tài theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (*Bộ Ngoại giao; các tỉnh, thành phố: Quảng Ngãi, Quảng Nam, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh*)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Trọng dụng và đãi ngộ nhân tài là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta từ xưa đến nay. Trải qua quá trình lịch sử, truyền thống này tiếp tục được Đảng ta kế thừa, phát huy và thể hiện nhất quán trong các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng qua các kỳ đại hội và đặc biệt nhấn mạnh tại Nghị quyết Đại hội XIII. Chủ trương này đã từng bước được thể chế hóa trong Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ (thể chế hóa kết luận 86 của Bộ Chính trị về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ).

Thực tiễn hiện nay, nhiều địa phương theo thẩm quyền đã chủ động xây dựng chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng để triển khai thực hiện tại địa phương (tiêu biểu như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vĩnh Phúc...). Tính đến tháng 6/2021, cả nước đã tuyển dụng được 2.891 công chức, viên chức là sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ vào làm việc. Riêng việc thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP tính từ năm 2018 đến tháng 7/2022, cả nước mới tuyển dụng được 258 sinh viên xuất sắc, các nhà khoa học trẻ. Theo mục tiêu Kết luận 86 của BCT (từ 2015-2020) cần tuyển 1000 sinh viên tốt nghiệp xuất sắc và nhà khoa học trẻ.

Tuy đã đạt được một số kết quả nhất định như trên nhưng do vẫn chưa có cơ chế, chính sách đột phá về vấn đề này nên hiệu quả còn hạn chế so với mục tiêu đề ra, cần có giải pháp đồng bộ, quyết liệt để đẩy mạnh thực hiện. Do vậy, thời gian tới Bộ Nội vụ sẽ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Chính phủ thực hiện các nội dung sau:

Một là, Chính phủ xem xét, ban hành “Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài”, theo đó xác lập, định hướng khuôn khổ chính sách, pháp luật về phát hiện, bồi dưỡng đãi ngộ, trọng dụng nhân tài tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ để thực hiện hiệu quả.

Hai là, Làm rõ tiêu chí nhận diện nhân tài: phù hợp đặc thù ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn chức danh chuyên gia cao cấp từng ngành, lĩnh vực mũi nhọn. Xác định rõ mục tiêu của tiêu chí hướng tới trong dài hạn để xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt đủ sức hấp dẫn để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực có tài năng cho nền công vụ và nguồn lực chất lượng cao cho xã hội; căn cứ từng giai đoạn có chính sách cụ thể để thu hút nhân tài vào làm việc, cần khuyến khích tạo đột phá trong quản lý kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương.

Ba là, Làm rõ trách nhiệm cùng thẩm quyền cấp ủy, chính quyền, cơ quan, tổ chức và trách nhiệm người đứng đầu trong phát hiện, đào tạo, thu hút và trọng dụng nhân tài.

Bốn là, Xây dựng môi trường chính trị - văn hóa tốt để nhân tài được phát huy, có cơ chế tôn vinh nhân tài Việt nam. Đánh giá, khuyến khích nhân rộng các mô hình hay về thu hút, trọng dụng nhân tài; thiết lập mạng lưới nhân tài Việt Nam toàn cầu; mạng lưới chuyên gia, nhà Khoa học Việt Nam toàn cầu...

6. Nhóm kiến nghị về giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm (Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam, Bộ Ngoại giao; các tỉnh Thanh Hoá, Quảng Ngãi)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là khâu có ý nghĩa rất quan trọng đối với tất cả các khâu của công tác cán bộ. Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ phân cấp các Bộ, ngành, địa phương thực hiện đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức. Trong giai đoạn 2016 - 2021, tính chung cả nước đã tiến hành đào tạo, bồi dưỡng cho hơn **3.230.000** lượt cán bộ, công chức, viên chức. Tính đến năm 2021, đã có trên **90%** cán bộ, công chức (ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện) đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định; theo báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương tính trung bình trên cả nước, hàng năm có gần **90%** cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật; gần **80%** được bồi dưỡng về đạo đức công vụ, cập nhật kiến thức, kỹ năng trong thực thi công vụ.

Đối với cán bộ, công chức cấp xã: Hàng năm, ít nhất có khoảng **72%** cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, đạo đức công vụ; **37%** đội ngũ viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; gần **50%** số viên chức giữ chức vụ quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm; hàng năm có khoảng hơn **70%** viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.

2. Đánh giá chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được coi trọng và thực hiện ngày một hiệu quả hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và được đổi mới theo hướng đào tạo, bồi dưỡng theo nhu cầu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, thời gian tới Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương: (1) tiếp tục rà soát văn bản, chứng chỉ, cắt giảm tối đa các chương trình không cần

thiết, không thực chất, không gắn chặt chẽ với tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu của vị trí việc làm; (2) tham mưu cho Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ, thẩm quyền trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng theo yêu cầu của vị trí việc làm; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh; rà soát để bảo đảm các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thiết thực, chất lượng, hiệu quả; (3) đề nghị các Bộ, ngành, địa phương chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên; đổi mới phương pháp, kỹ năng đào tạo, bồi dưỡng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các tiến bộ khoa học công nghệ vào hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; (4) tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; phối hợp tổ chức các khoá bồi dưỡng tại nước ngoài cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng. Hiện nay, theo thẩm quyền, Bộ Nội vụ đã triển khai chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo trẻ, lãnh đạo nữ cho chính quyền địa phương tại Nhật Bản và Pháp, trong đó có đối tượng là nữ Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, nữ Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp tỉnh.

7. Nhóm kiến nghị phản ánh thực trạng tuy Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ thực hiện quyết liệt chủ trương cắt giảm chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn có một số bộ chưa sửa đổi quy định gây khó khăn cho địa phương trong quá trình thực hiện (tỉnh Long An)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Năm 2021, Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, Nghị định đã bỏ yêu cầu bắt buộc về chứng chỉ đào tạo tin học, ngoại ngữ trong tuyển dụng và thi nâng ngạch, thăng hạng; cắt giảm **150** chứng chỉ (**61/64** chứng chỉ bồi dưỡng ngạch công chức và **89/145** chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp viên chức). Hiện nay, qua theo dõi, tổng hợp đã có **12** thông tư của các bộ, ngành (**04** thông tư quy định về tiêu chuẩn ngạch công chức và **08** thông tư về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức được sửa đổi, bổ sung). Tuy nhiên, còn một số bộ vẫn chưa xây dựng thông tư hướng dẫn thực hiện.

Để tiếp tục triển khai quyết liệt, có hiệu quả quy định của pháp luật về nội dung này, trong thời gian tới Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau: (1) Đôn đốc, phối hợp chặt chẽ với các Bộ quản lý chuyên ngành khẩn trương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; đồng thời tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tiến độ thực hiện của các bộ; (2) tiếp tục tham mưu, sửa đổi các quy định hiện hành theo hướng cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính trong tuyển dụng, nâng ngạch. Không thực hiện quy định thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức mà chỉ giữ quy định về xét thăng hạng, tiến tới nghiên cứu bỏ quy định hạng chức danh nghề nghiệp đồng bộ với đổi mới cơ chế tiền lương theo vị trí việc làm; (3) tham mưu Chính phủ có văn bản hướng dẫn các địa phương thống nhất thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về việc cắt giảm quy

định về chứng chỉ tin học, ngoại ngữ trong thời gian các bộ, ngành chưa sửa đổi thông tư.

8. Nhóm kiến nghị về cơ chế, chính sách để nâng cao tỷ lệ, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số bảo theo quy định tại Quyết định số 402/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (các tỉnh Lai châu, Đắk Nông, Kon Tum, Bắc Kạn)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm sâu sắc công tác dân tộc và cán bộ, công chức, viên chức người đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và luôn coi đây là một chủ trương, chính sách lớn, quan trọng. Qua kết quả tổng kết 03 năm thực hiện Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số”, cho thấy về cơ bản các địa phương đã đạt được mục tiêu tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS theo Quyết định số 402/QĐ-TTg. Qua tổng hợp, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS tính tại thời điểm đến 31/12/2021 chiếm **13%** tổng số cán bộ, công chức, viên chức (**284.848** người, trong đó công chức cấp huyện trở lên chiếm tỷ lệ **7,54%**; viên chức chiếm tỷ lệ **12,11%** và cán bộ, công chức cấp xã chiếm **22,83%**). Nhiều địa phương có tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS cao như Bắc Kạn **72,2%**, Cao Bằng **86,33%**, Hòa Bình **65,34%**, Tuyên Quang **44,2%**, Lạng Sơn **75,03%**, Sơn La **56%**, Thái Nguyên **27,98%**). Tuy nhiên, các cấp ủy, chính quyền địa phương cũng như bộ, ngành Trung ương cần quan tâm, chăm lo hơn nữa để nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người đồng bào DTTS vì tỷ lệ cán bộ là người DTTS ở các bộ, ngành Trung ương còn thấp.

Để từng bước nâng cao tỷ lệ, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức người DTTS, thời gian tới Bộ Nội vụ sẽ phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp: (1) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới, nhất là công tác tuyển dụng, quy hoạch, tạo nguồn cán bộ bảo đảm tỷ lệ hợp lý theo từng giai đoạn; (2) tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế về công tác dân tộc nói chung và công tác cán bộ người DTTS nói riêng; quy định cụ thể vị trí việc làm ở cơ quan, đơn vị vùng DTTS để xác định tỷ lệ cụ thể làm cơ sở tuyển dụng người DTTS khi có kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức; có cơ chế chính sách thích hợp để thu hút, trọng dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người DTTS cho phù hợp với từng vùng, từng địa phương; (3) tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách cử tuyển, gắn trách nhiệm của địa phương trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu chung của địa phương và sát với tình hình thực tiễn; (4) tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện chính sách về tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người DTTS. Chủ động tạo nguồn và đào tạo, bồi dưỡng đúng đối tượng để công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đạt hiệu quả cao.

9. Nhóm kiến nghị về tiến độ, lộ trình thực hiện quy định về thống nhất kiểm định chất lượng đầu vào theo quy định của Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung năm 2019 (các tỉnh Ninh Bình, Hà Nam, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Quảng Trị)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Nghị quyết số 26-NQ/TW đề ra chủ trương: “Thống nhất việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức để các địa phương, cơ quan, đơn vị lựa chọn, tuyển dụng theo yêu cầu, nhiệm vụ; đồng thời, nghiên cứu phân cấp kiểm định theo lĩnh vực đặc thù và theo vùng, khu vực”. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 đã thể chế hóa nội dung này và giao Chính phủ quy định chi tiết để tổ chức thực hiện.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện dự thảo Nghị định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức trình Chính phủ xem xét, quyết định. Trong đó, dự thảo Nghị định có quy định một số điểm đổi mới về phương thức tuyển dụng, cụ thể là: (1) Thống nhất kiểm định tập trung trên phạm vi toàn quốc nhằm bảo đảm mặt bằng chất lượng chung, rút ngắn trình tự, thủ tục cho các cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng và tiết kiệm chi phí cho ngân sách nhà nước; (2) việc tổ chức kiểm định sẽ được thực hiện định kỳ 2 lần/năm và theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức tuyển dụng, bảo đảm quyền lợi của thí sinh và bảo đảm sự chủ động của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng; (3) áp dụng công nghệ thông tin trong tuyển dụng, theo đó thí sinh có thể tham dự kiểm định ở bất cứ địa phương nào trong phạm vi cả nước mà không phải di chuyển đến một địa điểm cố định; (4) kết quả kiểm định được phân loại với tiêu chí cụ thể (từ 90% trở lên: xuất sắc; từ 80% đến dưới 90%: giỏi; từ 70% đến dưới 80%: khá; từ 50% đến dưới 70%: trung bình). Căn cứ vào kết quả phân loại, cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng có thể xác định nhu cầu tuyển dụng vào các vị trí việc làm ứng với trình độ của thí sinh; (5) không cấp chứng chỉ kiểm định cho từng thí sinh mà sẽ công khai kết quả kiểm định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ. Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng căn cứ vào kết quả này để xác định nhu cầu, đối tượng tuyển dụng sát với vị trí việc làm. Kết quả kiểm định có giá trị trong 24 tháng (tương tự như thời hạn của một số chứng chỉ quốc gia, quốc tế).

10. Nhóm kiến nghị về xây dựng và nâng cao chuẩn mực đạo đức công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Bộ Giáo dục và Đào tạo; các tỉnh Tiền Giang, Cà Mau, Đồng Nai)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

1. Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng công tác giáo dục, nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, coi đây là nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên theo tư tưởng và đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thể chế hóa

tại nhiều văn bản như Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật Phòng, chống tham nhũng; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản như Chỉ thị số 26/CT-TTg, Chỉ thị số 27/CT-TTg; Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ. Các Bộ, ngành, địa phương đã ban hành các quy định về chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử phù hợp với đặc điểm hoạt động của từng ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện các quy định, chuẩn mực về đạo đức, văn hóa công vụ ở một số nơi còn chưa đạt yêu cầu.

Để nâng cao chuẩn mực đạo đức, xây dựng đội ngũ trong sạch, vững mạnh, thời gian tới Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp: (1) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công vụ và các quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm thực hiện có kết quả các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; (2) nghiên cứu, xây dựng quy định về đạo đức công vụ trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để làm căn cứ triển khai thực hiện, đáp ứng yêu cầu siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước.

11. Nhóm kiến nghị về bảo đảm cơ cấu, tỷ lệ cán bộ nữ được bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý ở các cấp từ Trung ương đến địa phương thực tế chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra tại Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ (các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Vĩnh Phúc, Nghệ An, Long An, Khánh Hòa, Bình Dương, Trà Vinh)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Trong những nhiệm kỳ qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, chính sách nhằm chăm lo, tạo nguồn, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý. Tính đến hết năm 2021, tỷ lệ cán bộ nữ: (1) Tham gia cấp ủy, Ban Chấp hành Trung ương: **9,5%**, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: **16%**, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện: **17%**; (2) Nữ đại biểu Quốc hội: **30,26%**; nữ đại biểu HĐND tỉnh, huyện: **29%**; (3) Cơ quan nhà nước có từ **30%** lao động nữ trở lên có lãnh đạo chủ chốt là nữ: Bộ, ngành Trung ương: **47,06%**, tỉnh **50,85%**, huyện: **68,67%**; (4) Nữ Lãnh đạo UBND, HĐND cấp tỉnh: **37,7%**, cấp huyện: **31,7%**.

Tỷ lệ trên cơ bản tăng từ **2-3%** so với nhiệm kỳ trước, nhưng chưa đạt chỉ tiêu so với Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư; Nghị quyết số 28/NQ-CP của Chính phủ về chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và Quyết định số 2282/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đề ra, nhất là cơ quan nhà nước có 30% lao động nữ phải có lãnh đạo chủ chốt là nữ và có 60% cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

Để khắc phục tồn tại, hạn chế này, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

Một là, Phối hợp cơ quan chức năng của Đảng rà soát, điều chỉnh bổ sung thể chế chính sách, quy định cụ thể liên quan đến bình đẳng giới trên lĩnh vực chính trị nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý, chính sách nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước;

Hai là, cấp ủy, chính quyền các cấp cần quán triệt sâu sắc các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ nói chung và công tác cán bộ nữ nói riêng. Chỉ đạo, cụ thể hóa thành các quy định cụ thể tại cơ quan, đơn vị mình. Đặc biệt, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về công tác cán bộ nữ;

Ba là, cấp ủy, chính quyền các cấp cần chú trọng hơn nữa công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch nguồn cán bộ nữ làm công tác lãnh đạo, quản lý. Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia, luân chuyển vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, nhất là ở cấp cơ sở, qua đó đào tạo, bồi dưỡng nguồn nữ lãnh đạo kế cận, tránh sự thiếu hụt về số lượng cán bộ nữ nhằm phát triển đội ngũ cán bộ nữ tương xứng với vai trò to lớn của phụ nữ trong tổng thể chiến lược công tác cán bộ của Đảng;

Bốn là, làm tốt công tác phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp động viên, khích lệ, khen thưởng, biểu dương kịp thời những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác cán bộ nữ. Đồng thời, bản thân cán bộ, công chức, viên chức nữ không ngừng nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, rào cản về giới, tự tin, bản lĩnh, năng động, sáng tạo, ra sức rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành.

12. Nhóm kiến nghị về việc bố trí, sắp xếp công việc cho Đội viên Đề án 500 trí thức trẻ sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ (thời gian thực hiện thí điểm Đề án đã kết thúc) (các tỉnh Đắk Nông, Gia Lai, Lai Châu, Hà Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Yên Bái)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Triển khai thực hiện Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013-2020 được phê duyệt tại Quyết định số 1758/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1758/QĐ-TTg), Bộ Nội vụ đã phối hợp với 34 tỉnh thuộc phạm vi thực hiện Đề án để tổ chức tuyển chọn, bồi dưỡng và bố trí 500 trí thức trẻ về đảm nhận công việc của 05 chức danh công chức cấp xã tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trong thời gian 05 năm.

Tuy nhiên, sau khi hoàn thành nhiệm vụ và kết thúc Đề án vào năm 2020, các tỉnh gặp khó khăn khi thực hiện tuyển dụng, bố trí, sử dụng Đội viên Đề án. Cụ

thể: do quy định về chính sách tuyển dụng công chức, viên chức³⁹ thay đổi trong thời gian qua, do thiếu nguồn biên chế và vị trí việc làm (tại thời điểm kết thúc Đề án, nhiều tỉnh đang dôi dư số lượng lớn cán bộ, công chức⁴⁰ cần phải ưu tiên xây dựng phương án giải quyết do thực hiện chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật về tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức khi sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã⁴¹ nên không thể thực hiện tuyển dụng Đội viên ngay sau khi kết thúc Đề án). Tính đến ngày 30/8/2022, tổng số Đội viên có nhu cầu bố trí, sử dụng là **445** người. Trong đó, số Đội viên đã được bố trí, sắp xếp tuyển dụng đến nay là **114** người, đạt **25,6%**, số Đội viên đang chờ được bố trí, sắp xếp là **331**, chiếm **74,4%**.

Để giải quyết nguyện vọng của Đội viên và nhu cầu sử dụng trí thức trẻ của các địa phương phù hợp với thực tiễn hiện nay, tránh lãng phí nguồn lực, Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị quyết số 136/NQ-CP về giải pháp bố trí đối với Đội viên Đề án 500 trí thức trẻ ở 34 tỉnh thuộc phạm vi thực hiện Đề án giải quyết vướng mắc trong việc bố trí, sử dụng Đội viên sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Theo đó, UBND các tỉnh thuộc phạm vi thực hiện Đề án có trách nhiệm xây dựng phương án và thực hiện việc tuyển dụng, bố trí Đội viên Đề án 500 trí thức trẻ sau khi hoàn thành nhiệm vụ vào làm cán bộ, công chức cấp xã hoặc làm công chức,

³⁹ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức quy định về đối tượng xét tuyển công chức: "Việc tuyển dụng công chức thông qua hình thức xét tuyển do cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định và được thực hiện riêng đối với từng nhóm đối tượng sau đây: a) Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;...".

- Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý Viên chức.

- Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn quy định: Đối với các xã miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có thể thực hiện việc tuyển dụng thông qua xét tuyển.

- Điều 6 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

⁴⁰ Tỉnh Cao Bằng thực hiện sắp xếp, sáp nhập 06 huyện và 76 ĐVHC cấp xã, giảm 03 huyện, 38 xã, cán bộ, công chức cấp xã dôi dư khoảng 816 người; Tỉnh Lào Cai giảm 12 ĐVHC cấp xã, dôi dư khoảng 700 cán bộ, công chức; Tỉnh Lạng Sơn sắp xếp giảm 26 đơn vị hành chính cấp xã, dôi dư 483 người; Tỉnh Bắc Giang: Huyện Sơn Động (thuộc phạm vi thực hiện Đề án) giảm 06 xã, tổng dôi dư là 1.068 người; Tỉnh Hòa Bình giảm 01 đơn vị hành chính cấp huyện, 59 đơn vị hành chính cấp xã (xã có Đội viên Đề án cũng thực hiện sáp nhập), dôi dư cấp huyện 98 người, cấp xã 1.053 người; Tỉnh Hà Tĩnh: giảm 46 xã, dôi dư 406 người; Tỉnh Quảng Bình dôi dư 350 người; Tỉnh Quảng Trị dôi dư 315 người; Tỉnh Quảng Ngãi dôi dư 346 người;

⁴¹ Chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước:

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Bộ Chính trị về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã.

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nghị quyết số 653/2019/UBTHQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021.

viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý, hoàn thành trước ngày 31/12/2025.

Trong thời gian chờ địa phương thực hiện việc tuyển dụng, bố trí công tác, các Đội viên vẫn tiếp tục được ký hợp đồng lao động để làm việc tại xã nơi đang công tác và hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1758/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 68/2014/TT-BTC ngày 21/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án 500 trí thức trẻ.

13. Nhóm kiến nghị về phụ cấp và cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII (Bộ Ngoại giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo; các tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên, Thanh Hóa)

Ý kiến của Bộ Nội vụ

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, trong đó đã phân công nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng cụ thể các nội dung của chế độ tiền lương mới để thực hiện từ năm 2021 theo lộ trình ghi tại Nghị quyết số 27-NQ/TW. Tuy nhiên, do tác động bất lợi của nhiều yếu tố, đặc biệt là ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 nên Hội nghị Trung ương 13 khóa XII và Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII đã chỉ đạo lùi thời điểm thực hiện cải cách chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW vào thời điểm phù hợp.

Vừa qua, tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội Khóa XV, trên cơ sở chủ trương của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII và xem xét Tờ trình của Chính phủ, Quốc hội đã thông qua phương án điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng (tăng 20,8%) từ 01/7/2023; đồng thời điều chỉnh mức phụ cấp ưu đãi cho nhân viên y tế dự phòng và y tế cơ sở. Riêng đối với giáo viên (nhất là giáo viên mầm non) trên cơ sở ý kiến của cử tri và ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, Ban Cán sự đảng Chính phủ đã giao Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ nghiên cứu, sớm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quy định cho phù hợp.

Căn cứ diễn biến và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, nếu kinh tế đất nước ổn định, tăng trưởng đạt mục tiêu và không có những biến động lớn tác động đến nền kinh tế - xã hội; năm 2024, Bộ Nội vụ phối hợp các bộ trình cấp có thẩm quyền và Quốc hội xem xét việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương để bảo đảm đời sống người hưởng lương trong khu vực công.

III. LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

1. Nhóm kiến nghị phản ánh thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã là lực lượng sát dân, trực tiếp truyền tải và triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến Nhân dân. Tuy nhiên đến

nay, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã còn nhiều hạn chế, bất cập; trong khi khối lượng công việc thường xuyên phải giải quyết ở cấp xã ngày càng nhiều, phải kiêm nhiệm nhiều vị trí, chế độ, chính sách đãi ngộ như lương, phụ cấp còn thấp,... Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu cấp có thẩm quyền giải pháp để xử lý thực trạng nêu trên (*các tỉnh Khánh Hoà, Phú Yên, Quảng Ngãi, Lạng Sơn*)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Sau khi Luật Cán bộ, công chức được Quốc hội thông qua năm 2008 và có hiệu lực thi hành năm 2010 thì vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được xác định rõ hơn, đã khắc phục và giải quyết cơ bản những bất cập trong công tác quản lý và thực hiện chế độ, chính sách, đặc biệt là chính sách tiền lương và phụ cấp đối với cán bộ, công chức cấp xã; đã khuyến khích cán bộ, công chức tham gia học tập, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực. Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã làm việc chính quy, chuyên nghiệp, dần liên thông với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những vướng mắc, bất cập như: đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đông nhưng chưa mạnh; trình độ, năng lực ở nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công việc; một số văn bản quy định về cán bộ, công chức cấp xã không còn phù hợp với thực tế và xu thế phát triển của đất nước.

Để nâng cao chất lượng và trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, thời gian tới Bộ Nội vụ sẽ tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm:

Một là, nghiên cứu, rà soát đề xuất sửa đổi Luật Cán bộ, công chức một cách tổng thể trong đó có cán bộ, công chức cấp xã. Trước mắt, Bộ đã và đang tiếp thu ý kiến địa phương, đại biểu Quốc hội, cử tri tham mưu Chính phủ xem xét, thay thế Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố cho phù hợp với thực tiễn.

Hai là, nghiên cứu thực hiện liên thông giữa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh để thực hiện một nền hành chính và một chế độ công vụ thống nhất, thông suốt. Từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng, trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã, bảo đảm phục vụ Nhân dân tốt hơn;

Ba là, quan tâm đến việc nâng cao tiêu chuẩn cán bộ cấp xã và hướng dẫn các địa phương tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã bảo đảm chuyên nghiệp; nâng cao tinh thần trách nhiệm và phẩm chất đạo đức cán bộ, công chức ở cấp xã là công bộc của Nhân dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn. Đến năm 2030 có 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc theo Nghị quyết của Chính phủ;

Bốn là, đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; đổi mới phương pháp đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức cấp xã; siết chặt kỷ luật, kỷ cương gắn với thi đua, khen thưởng, ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nhóm kiến nghị kiến nghị Bộ Nội vụ tham mưu, ban hành quy phạm pháp luật vừa bảo đảm kiểm soát quyền lực, vừa bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị ở địa phương nơi bố trí chức danh kiêm nhiệm (Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND) (các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Ninh, Thái Nguyên)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Chủ trương bố trí Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND ở cấp huyện, cấp xã đã được Đảng ta đặt ra qua nhiều nhiệm kỳ. Nhất là Nghị quyết Trung ương 6 khóa X, Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII đã nêu rõ thực hiện chủ trương Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã ở những nơi có đủ điều kiện. Thực hiện chủ trương của Đảng, đến nay một số địa phương đã thực hiện mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã ở những nơi có đủ điều kiện. Kết quả đến năm 2021, cả nước có: **50** đồng chí Bí thư kiêm Chủ tịch UBND cấp huyện; **439** đồng chí Bí thư kiêm Chủ tịch UBND cấp xã. Qua quá trình triển khai, việc thực hiện mô hình này đã có những kết quả tích cực, góp phần đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, thuận tiện trong lãnh đạo, điều hành của UBND, giảm thời gian hội họp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thì mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND có thể sẽ dẫn đến quyền lực tập trung vào một người và gặp khó khăn nhất định trong công tác kiểm tra, giám sát, nhất là vai trò giám sát của HĐND cùng cấp.

Để bảo đảm hiệu quả, hiệu lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ kiêm nhiệm, vừa kiểm soát được quyền lực cán bộ, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo thực hiện đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, làm tốt công tác cán bộ, chọn được người vừa có phẩm chất, năng lực, uy tín nổi trội (cả hai mặt công tác Đảng và chính quyền phải đáp ứng yêu cầu công việc; phải năng động, sáng tạo; có khả năng chịu áp lực công việc cao, có khả năng quy tụ, phát huy tốt vai trò tập thể cấp ủy và chính quyền) để điều hành công việc thông suốt, hiệu quả;

Hai là, rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy và UBND cho phù hợp. Trong đó, cần làm rõ vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền theo mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND cùng cấp; đề cao vai trò, trách nhiệm và nêu gương người đứng đầu ở cấp nơi cán bộ đảm nhiệm;

Ba là, thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ, công chức, nhất là đối với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cùng cấp; xử lý nghiêm minh, kịp thời những sai phạm;

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước cấp trên; vai trò giám sát của HĐND cấp trên, HĐND cùng cấp; giám sát, phản biện xã

hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và đặc biệt là phát huy vai trò giám sát của Nhân dân.

3. Nhóm kiến nghị kiến nghị Bộ Nội vụ sớm tham mưu Chính phủ thay thế Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố để khắc phục những nội dung không còn phù hợp với thực tiễn (các tỉnh Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW⁴² của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 18-NQ/TW⁴³ của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP nhằm nâng cao chất lượng, năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Theo đó, đã quy định rõ trình tự, thủ tục thi tuyển, xét tuyển, điều động, đánh giá công chức cấp xã cơ bản tương đồng như đối với công chức từ cấp huyện trở lên để dần tiến tới nền công vụ liên thông, thống nhất từ Trung ương đến cấp xã; nâng chế độ lương, phụ cấp; ngân sách nhà nước khoán quỹ phụ cấp, giao thẩm quyền cho chính quyền cấp tỉnh quy định chức danh và bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Tuy nhiên, qua phản ánh của các địa phương, của cử tri, của đại biểu Quốc hội cho thấy nhiều quy định của Nghị định này không còn phù hợp với thực tiễn. Trước thực tế đó, Bộ Nội vụ đang tiến hành tổng hợp, nghiên cứu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và cử tri và dự kiến trong năm 2022, Bộ Nội vụ sẽ trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố cho phù hợp với thực tiễn (hiện nay hồ sơ dự thảo Nghị định đã gửi Bộ Tư pháp thẩm định). Đồng thời tham mưu Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương chú trọng một số nhiệm vụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã:

Một là, thực hiện liên thông cán bộ, công chức cấp xã với công chức từ cấp huyện, cấp tỉnh để tiến tới có một nền công vụ thống nhất, tiến bộ, công bằng và phát triển. Theo đó, tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã (đặc biệt là cán bộ cấp xã) đạt tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn; kỹ năng quản lý, điều hành; tinh thần, trách nhiệm phục vụ Nhân dân.

Hai là, điều chỉnh cách xác định số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính và có căn cứ thêm quy mô dân số phù hợp với địa bàn đô thị, nông thôn, hải đảo; đồng thời phân cấp cho chính quyền địa phương cấp tỉnh trong việc quyết định cụ thể số lượng cán bộ, công chức cấp xã phù hợp với điều

⁴² Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

⁴³ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

kiện và đặc thù của mỗi địa phương nhưng không được vượt quá tổng số cán bộ, công chức theo định mức; thực hiện khoán kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên cơ sở cân đối ngân sách của địa phương;

Ba là, khẩn trương ban hành và áp dụng theo vị trí việc làm để làm căn cứ cho việc bầu các chức danh cán bộ và tuyển dụng đối với từng chức danh công chức nhằm chuẩn hóa tiêu chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã; chú trọng công tác tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; nâng cao tinh thần trách nhiệm và phẩm chất đạo đức cán bộ, công chức ở cấp xã thực sự là công bộc của Nhân dân.

4. Nhóm kiến nghị về việc quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính (ĐVHC) dẫn đến sự bất hợp lý giữa đơn vị cấp xã có đông dân cư với đơn vị cấp xã có ít dân cư; đồng thời không khuyến khích các địa phương tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã. Vì thực tế ĐVHC cấp xã có dân số đông hay các ĐVHC cấp xã hình thành mới sau khi sáp nhập cũng bố trí không quá 23 cán bộ, công chức (các tỉnh Đồng Nai, Điện Biên, Bạc Liêu, Bình Dương, Bắc Ninh)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Quán triệt Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong đó có nhiệm vụ liên quan hệ thống chính trị cấp xã, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ Nghị định 34/2019/NĐ-CP quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính: Loại 1: tối đa 23 người, loại 2: 21 người, loại 3: 19 người, nay tiếp tục giảm 01 biên chế do bố trí công an chính quy về xã. Có thể nói các địa phương thực hiện rất nghiêm túc số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo phân loại ĐVHC. Tính đến 31/12/2021, cả nước có **212.606** cán bộ, công chức cấp xã (bình quân **20,6** người/xã), giảm **9%** so với năm 2012. Về cơ bản cán bộ, công chức cấp xã đã tinh gọn và đa số cấp xã đã rất nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, Bộ Nội vụ ghi nhận thực tiễn còn bất cập do ĐVHC cấp xã ở nước ta có sự chênh lệch lớn về quy mô dân số⁴⁴. Vì vậy, đối với ĐVHC cấp xã có quy mô dân số lớn, áp lực công việc rất cao và nhiều khó khăn.

Thời gian qua, Bộ Nội vụ cũng nhận được nhiều ý kiến, kiến nghị của cử tri và các địa phương về vấn đề này. Theo đó, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, tổng hợp các ý kiến nêu trên để hoàn thiện, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo hướng: Trên cơ sở giữ nguyên quy định số cán bộ, công chức theo phân loại ĐVHC và căn cứ quy mô dân số theo tiêu chuẩn ĐVHC cấp

⁴⁴ Ví dụ: phường Long Bình thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có dân số cao trên **130.500** người, phường Sông Đà, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên có dân số thấp nhất là **1.008** người. Hay 1 xã của huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có dân số gần **130.000** người, có 01 xã của tỉnh Lạng Sơn có dân số **400** người.

xã được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15) của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề tăng thêm biên chế công chức. Đồng thời phân cấp cho địa phương trên cơ sở tổng số lượng cán bộ, công chức theo định mức Trung ương quy định để địa phương phân bổ số lượng cụ thể cho từng ĐVHC cấp xã cho sát với tình hình thực tiễn.

5. Nhóm kiến nghị phản ánh thực trạng Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định ở ĐVHC cấp xã có 11 chức vụ cán bộ và 06 chức danh công chức (không tính chức danh Trưởng công an xã đã chuyển sang lực lượng công an chính quy). Điều này dẫn tới tình trạng tại không ít ĐVHC cấp xã thì số lượng cán bộ nhiều hơn số lượng công chức. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu cho Chính phủ giải quyết vấn đề này (các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Tuyên Quang)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Quán triệt Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa II về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, năm 2019 Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức năm 2008, trong đó quy định cán bộ cấp xã có 11 chức vụ, gồm Lãnh đạo Đảng ủy, chính quyền, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và trưởng các đoàn thể và quy định công chức cấp xã có 06 chức danh; đồng thời giao Chính phủ quy định cụ thể số lượng cán bộ, công chức cấp xã.

Căn cứ quy định của Luật, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, trong đó quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo phân loại ĐVHC, cụ thể: Loại 1: tối đa 23 người; loại 2: 21 người; loại 3: 19 người. Như vậy, ngoài 11 chức vụ cán bộ cấp xã nêu trên thì số lượng công chức cấp xã còn lại từ 08 đến 12 người (theo phân loại xã). Theo đó có chức danh công chức cấp xã được bố trí nhiều hơn 01 người. Trường hợp cán bộ cấp xã kiêm nhiệm (như Bí thư đồng thời là Chủ tịch UBND cấp xã...), thì có điều kiện để bố trí số lượng công chức cấp xã nhiều hơn.

2. Việc quy định chức vụ cán bộ, chức danh công chức cấp xã và số lượng cán bộ, công chức cấp xã nêu trên cơ bản phù hợp với mô hình tổ chức hệ thống chính trị ở cơ sở (cấp xã). Tuy nhiên, đối với những ĐVHC cấp xã có dân số đông thì cũng có phát sinh những bất cập về số lượng công chức cấp xã. Để khắc phục những vướng mắc, bất cập này, Bộ Nội vụ đang tổng hợp ý kiến của Bộ, ngành, địa phương, cử tri và ý kiến đại biểu Quốc hội để trình Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung Nghị định 34/2019/NĐ-CP về số lượng cán bộ, công chức cấp xã cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Trong đó có đề xuất việc quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy mô dân số và thực hiện phân cấp cho chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định cụ thể số lượng cán bộ, công chức cấp xã của từng ĐVHC cấp xã trên địa bàn, bảo đảm tổng số cán bộ, chức cấp xã không vượt quá tổng số lượng theo quy định của Chính phủ đối với mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Nhóm kiến nghị kiến nghị xem xét, thay thế Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức ở xã, phường để khắc phục những hạn chế, bất cập sau gần 20 năm thực hiện nhằm nâng cao trình độ cán bộ cấp xã trong thời gian tới? (các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Tiền Giang)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

1. Trong những năm qua, hầu hết các địa phương đều quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã. Đến nay: có **82,3%** cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học. Đây là điều kiện quan trọng để tới đây Bộ Nội vụ đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xây dựng chung 1 chế độ công vụ (bảo đảm liên thông cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh).

Sau khi hoàn thiện danh mục vị trí việc làm của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, Bộ sẽ sớm thay thế quyết định số 04/2004/QĐ-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Đề nghị các địa phương

Trước mắt căn cứ quy định số 89-QĐ/TW của Trung ương quy định khung tiêu chuẩn chức danh, trong đó phân cấp cho địa phương quy định trình độ, tiêu chuẩn cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ các cấp quản lý sẽ quy định về trình độ và tiêu chuẩn đối với cán bộ thuộc quyền quản lý.

Cán bộ là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp xã và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội sẽ thực hiện theo Điều lệ nhưng cũng cần nâng chuẩn trình độ đại học để đáp ứng tiêu chuẩn chung khi thực hiện liên thông cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh.

7. Nhóm kiến nghị kiến nghị cấp có thẩm quyền có giải pháp để các địa phương sớm khắc phục những tồn tại khó khăn trong việc sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động và giải quyết dôi dư, trong việc xử lý tài sản, trụ sở và thực hiện các chính sách đặc thù do việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021 (các tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 là cuộc tổng rà soát, sắp xếp có quy mô lớn nhất từ trước đến nay nhằm thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và Quốc hội. Nhìn tổng thể: được đánh giá là thành công và đạt được nhiều mục tiêu, yêu cầu đặt ra tại các Nghị quyết.

Tuy nhiên, còn một số vướng mắc, tồn tại: (1) Việc sắp xếp cán bộ dôi dư còn khó khăn (cấp huyện còn **345/706 người = 48%**; cấp xã còn **3.048/9705 người = 31%**); (2) Nhiều trụ sở, tài sản công còn chưa xử lý xong gây lãng phí; (3) Không được hưởng chính sách đặc thù của xã khi sáp nhập với xã không có chính sách đặc thù.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, thời gian tới Bộ Nội vụ đã tham mưu cho Chính phủ Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Nghị quyết số 595/NQ-

UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã, trong đó xác định rõ nhiệm vụ Chính phủ tập trung chỉ đạo, giải quyết những tồn tại, vướng mắc phát sinh sau sắp xếp, theo đó, tiếp tục hoàn thiện các nhiệm vụ sau:

Một là, hướng dẫn các địa phương tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức còn dôi dư, bảo đảm đến năm 2025 hoàn thành theo tinh thần Nghị quyết 653/NQ-UBTVQH14;

Hai là, phối hợp Bộ Tài chính trên cơ sở 595/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thông tư số 56/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để hướng dẫn các địa phương rà soát trụ sở cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính đã sắp xếp có phương án cụ thể để sắp xếp, sử dụng hoặc thanh lý theo quy định hiện hành;

Ba là, phối hợp với các Bộ liên quan tham mưu Chính phủ: (1) Giải quyết chính sách đặc thù chuyên tiếp cho các xã và người dân đang được hưởng nay sắp xếp không được hưởng theo thời gian hợp lý để ổn định đời sống người dân, cán bộ, công chức, viên chức; (2) Bộ Nội vụ rà soát các chính sách liên quan tinh giản biên chế, chính sách cho nghỉ thôi việc theo nguyện vọng để bổ sung, hoàn thiện bảo đảm chính sách hợp lý sắp xếp cán bộ, công chức dôi dư.

8. Nhóm kiến nghị phản ánh khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền đô thị tại 03 thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh thì công chức phường thuộc biên chế của UBND quận, được xác định như công chức từ cấp quận trở lên. Tuy nhiên, cán bộ chuyên trách khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội thì vẫn thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP (cán bộ chuyên trách cấp xã). Điều này đã không bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, tác động đến tâm tư của đội ngũ cán bộ chuyên trách ở phường và gây khó khăn, bất cập trong hoạt động của hệ thống chính trị ở phường. Đề nghị Bộ Nội vụ có giải pháp khắc phục (các thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Sau hơn 01 năm triển khai thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại 03 thành phố đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Theo đó, tổ chức bộ máy chính quyền các cấp của các thành phố đã đi vào hoạt động ổn định, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên, bảo đảm quyết định kịp thời hơn những vấn đề cấp bách tại các thành phố. Đội ngũ công chức phường thuộc biên chế của UBND quận đã bảo đảm tính liên thông, thống nhất trong thực thi công vụ ở chính quyền đô thị, góp phần thực hiện hiệu quả, kịp thời các nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước ở phường, nhất là trong giai đoạn toàn xã hội phải đối phó với dịch bệnh Covid-19 vừa qua, mô hình chính quyền đô thị đã phát huy tác dụng trong việc thực hiện nhiều nhiệm vụ phòng chống dịch đột xuất, cấp bách.

Bên cạnh đó, cũng đã phát sinh một số bất cập cần tháo gỡ, trong đó có việc quản lý, sử dụng và chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở phường. Khi thực hiện mô hình chính quyền đô thị tại 03 thành phố thì việc quản lý, sử dụng và chế độ, chính sách

của đối tượng này (gồm cả Bí thư đảng ủy phường) vẫn tiếp tục thực hiện theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã. Điều này chưa đảm bảo liên thông cán bộ ở phường như công chức phường (đã thuộc biên chế công chức quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố), dẫn đến phát sinh vướng mắc trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở phường, nảy sinh tâm tư, so bì giữa cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường với công chức phường, gây khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và hoạt động của hệ thống chính trị tại phường.

Để giải quyết, tháo gỡ các bất cập của 03 thành phố trong quá trình thực hiện mô hình chính quyền đô thị, Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành tổ chức chính quyền đô thị tại 03 thành phố, trong đó có đề xuất nội dung về thực hiện liên thông cán bộ phường thuộc biên chế công chức quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố (như đối với công chức phường) và do UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố quản lý, sử dụng (tương tự như công chức phường) để đảm bảo thống nhất trong hệ thống chính trị ở phường. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ sẽ sớm trình Chính phủ dự thảo Nghị định nêu trên.

9. Nhóm kiến nghị phản ánh trong thời gian vừa qua, các địa phương đã có nhiều giải pháp để chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Nhiều địa phương quy định việc thi tuyển công chức cấp xã phải có trình độ đại học trở lên. Tuy nhiên, theo phản ánh của nhiều địa phương thì các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã còn chưa thống nhất (như Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định các chức danh công chức cấp xã nói chung phải có trình độ đại học trở lên, tuy nhiên Luật Hộ tịch, Luật Kế toán lại quy định chức danh công chức Tư pháp-hộ tịch, Tài chính- kế toán có trình độ từ trung cấp trở lên). Điều này dẫn đến nhiều khó khăn, vướng mắc khi áp dụng các quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến chất lượng đầu vào của công chức cấp xã. Đề nghị Bộ Nội vụ có giải pháp khắc phục (các tỉnh Yên Bái, Phú Thọ, Điện Biên, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Về vướng mắc khi áp dụng trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức cấp xã: Ngày 23/5/2022, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 04/2022/TT-BNV sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, trong đó quy định: “Trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Theo đó, đã cơ bản giải quyết được khó khăn, vướng mắc khi áp dụng quy định trình độ đối với tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã như ý kiến của đại biểu Quốc hội.

Tuy nhiên, để bảo đảm tính thống nhất của pháp luật, nâng cao chất lượng đầu vào của công chức cấp xã nhằm tiến tới liên thông giữa cán bộ, công chức cấp xã với công chức cấp huyện, cấp tỉnh thì yêu cầu đặt ra là phải có giải pháp để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, trong đó có tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương đề trình Chính phủ xem xét việc tiếp tục hoàn thiện thể chế về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, trong đó có việc đề xuất sửa đổi, bổ sung đồng bộ, thống nhất các quy định của các Luật, Nghị định, Thông tư liên quan đến tiêu chuẩn, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong tình hình mới.

10. Nhóm kiến nghị về những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và giải pháp khắc phục đối với hoạt động giám sát của HĐND thành phố đối với những nơi không tổ chức HĐND quận, phường tại thành phố Hà Nội thực hiện việc không tổ chức HĐND phường; tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng thực hiện việc không tổ chức HĐND quận, phường (các thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Theo đánh giá của các thành phố đang tổ chức mô hình chính quyền đô thị qua hơn 01 năm thực hiện cho thấy hoạt động giám sát của HĐND thành phố đối với UBND quận, phường nơi không tổ chức HĐND quận, phường được tăng cường hơn. Các thành phố đã tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện Đề án về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của HĐND thành phố trong điều kiện thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị, trong đó xác định Thường trực HĐND, các Ban thuộc HĐND thành phố tăng cường hoạt động giám sát chuyên đề tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND, Chủ tịch UBND quận, phường khi không tổ chức HĐND quận, phường; phát huy vai trò của Tổ đại biểu giám sát chính quyền tại đơn vị ứng cử. Trên cơ sở đó, HĐND thành phố đã xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát theo đúng quy định của pháp luật, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với đặc điểm của mô hình chính quyền đô thị.

Tuy nhiên, khi thực hiện mô hình chính quyền đô thị thì chức năng, nhiệm vụ của HĐND thành phố được tăng thêm, đối tượng giám sát của HĐND thành phố được mở rộng, trong khi đó dù số lượng đại biểu chuyên trách đã được tăng cường hơn nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn do khối lượng công việc tăng thêm, cơ cấu tổ chức của HĐND thành phố vẫn chưa có nhiều đổi mới khi ở quận, phường không còn HĐND nên đã phần nào ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của HĐND thành phố, cũng như việc tiếp nhận, xử lý các ý kiến của người dân đô thị.

Trong thời gian tới, để nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát và bảo đảm việc thực hiện kiến nghị sau giám sát của HĐND thành phố, khi tiến hành sơ kết các Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền tại 03 thành phố (quý IV/2023), Bộ Nội vụ sẽ tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành và

nhất là của 03 thành phố đề kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND thành phố đối với UBND quận, UBND phường; đồng thời, đề xuất nghiên cứu việc đổi mới cơ cấu tổ chức của HĐND thành phố, xem xét tăng số lượng đại biểu chuyên trách của HĐND thành phố là ủy viên chuyên trách của các Ban thuộc HĐND thành phố, đáp ứng yêu cầu số lượng nhiệm vụ tăng thêm của HĐND thành phố trong mô hình chính quyền đô thị.

11. Nhóm kiến nghị về giải pháp nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, sinh hoạt đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố? (các tỉnh: Yên Bái, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hà Nam)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Nhìn tổng thể: thể chế, chính sách, pháp luật về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đã từng bước được hoàn thiện, khắc phục và giải quyết cơ bản những bất cập trong công tác quản lý và thực hiện chế độ, chính sách, nhất là chính sách về tiền lương và phụ cấp; khuyến khích cán bộ, công chức cấp xã tham gia học tập, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả hơn. Tuy nhiên, trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, thu nhập và điều kiện làm việc của CBCCC xã nhất là người hoạt động không chuyên trách còn khó khăn, bất cập; đặt biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vừa qua đã có hiện tượng cán bộ, công chức, viên chức (trong đó có cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã) xin nghỉ việc do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ yếu là do mức lương và phụ cấp còn thấp, chưa bảo đảm được cuộc sống của bản thân và gia đình; môi trường, điều kiện làm việc chưa thật sự hấp dẫn và áp lực công việc nhiều.

Về giải pháp:

Một là, để giải quyết những bất cập nêu trên, đòi hỏi cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở phải chung tay đề ra các giải pháp đồng bộ. Với chức trách, nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ sẽ chủ động phối hợp với các bộ, ngành có liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền có các giải pháp như: Cải cách chính sách tiền lương (trong đó có cán bộ, công chức và điều chỉnh nâng mức phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã);

Hai là, xây dựng cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài vào làm việc trong khu vực công từ trung ương đến cơ sở; các địa phương có trách nhiệm quan tâm, cải thiện môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp; xây dựng cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tham gia học tập nâng cao trình độ, năng lực thực hiện, tôn vinh, nhân rộng điển hình những cá nhân xuất sắc, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm.

Ba là, xây dựng Đề án liên thông cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức cấp huyện trở lên trình cấp có thẩm quyền xem xét để làm căn cứ tiếp tục

hoàn thiện thể chế về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

IV. LĨNH VỰC HỘI, QUỸ VÀ TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ

1. Nhóm kiến nghị về đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu các cơ quan có thẩm quyền sớm ban hành Luật về hội và các văn bản có liên quan phù hợp với từng lĩnh vực hội hoạt động để địa phương có cơ sở thực hiện thống nhất (các tỉnh Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Đắk Nông)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

a) “Dự án Luật về hội đã được trình kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIII và kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIV, do đại biểu Quốc hội còn nhiều ý kiến khác nhau về một số vấn đề lớn, quan trọng nên Quốc hội chưa thông qua dự án Luật này.

Thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, do dự án Luật về hội có nội dung phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau nên Bộ Nội vụ cần tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng, toàn diện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để trình cấp có thẩm quyền cho chủ trương trước khi trình Quốc hội xem xét, quyết định”.

b) Về nội dung sớm ban hành các văn bản có liên quan phù hợp với từng lĩnh vực hội hoạt động

Theo khoản 2 Điều 24 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội thì hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước và pháp luật chuyên ngành về ngành, lĩnh vực đó.

Mặt khác, Bộ Nội vụ đang khẩn trương phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thể chế hóa các chủ trương của Đảng về hội, giải quyết những bất cập trong tổ chức, hoạt động và quản lý hội để phát huy vai trò của hội tham gia phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Nhóm kiến nghị về đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội phù hợp với Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng; Nghị quyết số 18-NQ/TW (các tỉnh Sơn La, Tiền Giang, Tây Ninh, Bạc Liêu, Lạng Sơn)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ đã và đang phối hợp với cơ quan liên quan xây dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội nhằm tiếp

tục bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và khắc phục một số vướng mắc, bất cập để tạo điều kiện cho các hội hoạt động hiệu quả trong tình hình mới góp phần tham gia phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hiện nay, dự thảo Nghị định đang được tổng hợp, tiếp thu ý kiến các cơ quan, tổ chức và công dân và hoàn thiện gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ xem xét, ban hành.

3. Nhóm kiến nghị về đề nghị hướng dẫn cụ thể về việc sắp xếp các tổ chức hội theo Thông báo kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới để thực hiện thống nhất trong cả nước (các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Quảng Ngãi, Long An)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

a) Thực hiện Thông báo số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng Đề án sắp xếp các tổ chức hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh theo hướng tinh gọn, phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bộ Nội vụ đã tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan tổ chức liên quan, trong đó có các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ để hoàn thiện dự thảo Đề án.

Tuy nhiên, do tính chất phức tạp của Đề án; ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức có liên quan; để ổn định tình hình hoạt động của hội; tránh xáo trộn, gây ảnh hưởng tư tưởng, tâm lý trong tổ chức hội, hội viên khi tình hình trong nước còn nhiều khó khăn do tác động của đại dịch Covid - 19, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ đã có Tờ trình số 13-TTr/BCSD ngày 22/11/2021 báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ và Tờ trình số 14-TTr/BCSD ngày 22/11/2021 báo cáo Thường trực Ban Bí thư và được Thường trực Ban Bí thư đồng ý tạm dừng xây dựng Đề án để chờ sau khi Ban Bí thư ban hành các quy chế, quy định về tổ chức, hoạt động của các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Tiếp theo, Ban Bí thư đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng “Đề án nghiên cứu chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ” và “Đề án Quy chế hoạt động của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (gọi tắt là Ban Chỉ đạo Đề án 103). Hiện nay, các thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ Biên tập đang tích cực hoàn thiện dự thảo Tờ trình, dự thảo Báo cáo Tổng kết và các dự thảo liên quan để trình Ban Bí thư 02 Đề án nêu trên.

b) Việc sắp xếp các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động tại phạm vi địa phương thuộc thẩm quyền của địa phương. Trường hợp sáp nhập, hợp nhất hội phải đảm bảo trên cơ sở đề nghị của ban lãnh đạo hội, được đại hội thông qua theo quy định pháp luật và Điều lệ hội.

4. Kiến nghị về đề nghị Chính phủ xem xét ban hành, sửa đổi các quy định của pháp luật có liên quan đến quỹ tài chính ngoài ngân sách và quỹ xã hội - từ thiện (theo Nghị định số 93/2019/NĐ-CP); phân tách hoặc định nghĩa rõ hơn đối với Quỹ tài chính ngoài ngân sách và Quỹ xã hội từ thiện (thành phố Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Giang)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

a) Quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo Điều 2, Điều 3 của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ là tổ chức phi chính phủ do cá nhân, tổ chức tự nguyện góp tài sản để thành lập nhằm hỗ trợ, khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, khoa học, công nghệ, cộng đồng và từ thiện, nhân đạo, không vì mục tiêu lợi nhuận và không được sử dụng ngân sách nhà nước để tham gia góp tài sản thành lập quỹ.

Qua 03 năm thực hiện Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành Sơ kết thực hiện Nghị định số 93/2019/NĐ-CP. Trường hợp phát sinh vướng mắc, Bộ Nội vụ phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 93/2019/NĐ-CP theo quy định và phù hợp với thực tiễn cuộc sống.

b) Theo khoản 19 Điều 2 của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan thì quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ tài chính của nhà nước thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật chuyên ngành.

Như vậy, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và quỹ từ thiện, quỹ xã hội được thành lập, tổ chức và hoạt động theo các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Ngoài ra, Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì xây dựng, tham mưu Chính phủ xem xét, sửa đổi Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan nên Bộ Nội vụ chuyển kiến nghị sang Bộ Tài chính xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

V. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

1. Nhóm kiến nghị về đề nghị sửa đổi quy định của Chính phủ về hỗ trợ cho hoạt động tôn giáo tại Việt Nam để phù hợp với thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước về tôn giáo hiện nay (các tỉnh Đắk Nông, Bắc Giang, Quảng Trị)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Đối với quy định về hỗ trợ cho hoạt động tôn giáo tại Việt Nam, Chính phủ đang giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham mưu xây dựng dự thảo Nghị định quy định việc hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo tại Việt Nam (thay thế Quyết định số 10/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

Ngày 20/6/2022, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 633/TTr-BTC trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân hoạt động tín ngưỡng hoạt động tôn giáo tại Việt Nam. Ngày 06/7/2022, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 2240/VPCP-NC thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Bình Minh về hồ sơ dự thảo Nghị định nêu trên. Hiện nay, Bộ Tài chính đang xin ý kiến bổ sung của một số ban, bộ, ngành liên quan về hồ sơ dự thảo Nghị định (*theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh tại Văn bản số 2240/VPCP-NC ngày 06/7/2022*) để hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ xem xét, ban hành.

2. Nhóm kiến nghị về đề nghị cấp có thẩm quyền sớm xem xét, sửa đổi, bổ sung một số điều trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo cho phù hợp với hoạt động của các tôn giáo; tham mưu Chính phủ sớm xem xét, ban hành Nghị định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định 162/2017/NĐ-CP để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong thực tiễn (*các tỉnh Đắk Nông, Hậu Giang, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Nghệ An, Hà Tĩnh*)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Thực hiện chủ trương xây dựng và từng bước hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, năm 2021, Bộ Nội vụ được giao chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện Kế hoạch sơ kết 3 năm triển khai thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (sau đây gọi tắt là Luật) và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 162/2017/NĐ-CP).

Việc sơ kết đã đánh giá khách quan, toàn diện kết quả đạt được qua thực tiễn thi hành, đồng thời phát hiện và làm rõ những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thi hành Luật và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP. Trên cơ sở đó, xét thấy việc sửa đổi, bổ sung Luật tín ngưỡng, tôn giáo phải đảm bảo đúng trình tự, thủ tục luật định theo chương trình xây dựng luật do Quốc hội quyết định trên cơ sở kết quả tổng kết thi hành luật nên Bộ Nội vụ đã đề xuất, kiến nghị và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương sửa đổi, bổ sung Nghị định số 162/2017/NĐ-CP nhằm từng bước hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Năm 2022, Chính phủ đã giao cho Bộ Nội vụ triển khai thực hiện các quy trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 162/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong thực tiễn.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (*thay thế Nghị định số*

162/2017/NĐ-CP) và dự thảo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

Tuy nhiên, do dự thảo Nghị định có nội dung phức tạp, nhạy cảm, còn nhiều ý kiến khác và các yếu tố khách quan tác động chưa thuận lợi, nên Bộ Nội vụ đã có Tờ trình xin phép lùi thời hạn trình Chính phủ xem xét Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo vào thời điểm thích hợp.

3. Nhóm kiến nghị về đề nghị tiếp tục mở lớp bồi dưỡng đối với cán bộ làm công tác tôn giáo các cấp, nhằm giúp địa phương cập nhật những thông tin mới để áp dụng giải quyết các vụ việc xảy ra trên địa bàn quản lý đạt hiệu quả tốt hơn (các tỉnh Hậu Giang, Quảng Trị, Nghệ An, Khánh Hòa)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Bộ Nội vụ đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 43/QĐ-TTg, ngày 11/01/2022 phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026”. Mục tiêu của Đề án là nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng và hiệu quả xử lý các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới, góp phần thực hiện thành công chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 43/QĐ-TTg, Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch số 1023/KH-BNV ngày 17/3/2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ đồng thời ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án. Trên cơ sở đó, Ban Tôn giáo Chính phủ xây dựng Kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo. Từ nguồn kinh phí được giao năm 2022, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức 06 lớp tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo tại Trung ương và địa phương. Ngày 22/7/2022, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 572/QĐ-BNV về việc ban hành Khung chương trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng về tín ngưỡng, tôn giáo.

Cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các địa phương cũng đã tham mưu với UBND tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về tôn giáo cho cán bộ làm công tác tôn giáo trong phạm vi của địa phương.

VI. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

1. Kiến nghị nghiên cứu, xây dựng phần mềm nhập dữ liệu khen thưởng dùng chung cho ngành thi đua, khen thưởng (trong đó có khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến) và chuyển giao cho các đơn vị, địa phương để cập nhật dữ liệu khen thưởng, tạo sự kết nối, thuận lợi cho các địa phương trong cả nước (thành phố Hải Phòng và các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Hiện nay, Bộ Nội vụ (Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương) đang triển khai đề án số hóa, trong đó có phần mềm dùng chung đối với công tác thi đua, khen thưởng. Sau khi hoàn thành sẽ được tích hợp để triển khai trong phạm vi toàn quốc.

2. Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định quy định về quản lý tổ chức xét tặng danh hiệu, giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp để các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có căn cứ tổ chức tôn vinh, biểu dương doanh nghiệp, doanh nhân nhân dịp kỷ niệm ngày Doanh nhân Việt Nam (13/10) (các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Thanh Hóa, Lào Cai)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Luật Thi đua, Khen thưởng đã được Quốc hội biểu quyết thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2022. Trong quá trình tham mưu xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022, Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) sẽ nghiên cứu nội dung kiến nghị của các địa phương (trong đó có kiến nghị của thành phố Hải Phòng và tỉnh Lào Cai) về việc tổ chức tôn vinh, biểu dương doanh nghiệp, doanh nhân cho phù hợp.

3. Nhóm kiến nghị về đề nghị Chính phủ xem xét, bổ sung thêm đối tượng không phải viết báo cáo thành tích khi trình đề nghị khen thưởng cấp nhà nước theo khoản 6 Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ để phù hợp với xu thế của cuộc cách mạng 4.0 và không ngừng đổi mới, cải cách thủ tục hành chính về thi đua, khen thưởng (các tỉnh Lào Cai, Hà Tĩnh)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Luật Thi đua, Khen thưởng đã được Quốc hội biểu quyết thông qua ngày 15/6/2022. Trong quá trình tham mưu xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022, Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) sẽ nghiên cứu nội dung kiến nghị của tỉnh Lào Cai để đổi mới, cải cách thủ tục hành chính về thi đua, khen thưởng.

4. Kiến nghị, đề xuất Chính phủ xem xét khen thưởng 02 huyện Phú Quý và Đức Linh (nhận thưởng công trình phúc lợi trị giá 20 tỷ đồng) để khích lệ, động viên địa phương có nhiều cố gắng đạt chuẩn nông thôn mới (tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa, Nam Định)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và là đầu mối phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thưởng công trình phúc lợi cho các tập thể có thành tích xuất sắc trong Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" theo Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 04/5/2021, Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản số 2491/BNN-VPĐP thông báo đến Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc hướng dẫn khen thưởng công trình phúc lợi theo Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ: "... Thực hiện Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 về giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020. Theo đó, đến năm 2020, vốn ngân sách Trung ương 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đã giao đủ 100% kế hoạch vốn ngân sách được Quốc hội phê duyệt cho các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương thực hiện theo quy định. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động cân đối từ ngân sách địa phương để bố trí kinh phí khen thưởng theo quy định tại Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ".

VII. LĨNH VỰC VĂN THƯ, LƯU TRỮ

1. Kiến nghị đề nghị phê duyệt và bố trí nguồn kinh phí để thực hiện dự 1. Kiến nghị Quốc hội sớm ban hành Luật sửa đổi Luật Lưu trữ năm 2011 và Chính phủ có văn bản hướng dẫn nghiệp vụ lưu trữ điện tử, tạo nền tảng pháp lý quan trọng, cơ bản, đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ trong bối cảnh Chính phủ điện tử nói chung và quản lý tài liệu điện tử nói riêng? (*Bảo hiểm xã hội Việt Nam, thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Quảng Trị, Hà Tĩnh*)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Năm 2021, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Lưu trữ (sửa đổi). Ngày 28 tháng 02 năm 2022, Chính phủ đã có Văn bản số 53/TTr-CP trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2022 trong đó dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi) được đưa vào chương trình cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023). Trong dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi), Bộ Nội vụ có đề xuất chính sách quy định về Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử, trong đó dự kiến quy định các nguyên tắc, yêu cầu, chức năng của Hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử đáp ứng các quy trình nghiệp vụ lưu trữ đối với tài liệu điện tử; việc quản lý tập trung, thống nhất dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử và điều kiện, trách nhiệm của doanh nghiệp khi tham gia các dịch vụ lưu trữ tài liệu điện tử và quy định về chứng thực tài liệu lưu trữ điện tử.

Hiện nay, các quy trình nghiệp vụ lưu trữ tài liệu điện tử được thực hiện theo quy định tại Chương 2 Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 03 tháng 1 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ.

2. Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn về việc xây dựng Kho lưu trữ số? (các tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Đà Nẵng)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Kho Lưu trữ số là một loại trung tâm dữ liệu chuyên biệt cho tài liệu lưu trữ số tuy nhiên, chưa có quy định riêng cho tiêu chuẩn Kho Lưu trữ số nên trong quá trình triển khai thực hiện đề nghị các cơ quan, tổ chức căn cứ quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu; TCVN 9250:2021 Trung tâm dữ liệu - yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông và các quy định khác của pháp luật về lưu trữ.

Tiêu chuẩn về Kho lưu trữ số sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Lưu trữ (sửa đổi) sau khi được Quốc hội thông qua.

3. Đề nghị các bộ, ngành ban hành quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên ngành làm cơ sở cho việc xác định giá trị khi lập hồ sơ và khi chỉnh lý tài liệu theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 01/2013/NĐ-CP? (Ủy ban Dân tộc, thành phố Hải Phòng và các tỉnh Hà Nam, Bình Định)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ quy định: “Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ”. Điểm đ khoản 1 Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác lập hồ sơ và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan, Lưu trữ lịch sử quy định: “Đến năm 2020 các bộ, ngành hoàn thành việc quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ”. Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các bộ ngành xây dựng thời hạn bảo quản theo đúng quy định tại Chỉ thị số 35/CT-TTg.

4. Đề nghị quy định chế độ phụ cấp ngành nghề đặc thù đối với công chức, viên chức làm công tác văn thư, lưu trữ theo Luật Lưu trữ? (thành phố Hải Phòng và các tỉnh Quảng Ninh, Kiên Giang)

Ý kiến của Bộ Nội vụ:

Tại Văn bản số 8476/VPCP-KTTH ngày 06/9/2022 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo: “Từ nay đến khi ban hành các văn bản quy định chế độ tiền lương mới để thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, không xem xét, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách tiền lương hiện hành”. Theo lộ trình nêu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII thì từ năm 2021 sẽ áp dụng chế độ tiền lương mới thống nhất đối

với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang trong toàn hệ thống chính trị. Tuy nhiên, do tác động của nhiều yếu tố bất lợi, đặc biệt là ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nên Hội nghị Trung ương 13 Khóa XII và Hội nghị Trung ương 4 Khóa XIII đã chỉ đạo lùi thời điểm thực hiện cải cách chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW vào thời điểm phù hợp.

Do vậy, hiện tại chưa xem xét, ban hành chế độ phụ cấp ngành nghề đặc thù đối với công chức, viên chức ngành lưu trữ. Bộ Nội vụ ghi nhận ý kiến của thành phố Hải Phòng để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền trong quá trình tham mưu ban hành các văn bản quy định chế độ tiền lương mới để thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW./.
